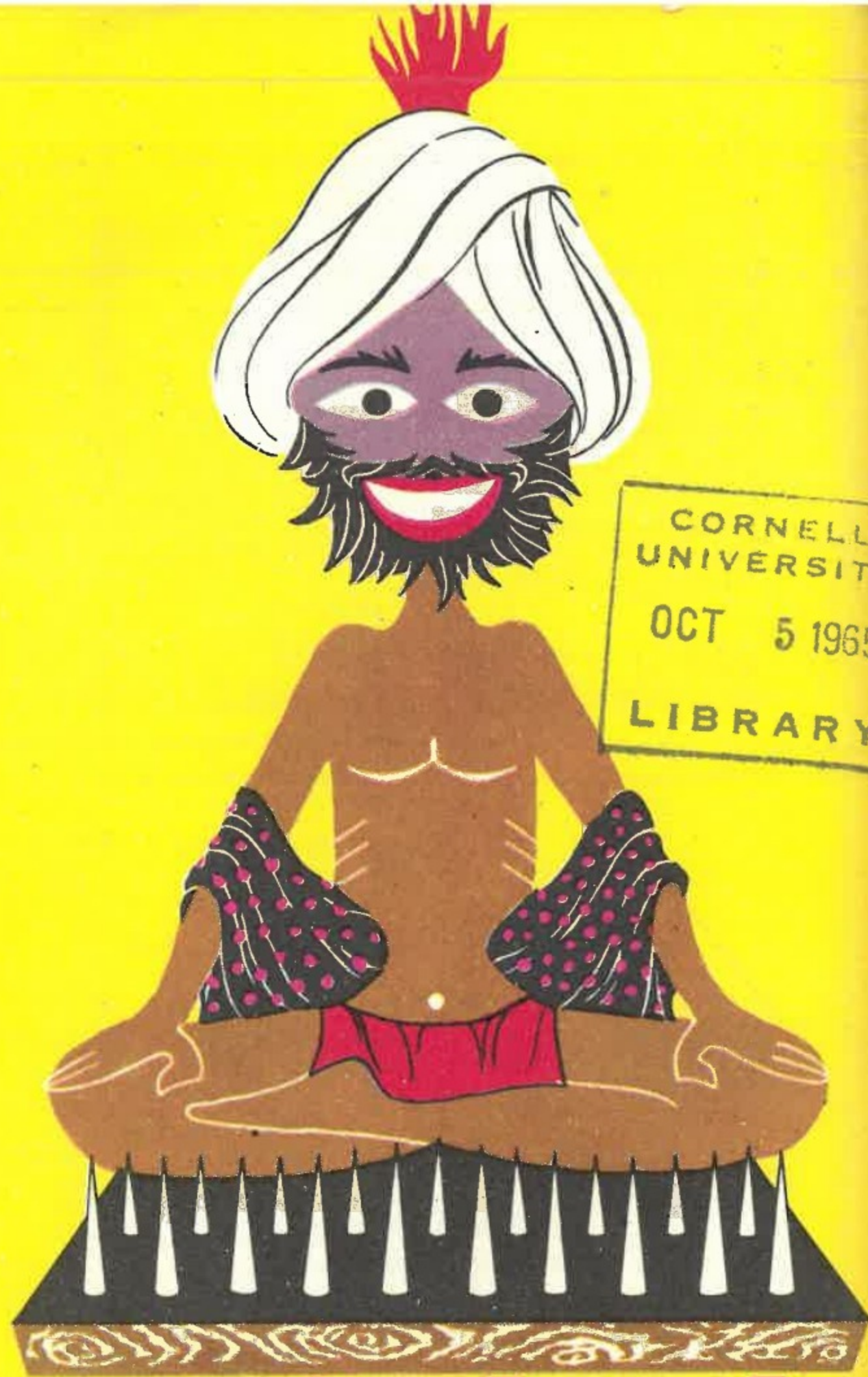




CORNELL
UNIVERSITY
OCT 5 1965
LIBRARY

midol

Thuốc viên bọc đường

TRỊ ĐAU NHỨC, CẢM CÚM, ĐAU LÚC KINH K

HÀNG SỐ 981 HUYỆN NGUYỄN

Ấn 100% OFFSET TRUNG

10\$00

PHỔ THÔNG xuân

ÁT TỶ 1965



TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA NGÀY 1 và 15

GIÁM-ĐỐC NGUYỄN-VỸ

42



Tạp-chí **PHỐ - THÔNG**

Thân-ái chúc toàn-thê Bạn Đọc,
ở trong Nước và Hải-Ngoại,
một năm Ất-Tỵ đầy hạnh-phúc

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VII ★ SỐ 142 ★ 15-1-1965

1.— Xuân nhật sầu ngâm	Nguyễn-Vũ	6
2.— Những ngày xuân đã mất hết ý nghĩa	Nguyễn-Vũ	7 — 9
3.— Nhạc xuân	Võ-Quang-Yến	10 — 17
4.— Những chuyện răn ở V.N.	Trần-Lê-Lang	18 — 25
5.— Cho lòng bớt lạnh (truyện ngắn)	Lâm-Vị-Thủy	26 — 30
6.— Mùa xuân chưa vẹn (TĐBN)	Thùy-Dương-Tử	31 — 32
7.— Mùa Tết lẫn mùa sương tuyết	Nguyễn-văn-Côn	33 — 38
8.— Mùa mùa xuân (thơ)	Hoàng-thị Bích-Ni	39
9.— Tình hình văn-ngệ V.N. năm 1964	Thầm-thệ-Hà	40 — 46
10.— Giang sơn người Rắn	Lưu-Bằng	47 — 53
11.— Xuân gác trọ (thơ)	Đinh-trâm-Ca	54
12.— Mây trên đỉnh núi cao (truyện ngắn)	Nhất-Tuấn	55 — 62
13.— Những chuyện tình: De Polignac	Nguyễn-Minh	63 — 70
14.— Trăng xuân lạnh (TĐBN)	Hỷ-Khương	71
15.— Nhân sinh quan của nhà nho VN	Phạm-văn-Son	72 — 80
16.— Chuyện ba người hành khất (truyện dịch)	Giang-Tân	81 — 86
17.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vũ	87 — 90
18.— Minh ơi! Sanh năm để bầy	Diệu-Huyền	91 — 101
19.— Mối hồng mùa xuân (thơ)	Giang-thê Linh-Phương	102
20.— Chuyện của Hoàng (truyện ngắn)	Nguyễn-thu-Minh	103 — 107

XUÂN ẤT-TY — 1965

21.— Người chiến quốc	Thiếu-Son	108 — 113
22.— Người đó ta đây (thơ)	Phong-Son	114 — 115
23.— Đêm dài 30 Tết (truyện ngắn)	Lan-Đình	116 — 123
24.— Những bí mật thế chiến	Thiếu-Son	124 — 130
25.— Xuân này còn lại (thơ)	Hoàng-ngọc-Liên	131
26.— Bạc mệnh khúc	Lý-văn-Hùng	132 — 140
27.— Mùa xuân oan cừu (truyện truyền kỳ)	Nguyễn-Hương	141 — 150
28.— Thần thoại Hy-Lạp	Đàm-quang-Thiện	151 — 154
29.— Xuân dơi (thơ)	Bùi-Thảo	155
30.— Kỷ niệm (tạp bút)	Minh-Đức	156 — 161
31.— Xuân này anh về đâu (TĐBN)	Đào-thành-Khiết	162
32.— Quê hương buồn (TĐBN)	Thanh-Nhung	163
33.— Nguyễn-chánh-Sắt	Việt-Long-Giang	164 — 169
34.— Màu tím ngày xưa (thơ)	Vũ-Linh	170
35.— Hòn xuân chinh chiến (TĐBN)	Thu-Nhi	171
36.— Một năm chinh quyền	Nguyễn-coo-Kỳ	172 — 181
37.— Báng khuâng (thơ)	Phượng-Duyên	182
38.— Người mất mùa xuân (truyện ngắn)	Tường-Linh	183 — 192
39.— Buồn xuân muốn thuở (thơ)	Ngọc-Hồ	193
40.— Freud	Thái-Dương	194 — 200
41.— Một truyện tình (truyện ngắn)	Hoàng-hải-Thủy	201 — 206
42.— Thần tài gõ cửa sau một năm Ty xui xẻo...	Tế-Xuyên	207 — 210
43.— Người tù 69	Nguyễn-Vũ	211 — 215
44.— Niềm hy vọng nhỏ	Trần-tuấn-Kiệt	216 — 219
45.— Thơ lên ruột	Tú-Be	220
46.— Những người con gái đang yêu	Hoàng-Thắng	221 — 229
47.— Xuân trọn vẹn (TĐBN)	Phượng-Đài	230
48.— Hạn cái ông Trời (thơ họa)	Lam-Đình	231
49.— Khuyển-Công-Phượng	Châm-Vũ	232 — 241
50.— Ngày về xứ Huế (thơ)	Lâm-vị-Thủy	242
51.— Đáp bạn bốn phương	P.T.	243 — 244
52.— Sách báo mới	P.T.	245



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

XUÂN KHÁT SÀU NGÀM

(LƯU-TY — 1965)

Tết-nhứt năm nay chán mở đời !
Đêm ngày bom đạn nổ nơi nơi.
Giang-sơn diên-đào, dân còn loạn,
Cách-mạng thành-công, máu vẫn rơi.
Tai-nạn dập-dồn tàn-ác quá,
Cảnh-tình thê-thảm xót-xa ôi !
Rồng bay để lại trời đen tối,
Rước Rắn về đây lại chết thôi !

NGUYỄN-VỸ

Lời tác-giả.— Xin thân-ái mời quý Bạn Thi-nhân bốn phương họa vắn bài thơ trên chơi... cho đỡ buồn trong mấy ngày Xuân. Các thơ họa sẽ chọn đăng trong Phồ-Thông các số kế tiếp. Tác-giả chân thành cảm tạ.

những ngày Xuân
đã mất hết
ý-nghĩa

7

G A Y Xuân ở Việt nam ta từ ngàn xưa là một ngày đẹp nhất trong năm. Là một ngày Liên - Hoan của toàn quốc, ngày Hòa-Bình của toàn dân, ngày vui chơi tung.

bừng của Nhi-dồng, Phụ-nữ, Thanh-niên, Bô-lão. Là mùa Xuân của tất cả các tầng lớp nhân-dân hòa mình với mùa Xuân của Vũ-trụ.

Biết bao nhiêu Thơ Văn, trải qua bao nhiêu thế-kỷ, đã ca hát Ngày Xuân, tán-tụng Ngày Xuân, nguồn hy vọng của muôn triệu con tim, nguồn phấn-khởi của muôn triệu tâm hồn. Cuộc hồi Xuân của cỏ cây non nước vẫn là cuộc hồi Xuân của một dân-tộc đã vươn lên kịp các trào-lưu tiến-hóa của nhân loại.

Cho nên Ngày Xuân Việt-nam theo truyền thống từ nghìn xưa vẫn chứa đựng một ý nghĩa cao quý của đời sống, một hứa hẹn nồng-nàn của Hạnh-phúc con người.



Nhưng tội-nghiệp thay cho Dân tộc Việt nam ta! Đau khổ đến cùng cực, xót xa tận xương tủy, muốn thét lên thấu Trời, cả một dòng-dõi 25 triệu người đã phải chịu đựng 25 năm chiến tranh, không biết bao giờ chấm dứt! Một phần tư thế-kỷ! Một thế hệ đã ngã gục trong máu lửa. Một thế-hệ mới lãnh nhiệm vụ tiếp-tục cuộc huynh đệ tương-tàn, xả thân dưới bom đạn, để... bảo vệ Tự-Do Độc-lập, Nhân-quyền!

Gia-tài Máu, mà ngày Xuân Ất-Tý năm nay, cũng như

ngày Xuân Quý-Tý năm xưa, nhân-dân Việt-nam phải chia nhau mỗi người một phần! Không còn ngày Xuân Liên-Hoan nữa. Chưa tới Ngày Xuân Hòa-Bình. Non nước đầy máu xương, lòng người đầy tang tóc, còn đâu là mùa Xuân của Trời Đất hòa mình với mùa Xuân của nhân-loại?

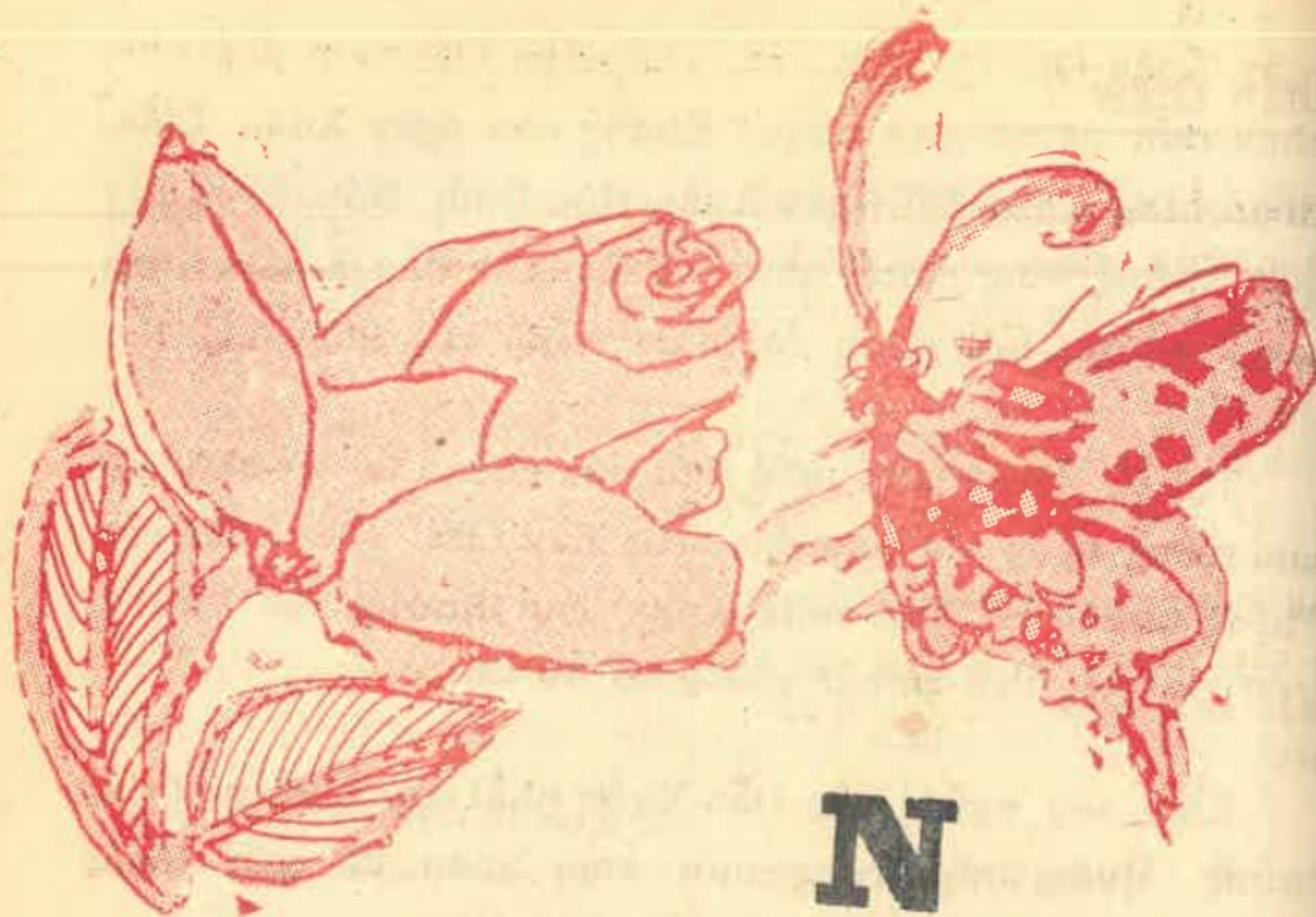
Thi-sĩ, Văn-nhân, ngòi bút của chúng ta từ-chối nở hoa trong ngày hội Hoa-dăng của Máu Lửa. Mùa Xuân của Thi-sĩ không về, như mùa Xuân đau thương của Vũ-trụ, trên giải đất lịch-sử của giòng họ Âu-Cơ.

Khởi con người của Đất-Nước phải còn nuôi một tin tưởng: quật khởi trong một mùa Xuân, để giải thoát mảnh đất này khỏi các hung-thần.

Vì Ngày Xuân đã mất hết ý nghĩa truyền-thống của nó rồi. Chúng ta, thế-hệ 65, phải khoác cho nó một tượng trưng mới, một nhiệt-hưng mới. Một chiếc chiến bào để bảo vệ cho Hương Sắc của Đời Người. Để Mùa Xuân của hoa cỏ trở về với vũ-trụ.

Để mùa Xuân của Hòa-Bình, của Thơ mộng, trở về trong lòng ta.

NGUYỄN-VỸ



N H X A U C Â N

SAU mấy tháng mưa lạnh, mặt trời đã lại về với vạn vật. Cây cỏ đua tranh đâm mọc trở chồi, thú vật cùng nhau lên tiếng ca hát trong buổi trời xuân vui đẹp. Trên đồi, ngoài ruộng, những buổi hòa nhạc ồn ào tiếp diễn. Nếu trên nền trời xanh biếc chim chóc riu rít bay lượn, trong các cành cây đâm lá, côn trùng cũng chẳng chịu ngồi câm và lên tiếng góp phần vào bản nhạc vĩ đại.

Nhưng không phải sâu bọ nào cũng đàn hát giống nhau.

★ Võ-quang-Yến — (Paris)

CHAN XUÂN

Có loại côn trùng như ve, dế là những nhạc sĩ quen lệ: chúng đàn hát trong những cơ hội đặc biệt, gây ra trong bạn cùng loại hay bên phía địch thủ những phản ứng tâm lý và sinh lý xác định. Có loại côn trùng như kiến, rệp mà chúng ta thường tưởng là câm như hèn, thật ra cũng phát xuất nhiều âm thanh đặc biệt.

● Dụng cụ của các nhạc sĩ

Nhiều loại kiến (leptothorax, myrmica, crematogaster) mang dưới bụng một tấm báng có rạch đường, cho cọ vào một mảnh xương để gây ra tiếng. Tùy theo bụng rung nhanh hay chậm, âm thanh phát ra cũng thay đổi. Tiếng động thường chỉ nhỏ thôi, nhưng cũng có loại kiến phát ra tiếng lớn, đứng gần 2, 3 thước có thể nghe được.

Máy phát âm thật là đơn giản cũng như mở một giồng rệp (rhinocoris) thường thấy trên nhiều hoa nở mùa hè. Chúng có trên ngực một cái rãnh mà đáy bị rạch ngang như một cái dũa. Cái mỏ cong

rất cứng và mạnh, thường dùng để giết địch thủ, khi nghỉ ngơi thì xếp vào cái rãnh trên ngực. Con rệp này chỉ việc cử động cái mỏ thì gây ra tiếng. Nhưng âm thanh phát ra rất nhỏ, phải ghé tai vào thật gần mới nghe được.

Còn có một loại rầy (cerambyx) đứng trước địch thủ cũng phát ra một tiếng kêu cút kít nhỏ lớn tùy theo tâm vóc của nó. Tiếng này nghe như một nút chai khô đem cọ trên chai. Thật ra ngực côn trùng chia làm hai phần, cho cọ nhau thì phát ra tiếng nhưng tiếng cũng chỉ nhỏ thôi.

Đây là những cơ quan phát âm tối sơ của sâu bọ. Bước qua các loại châu chấu, cơ quan này đã tiến triển nhiều. Nhạc cụ nằm trong đôi cánh cứng gồm có một cạnh vồng làm thùng đàn và một cái khuôn nhiều gân giống như một cái màng trống, ở chân một cái gân lõi có 80 răng cưa làm cung đàn. Khi con châu chấu cử động hai chân, cung cọ vào thùng đàn làm rung luôn cả màng trống. Hơn nữa, khi hạ bụng xuống, con châu chấu con tạo ra một phòng vang nằm giữa bụng và cánh để



Con rầy (cicambyx) này cho
cọ hai phần ngực với nhau để
phát âm. Chỗ cọ nhau (mũi tên)
có đường rạch như một cái dũa.

khuếch đại âm thanh. Hai
cánh nâng lên đập xuống thì
gây ra một tiếng kêu lớn nghe
cách khoảng 20-30 thước mà
một người quen nghe có thể
phân biệt được hai cung tùy
theo cách đập cánh. Nếu kiên,
rệp là những nhạc sĩ tài tử,
châu châu có thể liệt vào hạng
nhà nghề.

Về mặt âm nhạc, dề mèn
không khác gì châu-châu. Nhạc
cụ cũng nằm trong đôi cánh,
nhưng con dề không nâng lên
đập xuống đôi cánh mà đang
thẳng đứng trên lưng rồi cho
tréo nhau như hai lưỡi kéo.
Nó có thể gây ra tiếng luôn
trong nhiều giờ, nhất là ban
đêm. Nhà vạn vật học FABRE
khảo sát con dề bên nước Ý,
đã bảo tiếng kêu của nó như
trong bụng mà ra. Thật ra
con dề vừa cho phát âm
thanh vừa di động. Vì tiếng
phát ra hướng theo một
chiều nhất định, nó chỉ việc
tự xoay trên mình vài độ là
người ta có cảm tưởng tiếng
từ một nơi khác mà lại.

Có một loại dề thật lớn gọi
là dề cộ hay dề chũi, sống
trong các hang dưới đất. Khi
phát âm, nó đứng ở miệng
hang, xoay đầu vào trong, hai

cánh tréo nhau rất mạnh đến
nỗi cả thân mình đều rung
chuyển. Hang giống như loa
kèn nên tiếng kêu vang lớn:
đặt tai khoảng 20 phân cách
miệng hang, tiếng kêu có thể
làm ta đau nhức vì đập mạnh
vào màng nhĩ.

Bước qua loại ve, danh từ
nhạc cụ được mang hoàn toàn
định nghĩa của nó. Nhạc cụ
của dề nằm trong cánh, rệp
dùng mỏ gây ra tiếng, kiên
cũng chỉ cọ xát vào bụng mà
phát xuất âm thanh. Trong
con ve thì lại khác: nhạc cụ
hoàn toàn độc lập, chỉ dùng
để làm nhạc, chứ không phải
từ một cơ quan đã sẵn có
sửa sang lại mà làm thành.

Trước tiên xin biết chỉ có
ve đực là biết đàn hát. Dưới
tụng ve có hai mảnh nửa
hình tròn. Lật hai mảnh này
lên thì thấy được bộ phận
phát âm của ve chiếm hơn một
nửa bụng ve, dòn lại cả phía
đằng sau tất cả nội tạng. Cơ
quan chính của bộ phận này
là hai cái kiềng mỏng nhưng
rất bền chắc, hình lưỡi, nối liền
với hai bắp thịt mạnh. Khi
ve triển bắp thịt, trong một
khoảnh khắc 1/20.000 phần
giây đồng hồ, kiềng lưỡi hóa ra

lõm, bật thành tiếng, tương
tự như khi ta lung lay một
tấm sắt tây. Lặp lại nhiều lần
cử động bắp thịt (khoảng vài
trăm lần trong một giây), ve
rung chuyển liên tiếp hai cái
kiềng và hiện cho ta bản nhạc,
mùa hè. Nhạc này ve không
đánh riêng cho vợ con nghe
mà vang dậy khắp vùng vì
trong bụng ve còn có ba lỗ
hổng dùng làm phòng vang
để khuếch đại tiếng kêu. Mỗi
lỗ hổng này có một cái màng
luôn rung chuyển, nếu cắt đi
thì ve trở nên câm. Khi ve
hứng chí có thể nâng lên hạ
xuống cái bụng và làm thay
đổi giọng hát. Thường tiếng
ve kêu có thể nghe cách hơn
100 thước. Ve Ấn độ chiếm
kỹ lục hát lớn vì tiếng kêu xa
đến 800 thước.

● Nhạc điệu gây ra tình ý

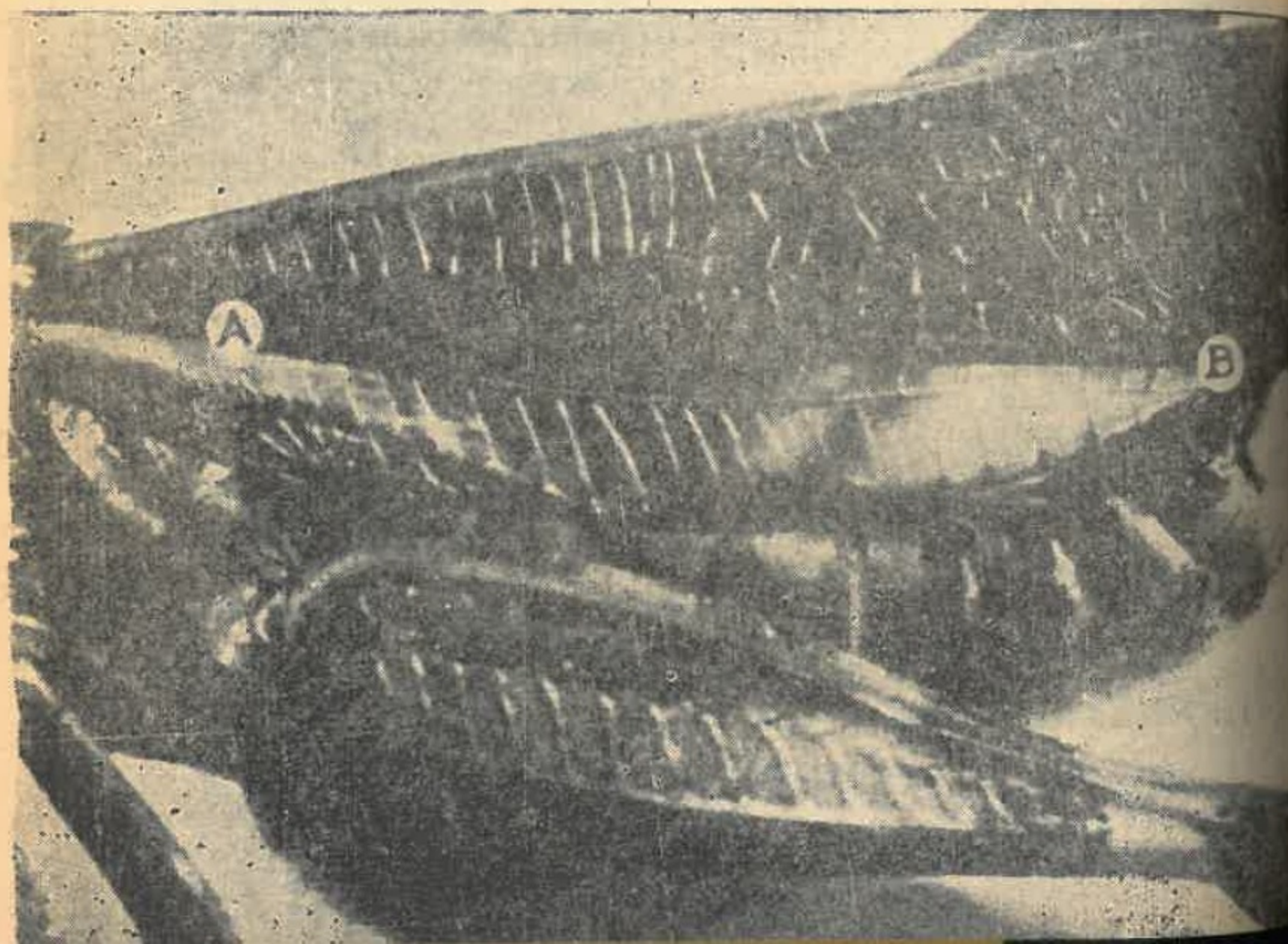
Còn trùng đàn hát đã đành,
chúng có nghe được không?
Thường người ta bảo tiếng
kêu của sâu bọ là một dấu
hiệu báo cho sinh vật cùng
loại, vậy chúng cần có một
cơ quan thính giác để tiếp
nhận dấu hiệu ấy. Người ta
đã tìm ra được một vài lỗ

NHẠC XUÂN

tai», không phải nằm hai bên đầu như chúng ta mà ở những bộ phận hết sức bất ngờ trong cơ thể.

Đằng các châu chấu, cơ quan thính giác là hai cái rãnh hẹp nhưng dài nằm hai bên xương cẳng trước. Bên trong hai cái rãnh ấy có hai bức màng rất mỏng mảnh gọi là màng nhĩ như của chúng ta.

Nhạc cụ của châu chấu: thùng đàn (AB) ở cánh cứng, cung đàn ở chân. Châu chấu chỉ việc cho cạp chân vào cánh.



Cũng như ở tai chúng ta, có vòi Eustache để làm thăng bằng áp lực khí trời hai bên màng nhĩ, như vậy màng nhĩ mới rung động được. «Lỗ tai» châu chấu cũng có một khí quản dẫn khí trời lại đằng sau «tai».

Nói chung «lỗ tai» côn trùng không khác gì lỗ tai ta, không những ở màng nhĩ và khí quản mà còn ở cả những tế bào cảm giác. Những tế bào này có một thứ quả lắc chuông tí hon rất nhạy, nên nhạy độ thính giác của côn trùng rất là lớn. Ở một loại châu chấu nhỏ (criquet) cơ quan thính giác nằm một

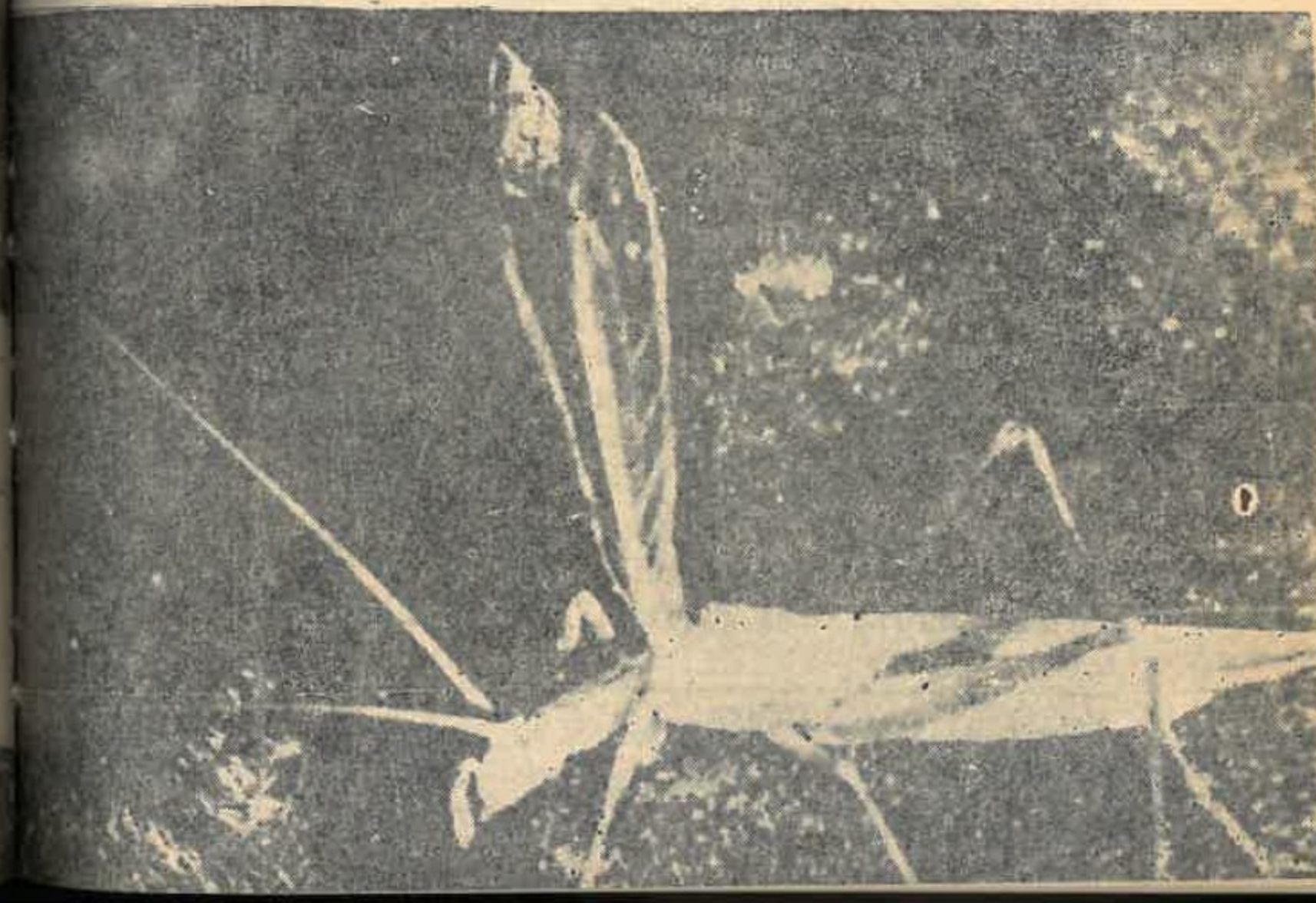
NHẠC XUÂN

bên ngực, còn ve thì có «lỗ tai» ở cuối bụng!

Nhưng dù với một cơ quan thính giác rất nhạy, côn trùng cũng không nghe bắt cứ tiếng gì. Ngày xưa người ta thường bảo côn trùng vừa câm lại vừa điếc vì không có phản ứng khi có tiếng động. Thật ra âm thanh có thể gây phản ứng lên côn trùng rất ít ỏi và côn trùng cũng chỉ phát âm thanh trong những trường hợp chỉ định. Có loại rầy sừng dài (coléoptère) kêu lên khi nào bị bắt hay có côn trùng khác lại phá khi nó đang ăn. Âm thanh phát ra nhằm lúc nó vừa chổng đờ vừa chạy trốn,

trong một trạng thái báo động. Côn trùng này cũng kêu lên trước lúc xô đẩy với giồng cái trước khi giao cầu. Có loại châu - châu (orthoptère) thì găm kêu khi tranh ăn với bạn đồng loại. Nhà chuyên môn phân biệt được tiếng kêu này với tiếng kêu cách đoạn nhưng liên tiếp khi nó lại gặm châu châu cái. Nhiều loại kiến

Con dế nước Ý đang thẳng đứng đôi cánh trên lưng rồi cho treo nhau như hai lưỡi kéo để gây ra tiếng



thì chỉ phát âm trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, như tiếng kêu báo động tạo nên kích thích: tiếng kêu này có tính cách xã-hội hơn đáng châu châu.

Tuy vậy cũng có nhiều côn trùng kêu lên mà chẳng có duyên do gì. Con dế tí tở suốt đêm, con châu chấu lách tách dưới ánh mặt trời hay con ve sầu rầu rĩ suốt mùa hạ không có một mục đích gì rõ rệt. Tuy nhiên giờ giấc phát âm thanh của những sâu bọ này cũng chịu nhiều ảnh hưởng bên ngoài như ánh sáng, nhiệt độ, khí trời, ... và trạng thái sinh lý bên trong. Nhiều côn trùng lên tiếng du dương khi tỉnh giao thành tựu, đạt đến trạng thái sẵn sàng giao cầu. Vì vậy cho nên ở nhiều loại sâu bọ, tuy mới xem không thấy tiếng kêu có mục đích gì nhưng thật ra có dính líu ít nhiều đến thái độ tỉnh giao. Từ lâu người ta tưởng giống cái không đêm xia gì đến bản nhạc của phái « mây râu ». Bây giờ đây những nhà nghiên cứu đang muốn chứng minh những bản ca hát là những tiếng gọi tình,

kêu gọi những cô nàng ở xa. Như tưởng giống cái không đứng đứng trước tiếng kêu của phía đực. Và người ta đã từng tụ tập được nhiều ve cái với những tiếng động nhân tạo: các cô nàng tỏ ra dễ bị ám tiết cảm xúc hơn là âm thanh.



Ai cũng biết tiếng hát của chim đực là một lời rao chiếm cứ địa hạt trong ấy nó giữ độc quyền săn bắn để nuôi nấng gia đình. Bên sâu bọ cũng tương tự. Con dế đực bên nước Ý không khi nào lên tiếng trong địa hạt mình. Khi có địch thủ lại gần, nó ầm ừ phát ra một âm thanh đặc biệt tương tự như tiếng hát rao của chim. Còn lúc bình thường giọng ca hát có những đặc tính khác: đây là bản nhạc gọi tình, kêu cái. Những cô nàng nghe nhạc và tìm lại nếu tiền triển tỉnh giao

đã đến một mức xác định, không thì các cô nàng cũng đứng đứng đi ngang qua. Khi một cô nàng lại gần, con dế đực đổi giọng xoay qua một lời hát phục dịch. Bản hát này kéo dài cho đến lúc cô nàng chịu vào « chung chăng chung chieu ». Cơ thể thần kinh từ lúc côn trùng thu nhận âm thanh cho đến lúc thay đổi trạng thái tâm lý thao diễn ra sao, đây là một điểm khó mà các nhà bác học đang tìm tòi học hỏi.

Bản nhạc xuân như vậy đã

kêu gọi biết bao tình ý trong đám côn trùng.

Riêng về bên đảng khảo cứu, một con đường mới đã được vạch ra: cơ chế liên quan âm thanh với phản ứng của sâu bọ. Nếu một hôm nào trời nắng ấm hay dưới ánh trăng, bạn ra đồng chơi tình cờ thấy có ai đang nhòm mình xuống đất, đặt tai nghe rờ rử rí hay hướng tầm mắt theo đôi châu châu bay xa, xin bạn đừng cười: đây chỉ là một nhà khảo cứu đang vui xuân theo sở thích của mình... ● ✱



✱ NGƯỜI YÊU LÝ TƯỚNG

Hai cô gái dợt sống mới gặp nhau bàn chuyện hôn nhân. Một cô hỏi:

- Người yêu lý tưởng của mày phải thế nào?
- Tao không cần giàu, không cần đẹp trai nhưng phải ngoan và biết yêu vợ... Còn mày thì sao?
- Tao chỉ cần chàng nuôi hộ bà bố và mười cô em gái tao là đủ.



NHỮNG CHUYỆN

RẮN

TRUYỀN TỤNG Ở VIỆT-NAM

★ Trần-Lê-Lan

XUÂN ẤT-TY — 1965

● Một truyện cổ tích

N GÀY xưa, vào thuở khai thiên lập địa, Trời tạo ra muôn loài, cho xuống ở cõi trần để dựng lên một cõi địa đàng, làm một thiên đàng thứ hai. Thuở ấy, Trời, người và vật đều hiểu tiếng nhau, và muôn loài đều ăn ở ngay thẳng, thật thà và thương yêu nhau, thuận thảo và cho đẹp ý muốn của Trời. Muôn loài sống vui vẻ, hạnh phúc, đói ăn khát uống, trên không có loài chim, trong nước có loài cá, loài thú và loài trùng thì đi trên mặt đất.

Nhưng trong các loài ở cõi thiên đàng thứ hai này, có loài rắn không tốt chút nào. Sở dĩ có cái khuyết điểm trong công cuộc tạo hóa đó, lỗi ở nơi Trời đã dành nhưng không phải Người muốn vậy. Sở là khi nặn muôn loài để cho xuống trần, lúc nặn đến con rắn thì Trời thấy mỗi một nên để dờ đó đi nghĩ một lát. Con vật nặn còn dở dang ấy đã được nhồi óc, tra lưỡi rồi, nhưng còn thiếu chân. Lẽ ra phải theo thứ tự lắp chân cho nó xong cả phần bên ngoài rồi mới đến công việc tra lưỡi, nhồi óc để hoàn tất như đối với các loài khác, nhưng có lẽ vì lúc ấy Trời đã mệt mỏi nên dụng dẫu làm đó cho rồi. Hơn

NHỮNG CHUYỆN RẮN

nữa, có lẽ cũng vì mệt mỏi nên Trời đã vô ý đặt cái lưỡi dành cho rắn vào cái chén mà Trời vẫn dùng nhỏ một vài giọt nước thuốc độc vào uống làm thuốc ngủ. Thế rồi, trong khi Trời nghỉ, con rắn bỗng tỉnh giấc sáng tạo. Nó ngộ nguậy bò loanh quanh trong phòng thí nghiệm, rồi chui theo một lỗ hổng ra ngoài, rồi bò luôn xuống trần.

Ở cõi trần, rắn tỏ ra hiền lành, thân thiện với các loài, nhưng thật ra, lòng nó hiểm sâu, gian trá. Nó không thích chung đụng với các loài khác và tìm các hang lỗ, những nơi cây cỏ rậm rịt làm nhà ở. Lưỡi nó vốn để trong cái chén có dính thuốc ngủ vốn là thuốc độc của Trời, hóa nên có nọc độc. Kẻ nào bị nó cắn phải là nọc độc chạy vào máu chết ngay. Do đó, nhiều con vật đang mạnh khỏe, nhớn nhoe đó, bỗng dưng lăn đùng ra chết một cách bí mật không ai rõ tại sao.

Cho đến một hôm, nó gặp phải người. Người vốn khôn hơn các loài nên biết rít vết thương lại, hút nọc độc ra và đắp lá dầu vào chữa trị nên khỏi chết. Thế là cái tội ác của con rắn bị bại lộ. Muôn vật liền đầu đơn kiện con rắn ở cửa Trời. Trời giận

dữ, mới tuyên phán : cho Người khi già được lột và trở lại để thưởng công đã khám phá ra tội ác của Rắn, còn Rắn thì khi già bắt tụt xuống lỗ mà chết. Bàng luật mới này sẽ giao cho Ảnh-ương vốn to mồm dài họng đi rao cho các loài ở cõi trần được biết mà tuân theo.

Bàng luật chưa giao xuống tới ảnh-ương, thì loài chim vốn ở gần trời nên biết cả. Từ khi tội ác của rắn bại lộ, chúng mới biết xưa nay chính rắn đã ăn thịt những loài chim nhỏ cùng phá tổ chim đánh cắp trứng, như vậy rắn là kẻ thù độc ác của chúng. Do đấy, khi biết Trời ban bàng luật mới như vậy, chúng rất dồi vui mừng. Chúng hân hoan thì thảo bàn tán với nhau, kháo nhau về cái tin mừng ấy. Chẳng may, rắn núp ở một cành cây nên nghe biết tất cả. Nó vô cùng sợ hãi, nhưng vốn là kẻ hiểm sâu, nó nằm im, tìm mưu kế. Chập sau, nó cười lên khoan khoái vì đã tìm được cách thoát rồi. Nó vội vàng bò ngay xuống cây, đi sục hết các hồ ao và tóm ngay được chú ảnh-ương. Ảnh-ương van xin rắn tha cho khỏi chết. Rắn bảo : « Được, tôi sẵn lòng tha chết cho anh.

PHỒ-THÔNG — 142

NHỮNG CHUYỆN RẼN

Nhưng anh phải làm y theo lời tôi một việc ».

Anh-ương thấy được tha khỏi chết, mừng quá, đáp :

— Ngài cứ nói, bất cứ việc gì, tôi cũng làm theo hết.

Rẻn bảo :

— Trời vừa ra một bảng luật mới và sẽ giao cho anh đi rao khắp trần gian. Luật ấy thế này : « Người già người lột, Rẻn già Rẻn thụt xuống lỗ. » Anh phải rao ngược lại như vậy : « Rẻn già Rẻn lột, Người già Người thụt xuống lỗ ». Anh phải y như thế mà rao, bằng không tôi sẽ ăn thịt cả nhà anh.

Thế rồi, mấy hôm sau đó, từ các hồ ao, sông, lạch, oang oang lên truyền đi khắp nơi những lời rao của họ nhà Anh-ương về đạo luật mới của Trời :

« Rẻn già Rẻn lột; Người già Người thụt xuống lỗ ».

Do đó mà ngày nay, Rẻn già thì lột còn Người khi già thì chết và đem chôn xuống lỗ. Và cũng do chuyện đó mà Trời sau đó, ra một đạo luật cuối cùng là loài nào chỉ hiểu tiếng của loài mình thôi, không còn như « ngày xưa, Trời, người và vật đều hiểu tiếng nhau ».

Một chuyện truyền kỳ

Xưa kia, ở làng Lạc-Dụng,



thuộc tỉnh Hải-Dương, có hai vợ chồng già, nhà nghèo, không con. Một hôm, trong khi cuốc đất sửa vườn, người chồng thấy có hai cái trứng trong bụi cây ở góc vườn. Ông mang vào nhà và cất đi một nơi.

NHỮNG CHUYỆN RẼN

Ít lâu sau, hai cái trứng ấy nở ra hai con rẻn. Bà vợ sợ hai bảo chồng đem giết đi. Ông chồng không thuận theo và bảo rằng :

— Vợ chồng mình đã già rồi mà không có con, có lẽ là Trời cho vợ chồng ta để khuây cảnh già đây.

Hai con rẻn khi lớn lên cứ quẩn quít hai ông bà, tỏ ra rất thương yêu, xem như hai ông bà là kẻ sanh thành ra chúng. Hai ông bà cũng yêu quý hai con vật như con đẻ. Chúng rất hiền, nhưng phải cái tánh thích ăn gà. Nhà nghèo, làm gì có gà cho chúng ăn hoài, nhưng vì thương chúng, người chồng mới đi ăn cắp gà về cho chúng ăn. Làm vậy đã nhiều lần, hai ông bà lo sợ đồ bề phải tội, nên, sau khi bàn tính với nhau, hai người đành gạt nước mắt đem bỏ hai con rẻn xuống sông Tranh. Ít lâu sau đó, nơi vùng sông mà vợ chồng ông già thả hai con rẻn, thường có nước xoáy dữ

đội và sóng to. Người ta cho là do hai con rẻn làm ra.

Một hôm, một bà Công-chúa ngự thuyền qua khúc sông đó. Thuyền bị sóng to không vượt đi được. Nghe quan sở tại thuật chuyện, bà mới đòi hai vợ chồng ông già đến bảo phải làm cách nào cho yên sông để thuyền ngự đi. Bà lão sợ hãi, cầm hai nắm cơm vắt vút xuống sông và khóc nói :

— Hai con ơi, hai con có thương cha mẹ thì hãy yên sông gió cho cha mẹ khỏi tội.

Lời bà vừa dứt thì sóng im sông lặng ngay, và thuyền ngự tiếp tục đi không sao cả.

Về sau, một quan phủ mới tên Trịnh-thường-Quân đến trấn nhậm Ninh Giang. Quan phủ có một cô vợ lẽ rất đẹp. Một hôm, bà này đi thuyền chơi trên sông Tranh, bỗng thấy từ dưới nước hiện lên một người trai ăn mặc đẹp đẽ, bảo bà phải ưng chàng ta. Bà phủ tuy sợ hãi nhưng nhất quyết cự tuyệt.

**midol**

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

1360/B.Y.T./DPDC.

NHỮNG CHUYỆN RẪN

Ngay đêm đó, lúc đang ngủ, bà lại thấy người đó hiện ra nữa và cũng đòi hỏi một điều đó. Sáng ra, bà thuật lại cho chồng nghe tự sự. Quan phủ cất lính canh phòng tư dinh ngày đêm cẩn mật. Mấy ngày sau đó, chẳng thấy xảy ra sự gì. Nhưng rồi, một hôm, có việc đi vắng, khi trở về, quan phủ không thấy bà ái thiếp trong phòng, và tìm kiếm mọi nơi cũng vô hiệu. Buồn rầu, ông treo ấn từ quan và ra đi tìm vợ. Trong bước lang thang, ông gặp một vị Tiên mách cho ông biết rằng vợ ông bị Hoàng tử thứ năm, con vua Thủy tề, trước phải dọa làm rắn ở sông Tranh, bắt đem về Thủy cung làm vợ. Vị Tiên ấy làm phép giúp ông đến Thủy cung đầu cáo với Long vương. Long vương cả giận đòi Hoàng tử thứ năm đến hỏi tội rồi lại đẩy ra sông Tranh. Vợ chồng ông Phủ thì cho sum họp cùng về trên mặt đất.

Sau chuyện đó, dân ở hai bờ sông Tranh thường thấy hiện

linh nhiều chuyện dị thường. Họ kinh sợ và lập đền thờ gọi là đền Tranh. Về sau, dân chúng vẫn đến lễ bái đông đảo và ai cũng cho là đền rất linh, cầu gì được nấy.

Một bài thơ rắn trứ danh

Ông Lê-quí-Đôn lúc còn nhỏ đã nổi tiếng thần đồng. Rất thông minh, nhưng phải cái tật hay lười biếng, cậu bé Đôn bị gia đình la rầy mãi nhưng chứng nào tật nấy không chừa. Một hôm, cũng vì lười học, cậu bị cha trách phạt. Một ông bạn của cha đến chơi, thấy vậy mới bảo cậu:

— Nếu cậu làm được một bài thơ tức cảnh lấy câu « Rắn đầu biếng học » làm đầu đề, thì tôi sẽ xin tha cho cậu.

Cậu bé Đôn ưng thuận, và không nghĩ ngợi gì, đọc ngay lên:

Chẳng phải liu diu, vẫn giống nhà

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/ĐPDC.

NHỮNG CHUYỆN RẪN

*Rắn đầu biếng học lẽ không tha,
Thẹn dèn hồ lửa đau lòng mẹ,
Nay thét mai găm rất cổ cha.
Ráo mép chỉ quen tuồng lếu lảo
Lăn lừng cam chịu vết roi tra.
Từ rày Châu Lỗ xin chăm học,
Kẻo hồ mang danh tiếng thế gia.*

Bài thơ tức tức được làm nên, chẳng những ý nghĩa hay, mà còn chiếu theo đề ra lồng trong mỗi câu tên một giống rắn, chứng tỏ cậu bé Đôn quả là một kỳ tài.



Năm 18 tuổi, Quí-Đôn thi Hương đậu Thủ-Khoa. Năm 27 tuổi đậu Bảng-nhân, và cùng làm quan đồng triều với cha là Trung-Hiếu Công Lê-phú-Thứ.

Ông là một nhà bác học lấy lừng đời Lê mạt. Ông biên tập, trứ tác rất nhiều sách, và cái gia tài văn học ông lưu lại, tuy có mất mát rất nhiều, vẫn đáng trọng về phẩm cũng như về lượng. Sinh bình, ông hay ngâm nga hai câu:

Dẫu có bạc vàng trăm vạn lạng

Chẳng bằng kinh sử một vài pho.

● Chuyện rắn báo oán

Một hôm, đi châu về, ông Nguyễn Trãi, một khai quốc công thần của nhà Lê, gặp bên đường một thiếu nữ gánh chiếu đi bán. Thấy cô gái xinh đẹp, ông Nguyễn-Trãi ứng khẩu đọc bốn một bài thơ:

*Ở đâu đi bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân thu nay độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa, được mấy con?*

Người con gái cũng ứng khẩu đọc đáp lại rằng:

*Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon,
Can chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân thu tuổi mới trăng tròn lẽ
Chồng còn chưa có, có chi con.*

Thấy người nhan sắc đã đẹp lại tài ba, ông Nguyễn Trãi mới tìm đến nhà cầu thân và lấy làm tiểu thiếp.

Nghe tiếng Thị-Lộ — người tiểu thiếp ấy của Nguyễn Trãi — giỏi văn học, vua Thái-Tổ triệu cho làm Lễ-nghi học sĩ để dạy các hoàng tử trong cung. Đông cung thái tử rất say mê nàng.

Sau đó, ông Nguyễn-Trãi cáo quan về ở ẩn nơi núi Côn-Sơn

Vài năm sau, vua Thái Tổ băng hà, Thái tử lên nối ngôi, lấy niên hiệu là Thái-Tôn.

Năm Nhâm-Tuất, tháng 7, Thái Tôn đi tuần du phương Đông, duyệt võ ở Chí Linh. Lúc trở về Nguyễn Trãi đón mời xa giá, Thái Tôn mới ghé lại Côn-Sơn. Đêm ấy, nơi vườn Lệ-Chi, Thi Lộ hầu rượu vua suốt đêm, và vua mất trong đêm đó. Triều đình kết tội Nguyễn Trãi làm chuyện thí nghịch và xử tru di tam tộc.

Về cái « án Thi Lộ » khiến ông Nguyễn Trãi bị tru di cả họ, người ta bảo là một chuyện răn báo oán. Tương truyền rằng, hồi chưa hiền đạt, ông ngồi dạy học ở làng Nhị-Khê. Một hôm, ông chỉ cái gò ngoài đồng bảo học trò sáng mai dọn dẹp cho quang đảng để ông cất nhà học. Ngay đêm ấy, ông nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đến kêu với ông là mình còn yếu và còn nhỏ, xin ông khoan cho ba ngày để mẹ con dời đi nơi khác. Sáng ra, khi thức dậy, ông vội vã ra đồng xem thì bọn học trò đã nhanh tay dọn dẹp cái gò đầu đầy xong cả rồi. Họ có trình cho ông hai quả trứng và thuật rằng lúc dọn dẹp, có thấy một con rắn, họ đập nó đứt đuôi

và bắt được hai quả trứng đó. Ông Nguyễn-Trãi cầm hai quả trứng đem về cất giữ cẩn thận. Đêm nọ, đang ngồi chong đèn đọc sách, chợt một giọt máu từ trên nóc nhà rơi xuống trang sách đang mở trước mặt. Ông nhìn lên thì thấy một con rắn đang bò đi. Giọt máu rơi xuống ấy đúng vào chữ « đại » là Đới, và thấm xuống qua ba tờ giấy. Ông ngẫm nghĩ và thăm bảo: « Nó sẽ báo oán ta đến ba đời sau đây ». Về hai cái trứng, sau nở ra hai con rắn, một dài một ngắn. Nguyễn Trãi đem thả xuống sông Tô-Lịch ở làng bên. Người ta bảo rằng về sau, hai con rắn ấy thành thần sông. Còn Thi Lộ chính là rắn mẹ đầu thai làm người quyết báo oán Nguyễn Trãi, nên gây ra việc giết vua để cho cả họ ông Nguyễn Trãi bị thọ hình. Một người thiếp của ông Nguyễn Trãi thoát được và sau đó sinh hạ một con trai đặt tên là Anh-Võ. Khi vua Thánh Tông lên ngôi, xét thương ông Nguyễn Trãi bị hàm oan nên xuống chiếu tầy tuyết và truy tặng chức Thái sư Tuệ-quốc-Công. Anh-Võ cũng được tìm về triều và được nối nghiệp cha làm quan. Sau phụng mạng vua đi sứ sang Tàu. Khi qua hồ Động-

Đình, bỗng một con rắn to xuất hiện trên mặt nước rồi sóng gió nổi lên dữ dội. Anh-Võ biết là rắn vẫn tìm theo báo oán cho tuyệt cả giòng họ, nên khẩn xin đề cho đi xong việc nước, chừa về sẽ xin nạp mạng. Khẩn xong thì sóng gió cũng lặng. Khi xong công việc sứ, lúc trở về đến đó thì sóng gió nổi lên hung hãn đánh lật thuyền và Anh-Võ bị chết đuối.

Con rắn khổng lồ ở vịnh Hạ-Long

Vịnh Hạ Long, ngoài cái danh tiếng là một thắng cảnh, còn được nói đến vì nơi đây đã từng xuất hiện một con rắn khổng-lồ đã làm sôi nổi dư luận một thời.

Ngày 12 tháng 2 năm 1904, một chiến hạm nhỏ do « cập-tên » Péron chỉ huy đang lướt sóng trong vịnh Hạ-Long. Bấy giờ vào khoảng 3 giờ chiều, trời nắng ráo. Thuyền đang lướt bình yên thì bỗng mặt nước xao động rồi chuyển động mạnh như bị giông bão. Người trên tàu đều kinh ngạc vì đài khí tượng đã báo ngày này biển lặng sóng im, và cũng không thấy có dấu hiệu gì để nói rằng có bão được. Sóng đã cuộn lên

dữ dội, tàu chòng chành như người say rượu. Đứng trước tàu, nơi xa xa, một vòng nước dựng lên rộng lớn và giữa sóng nước như có một vật gì đen đen, rất dài, đang uốn khúc. Ông Péron mới dùng ống nhòm nhìn xem thì thấy vật đó hình dáng y hệt con rắn, đang uốn mình lướt trên sóng. Con quái vật ấy mình mẩy đen sì, dài độ 30 thước ngoài, mình như có vẩy, đầu giống đầu con hải cẩu, nhưng miệng lớn và có mõng ria ra như mõng gà. Cái đầu con quái vật ấy mừng tượng như đầu con rồng mà người Á-đông hay vẽ, chạm ở đình, miếu. Thoáng cái, con quái vật lặn xuống mất, nhưng chỉ vài giây sau nó lại hiện trở lên, thân mình uốn cong lên cong xuống lướt về phía chiếc tàu. Sóng nổi ào ào, và nó phun vọt nước lên trời như rồng phun nước trong tranh vẽ. Trông cái đuôi kék xù của nó kia, nếu mà tàu bị quấy trúng thì lật hẳn thôi. Cũng may nó chỉ làm giông làm gió trong một phút, và sau khi ngóc đứng đầu lên nhìn quanh quất một vòng, như chóá mắt không chịu nổi ánh mặt trời, nó lặn xuống và không thấy hiện lên nữa.



TÔI trở dậy trong cái không khí âm thầm của một buổi chiều cuối năm. Cửa sổ sau căn gác, tôi trọ mở trông ra một giáo đường dòng nữ tu. Đứng đây, mỗi ngày, tôi đều có thể thấy màu áo trắng của các di thập thoáng sau hàng cây soan tây, trôi bên một lạch nước trong xanh; Lạch nước bốn mùa lặng lẽ men theo một con đường trải cuội. Đôi khi, tôi còn nghe rõ cả tiếng kinh cầu đầm thấm dịu dàng nâng hồn người lên cao vút.

Phía bên khu vực nhà dòng là những gò đất mọc lô nhô trên giải đồng rộng vắng nước

phèn. Trên những gò đất đỏ, bấy giờ nhà ai cúi đầu nhai cỏ.

Căn dưới là tiệm thuốc Bắc của một người Tàu, khách hàng quen gọi là chú Bướu. Cái tên vừa ngộ nghĩnh, vừa có vẻ bướng bỉnh như nét

CHO LÒNG BỚT LẠNH

TRUYỆN NGẮN

* Lâm-vị-Thủy

mặt của chú những lúc đứng chông tay yên lặng sau quầy hàng. Tuy ở chung, nhưng chúng tôi không có giây liên lạc nào về tình cảm. Có lẽ vì chú Bướu ít nói, mà tôi thì đi suốt ngày.

Xóm tôi ở nằm bên đường xe lửa. Gọi là xóm chứ thực thì chỉ có leo queo vài ba mái tôn dựng cách khoảng nhau, lưng dựa vào bức tường vôi thấp chạy dài bao quanh nhà dòng.

Bên kia đường rẫy là bãi hoang. Một quán nước tá tại núp dưới một gốc đa cần cỗi. Một lối mòn len giữa hai bờ cỏ lục. Cảnh chỉ có thế, không hiều sao vẫn đủ làm tôi rung động mỗi khi nhìn sang. Hình như lối mòn ấy, chính là con đường dẫn tôi vào kỷ niệm, vào quê hương man mác những dư vị đậm đà của thời thơ ấu.

« Nếu một ngày mai em lấy chồng

Tôi về lấy vợ thế là xong
Vợ tôi không giống em là mấy
Tôi lấy cho tôi đỡ lạnh lòng... »

(thơ Tâm-Tâm)

Khoảng sáu giờ hơn, tôi sửa soạn về thăm mẹ. Mẹ tôi sống với gia đình anh tôi trong một trại binh. Tôi phải lội bộ một quãng xa mới đón được xe. Những cơn mưa bất thường còn để lại từng vũng nước trên mặt đường hiu quạnh. Mầu khói trắng mỏng hòa với sắc lá xanh tạo thành mầu khói nhang hiền dịu. Phụng ơ, cũng các khu phố nầy, các ngôi nhà này đây, em còn nhớ không? Tôi đã đưa em về, em đã ngồi bên tôi, tóc xỏa, về mặt thờ ơ, xa xăm...

Xe ngừng chỗ bâng cậm. Tôi xuống xe, bước từng bước chậm trên lối đi đầy ổ gà. Qua một khúc quanh, tôi bắt gặp

những chướng ngại vật bỏ ngổn ngang, với hàng rào kẽm gai chẳng chặt. Trên một chòi canh, người lính ghim súng, nhìn xa...

Tôi chào người gác cổng quen thuộc. Anh ta cười để lộ mấy chiếc răng bít vàng. Hình như trời muồn lạnh, tôi thọc sâu hai tay vào túi quần, đi về phía dãy nhà ngang gần cuối trại. Giữa sân, chiếc cột cờ đứng sừng, in bóng cô đơn trên nền trời đang ngả dần sang màu sẫm...



Tôi ngồi thu mình trong chiếc ghế mây, ngó vắn vơ tờ báo trải rộng trên bàn. Mẹ tôi ngồi ở divan, có vẻ như đang chăm chú vào một cuốn truyện Tàu. Nhưng tôi biết mẹ không đọc, vì mãi không thấy dở trang.

Những lúc ấy, tôi biết mẹ nghĩ gì và sắp nói những gì. Tôi chợt nhớ một câu trong một cuốn phim: « Đôi khi,

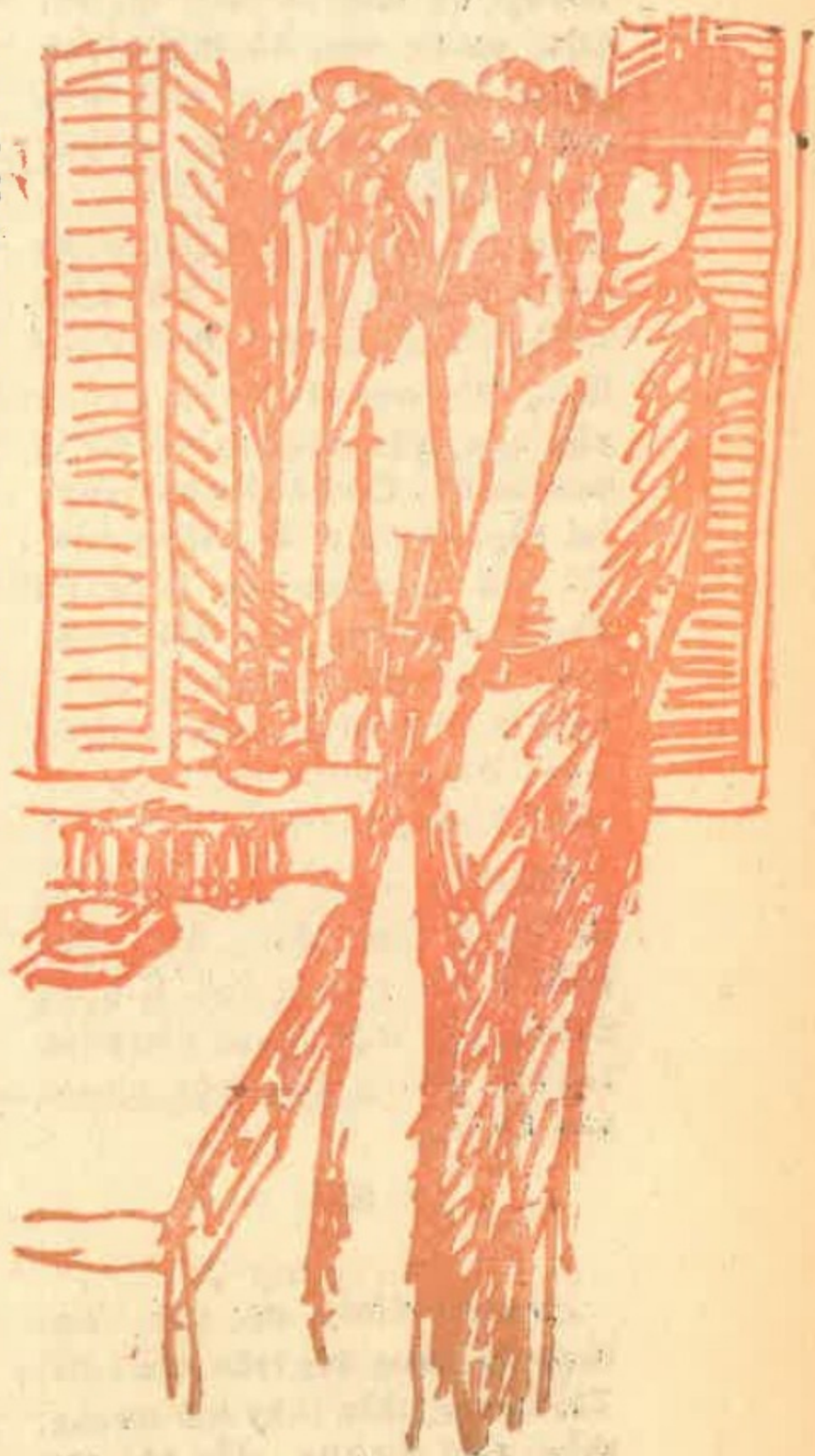
mẹ như bóng núi, che khuất không cho ánh sáng chiếu tới cánh đồng là chúng con. Nhưng nếu một ngày nào bóng núi ấy mất đi, thì cánh đồng cũng trở nên hoang tàn vô nghĩa. » Và nhiều lần tôi đã định nói với mẹ: « Mẹ chỉ mới thương con, chứ chưa hiểu con; mà làm sao mẹ có thể hiểu được tâm trạng của một người đã lỡ nhắm mắt đi qua đời mình, đã lỡ làm chứng nhân cho một giai đoạn lịch sử nghiêm trọng.

Chừng như anh tôi coi hát đã về. Tôi nghe rõ tiếng bước chân đuổi nhau và tiếng la hét của mấy đứa cháu. Mẹ tôi bỗng gấp sách lại. Tôi chờ đợi. Nhưng không, mẹ tôi chỉ hỏi:

- Anh ăn cơm chưa?
- Con không thấy đói. Và tôi đứng dậy, nhìn đồng hồ:
- Con phải tới trường bây giờ.
- Tôi nay anh dậy?
- Dạ, từ bây giờ tới chín giờ

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1380/BYT/DPĐC.

Tôi tới trường trễ một năm phút. Tôi xin lỗi các học viên và giảng bài ngay. Tôi không nhớ tôi đã trình bày những gì. Tôi chỉ biết là tôi đang cần nói, muốn nói lắm. Giảng bài xong, tôi đặt những câu hỏi giáo khoa cho học sinh làm. Bây giờ tôi mới cảm thấy bả cả người. Tôi lại gần cửa sổ ngó mông ra ngoài. Lớp tôi dạy, ở từng chót một ngôi lầu. Đứng đấy, tôi có thể nhìn thấy những ngôi nhà chen chúc lộ nhô phía dưới trong ánh điện yếu đuối. Tôi cố hình dung một trong những ngôi nhà bé nhỏ ấy, Phương mặc áo cánh trắng, ngồi trên chiếc ghế thấp dưới tàn bông giấy bên cạnh mấy đứa trẻ đương nô đùa.... Phương ơi, em đã so những sợi tơ chùng trong hồn anh, để bật lên những âm hưởng mong manh, để đến bây giờ vẫn còn rền rĩ. Sao anh không gặp một người nào khác, sao anh không yêu một người nào khác... Anh, chúng mình sinh ra để đi một mình suốt đời, đi một mình thì vất vả lắm, cay đắng lắm, sao Phương không mãi mãi được là một trong những học trò của anh, để được



ngồi yên lặng ngắm anh, được nghe anh nói. Bây giờ thì không thể được nữa rồi, vì Phương sắp phải xa anh... Tôi biết có

nhiều người yêu một người rồi sau lại về làm vợ một người khác và họ vẫn tìm thấy hạnh phúc như thường, tình yêu chỉ là một sự lừa dối, nhưng trong cuộc đời mỗi người, tôi nghĩ, đôi khi cũng phải biết lừa dối mình, có thể đời mới có ý nghĩa và mình mới cô bầu vi vu lấy... Phương sẽ cô yêu chồng yêu con, yêu cuộc sống vô vị của mình. Có phải mùa xuân lại sắp về đó phải không anh. Có khi mình tưởng là mình đã yêu, nhưng thực thì mình không hề yêu! Có khi mình nghĩ là mình không yêu, nhưng mình đã yêu từ lúc nào mà mình không biết...

Chuông rung đôi giờ. Một số chưa làm xong bài. Tôi ngồi ở văn phòng đợi. Sao tôi không gặp một người nào khác sao tôi không yêu một người nào khác...

Con tàu đứng đó, thỏ, bụi than đỏ vung vãi trên nền trời. Tôi không nhìn thấy bãi hoang, thấy con đường dẫn tôi vào kỷ niệm. Tôi theo lời câu

thang riêng lên gác. Hình như chú Bướu chưa ngủ. Tôi nghe chú trở mình, thở ra nhẹ nhẹ. Tôi bỗng nhiên muốn khóc khi chợt nghĩ tới sự cô đơn bấy lâu của chú, tới sự cô đơn của chúng mình bây giờ, của những người con gái bên kia bức tường vôi trắng. Có phải trời sắp vào xuân đó phải không anh. Em sẽ cô yêu chồng, yêu con, yêu cuộc sống vô vị của mình. Trời tối như bùng, tôi bật quẹt soi lỗi. Tôi định tìm một câu chuyện nào đó để nói với chú Bướu. Phương đã xa tôi, xa thật rồi. Chú Bướu, vợ con chú đâu. Quê hương chú đâu, có phải là những cánh đồng bông bên bờ sông Dương Tử. Chú có khi nào nghĩ trở về không. Tôi quăng xấp bài học trở lên bàn, rồi cứ để nguyên quần áo như thế nằm vật trên giường. Tôi nghĩ tới nỗi lo âu của mẹ tôi bấy lâu. Tôi sẽ lấy bất cứ một người con gái nào, Tôi sẽ cô yêu vợ, yêu con, yêu cuộc sống vô cùng đau xót và vô vị của mình.



mùa xuân chưa vện

THÙY-DƯƠNG-TỬ

(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Đông phương u-trầm rừng cây đồi lá

Chim hót ca,

hoa anh đào đua nở rừng Á-châu huyền diệu mai vàng

ấm áp mùa xuân — bàn tay nhiệm mầu đất mẹ

suối của nguồn — sông của biển, rừng đông phương chim hót vui ca

bao lao bao la,

anh về mùa xuân thức giấc

nai phương ngàn mang hương nhụy rừng sâu về đồng nội
ngác ngơ nghe lời ca em hát

em hát bài hát á-dông

quê hương anh xa tít mù khơi

chân trời mây đắp

hàng dâu bờ lau, cỏ xanh phủ dày đường đá đỏ

quê nghèo, bàn thờ cổ kính, ngày cúng giỗ ông bà trăm
hương uy lễ

khăn đóng áo dài quay quần dâng bát nước

kể trước người sau theo tông đường thứ tự

đù Âu tây sẵn có — nhưng mùa xuân ngàn năm bất diệt
Á đông

em có nghe không, người em Âu châu tôi sẵn sàng
đón tiếp

nhận đau thương trên giải đất da vàng

trăm năm rồi đất nước lăm than!

hai mươi năm đau khổ đôi đàng chia đôi

em và tôi á âu cách trở

xuân Việt, am em có nở nụ cười?

xuân Á châu trầm lặng, nhưng tươi

mắt anh chết trong rừng cây, ngắt ngậy căng nhựa

mùa xuân hương thơm bình minh bất chợt

ARIANE về tro g đồng cỏ

con nai dương mắt nhìn em nhẹ hươc trên dòng suối

hiền hiền về trong thắm lụa Á đông

em có buồn không?

sao ất đời kẻ lẻ

chuyện dòng sông Thương CONGO — tường ngăn
cách Bá-linh

Phút gray em là bông hoa tím — Rỉ máu da vàng

Khóc sự lăm than hiện hữu
 em là em Á đông, em là em Âu châu
 sao tình thương khôn, nổi
 mở hội dâng hoa
 cho anh làm nhịp cầu
 cho tình hai em là bạn
 cho tình anh yêu thương
 Printemps mùa xuân châu Á
 bông hoa có mặt như một lần em có mặt
 như mùa xuân hôm nay
 tượng số ngắn ngủi không là tình thương?
 đại dương cười
 suốt máu hoen rỉ - hơi niềm phi-lý
 hơi người em Âu châu
 em hiểu không sự ây hấn của một quốc gia là nguồn nguyên
 tử chiến tranh

Hãy giữ lấy mùa Xuân

Không là của em

Không là của anh

Mà chỉ là tượng số thời gian

Hơi người em Âu-châu

Đông phương ngọt giồng sữa mẹ

Đứa bé ra đời, ta say ngày hy-lạp

Và gọi to Việt-nam Vi-t-nam

Ngày xuân đi vào lòng đất

Á-châu khiêm nhường

nước Việt chia đôi

mùa xuân không vẹn

mùa xuân không tròn

Âu-châu

hơi người em hiện hữu

sao không là nhịp cầu

bằng tình thương thật sự—bằng hòa bình nở hoa?

bông hoa vàng, hoa tím, hoa pensée

xanh tươi đồng cỏ

đừng bao giờ ngăn cách Bá-linh

đừng bao giờ chia đôi bên-hải

mùa xuân này — chưa trọn vẹn em ơi

65 — mùa xuân



Hôm nay, trong gian phòng,
 trên bàn giấy thầy ngồn-ngang
 những phong-bì, những tấm
 thiệp chúc mừng bên nhà gởi
 qua với những chữ triện,
 những cành trúc, những hoa
 mai, hoa thủy-tiên, màu sắc
 rực rỡ, với những câu chúc
 Tết thật thà, chiều mền, mình
 chỉ ước có cánh bay ngay về
 Saigon.

Nhưng Saigon của mình
 ngày nay ra sao rồi nhỉ? Còn
 chẳng những cành hoa mai
 vàng ngày Tết phất phơ ở chợ
 Bến Thành? Còn đâu những

★ NGUYỄN-VĂN-CÓN

THƯ TẾT PARIS

BÊN này, mỗi năm lễ Tết
 mình đến thì y như là vào
 cuối tháng Janvier hay đầu
 tháng Février, tức là vào
 trung-tâm của mùa lạnh.

Lúc ấy mùa lạnh hoành hành
 một cách dữ dội; ngoài trời
 không có sức mạnh nào hơn
 được; sương mù, tuyết, mưa,
 gió bắc. Vì thế mỗi lần Tết
 đến, mình càng thấy lạnh
 nhiều hơn. Tâm hồn của mình
 đã không còn ở trong xác
 mình nữa, và cò nhiên đang
 chơi-vơi ở nơi xa âm, giữa
 quê nhà, gia-đình và bạn hữu.

PHỒ-THÔNG — 142



33

câu đôi màu hồng thắm, nhắc lại một thời Tết đượm sắc thánh-hiến? Còn đâu chén trà tươi uồng dưới bóng mát cây dừa miệt Bà-Chiều, bên cạnh Lãng - Ông thoang thoang hương trầm thành kính? Còn chăng những thiếu-nữ dịu-dàng, tha-thướt trong nắng xuân, tà áo bay trước gió, khuôn mặt xinh đẹp che dưới chiếc nón Huế?

Ở đây, mình chỉ thấy các thiếu-nữ tóc vàng, tóc đỏ, tóc đen, cặp mắt xanh, nâu, lam, nét mặt kiểu diêm, thân hình nở nang, mạnh dạn, thể tháo và đôi chút... nhí nhảnh.

Nhắc đến chợ Bến-thành, mình sức nhớ đến vừa đây nhân ngày kỷ niệm Quân Dân Cách Mạng thành công, dân chúng Sài-Thành đã tụ họp xung quanh pho tượng thiếu-nữ ái quốc Quách-thị-Trang bị lính của Diệm Nhu bắn chết, và nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương đã mặc niệm trong bài thơ đăng trong tạp chí Phổ Thông.

Nghĩ đến Quách thị Trang mình lại sức nghĩ đến bao nhiêu Quách thị Trang khác của nước Việt Nam, từ thành thị đến thôn quê, đã hy sinh vì xứ

sở và tự do, mà anh bạn Thiều Sơn đã gọi là « Thê hệ Quách thị Trang ».



Hình ảnh của thiếu nữ này và của bao nhiêu Quách thị Trang vô danh đã làm cho mình thấy hình ảnh của Tổ quốc rung rinh dưới tiếng súng liên thanh, dưới sức bom nổ và dưới suối lửa bùng nổ hoa máu giữa rừng ruộng và xóm làng.

Mình tự hỏi: « Tại sao chiến tranh vẫn lan tràn ở nước mình, và dân mình đã 20 năm phải tủi thắm khóc vụng, thân đau hồn khổ? »

Viết đến đây, mình chợt nghĩ: « Sau 5 năm cõ tâm sát hại nhau bằng những khí-giới tồ tẩn, một bên là nước Đức, Ý, Nhật, và một bên là Đông-

minh: Anh, Pháp, Mỹ, Nga... thê mà ngày nay hai bên cựu địch đã cởi mở mỗi hận thù, và đã giao hảo, buôn bán, trao đổi văn-hóa với nhau.

Nếu ta kể về chính-thê thì chắc có lẽ ai cũng biết không nước nào Cộng-sản hơn nước Nga, và không nước nào tư-bản hơn nước Mỹ; thê mà ngày nay Nga với Mỹ đã hợp tác với nhau về mặt kinh-tế, văn hóa, và đã đặt điện-thoại đồ để tranh-luận và thỏa-thuận về những vấn-đề quan trọng.

Thê thì tại sao giữa anh em nhà, dân tộc Việt-nam vẫn chưa « xếp bèo cởi giáp » để cho dân chúng mình được hưởng chút Hòa-Bình như hầu hết toàn thê thê-giới ngày nay? Và để cho Tết này và những Tết sau khói hương nghi-ngút trên bàn thờ không còn là khói hương nghẹn-ngào nước mắt và đượm màu tang tóc, mà là khói hương dâng niềm cảm tạ Trời Phật và đượm mùi thân ái, hoan lạc.

Hòa-bình! Hòa-bình! hai

tiếng thôi miên đã bao lâu dân mình khát-khao. mong mỏi, chờ-đợi trong tang tóc và nước mắt!

Ở bên Âu-phương, người ta tượng-trưng Hòa-Bình bằng một thiếu-nữ đẹp tuyệt trần, vẽ người hiền hậu, tay cầm một cành olivier (ô-liu) có con chim bồ-câu trắng đậu trên.

Nghĩ đến đây, mình mơ ước Nàng Hòa-Bình sẽ có khuôn mặt một thiếu-nữ Việt-Nam, xinh đẹp và nụ cười không bao giờ tắt trên nét mặt hiền từ, nhân đạo.

Lúc đó, những lời ca thanh tươi, những màu sắc tưng bừng, cùng cánh thiếu quang, sẽ bay khắp trên giải đất Việt-Nam yêu quý. Và sẽ đẹp làm sao lời người vợ Việt-Nam nói với chồng khi tái hợp!

« Xin vì chàng xếp bèo cởi giáp,
Xin vì chàng giữ lớp phong
sương,
Vì chàng tay chúc chén vàng,



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

BYT/DPDC

Vì chàng điềm phấn, đeo hương
nào nùng.

Giờ khăn lệ chàng trông từng
tấm,

Đọc thơ sầu chàng thắm từng
câu.

Câu vui đối với câu sầu.
Rượu khà cùng kẻ trước sau
mọi lời.

Sẽ rót vơi lần lần đôi chén.
Sẽ ca dần dần đến đôi liên,
Liên ngâm đối ẩm từng phen
Cùng chàng lại kết mối duyên
đến già;

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau trong thuở thanh
bình.

Ngâm nga mong gửi chữ tình
Dường này ắt hẳn tài lành
trượng phu. »

(Chinh-phụ ngâm — Đoạn kết)

Ôi ! nét mặt của người vợ
hiền mà bao nhiêu chiến binh
mơ tưởng dưới lửa trại, trong
những đêm lạnh lẽo, giữa
sương núi, mưa rừng. Và an
ủi biết bao lời hứa hẹn : « Giữ
gìn nhau trong thuở thanh
bình ! ».

Hoà Bình ! đó phải chăng

chỉ là một giấc mộng viễn vông
của một khách tha hương,
hay phải chăng chỉ là một
« cảnh mơ hồ » của một nhà
văn đã đợi Nàng Hoà Bình
trong bao nhiêu đêm trắng.

Nhưng dẫu sao đi nữa, mình
vẫn tin rằng nếu có một vị
lãnh đạo nào có thể đem lại
hoà bình cho nước mình, thì
chắc chắn là dân mình sẽ biết
ơn đời đời, và Lịch-Sử thiên
thu còn ghi bằng chữ vàng tên
vị « anh hùng cứu quốc » ấy,
mà công đức đời với dân Việt
sẽ cao vợi như dãy núi Trường
Sơn và triển miên như dòng
nước Cửu-Long !

Nhưng mình lại bối rối
tự đặt câu hỏi : « Hòa Bình
hay Chiến tranh ! người mình
có làm chủ tình thế hay chăng ?
Hay luôn luôn có ngoại
lực chi phối ? »

Mình đang nghĩ vơ vẩn, thì
gió đập vào cửa kính, tung một
ít cánh tuyết vào hiên, như đề
nhắc với mình thực tại lạnh
ngắt. Nhìn qua cửa sổ thấy
trời mờ thấp, màu mây đục

 **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CO BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

ngầu và những thân cây trơ trọi
đen thui, không một chiếc lá,
giống như những bộ xương
đang dơ tay khô héo than van
với trời đất, trong lúc mà
những cánh tuyết bay liệng
như muôn vạn con bướm
trắng.

Suốt ba tháng mùa đông,
nhất là vào cuối Janvier và đầu
Février, Thần Lạnh thật là
Chúa-tể trong vũ-trụ.

Ở thành thị, nhờ có nhà
cửa liên tiếp, nhờ có ánh sáng
đèn điện ngoài đường, có các
cửa hàng và các quán cà-
phê sáng trưng và ấm áp,
người ta bớt thấy sức tung-
hoành của Thần Lạnh.

Nhưng ở thôn quê, bên
rừng núi, giữa cánh đồng
trông rộng, sự uy-hiệp của
Thần Lạnh rất dữ-dội. Những
đêm bão tuyết (tempête de
neige), tuyết đổ xuống như
thác, trắng xóa, mù-mịt, gió
bắc gào thét, tạt những làn
sóng trắng dồn dập, đè bẹp
những mái nhà thôn, xô thân
cây dập xuống mặt đất, và
quét sạch người hay vật.

Nếu lúc ấy, có một người
nào vì một việc khẩn cấp phải

lạc loài trên đường vắng, thì
người ấy phải cõ gượng để
bước tới, thân hình bẻ gập làm
hai, đầu cúi xuống tận ngực
để tránh những cái tát tê lạnh
của gió, tay vuốt mặt để lau
những cánh tuyết và để thấy
đường đi, trong lúc mà bông
tuyết phủ trên đầu, trên quần
áo, như chôn dần người ấy
dưới một tấm màn tang trắng.

Bé nhỏ thay con người trước
vũ trụ ! Thế mà lại còn hay
làm bậy !

Nhưng dẫu sao hôm nay
mình cũng phải xuống đường,
tuy vẫn biết Nàng Tuyết sẽ đặt
trên má mình những cái hôn
nước đá. Sợ lạnh nơi ngực, nên
mình phải mặc đến hai chiếc
« pull over » len và tay mang
« găng » da lột lông.

Nhưng hôm nay, mặc dẫu
có tuyết, trời cũng không đến
nổi lạnh lắm, không khí trong
veo, khô ráo, dễ chịu.

Mình phải lại đường Saint
Jacques, ở xóm La-tinh để dự
tiệc trà năm mới, và để nghe
tin tức nóng hổi bên nhà, tự
miệng một vài người mới qua.

Chén nước trà pha đậm,
màu vàng già, chắt chắt thăm
dịu trong cổ họng, và những

mứt dừa, mứt hạt sen đã làm cho câu chuyện chôi chảy dễ dàng.

Trong những người mới qua : có một cậu học-sinh 22 tuổi, cha mẹ sợ bị « quân địch » nên lo cho qua đây, có một ông thương gia đi đi về về như đi chợ, qua bên này để tu-bổ sỏ đồng quan gửi các nhà băng, có một gia-đình phú ông qua thăm con học ở Paris.

Nhìn mây người này mình có cảm giác là chiến tranh không đụng đến sợi tóc, hay lông chân của họ. Trái lại chiến tranh là bước phong-lưu, mỗi phú quý của họ ! Còn đau khổ, tang tóc trước nạn chiến tranh, hay lụt bão, đó là sỏ phận của « bác nông phu đội sương nắng trên đầu », của những người buôn gánh bán bưng, của kẻ công nhân và gia-đình của họ.

Nhưng dầu sao, nói chuyện với mây người mới qua mình cũng biết được đời sống của dân mình bây giờ là thế nào, tâm trạng của phần đông bình dân là thế nào, cách đi đò gió ở Đà-lạt, đi tắm biển ở Long Hải, Vũng-Tầu là thế nào.

Sau buổi họp, lúc ra về, mình thấy một sự chán nản

tràn ngập trong lòng, và ngày Tết không còn để lại cho mình một chút gì vui, đẹp nữa.

Qua cửa kính xe ô-tô-bút, mình thơ thần nhìn tuyết bay ngoài trời, và khi xe chạy qua sông Sen, mình nhớ lại hai câu thơ viết đã lâu :

« Sông Sen nước chảy ra khơi,
Chảy về cố-quận gửi lời nhớ thương. »

Hôm nay, lẽ tự nhiên mình nhớ rất nhiều người ở cố-quận. Vì có nhiều yêu mến, mình không muốn « Bức Thư Tết » quá buồn tẻ, nên trân-trọng chúc mọi người được an-nhàn, vui-vẻ, đoàn-tụ trong ba ngày Tết.

Và riêng những người từng đau khổ trước thời cuộc, mình xin nhắn tắt cả lòng tin tưởng ở Tô-Quốc.

Một dân tộc đã từng dành giết độc-lập qua bốn nghìn năm lịch sử, và mới đây đã đập-đổ chế-độ độc-tại ác-nghiệt của họ Ngô, dân tộc đó không phải là dân tộc ươn hèn.

Sau hết :

« Tôi xin gửi đôi lời quý mến,
Chúc mừng Xuân những bạn thân yêu.

Giá gương còn thắm nhiều điều
Bức Thư Tết nhắn bao nhiêu là tình ».



mùa mưa xuân

Trời vào xuân mưa về khuya nhỏ nhỏ
Nghe trên cành hoa nụ nở tung bùng
Em bỗng thấy bồi hồi, thôi chẳng ngủ
Dậy chong đèn để ngồi nhớ mộng lung...

Tình mặn nồng xuân về thăm cây lá
Anh bao giờ về xóm nhỏ thăm em ?
Nẻo đường xưa giờ có thành xa lạ ?
Sỏi ven đường nằm nhớ bước chân quen.

Xuân vàng nắng mùa xưa, em nhớ quá
Một lần nào anh k'ẽ gọi tên em
Và anh hẹn rằng : cho em tất cả.
Mà vì đời hôm nay nên lời hẹn không bền ?
(Đời hôm nay với chinh chiến liên miên,
Với thân phận con người như cát sỏi.)

Hoa ngọn đèn cháy trên tim bắc nhỏ,
Em ngậm ngùi, hồn bỗng chớm đau sâu :
Đèn về khuya rồi cạn dầu lụn bắc,
Em đợi chờ rồi tuổi trẻ mòn hao !

Trời vào xuân nghe mưa mà thấy nhớ;
Anh bao giờ về xóm nhỏ thăm em
Thắp đèn khuya nhìn hoa tim bắc nở
Nghe mưa xưa rơi nhẹ nhẹ trên thềm
Em sẽ hỏi : ngày xưa anh có hứa
rằng cho em tất cả, nhớ hay quên ?

Trời vào xuân mưa đầu mùa tươi thắm
Bao giờ anh về cho hẹn nên duyên.

✱ HOÀNG THỊ BÍCH NH

ình hình

VĂN CHƯƠNG

VIỆT - NAM

1964

* Thẩm-thế-Hà

NĂM 1964 là năm đánh dấu nhiều biến cố quan-trọng ở Việt-nam. Tình hình chính-trị, quân-sự sôi động đã làm loảng mất không-khí văn-chương. Trận bão lụt miền Trung đã a tòng với thời cuộc dìm văn-chương xuống dòng nước lũ. Mọi người bận-khoăn, hướng tầm mắt đau thương về miền thù-dương nhuộm màu tang tóc.

Văn-chương không chạy kịp theo thời cuộc. Sinh hoạt văn-chương lặng-lẽ, trước sự thờ-ơ, lạnh nhạt của người dân vốn xem nghệ thuật như nhu-cầu thiết-yếu của linh-thần. Văn nhân,

thi sĩ ần trốn vào tháp ngà, nhìn sự biến chuyển của đất-nước, những thống khổ của nhân dân với cặp mắt bàng quan. Dân chúng bị bỏ rơi. Văn, thi sĩ gần như thoát-ly sứ mạng.

Thật ra, sinh-hoạt văn-chương vẫn dôi-dào về lượng nhưng rất yếu kém về phẩm. Tại sao có tình trạng ấy? Tại sao văn-chương hôm nay không gây được niềm phấn khởi hay ít ra cũng đem lại một niềm tin vững mạnh cho nhân-dân ở cuộc sống hiện tại và tương-lai? Đề trả lời những câu hỏi ấy, ta thử kiểm điểm lại sinh hoạt của hai

VĂN CH CHƯƠNG V.N. 1964

bộ môn chính yếu : Tiểu thuyết và Thơ.

Tiểu - thuyết

Điều đáng chú ý là : trong năm qua, lớp nhà văn cũ (đã có ít nhiều tầm tiếng trong văn giới) vẫn hăng hái và bền bỉ sáng tác. Trong lớp nhà văn này ngôi sao bắc đầu Hồ-Hữu-Tường nổi bật nhất ; bao quanh còn biết bao nhiêu vì sao nhỏ khác sáng có, mờ có, lập lờ như ánh ma trời cũng nhiều. Thử kiểm-điểm Doãn-Quốc-Sỹ, Trọng-Lang, Thế Phong, Mai-Thảo, Đỗ Thúc-Vĩnh, Tú-Hoa, Cung-Khanh, Thanh-Nam, Văn-Quang, Bình-Nguyên Lộc, Hoàng-Hải-Thủy, Ngọc-Linh, Vũ-Hạnh, v.v...

Hồ-Hữu-Tường cho tái bản hai tác phẩm cũ *Phi-Lạc sang Tàu*, *Phi-Lạc đại náo Huê-kỳ* và cho ra lò hai tác phẩm mới *Thuốc trường sinh*, *Kế-Thế*. Nếu mười năm trước, *Phi lạc sang Tàu* đem lại cho người đọc nhiều mỹ cảm nhờ lối văn trào phúng dí-dỏm, lối nguy biện hùng hồn kỳ thú, ngày nay tác phẩm ấy bỗng trở nên nhạt nhẽo vô duyên vì mất thời-gian-tính và vì lối tiên-tri sai lạc. *Phi Lạc đại náo Huê-Kỳ* cũng cùng chung số

phận ấy. Hai tác phẩm mới *Thuốc trường-sinh* và *Kế thế* được Hồ tiên-sinh sáng-tác trong thời-gian bị lưu đày, nên hàm chứa nhiều triết-lý nhân-sinh thâm-thúy và hữu-ích hơn.

Doãn Quốc-Sỹ tỏ ra có một năng-lực sáng-tác dẻo dai và phong-phú. Ông tiếp-tục cho xuất-bản bộ trường-giang tiểu-thuyết *Người đàn bà bên kia vĩ-tuyến* tiếp theo bộ *Khu rừng lau* ra đời năm 1962. *Người đàn bà bên kia vĩ-tuyến* chia làm hai quyển : quyển nhất *Tiếng hát tự lòng đất* và quyển nhì *Chiếc bè nữ chúa*. Văn Doãn Quốc-Sỹ trầm trầm, mực thước, thiếu sôi động nhưng chan-hòa năng-lực gợi cảm, suy-tư về cuộc sống của con người hôm nay. Tuy nhiên, những tác-phẩm lớn này của Doãn Quốc-Sỹ vẫn không tiến hơn *Dòng sông định mệnh* của ông tái-bản năm 1963 về nội-dung cũng như về hình-thức.

Dưới đây là những tác-phẩm của những nhà văn có mặt thường xuyên ở các tạp chí và nhật báo :

Nắng sớm mưa chiều của Ngọc-Linh.

Đời chưa trang điểm của Văn-Quang.

Giấc ngủ cô đơn của Thanh-Nam.

Những người đang tới của Đỗ Thúc-Vĩnh.

Thủy và T6 của Thế-Phòng.

Loạn của Chu-Tử.

Nửa đêm Trảng sập của Bình-Nguyên-Lộc.

Nở như tạc đạn của Hoàng-Hải-Thủy.

Mái tóc dĩ vãng của Mai-Thảo
Thanh-Nam vẫn thiên về tình cảm, thứ tình cảm lứa đôi của thanh niên tư sản thành thị. Văn Quang, Chu-Tử, Hoàng-Hải Thủy nghiêng về đợt sóng mới. Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo hướng về nội-tâm con người khắc khoải trong dĩ-vãng, bơ-vơ trong hiện tại, lạc hướng ở tương lai.

Lớp nhà văn mới, độc-giả trẻ tuổi lưu ý đặc-biệt đến Tuấn-Huy và Minh Đức Hoài-Trinh. Những nhà văn khác Nguyễn-Đình Toàn, Nguyễn Đức Nam, Thế Uyên, Bùi Hoàng Thư, Thanh Hiệp, Thế Nguyên, Hoài Điệp Tử v.v., chỉ mới đánh dấu sự có mặt.

Tuấn-Huy cho ra đời liên-tục ba tác-phẩm *Nỗi buồn tuổi trẻ*. Vòng tay chờ đợi, Ngày vui qua mau. Nhân vật Tuấn Huy rất



gắn gũi với giới thanh niên thiếu nữ đô thị, với những băn khoăn, thắc mắc, lo âu trước nhện sống cuồng loạn của thế hệ trẻ. Tuấn Huy có lối phân tích nội tâm đặc-biệt với phương pháp hồi tưởng và liên tưởng dồn dập. Nhân vật nào của bất cứ tác-phẩm nào của ông cũng hay tự lự về dĩ vãng gần xa, chui rúc vào nội tâm để mơ mộng viển vông, triết lý vớ vẩn. Người đọc sẽ bức mình và cảm thấy, những nhân vật ấy thật là vô lý, ngớ ngẩn gần như ở trong trạng thái thần kinh mất quân-bình. Và nhân vật nào cũng thế, nên có vẻ giả tạo, khuôn đúc,

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPDC.

như một biến thành mười, mười biến thành trăm. Đâu có lý trăm người đều có cuộc sống nội tâm kỳ lạ như thế. Lối phân tích nội tâm của Tuấn Huy độc đáo đó, nhưng độc đáo không có nghĩa là hoàn mỹ. Nếu Tuấn-Huy chú ý đến điều này, ông sẽ có thể thành công dễ dàng trước những mỹ tình sẵn có.

Minh-Đức Hoài-Trinh là văn sĩ kiêm thi-sĩ có chân trong *Tao đàn Bạch-Nga*. *Bơ-Vơ* là tác phẩm đầu tiên của cô, sau đó là tập truyện ngắn *Hắn*. Đọc *Bơ-vơ*—tác phẩm tiêu biểu nhất của Minh-Đức — người dân Việt chưa có dịp ra khỏi nước sẽ cảm thấy những bối cảnh xa lạ với những nhân vật quá xa lạ. Tuy nhiên, một số đông bạn đọc sẽ bắt gặp trong các nhân vật ấy những tâm trạng giống với tâm trạng mình, những cảm nghĩ tương tự với cảm nghĩ của mình, mặc dầu không gian và thời gian có khác biệt. Đó là tâm trạng bơ vơ của mọi hạng người trong xã hội; họ khác nhau về sinh hoạt nhưng đã gặp nhau ở một trung tâm điểm tình cảm

gần như là bất biến của thể hệ hôm nay. Tất cả nhân vật trong truyện đều cảm thấy bơ vơ, không có gì có thể lấp được khoảng trống trong tâm hồn cô độc. Nữ sĩ đã xây dựng triết lý «bơ vơ» để khỏi nhai đi nhai lại triết thuyết *phi lý*, *bi đát* của Tây Phương mà nhiều nhà văn xứ ta hiện nay đã xem như là những bài kinh nhật tụng. Nhưng triết lý «bơ vơ» của Minh-Đức lại gần với thuyết «bơ vơ» của Camus trong kịch phẩm «*Le Malentendu*».

Sau đây là những tác-phẩm của những ngòi bút mới xuất hiện, hoặc đã xuất hiện từ lâu trong làng báo nhưng mới xuất hiện lần đầu trong làng sách :

Văng lầy của Hoài-Điệp-Tử.
Nữ-sinh Sài Gòn của Thanh-Hiệp.

Sống cho nhau của Bùi Hoàng-Thư.

Hồi chuông tắt lửa của Thế-Nguyên.

Những hạt cát của Thế Uyên.

Những thần tượng mới của Nguyễn Đức-Nam.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPDC.

*Tình người của Tam-Quán.
Thở dài của Túy-Hồng.*

Trừ một Thế-Nguyên thiên về triết-lý nhân-sinh thuần-túy tôn-giáo, những nhà văn mới đây cố ý phơi trần nếp sống đọa-lạc của thiếu số thanh-niên thành thị lạc hướng, hoặc nếp sống xô-bò, thác-loạn của giới tuổi trẻ "hiện-sinh" đang đi tìm những thần tượng mới. Có những ngòi bút tả chân vô-trách-nhiệm. Có những ngòi bút chạy theo thị-hiệu thiếu số người để chứng tỏ mình là nhà văn của thế-hệ hôm nay. Có những ngòi bút núp bóng "hiện-sinh" để trở nghệ-thuật khiêu dâm khoác áo thời-thượng. Thật đáng buồn cho nghệ-thuật văn-chương!

Còn một hiện-tượng đáng cho ta phải lưu tâm tìm hiểu: đó là phong-trào dịch-thuật tiểu-thuyết kiếm-hiệp Trung-Hoa. Độc-giả có lý khi họ tìm thỏa mãn nỗi ăn-ức thời đại trong những truyện võ hiệp hoang đường, vì đó cũng là một lối thoát cho tinh thần trong khi không có những tác phẩm đánh dấu được giai đoạn để giải tỏa những nỗi ăn

ức, dồn ép của họ trước thời-cuộc nặng mùi tử khí. Phải chăng hiện tượng đó cũng đặt một phần trách nhiệm cho các nhà văn 64 và lên tiếng hùng hồn cảnh-cáo các nhà văn 65?

THƠ

Trong năm qua, thơ xuất-bản cũng khá nhiều dưới đây đủ mọi hình thức: thơ cũ, thơ mới, thơ tự-do. Dòng thơ vẫn trầm-lặng, không có dấu gì báo hiệu một sự chuyển mình lớn lao. Cũng như văn, thơ không mang hình ảnh xác-thật của thời-dại, không đánh dấu những biến cố lịch-sử trọng đại, tình cảm không hòa đồng được với tình cảm nồng-nàn, tế nhị của người dân trước khúc quanh lịch sử.

Vài nhà thơ có ít nhiều thành-tích vẫn còn rần nhả thơ để hiển dương cho đời vài nguồn thi cảm. Thanh Tâm Tuyền sau thời-gian lặng tiếng, đột nhiên cho ra đời thi phẩm *Liên đêm mặt trời tìm thấy*. Vẫn lối thơ tự do lập dị. Vẫn những thi cảm hủ nút tối mịt như trời đêm. Không rung-

cảm được ai, cũng không xây-dựng được cái gì mới lạ.

Nhất-Tuấn cho tái bản 6 thi-phẩm thành hai quyển *Truyện Chúng Mình I và II*. Thơ Nhất Tuấn dễ dãi, duyên dáng, dễ gọi cảm. Hình như nhà thơ quân-nhân này rất tin ở tài mình, nhưng chẳng hiểu kỳ tái-bản này, thơ ông có còn được tiếp đón nồng-hậu như thời oanh liệt ngày nào chăng?

Thi-sĩ Thanh-Thanh cho ra mắt thi-phẩm « *Thanh Thanh với Thượng-Đế* ». Nhà thơ miền Trung thoát xác, thi-cảm chan-hòa suy-cảm trước lẽ huyền-vi của Tạo-Hóa. Thơ Thanh-Thanh điêu-luyện nhưng kém uyển-chuyển, một yếu-tố rất cần để hấp-dẫn và rung-cảm.

Nữ-sĩ Tuệ-Mai cho xuất-bản thi phẩm thứ nhì « *Không bờ bến* ». Thơ Tuệ-Mai trau chuốt, trang-nhã, tình-cảm dồi-dào nhuộm màu từ-bi Phật-giáo phản-ảnh trung-thành tâm-trạng của người Phật-tử giữa thời Pháp-nạn dưới chế-độ độc-tài nhà Ngô. Tuệ-Mai không triết-lý rườm-rà mà toàn thi-phẩm bàng-bạc màu triết-lý. Về phái nữ-lưu, Tuệ-Mai là nữ-sĩ ưu-tú nhất của thi giới Việt 64.

Ngoài tác-phẩm của những nhà thơ tên tuổi, vườn thơ Giáp-Thìn còn được nhiều ngòi bút trẻ gắng sức điền tô:

Mưa đêm nay của Trường-Anh.

Tiếng hát Khuẩn-trùng của Khải-Triều.

Mơ của Minh-Đức Hoài-Trình.

Đợi mùa trăng của Tôn-Nữ Hỷ-Khương.

Giấc ngủ chân đèo của Duy-Năng.

Tiếng hát Việt-Nam của Chu Vương-Miền.

Chân-dung của Cẩn-Hùng.

Biên của Nguyễn Xuân-Lộc và Nguyễn Thùy-Anh.

Trăng đêm của Thu-Nhi

Giấc hồ của Hoài-Luân

Giọt buồn của Minh-Hân

Đùa gió của Chiêu-Thiên-Thương.

Của lịch sử của Trương-Hoài Tâm.

Tìm về tình thương của Việt-Chung-Tử

Tóc em thơm mùi gỗ quý của Trường-Thúy

Khép đôi mi nhỏ của Hoàng-Hương-Trang

Em là gái trời bắt xấu của Lệ-Khánh



Midol

1300/BY.T/DPDC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Có thể nói Trường-Anh là ngôi sao nhỏ sáng chói nhất trong giới thi sĩ trẻ này. Mặc dầu mới đánh dấu sự hiện diện với tác-phẩm đầu tiên, Trường-Anh đã có những văn lưu loát hàm-súc tình ý đậm đà. Nghệ thuật Hoài-Luân cũng có thể sắp ngang hàng, nhưng tâm hồn thi nhân như đắm chìm trong huyền mộng, thơ Hoài mang đầy hình ảnh Liêu Trai kỳ quái chỉ có thể đem lại cho người đọc vài rung cảm rợn người. Thế thôi, thơ Hoài không còn tác dụng gì nữa.

Những nhà thơ khác như những mầm sống đang cố gắng vươn lên, vươn lên chưa đúng mức nên vẫn còn cái gì e ấp. Hoa hầy còn sờ khai, màu sắc chưa lộ liễu, nhụy hầy còn phong kín hương thơm. Dầu sao nội sự cố gắng cũng đáng cho ta khích lệ.

★

Nhận xét tình-hình chung, ta chú ý đến hai điều :

1) Nhà văn cũ sáng-tác nhiều hơn nhà văn mới ;

2) Nhà thơ mới sáng - tác nhiều hơn nhà thơ cũ.

Tình-hình trên chứng-tỏ giới tuổi trẻ thiên về thơ nhiều hơn văn, mặc dù thơ rất khó tiêu-thụ, hầu hết đều do tác-giả tự xuất-bản.

Về nội-dung, văn cũng như thơ đều quanh-quần bên những chủ-thuyết lãng-mạn, hiện-sinh, bi-đát. Nhiều tác-phẩm chỉ nhai đi nhai lại những từ-ngữ triết-học *hiện-sinh*, *phi-lý*, *nôn mửa*, *bi đát*... một cách ngây-ngô, tro trên, rỗng tuếch. Nhiều tác-giả cố ý phô-trương sự hiểu biết của mình qua tên những nhà triết-học *Clément Rosset*, *Kierkegard*, *Sartre*, *Camus* như muốn núp bóng những thần tượng mới để lờ đời.

Độc giả đã chán ngấy những trò ấy. Họ chờ đợi những tác phẩm phản ánh trung thực nếp sống, tâm trạng của một dân tộc có tinh thần bất khuất trước bao biến cố lịch sử lớn lao. Nhưng họ đã thất vọng. Họ có cảm tưởng phần đông văn nhân, thi sĩ thích nói chuyện phù phiếm trước sự đau khổ của người dân. Nhà văn sáng tác hướng về thị hiếu hạ cấp của thiếu số, hơn là chú tâm đến sinh hoạt, nguyện vọng chánh đáng của quảng đại quần chúng.

Năm 1964, không có những tác phẩm lớn trình bày những tư tưởng gì mới mẻ. Người ta đành đặt hy vọng vào năm mới 1965.

● ★

NẾU xứ Ê-Cốt là đất lành của những người sợ rắn (thật ra thì ai lại không sợ rắn !) thì xứ Tanganyika ở Phi-châu lại là giang sơn của rắn và của cả Người Rắn. Xin nói mau Người Rắn đây là những thổ dân thừa-tài chế ngự rắn. Họ tự nhận là Người Rắn như ở Congo có Người Beo, Người Cá Sấu : đây là tên gọi những người đội lốt da beo hay da cá sấu khi thi hành một việc gì thường thường có tính cách giết chóc.

● 8 giai từng trong hệ thống Người Rắn

Người Wanyamwesi (sắc dân của người Rắn) ở Tanganyika chỉ nhận lệnh của hai tộc họ đang cai trị : tộc họ của tù trưởng và tộc họ Rắn có máu chúa. Tộc họ đầu cai trị dưới sự kiểm soát của chánh quyền trong khi tộc họ thứ nhì hoạt động trong bóng tối. Tuy vậy, chính nó mạnh hơn, khống chế cả các « tù trưởng » mà một số đông là Người Rắn.

Trên thực tế khó ước lượng đích xác số Người Rắn trong sắc dân Wanyamwesi. Chỉ biết

NGÀY XUÂN

mời bạn
đi thăm

GIANG - SƠN
NGƯỜI

RẮN

★ Lưu-Bàng

họ có đến hàng vạn, và được chia thành 8 thứ bậc. Càng lên đến đỉnh của 8 thứ bậc càng khó khăn. Những người tiến đến bậc cao rất ít. Họ phải được huấn luyện đặc biệt sau khi trả những số tiền công to lớn. Mỗi thổ dân có óc thông minh, các đức tính cần thiết, các phương tiện, có thể tiến lên tới bậc thứ bảy. Bậc thứ tám chỉ dành cho những Người Rẻn có máu chúa.

● Người Rẻn cần hiểu biết nhiều

Địa-vị cao nhất trong giai cấp Người Rẻn được truyền kế. Giữ địa-vị đó là vị mutemi hay chúa tể. Khi chết, ông ta truyền quyền lực lại cho con trai trưởng của người chị hay em gái lớn tuổi nhất. Người ta không hiểu vì sao có thông lệ đó. Có lẽ do sự thừa kế theo mẫu hệ phức tạp từ xa xưa còn sót lại.

Thấp nhất trong Đế quốc Người Rẻn là những tay hành nghề thường. Những người này

là cố-vấn cho dân làng trong những vấn đề thuốc men, luật-lệ, nhà cửa, thần linh vân vân... Bấy nhiêu cũng đủ cho thấy Người Rẻn cần có nhiều kiến thức. Họ ảnh hưởng rất mạnh lên đời sống của dân làng.

Có lần một nhà thảo cầm học từ Hoa Thịnh Đốn được phái sang Tanganyika để thu thập một số chim lạ và rắn đem về cho thảo cầm viên. Ông ta bắt được đủ loại chim ông ta muốn, nhưng trái lại ông không bắt được một con rắn nào, tuy rắn rất nhiều trong vùng. Cứ mỗi khi ông định săn rắn là những thổ dân phụ giúp ông nhất loạt từ chối không chịu theo. Họ lại có vẻ sợ sệt là khác. Thì ra tại đây chỉ Người Rẻn mới có quyền bắt và giết rắn.

● Bán rắn tính theo thước

Biết như vậy rồi, nhà thảo cầm học mới tìm cách làm quen với Người Rẻn và mua rắn của họ. Từ đó tình thế thay đổi hẳn:



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/DPDC

trong vòng ba tháng phải bỏ đã bắt được và phân loại hơn năm ngàn con rắn. Từ mọi nơi, thổ dân đem rắn đến bán. Họ không bán từng con mà bán tính theo thước. Làm thế nào đo được bầy rắn lúc nhúc trong giỏ mây? Người Rẻn giải quyết rất gọn. Họ mượn thước đặt nằm xuống đất rồi thọc tay vào giỏ nắm cổ từng con rắn ra, kéo dài thân rắn theo chiều cây thước hết như mấy cô bán hàng đo sợi ruban. Nên nhớ trong giỏ toàn rắn độc. Có con giện dữ mồm vào bàn tay lực lạo của Người Rẻn, nhưng họ điềm nhiên không hề hấn gì cả.

Theo qui tắc của khoa học và của thực nghiệm, họ đã ngã ra đầy chết từ lâu rồi nhưng không, họ cứ tiếp tục nắm cổ từng con rắn ra đó tuồng như đó là những con trùn hiền lành vô hại.

Không nói ta cũng rõ Người Rẻn được miễn nhiễm trước, chống lại mọi thứ nọc độc của rắn.

● DT độc trừ độc

Thứ thuốc giúp miễn nhiễm

được Người Rẻn gọi là Lukago. Chất Lukago được xoa lên những vết chích cắn năm dọc dài ở nhiều nơi khác nhau trên cơ thể. Đó là một thứ bột đen thật nhuyễn giúp cho Người Rẻn mạnh hơn cả nọc của những con rắn độc nhất.

Chỉ có «chúa tể» đế quốc Rẻn mới có quyền chế tạo Lukago đem bán cho thuộc hạ. Lukago gồm nhiều thứ bột pha trộn với nhau làm thành, trong số có cả chất mkalia kích thích tim.

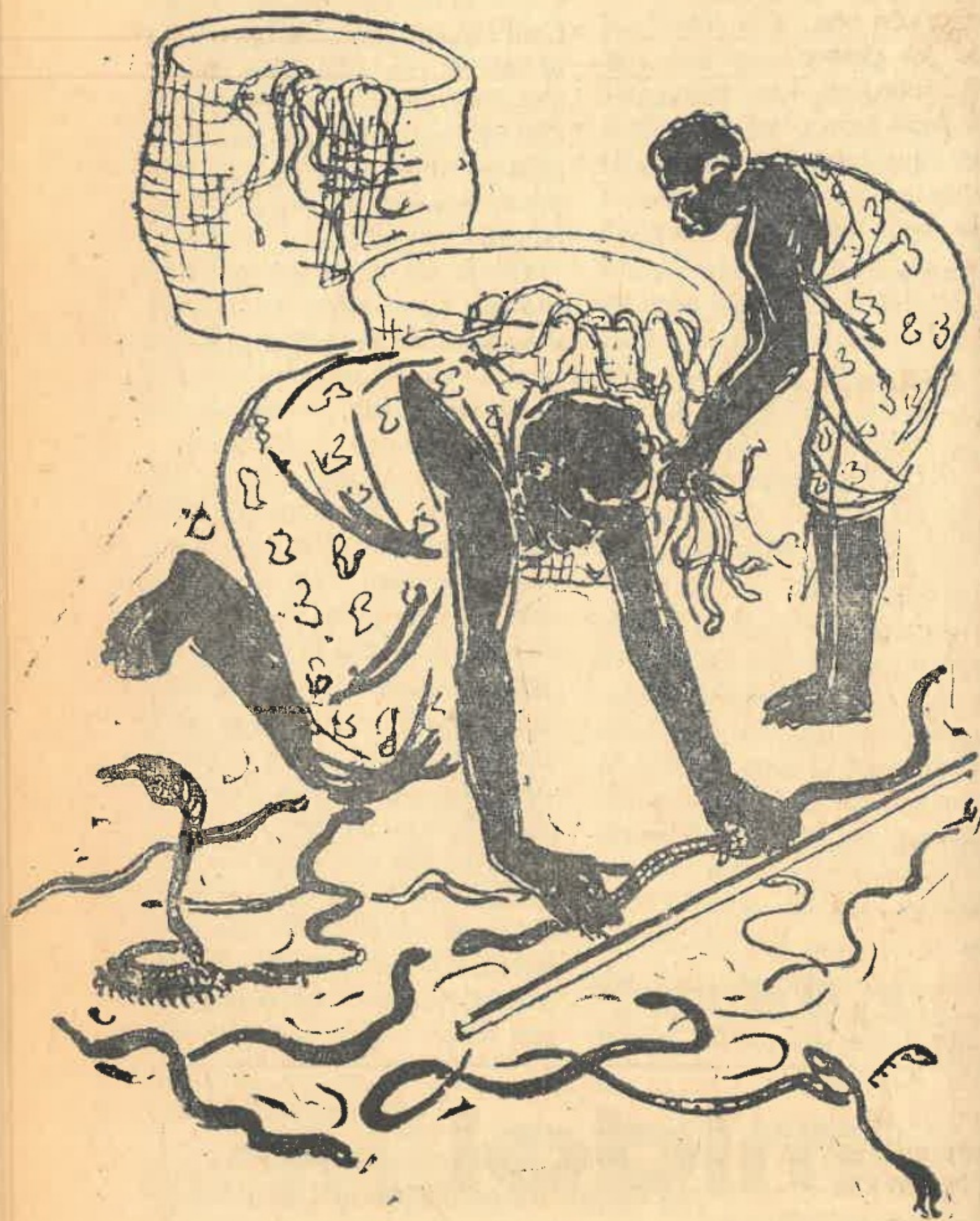
Đầu tiên là bột đuôi và đầu những con rắn độc nhất phơi khô rồi giã nhỏ. Bột này được dùng với quan niệm dĩ độc trị độc, sự áp dụng không khác phương pháp chủng đậu của thế giới văn minh. Mấy tuần lễ năm đầu tiên, Người Rẻn được chích vào dưới da với những số lượng nhỏ, rồi sau đó mỗi năm chỉ phải chích lại có một lần.

Kể đó đến gân chân của kên kên vì kên kên có vuốt rất khỏe không dễ cái gì thoát bao giờ. Rồi óc của cú giúp cho Người Rẻn có cái khôn ngoan của viên phù thủy.



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BYT/DPDC



GIANG SƠN NGƯỜI RẼN

Người ta còn hòa nhiều chất khác : óc và chân của con linh cầu vì lý do con linh cầu rất khéo, chân nó luôn luôn đem nó ra khỏi chốn nguy hiểm và óc ngăn không cho nó trở lại chỗ đó. Người ta thêm mắt và mũi của con chó rừng vì chó rừng nhờ mắt và tài đánh hơi để theo dõi con mồi.

● Mỗi hơi thở làm đau cơ thể

Muốn gia nhập hội Người Rẻn, ứng viên phải chịu tiêm chất lukago ở 200 điểm trên cơ thể. Kể đó, ứng viên mới chính thức làm lễ nhập hội bằng cách học ý nghĩa mấy vật tượng trưng, chịu mấy lần thử thách và cuối cùng ứng viên phải dùng tay không bắt một con rắn để chứng tỏ lòng tin tưởng của mình nơi thuốc vừa tiêm nhiễm.

Khi mới tiêm vào, thuốc hành dữ dội. Đầu nhức nhối như có muôn ngàn cây búa đua nhau đập trong đó. Nhưng qua một đêm, chứng nhức đầu lui mất, dương sự cảm thấy vui vẻ yêu đời lạ thường.

Mặc dầu được miễn nhiễm sẵn, nhưng để đề phòng những trường hợp quá cấp bách, mỗi khi đi đâu Người Rẻn cũng mang

theo rất nhiều thuốc. Vì quần áo họ quá đơn sơ không có túi nên họ trét những chất thuốc đem theo lên trên áo và phơi khô. Khi có dịp cần dùng, họ chỉ việc nhúng vải vào nước để lấy ra chất thuốc. Về những bánh bột và bột nhuyễn không thể áp dụng kiểu trên, họ đựng trong những cái bầu nhỏ cột ngay vào thắt lưng.

Việc tiêm chất Lukago chỉ là giai đoạn đầu cho việc gia nhập hội. Như trên đã nói, Người Rẻn có nhiều tài năng lạ ngoài đặc điểm trừ được nọc độc của rắn. Sang giai đoạn hai, ứng viên phải mang một thắt lưng bằng gai thật nhọn suốt đêm. Mỗi cử động, mỗi hơi thở của ứng viên sẽ khiến hằn vô cùng đau đớn vì hàng trăm mũi nhọn của gai sẽ đâm vào da thịt của hằn.

● Da trở thành cứng

Chịu đựng thử thách cam go này xong, sang ngày thứ ba ứng viên sẽ phải nằm trên giường gai ; có điều là giường gai này sẽ không làm hằn đau đớn nữa ; các tay chuyên môn đã biến những cái gai kia mềm nhũn như cỏ đối với da thịt của ứng viên.

Cuộc lễ được diễn ra trước mặt đông đảo dân làng. Trước hết, người ta giã một bó lá trong cối, thỉnh thoảng có đồ nước thêm vào để biến thành như một thứ « súp ». Trong khi đó, một số người khác lo đóng 4 cây cọc theo hình vuông trong đó trải một lớp gai nhọn vừa bẻ.

Ứng-viên được trát bột lá vừa giã được lên lưng, được đưa đến bên giường gai để nằm trên đó. Ứng-viên không quên cựa hình thắt lưng gai đâm rồi nên ngã lưng xuống thật từ từ, lên trên những mũi gai tua tủa.

Nhưng rồi sau đó về khở sờ áy náy trên mặt hần biến mất, nhường chỗ cho một sự ngằn ngơ đến buồn cười. Hần không cảm thấy đau gì cả. Bột lá quét trên lưng giúp cho da hần cứng không thua da con hươu cao cổ. Đó là một thứ thuốc thật mạnh khiến cho không cây gai nào đâm thủng nổi da thịt. Những khi đi săn rằn, Người Rằn thường thoa thuốc này lên bàn tay và cánh tay.

Trò nằm giường gai được bày ra nhằm củng cố lòng tin của

ứng-viên nơi thuốc của Người Rằn.

● Nếu ngắm nọc Rằn

Giai-đoạn cuối cùng mà ứng-viên phải trải qua là tự tay bắt rằn độc sau khi được thoa đủ loại thuốc cần-thiết. Nếu hần bị rằn cắn mà có vẻ chịu không nổi, người ta sẽ để mặc hần chết chớ không cứu vì cho rằng vong hồn Tồ Tiên không chấp nhận hần. Bằng hần không cảm thấy gì hết, hần sẽ tin tưởng mạnh nơi thuốc ngừa, sự tin tưởng mà Người Rằn nào cũng cần có. Vì không đủ tin tưởng hay vì thuốc thoa không đều, ứng-viên vẫn bị rằn cắn chết, nhưng trường hợp này rất ít khi xảy ra.

● Nhờ sống gần thiên nhiên

Một số du-khách tây-phương may mắn có dịp giao thiệp với Người Rằn và được tặng một số thuốc mà Người Rằn thường dùng đã đem những thuốc này về Mỹ. Tại đây sau khi nghiên



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T/DPDC

cứu phân-tích trong các phòng thí nghiệm, chuyên gia phải nhìn nhận rằng những thứ thuốc-kia có một giá trị đặc biệt. Nhiều phái bộ được tổ chức trở lại Tanganyika không phải để bắt rằn hay bắt chim nữa mà là có nhiệm vụ tìm tòi những thuốc do Người Rằn phát giác và dùng từ lâu.

Các nhà bác học Mỹ trẻ trung, trên phương diện thảo dược, đã trở thành những học viên chăm chú của Phi châu huyền bí cổ xưa.

Cuộc tìm tòi đưa đến một kết quả hết sức bất ngờ trên địa hạt y-khoa : huyết thanh của rằn hồ mang giúp trị được nhiều trường hợp bệnh ấu liệt. Như vậy là thiên nhiên vẫn chưa hé mở hết tất cả những bí mật của nó và những người có khả năng hiểu thiên nhiên hơn hết thường thường là những người sống gần nó nhứt và hiểu biết nó : người Phi châu ở trong hạng đó.



★ NGƯỜI YÊU LÝ TƯỞNG

Hai cô gái loại vừa gặp nhau bàn định lập hội GMC một cơ hội :

- Mày đã gặp người yêu lý tưởng chưa ?
- Có, tao đã gặp chàng.
- Ừa sao không ưng chàng sống làm gì thành gái già mất.
- Tao muốn lắm chớ, khổ nỗi người yêu lý tưởng của tao lại gặp người yêu lý tưởng của chàng nên hai người cứ nhau rồi.



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T/DPDC

xuân gác trọ

★ ĐÌNH TRẦN CA

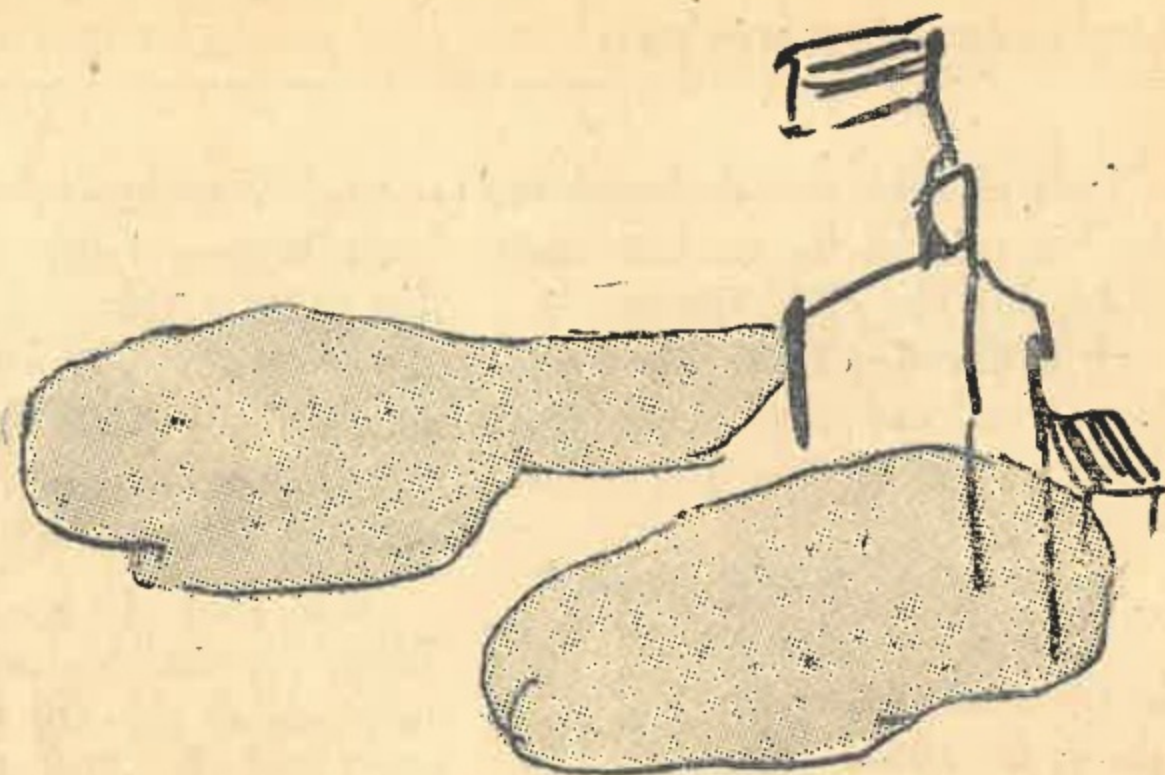
bây giờ là mùa xuân
mưa nhiều nên rất buồn
căn gác trọ trống vắng
mình tôi ngồi ngó sông

hai thằng bạn khấn gói
về quê từ hôm qua
đứa bàn-cờ — gia-định
chắc vui cửa vui nhà
chắc em hân mừng lắm
chạy ùa ra đòi quà
chắc mẹ hân mừng lắm
cười nhăn-nheo làn da
chắc lòng hân cũng vui
nhìn gia đình sum họp
(mày còn có ngậm-ngùi
nhớ những ngày gác trọ
lộc-cộc chiếc xe cùn
buồn mai đứa tới sở
đứa lang thang vào trường
đứa nằm ôm căn gác
nghe rưng rức niềm thương...
những điều thuốc hút chung
những mẩu chuyện trong tối
những giọng ca thật buồn



nhớ một lần tao khóc
vì lời ca của mày :
« em ơi đừng đến nữa,
đừng đến nữa, em ơi... »
nhớ một lần mày khóc
vì bài thơ của tao :
« từ quê hương xóa bỏ,
tôi vào đời bơ-vơ... »
nhớ một lần mình khóc
chuyện quê hương bây giờ...
ôi, những thằng con trai
đi vào đời quá sớm...)

bây giờ là mùa xuân
mưa nhiều nên thật buồn
căn gác trọ trống vắng
mình tôi ngồi ngó sông...



MÂY TRÊN ĐÌNH NÚI CAO

TRUYỀN NGÂN

★ Nhất-Tuần

CẢ nhà quây quần trên divan
đánh tam cúc. Cụ Triều đã
lên gác nghỉ sau khi dặn
Loan và Vân phải canh chừng để
người nhà cho củi đều vào lò bếp
nấu bánh chưng.

Tiếng cười nói vui vẻ của lũ
em và cháu Vân ríu ra ríu rít làm
Huấn cũng như thấy vui lây với
không khí gia đình nhà Tùng
trong đêm Trừ tịch năm nay.

Loan thấy con Phụng ôm cổ
Huấn tay vò vò tóc chàng, khe
mắc con :

— Kia Phụng... hôn nào.
Sao con lại vò rối cả tóc bác lên
thế.

Con Phụng mới 5 tuổi. Nó
mến Huấn vì chàng thường mua
kẹo và bế nó nên lúc nào Huấn ở

nhà là nó sà vào lòng chàng. Mặc
dù mẹ mắng Phụng vẫn cứ vò
đầu Huấn và cười như nắc nẻ.

Tùng phải giơ tay ra bế con :
— Lại đây với bố nào...
Phụng. Để cho bác đánh bài
chứ.

Huấn bỗng Phụng đứng dậy :
— Thôi, ai vào thế chân tôi
đi, tôi bế cháu tôi đi ra salon
ngồi một lát.

Hình như có vài tiếng pháo
đẹt đẹt nổ đâu xa vắng lại làm
Phụng giật mình ôm chầm lấy
cổ Huấn.

Thấy Huấn đứng dậy, Tùng đề
cho mấy đứa nhỏ chơi rồi chàng
với Vân, Loan cũng đứng dậy đi
theo ra phòng khách.

Tùng rót rượu ra mấy ly nhỏ và bảo Vân mở tủ lấy gói khô nai. Chàng đưa cho Huấn một ly :

— Minh uống lai rai đợi giao thừa. Năm nay Huế lạnh quá, không khác gì tết năm kia có anh ở đây nhỉ.

Huấn nhấp một chút rượu :

— Kể ra tiết xuân mà thế này thì hệt là khí hậu ngoài Bắc đây. Nhưng tôi không thấy lạnh mà chỉ thấy nhớ quê hương thôi. Vân đề khô nai vào đĩa, khế suýt soa :

— Trời ơi, rét thế này mà anh Huấn còn bảo không lạnh à ? Bộ anh là người sắt chắc.

Huấn khẽ cười :

— Không là người sắt, nhưng đi lính lâu chịu lạnh nhiều cũng quen rồi. Vân không biết rằng chúng tôi đóng đồn ở núi còn lạnh hơn thế này nhiều.

— Nếu ở núi cao mà lạnh lắm có tuyết lắm phải không anh Huấn ?

Tùng bật cười nhìn Vân :

— Cô Vân ngây thơ quá. Ở xứ mình làm sao mà có tuyết được.

Loan thật thà :

— Nhưng đời lính nghĩ thật là khổ anh Huấn nhỉ. Sao anh không cố xin giải ngũ về đi dạy lại. Rồi tính chuyện lập gia đình nữa đi chứ.

Huấn đưa Phượng lại cho Tùng. Nó đã thiu thiu ngủ trên vai chàng từ lúc nào. Vân ngồi ở gần Loan tay đang đau, nhưng nàng có vẻ lắng tai nghe câu trả lời của Huấn. Một lát, Huấn uống nốt ly rượu và nói với Loan :

— Chắc xin giải ngũ bây giờ hơi khó chị ạ. Thời buổi chiến tranh này Quân đội còn cần có thêm người, ai họ cho mình về ?

Tùng giọng thân mật :

— Nhưng cậu cũng liệu liệu mà lấy vợ lấy con đi thì vừa chứ. Ba mươi tuổi đầu rồi còn gì nữa ? Mới ngày nào bọn mình còn đi học mà bây giờ cậu thấy không ?—Tùng chỉ vào lũ nhỏ đang chơi bài nhưng chợt nhận ra chúng đã ngừng chơi và nằm ôm nhau như sắp ngủ —

— Đó lũ lợn con đó ! 4 đứa rồi...

Quay sang Loan Tùng bảo vợ :

— Em bế con vào phòng cho nó ngủ đi. Chưa chi chúng nó đã ngủ quay ra cả thế mà lúc này cứ tranh nhau đánh bài để đợi giao thừa... lấy tiền lì xì.

Loan đến bế con và nàng nhắc Tùng :

— Anh nhờ cô Vân bế Phượng rồi anh lại « khênh » thẳng chớ Tuấn lên gác chứ. Nó nặng như cái cối xay vậy, em không bế nổi đâu.

Huấn và Tùng cùng cười vui vẻ. Rồi Tùng đứng lên trao Phượng cho Vân :

— Cô bế hộ cháu một lát và ngồi nói chuyện với « ông nhà binh » này. Tôi đưa các cháu lên gác và lo xem lại bàn thờ để mời me đây. Hơn mười một giờ, cũng sắp giao thừa rồi.

Huấn ngồi lặng lẽ hút thuốc. Tiếng vợ chồng Tùng ở trên gác vọng xuống xen lẫn với tiếng lịch kịch sửa soạn bàn thờ trên đó. Vân bế cháu và tiếp tục đan, nhưng nàng đã làm rồi lên đến 3. 4 lần. Dưới ánh đèn, má Vân đỏ hồng, mái tóc xòa dài và

khuôn mặt nàng trông thùy mị dịu hiền.

Huấn chợt thấy là Vân đã nhón bông lên, khác hẳn với Vân, cô em gái nhỏ ngày nào.

Vân ngược lên và bỗng bắt gặp Huấn đang dăm dăm nhìn mình nàng vội cúi đầu xuống, bên lên. Hơi khói thuốc bay tản mát và Vân khẽ ho vài tiếng. Thấy Huấn định dập diếu thuốc cháy dở, Vân vội nói :

— Anh cứ hút đi, em có sợ khói thuốc đâu.

— Cám ơn Vân. Nhưng tôi cũng 2út nhiều quá rồi.

Rồi chàng dụi diếu thuốc đi. Một lát, Vân khẽ hỏi :

— Anh ăn Tết ở đây bao lâu ?

— Ba ngày. Mồng hai có chuyển máy bay về đơn vị, tôi sẽ xuất hành đầu năm bằng... phi cơ vậy.

— Đơn vị anh vẫn ở núi à ?

Huấn lắc đầu :

— Không, lần này thì ở rừng ! Có cả núi cả rừng nhưng chính tôi đã « hạ sơn » để... vào rừng ăn Tết.

Vân chớp mắt ngừng tay đan :

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

MÂY TRÊN ĐỈNH NÚI CAO

— Tôi quá nhí, vào rừng thì ăn Tết với ai được ?

Huấn mỉm cười vui vẻ, nhưng nụ cười lại tắt ngay trên môi. Chàng chăm chăm nhìn vào mắt Vân :

— Vì thế tôi mới xin về Huế để ăn Tết ở đây với cụ với anh chị Tùng và...

Vân mở to mắt, lặng yên đợi Huấn nói tiếp. Nhưng lòng nàng hồi hộp và thần trí rung động khác thường. Nàng biết rằng mình đã yêu Huấn từ lâu, từ cái tết năm kia, khi Vân còn là cô nữ sinh Đệ nhất trường Đồng Khánh. Năm đó Huấn cũng về ăn Tết với gia đình anh chị nàng. Nhưng Huấn chợt đến rồi chợt đi như những đám mây, để Vân băng khuâng mãi, vì trong thời gian ngắn ngủi của mùa xuân năm ấy nàng đã có cảm tình với Huấn và Vân đã yêu chàng bằng mọi tình đầu của người con gái học trò vừa lớn.

Vân biết là Huấn cũng có cảm tình với mình nhưng hình như chàng vẫn ngại ngùng không muốn nói ra.

Thấm thoát hai năm qua, bây giờ Vân đã là một cô giáo. Nàng vẫn cứ thầm mong, như năm ngoái nàng đã thầm mơ ước Huấn sẽ về lại để ăn Tết ở Huế. Điều

mong ước của nàng năm nay đã thành sự thật. Huấn không có gia đình trong Nam. Tùng là bạn học thân của chàng. Hai người quen nhau từ khi Vân mới chỉ là cô bé học lớp Ba lớp Nhì ngoài Hà Nội.

Noël rồi Tùng nói cho nhà biệt là đã nhận được thư Huấn và có



MÂY TRÊN ĐỈNH NÚI CAO

lẽ Huấn sẽ về Huế ăn Tết với gia đình. Nghe anh nói Vân vẫn khắp khởi mừng.

Bây giờ Tùng ngồi đây, trước mắt nàng. Con người quân nhân ấy, với da mặt sạm đen, đôi mắt sáng cương nghị nhìn ai cũng như thu hút. Huấn con người đó .. đã làm nàng nhớ thương mong đợi, mà nàng không hiểu, không sao hiểu nổi và không sao giải thích được là tại sao nàng lại yêu thương chàng đến thế. Có phải những kỷ niệm thòt thơ ấu, luôn luôn Huấn chiều Vân, mua kẹo và đồ chơi cho Vân, điều đặc biệt khác hẳn với những người bạn của anh nàng ? Hay tại vì Vân biết Huấn sống cô đơn một mình không họ hàng thân thích nên nàng vừa quý vừa thương chàng, và từ đó nảy ra tình yêu chân thành ? Hay bởi vì Huấn đang sống cuộc đời đầy gian lao nguy hiểm và nàng đã tìm thấy sự say mê hòa hợp với mẫu người lý tưởng vừa hào hùng vừa có vẻ như xa lạ đó ? Vân không hiểu được vì những nguyên do nào, nhưng nàng biết nếu phải xa Huấn chắc nàng sẽ đau khổ lắm.

Vân, nhiều lúc nghĩ rằng, không

hiều như thế có phải là tình yêu không ? Những nỗi xao xuyến, những cảm tình man mác, nhẹ nhàng trong lòng nàng, phải tế nhị nhận mới thấy rõ được. Thấy rõ nhưng không sao giải thích nổi.

Tiếng Huấn hỏi làm nàng giật mình. Huấn đang nhìn nàng và chàng nói qua nụ cười :

— Tôi hỏi không biết năm nay ... có phải lì xì cho cô Vân nữa không đây ?

— Sao lại không ? Anh không lì xì thì "đông" cả năm của em, em sẽ bắt đền đó.

— Lớn rồi mà em đòi lì xì. Như thế chắc Tết nào Vân cũng mong tôi về... để lì xì chắc.

Tiếng Vân trả lời, giọng thoảng như hơi gió nhẹ :

— Vâng, năm nào em cũng mong anh về hết.

Một vài tràng pháo đón giao thừa sớm nổ vang trong đêm khuya. Gió lạnh từ ngoài len qua các kẽ cửa vào phòng. Huấn nhìn lơ đãng lên những cuốn lịch tết treo rải rác trên tường. Và chàng cười buồn, giọng trầm trầm :

Dùng

midol

1360/BY.T/DPDC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

— Tôi cũng.. biết thế. Nhưng đời lính có bao giờ biết trước được cái gì sẽ xảy ra. Có thể tết này tôi về đây, nhưng Tết sau tôi sẽ ở một miền núi rừng heo hút nào...Hoặc có thể... tôi cũng sẽ không bao giờ được ăn tết với Vân như năm nay nữa.

Vân khẽ thở dài, nhưng nàng vẫn dịu dàng :

— Anh nói làm Vân buồn quá. Cũng như mỗi lần anh về đây chỉ vài ngày ngắn ngủi. Rồi anh lại vội vàng bỏ đi... Như những đám mây chả bao giờ ở lâu một chỗ nào.

— Vân nói đúng. Đời quân nhân đúng là lang thang như những đám mây. Mây thì còn ở lâu một chỗ nào được. Trừ phi ra.

Huấn dừng lại, nhưng Vân dục :

— Trừ phi ra làm sao hả anh Huấn. Anh nói tiếp đi chứ !

Ngập ngừng một lát, Huấn nói tiếp :

— Trừ ra khi mây gặp những đỉnh núi không bay được mới phải dừng lại.

Vân, giọng hồn nhiên và mắt nàng bỗng như long lanh hẳn lên :

— Mây sẽ tụ lại ở những đỉnh núi như anh nói.

Nếu thế, chắc những đỉnh núi giữ được mây phải là những ngọn núi cao lắm nhỉ.

— Có lẽ thế... nhưng chắc cũng chả có ngọn núi nào muốn ràng buộc những đám mây giang hồ lại lâu đâu. Nhiều khi anh vẫn nghĩ, không hiểu nếu cứ sống trong quân ngũ thế này cuộc đời của anh sau sẽ ra sao. Lúc này chị Tùng có nói sao anh không lo chuyện gia đình. Nhưng sự thật anh không muốn làm khổ những người thân yêu. Những góa phụ trẻ, những chiếc áo đen, những vành khăn trắng trên mái tóc xanh. Những hình ảnh đó anh nghĩ đến và thấy mình sẽ bất nhẫn nếu vì lợi ở mình mà phải xảy ra những hoàn cảnh đó.

Ngừng một lát Huấn tiếp tục :

— Mà em nghĩ cuộc đời sống trong quân ngũ thì mấy ai có thể tin rằng mình sẽ gặp may mắn mãi.

Vân cười buồn. Nàng hiểu ý Huấn muốn nói. Tại sao Huấn cứ lo cho nàng trong khi đó nàng lại cũng cứ lo cho Huấn và mong sao có thể chia sẻ được những nỗi cô đơn, những phút nguy hiểm mà Huấn phải chịu. Cả hai

người đều nghĩ đến và mỗi người thương yêu nhau bằng một quan niệm khác nhau. Huấn không muốn nói hẳn ra là chàng đã yêu Vân đề... nếu trên chiến trường có gặp mệnh hệ nào chàng cũng tự an ủi là không hề làm khổ Vân. Nhưng Vân, nàng đâu có nghĩ như Huấn. Tình yêu hiện ở trong lòng nàng, ngay trước mắt qua hình ảnh Huấn. Tình yêu ấy khi ẩn khi hiện, khi man mác như hương hoa dạ lý trong đêm khuya. Khi rõ rệt như nỗi nhớ thương vì xa cách.

Như thế Vân đã thấy rõ là Huấn đã yêu nàng. Điều nàng muốn biết chắc chắn, nàng đã được biết. Những nỗi thắc mắc,

những câu hỏi từ bao lâu nay nàng không trả lời được, bây giờ đã được giải tỏa. Mặc dù biết rằng vì chiến tranh, có thể... Huấn sẽ kéo dài tình trạng này, nghĩa là chàng sẽ không nói với Tùng đề hỏi cưới Vân. Nhưng ai cấm Vân và Huấn cứ yêu nhau và chờ cho đến khi chấm dứt cuộc chiến tranh tàn khốc trên đất nước hiện nay.

Vân sẽ chờ đợi và nàng tin rằng nàng sẽ thắng. Tình yêu, theo Vân nghĩ, không nhất thiết cứ phải vội ử đến mục đích ràng buộc nhau bằng những giấy tờ, bằng những lễ nghi đề hợp thức hóa qua một cuộc hôn nhân. Người ta vẫn có thể tự do yêu nhau và yêu nhau vĩnh viễn qua những



Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1300/BY.T/DPDC.

giây phút thương yêu trong xa cách và trong sự chờ đợi với tất cả niềm tin mãnh liệt của cả hai người.

Trong giây phút Vân bỗng thấy lòng mình sung sướng đến tột độ. Nàng tưởng như hạnh phúc đang bao quanh mỗi tình êm đẹp của Huấn với mình. Phải chi đừng có chiến tranh nữa để Huấn về sống bên nàng thì thật là tuyệt diệu biết bao.

Chuông nhà thờ, chuông chùa chợt vang lên báo giao thừa đã đến. Những tràng pháo mừng Xuân nổ rộn ràng. Mùi hương trầm bay ngào ngạt.

Có tiếng Loan gọi Huấn và dục Vân lên làm lễ giao thừa. Huấn và Loan cùng đứng dậy. Chàng rót rượu ra cho đầy tràn chiếc ly nhỏ.



★ CHUYỆN ĐIÊN

Trong nhà thương đến Biên Hòa, hai anh chàng điên cứ đánh nhau mãi vì người nào cũng đòi làm Napoléon.

Tức giận bác sĩ giám đốc nhất cả hai chung với nhau trong một căn buồng chật chội tám tối. Ba hôm sau, khi bác sĩ lui họ ra thì thấy hai người đã thân thiện nhau.

Bác sĩ hỏi :

— Sao, hai anh hòa cả làng à ?

Một người điên bảo :

Vâng, vì nó làm Napoléon còn tôi làm hoàng hậu Joséphine.

— Tôi nâng ly độc ăm... để chú cho Vân một mùa xuân đẹp.

Vân đáp khẽ :

— Em cũng chúc anh như thế và mong sao sớm hết chiến tranh để...

Vân định nói « để cho mây không bay nữa mà dừng lại ở đỉnh núi của Vân », nhưng nàng lại ngập ngừng.

Chắc Huấn đã hiểu, nên chàng đến gần Vân nhẹ cầm lấy tay nàng và bảo :

— Vân cũng là « mây », Hồng Vân là « đám mây hồng ». Mùa xuân, mây hồng... Như em vừa chúc, nếu hết chiến tranh nữa thì thật tuyệt...

Ngoài kia mùa Xuân êm đềm đã đến. Thêm một năm mới nữa lại bắt đầu.



NHỮNG
CHUYỆN
TÌNH
ĐÂY MAU
VÀ
NƯỚC MẮT



DE POLIGNAC

● Nàng là ai ?

MỘT ác quỷ ẩn hình dưới lớp gai nhân, sôi động, quyến rũ, ánh mắt ngời sáng tình yêu, nụ cười trên đôi môi hồng đầy khích động, nàng biểu hiện cho người ta sự thèm khát, sự đón mời, không có không thể sống nổi.

Nàng là con rắn độc ẩn dưới lớp vẩy mỹ nhân có tác dụng lôi cuốn đàn ông phải quy lụy và sa ngã vì quả cảm ấy.

Nàng là một phụ nữ, một thể xác khác hẳn muôn ngàn thể xác khác mang đặc tính « nữ nhi » thường tình hay mang cuộc sống khuê phòng suốt cuộc đời.

— Nhưng nàng là ai ?

NGƯỜI ĐÀN BÀ
LÀ MARIE ANTOINETTE
GHEN HỜN VÀ ĐÔI TÌNH
BẠN RA THÙ

★ Nguyễn-Minh

— Tính danh nàng là gì ?

Nàng là một con người kiêu kỳ, đa cảm và rất ít khi chịu thúc thủ trước một trang tu mi nam tử dù cho đó là con người thép mang quả tim sắt đi nữa.

Nàng được người ta nể vì, trọng kính ngay khi tên nàng được gọi lên :

— Vigée-Lebrun de Polignac hầu tước phu nhân !

● Những ngày vàng son trong điện Versailles

Những ngày vàng son của hoàng hậu Marie Antoinette trong điện Versailles tiếp nối với các cuộc vui suốt sáng trện cười quanh năm, bà ăn tiêu hoang phí gần như không hề biết rằng dân chúng lúc đó đang bị kiệt quệ tài chánh đến mức tận cùng.

Đã thế các đảng phái chính trị như bảo hoàng của Richard, lieux, đảng tân Cộng Hòa của Mirabeau và đảng Cộng Hòa Xã Hội của Robespierre luôn luôn gây ra rối rắm, các cuộc tranh chấp giữa giai cấp vương hầu, vương bá với giai cấp bình dân diễn ra quyết liệt, cảnh tượng tàn giữa các « kiêu binh » Ngự Lâm quân của Richardlieux và Hiệp sĩ của các thái ấp, đã làm dân chúng phẫn uất vì đời sống trở nên khó khăn và kiệt quệ.

Tuy nhiên dân chúng khổ thì mặc dân chúng, Hoàng Hậu Antoinette vẫn làm như không biết gì khác hơn là các cuộc dạ vũ, đại tiệc long trọng thịnh soạn ở hoàng cung.

Nhưng cuộc sống của vị hoàng hậu này vẫn như thiếu thốn một cái gì vì bà cảm thấy không thể tự dối lòng, sau những đêm vui, tiệc tàn về lại cấm phòng, một mình một bóng

cô đơn bà như chán ngán, như ưu sầu tư lự.

Do đó, bà đã không ngần ngại san xẻ tình yêu với vài sĩ quan trẻ trung thuộc đội cận vệ hoàng cung. Trong số những chàng thanh niên có điểm phúc ấy, nổi bật lên là Đại úy Yolande de Polastron, mặc dù mới cưới vợ là một thiếu nữ tuyệt đẹp tên Julie Armand, vì Polastron năm đó mới 25 tuổi, còn trẻ sinh lực và nhựa sống.

Chính cũng bắt nguồn từ mối tình bất chánh đó, Polastron mới có dịp giới thiệu chị ruột của chàng là nữ hầu tước góa bụa De Polignac vào hoàng cung làm một mệnh-phụ phu nhân hầu cận hoàng hậu.

Nét mặt dịu dàng, duyên dáng, thân hình tuyệt mỹ đã khiến cả hoàng hậu Marie Antoinette phải ngợi khen trầm trồ và nhận De Polignac làm chị em kết nghĩa với nhau.

Thế là từ một người đàn bà tầm thường dù nàng là một phu nhân hầu tước, Polignac đã bước vào nếp sống vương giả vàng son không thua kém hoàng hậu Antoinette.

Bất kỳ cuộc vui nào, bất kỳ nơi đâu có bóng dáng hoàng hậu người ta đều thấy hai bên tả hữu đều có hai gương mặt quan trọng là nữ bá tước Artois và nữ hầu tước De Polignac.

Nhưng dù là một bóng phụ nhưng nàng không vì thế mà bị lấn át hay mất hút ở phía sau mà trái lại càng được đề ý và coi như đóa hồng rực rỡ xinh tươi.

Lâu dần, cuộc sống hoàng cung nội điện Versailles đều do Polignac quán xuyến, Hoàng hậu Marie Antoinette tất tất đều tin cậy nàng và giao phó nàng giải quyết những gì nàng thấy hợp và có lý.

Chính vì lẽ đó có kẻ nịnh nọt nàng đề nhờ cậy, có kẻ oán ghét nàng hoặc ganh tị nàng; nhưng một lời phán quyết của nàng được coi như đó là lời quyết định của Hoàng Hậu Marie Antoinette vậy.

Ngay trong cuốn nhật ký của De Polignac nàng cũng xác định rằng: « Trong thời gian này tôi sống trọn vẹn sung sướng mặc dù bên cạnh tôi có những kẻ luôn ganh ghét. Tôi lúc nào cũng tự coi như một người bạn Trung Thành của hoàng hậu vì thế tôi không lấy thế làm ngại ngùng, trái lại tôi còn cố làm mọi người hiểu tôi thêm và mến tôi hơn. »

● Khi bóng giai nhân lọt vào mắt vua

Bên cạnh những ngày vàng son trong cung cấm, De Polignac đã vượt xa hơn cương vị của nàng là tham dự vào chính trường, một địa hạt đối với nàng hãy còn mới lạ tuy nhiên không phải là không thú vị.

Nàng đã liên lạc với một số chính khách như bá tước Maurepas, Bezenval, hầu tước Vandreuil, quận công Liancourt và cả thi sĩ Voltaire. Năm đó là năm 1783, tình hình Ba lê càng trở nên rối rắm. Chính bá tước Maurepas người cố vấn chính trị của Polignac đã bày vẽ kế hoạch cho nàng:

— Thừa mệnh phụ, theo ý tôi nghĩ không gì đưa bà tiến xa hơn trên đường sự nghiệp hơn là chính-trị.

De Polignac cũng nhận thấy như vậy nên nàng quyết tâm phải tiến xa, nàng tích cực lợi dụng quyền hành có được do hoàng hậu Marie Antoinette phú thác mặc tình thao túng. Nàng xuất công nho giúp binh sĩ, dân

Đừng midol

Trị các chứng đau nhức và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1300/BXT/DPDC

chúng, giải quyết các vụ tranh chấp giữa binh dân và vương hầu thái ấp nhưng phần thắng thường về phía binh dân, vì đó là kế hoạch của Polignac để chinh phục nhân tâm.

Nhưng đồng thời với các việc làm để tạo uy thế, De Polignac còn là một người đàn bà cũng rất tinh cảm, nàng thường để tâm tìm một ý trung nhân thế mà ngoài Maurepas người nàng kính hơn yêu chẳng còn ai.

Trong những ngày hoạt động chính trị, nàng đã hội ngộ với một chàng nghệ sĩ tài hoa nhưng kiêu kỳ đó là Voltaire. Mặc dù là thi sĩ Voltaire vẫn tỏ ra có tài ăn nói và tài chinh trị do đây chẳng mấy chốc nàng để ý đến chàng thi sĩ ấy và ngầm giúp đỡ.

Cuộc tranh ghề vào nội các diễn ra vô cùng sôi nổi, các chính khách đều tận tình tranh đấu tuyên truyền cho mình nhưng Voltaire vẫn bị thất bại, chán nản ông bỏ cả sự nghiệp chính trị quay về sống cuộc đời nghệ sĩ say men rượu và say hồn thơ.

Sự ra đi của Voltaire đã vô tình khiến cho De Polignac khô

sở vô vàn, nàng thần thờ như mất hồn, tình yêu tưởng sắp đến lại hóa ra mù khơi và hình bóng của Voltaire đã vụt mất tận đáy linh hồn nàng.

Không ngờ trong khoảng thời gian con tim De Polignac hầu như rướm máu, thì nàng lại lọt vào mắt xanh của ông vua bất tài hào sảng và đam mê của Pháp là Louis XVI.

Hôm đó,

De Polignac sau khi từ tư cung của hoàng hậu ra về lâu đài của nàng cũng trong hoàng cung, bất ngờ Vua Louis XVI đang ngự du trong vườn trông thấy, đôi mắt của người long lanh sáng, cõi lòng rạo rực và rung động kỳ lạ trước thân hình ngà ngọc của giai nhân. Louis XVI vội cho gọi viên cận quân là De hozier tới hỏi dò:

— Ta vừa gặp một bóng dáng tha thướt về phía lâu đài Gluck de Noce vậy đó là ai? Ta muốn mời người ấy tới diện kiến được không.

Chỉ mười phút sau, Louis XVI như ngờ ngẩn bàng hoàng khi giọng oanh thoả thễ:

— Tâu Hoàng thượng, thần

thiếp là De Polignac xin ra mắt và chờ lệnh.

Ồi đẹp làm sao.

Ồi xinh xắn thế nào!

Người đầu có người đẹp làm vậy, nhà vua như ngừng đập con tim, cõi lòng thăm reo lên như vậy, nếu ngày nào ngài coi Antoinette như báu vật của Áo quốc thì hiện tại trước sắc đẹp kiều diễm, trước làn da trắng ngà, khỏe thu ba quyến rũ đôi môi hồng khêu gợi của giai nhân, nhà vua cơ hồ hồn siêu phách lạc do đó ngài vội cầm tay Polignac nâng lên hôn mê mê rồi ngỏ lời ướm lòng:

— Trẫm lấy làm sung sướng hạnh ngộ cùng khanh, dù trẫm từng yêu hoàng hậu nhưng khanh chính là người phụ nữ để cho con tim trẫm rung động vô ngần. Nàng là ai ở đâu và có liên hệ thế nào với hoàng cung?

De Polignac chớp mau đôi mắt ươn ướt một cách ngây thơ nhưng khích động vừa cúi đầu thi lễ quân vương vừa thỏ thẻ:

— Tâu hoàng thượng, hạ thần chính là De Polignac phu nhân, thân tín của hoàng hậu, nhậm chức mệnh phụ nội cung hoàng hậu.

Louis XVI càng thấy nổi ham muốn dâng lên tận tâm tước, ngài không thể nào ngờ được rằng trong cung của ngài lại có được một giai nhân tuyệt trần như vậy. Thế mà từ lâu ngài mỗi morn chờ đợi một ngày duyên may đưa đẩy giao duyên với một trang sắc nước hương trời.

Sự gặp gỡ De Polignac đã khiến giấc ngủ của Louis XVI chập chờn như mộng ảo, trong giấc ngủ nhà vua mộng thấy vai kề tựa má với giai nhân và sống những ngày hạnh phúc thần tiên.

Vì thế mà từ đấy, cứ không mấy ngày nhà vua lại cho triệu Polignac sang cung phòng riêng để tâm tình. Từ đấy, đôi tâm hồn như hòa điệu, qua những vần thơ của Louis XVI, qua tình yêu sôi bỏng của De Polignac mà nàng vừa tìm thấy ở Louis XVI, hai người sống với nhau những giờ du dương thơ mộng nhất.

● Sóng gió dấy lên

Vốn mang tâm hồn đa cảm lãng mạn, De Polignac đã hầu như quên đi người bạn cũ Vol-

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1380/BYT/DPDC.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1380/BYT/DPDC.

taire, cũng như bỏ rơi cả hoàng hậu Marie Antoinette, sự thân thiết giữa hai người đàn bà không còn nữa, hằng ngày Louis XVI và Polignac thường gặp nhau khi thì họa vận làm thơ khi thì tiệc tùng vui say lúc lại mặc tình yêu đương nhau dưới các rặng cây trong vườn hoàng cung.

Lẽ dĩ nhiên việc gì rồi cũng tới tai hoàng hậu Marie Antoinette, dù là bậc hoàng hậu, Antoinette vẫn là một người đàn bà do đó cơn ghen và giận dữ bốc lên trong lòng bà mãnh liệt.

Hoàng hậu Antoinette cho đòi nữ bá tước Artois vào la quát:

— Ta không ngờ mệnh phụ Polignac được ta đối xử như hoàng thân quốc thích thế mà lại rấp tâm làm điều tồi bại.

Ai cũng biết, một khi hoàng hậu Marie Antoinette mà giận dữ là y như sắp mang thảm họa tới cho kẻ bị bà giận. Vậy mà Polignac vẫn coi như không có gì. Nàng mãi mê đắm chìm trong bể ái ân với nhà vua. Mọi việc triều chính nhà vua đều giao cho đức ông Richardlieu quyết định, dù cho nội các phản đối.

Tình yêu như đưa hai tâm hồn vượt không gian và thời gian, họ quên tất cả ngoại cảnh chỉ phối cùng như De Polignac

vẫn mãi miết rơi vào vòng tay cuồng nhiệt của Louis XVI, chính từ yếu tố đó mà Marie Antoinette đã căm tức tuyên bố bất đội chung trời với De Polignac.

Thế là từ đôi bạn thân thiết với nhau, hai người đàn bà đã trở thành thù địch. Nhưng đối với Polignac nàng cũng đâu phải tay vừa, tình yêu cuồng nhiệt đã đưa nàng đi tới chỗ liều lĩnh là công khai tranh với hoàng hậu, nàng quyết bảo vệ địa vị ưu thế là chiếm được trọn vẹn tình cảm của nhà vua, đến nỗi hoàng hậu vì quá hận nhục đã thọ bệnh.

Ngay khi ấy Louis XVI mới giạt mình trở lại thăm nom chăm sóc vợ. Nhưng như đã nói De Polignac là một người đàn bà khác hẳn những người đàn bà khác, nàng có một sức thu hút kỳ lạ khiến vua Louis XVI sau những ngày tạm trở lại với hoàng hậu đã thấy nhớ nhung hình bóng nàng mà cuối cùng vì không dẫn được nhiệt tình nhà vua đã trở lại điện Tuileries để rước de Polignac về chung sống tự do tràn trề trong sóng tình bể ái.

Lúc đó,

De Polignac như một con hồ ly có phép mê hoặc, đến nỗi Louis XVI không thể nào xa rời nàng nửa bước. Chính nhà vua đã phải tự thú:

— Trăm đã khuất phục trước uy lực ái tình của nàng.

● Những ngày cuối của đời nàng

Nhận thấy hạnh phúc trên tay mình đã bị tước đoạt bởi bóng dáng De Polignac, hoàng hậu Marie Antoinette đau khổ vô cùng, bà đã phải buồn bã thốt rằng:

— Tôi chịu thua bà ấy, bà ấy là ác quỷ lột gai nhân, chính tôi còn mê bà ấy thay, thì nhà vua làm sao tránh khỏi những quyến rũ của bà ấy.

Tôi mong rằng hoàng thượng sẽ tìm thấy hạnh phúc cạnh bà ấy.

Thế rồi Marie Antoinette thu dọn hành trang đi xa — tìm về tổ quốc để tạm lánh cơn buồn tủi đơn độc, lần đầu tiên bà đã phải nhỏ lệ chịu khuất phục trước một người đàn bà mà người ấy chính là bạn thân của bà.

Những ngày vắng bóng hoàng hậu đối với đôi tình nhân Polignac — Louis XVI thật là chuỗi thời gian tràn ngập hạnh phúc, họ tự do luyện ái và tự do sống trong tình yêu bùng dậy.



Một gương mặt hiền lành nhưng mang một nhiệt tình góm ghê

Tận cõi lòng người đàn bà góa phụ ấy, ngọn lửa tình như bùng cháy mãnh liệt hơn bao giờ, nàng niu niu lấy các ngày hạnh phúc đó với tất cả sự hài lòng và cương quyết.

Nhưng tình hình Balê bất an, nhà vua phải rời điện Tuileries để về lo giải quyết.

Còn lại một mình giữa lâu đài mệnh mông, De Polignac thấy đơn độc, thấy buồn ngán,

*trị các chứng đau nhức
và cảm cúm*

Dùng midol

1360/BY.T/BPDC.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

nàng lại lao đi tìm các thú vui như rượu chè, dạ vũ, vũ nhạc, tuy vậy cõi lòng nàng vẫn trống lạnh, trong khi đó Louis XVI lại phải bận rộn ở Bâle, ngọn lửa tình đang bùng sôi tự nhiên phải dừng lại. De Polignac đâu thể nào chịu đựng được do đó nàng lại lâm vào con đường của Marie Antoinette như trước kia là tìm vui trong vòng tay xác thịt cạnh các sĩ quan hầu cận trẻ trung, điều trở trêu hơn nữa là chính nàng lại lấy luôn cả em họ nàng mà De Polignac không coi việc ấy là tội hay phạm luân lý.

Ba Lê vẫn đắm chìm trong các biến cố, ngày 14.7.1789 cuộc cách mạng của đám bình dân do Robespierre và Mirabeau lãnh đạo nổi dậy, ngục Bastille bị phá, triều đình Pháp bị tấn công, Louis XVI bị bắt và đưa đi một nơi giam cầm. Hoàng hậu Marie Antoinette vẫn ở quê ngoại, nghĩa là không trở lại đất Pháp.

Riêng de Polignac nàng bị bắt sau cuộc cách mạng và bị đày quá khích cho rằng nàng chính là nguyên động lực gây ra mầm mống thối nát của triều đình. Mặc dù có vài người tận tình bênh vực nàng vẫn bị bắt giam và sau đó bị khép vào tội tử hình.

Trong những giờ phút chót của cuộc đời nàng viết cho vua

Louis XVI một bức thư tâm huyết :

— *Tâu hoàng thượng,*
Vì thiếp mà hoàng thượng hư nát cả ngai vàng và cơ đồ, vì thiếp mà cuộc cách mạng diễn ra, nhưng thần thiếp vẫn lấy làm sung sướng đã được kề cạnh thánh thượng và đáng hiển trọng vẹn cuộc đời để thánh thượng hạnh phúc tràn trề.

Nay có chết thần thiếp cũng mãn nguyện chỉ buồn cho thánh thượng mình vàng phải bỏn ba. Thần thiếp cầu xin ơn Chúa phù hộ thánh thượng chóng hồi cung. Thần thiếp bao giờ cũng yên và khắc ghi hình bóng hoàng thượng dù ngay cả ở cõi chết...

Kính chúc hoàng thượng trường thọ.

Thế rồi hai tháng sau, vào một buổi sáng, De Polignac bị đưa lên đoạn đầu đài chịu tử hình về tội phản loạn, nàng chết đi để lại cho Louis XVI một nỗi đau đớn vô vàn nhưng chẳng bao lâu nhà vua cũng lên đoạn đầu đài tìm sang bên kia thế giới với người yêu.

Cuộc đời tình ái của một người đàn bà chấm dứt, nhưng nàng vẫn để lại cho nước Pháp một vang bóng đó là Louis XVII, dòng máu của nàng với Louis XVI, tiếp tục chế độ quân quyền cho đến cuộc cách mạng 1848...



trăng xuân lạnh bên thềm hoa xuân cũ

Tặng Ngọc-Hàn

— Chúng mình gặp nhau
là do duyên trời định
chúng mình không gặp nhau
cũng do duyên trời định
hãy tin vào số mệnh
cho đời bớt u buồn
đừng nặng lời trách móc
đừng tỏ ý giận hờn
đừng phàn nàn toan tính thiệt hơn.
— Trong tình yêu vạn lỗi
có bao điều rắc rối
có bao nỗi đau buồn
cắt nghĩa làm chi cho nước mắt sầu tuôn!
— Hãy tìm trong mùa xuân
những sắc hương tươi thắm
những vẻ đẹp huy hoàng
cho mộng lòng say đắm
Có gì đâu
một ánh mắt nhìn nhau cũng đủ
một nụ cười chan chứa vạn niềm thương
đo lường chi tình cảm
đòi hỏi chi yêu đương
hãy cho nhau mà đừng bắt đòi trao
thế mới gọi là tình yêu chân thật.



Mưa xuân bay lất-phất
gió xuân lướt dịu-dàng
nhạc xuân về tô thắm mộng dài trang
trăng xuân lạnh bên thềm hoa xuân cũ.
Liều thôi ủ rũ
nắng đẹp tươi màu
Tình xuân ngây-ngất, rạt-rào
mừng xuân ta hãy đón chào Đ-ng-quân
chuyện lòng, thôi chớ băng-khuâng...

Xuân Ất-Ty, 1965

TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG
(Trong T.Đ.B.N.)



Nơi đến nhân-sinh-quan của mỗi người chúng ta là nơi đến một vấn đề rất rộng lớn- Mỗi người chúng ta thường tự hỏi : Ta sống để làm gì ? Ta sống thế nào ? Ta sống cho ai cho những gì ?....

Riêng đặt mấy câu hỏi trên đây, ta thấy dễ trả lời cho thỏa đáng người xưa cũng như người nay đã phải mất rất nhiều suy tưởng. Con người ta khi có trí khôn đều đã phải chọn lựa một nếp sống, một con đường đi và cứu cánh là phải đạt tới một cuộc sống tinh thần và vật chất sung sướng, thoải mái. Với các bậc cao nhân, cái quan niệm về cuộc sống đòi hỏi một lý tưởng xa vời khác với nếp sống của thế-nhân, nghĩa là các anh hùng hào kiệt không sống riêng cho mình, mà còn sống cho Nhân loại nữa. Và nếu không vượt tới chỗ

NHÀ NHỎ

VIỆT - NAM

phi thường trên đây, người có lý tưởng tưng tăng lớp trí thức mà ta gọi là kẻ Sĩ ước mong gì cho cuộc đời của mình ?

Ông Phạm văn Sơn sinh tại Bắc Phần (Việt Nam) năm 1923 hiện là Thiếu tá Chánh sự vụ Sở Kế-hoạch. Nha chiến tranh tâm lý Bộ Quân lực Việt-Nam. Xuất thân ở Trường Bưởi năm 1942 và mặc dù bận nhiều việc; từ 15 năm nay ông đã đóng góp rất nhiều cho sử-học. Ông cũng đã ừng cộng-tác với rất nhiều báo, tạp-chí thời tiền-chiến cũng như hậu-chiến.



Tác phẩm đầu tiên của ông Phạm văn Sơn là « Việt Nam Tranh đấu Sử » (xuất-bản năm 1949 tại Hà-nội), sau đó là những cuốn sử giá trị khác, trong số có bộ Việt-Sử Tân Biên (6 cuốn). Các Sách của ông đang được dùng trong việc biên khảo ở rất nhiều nơi (các Trung và Đại-Học; các giới văn nghệ). Từ ba năm nay ông Phạm văn Sơn còn nghiên cứu cả về văn-học nữa.

Kể từ Phò-Thông tạp chí xuân Ất Tỵ này, các bạn đọc có thể theo dõi Phạm văn Sơn thường xuyên trên Phò-Thông trong các loạt bài biên soạn về Lịch sử và Văn-Học.
P. T.

từ cuối thế-kỷ XIX qua thi-ca

★ Phạm-văn-Sơn

Kẻ Sĩ của học-thuyết Không-Tử là kẻ sinh ra để phục vụ nhân sinh, coi nước trọng hơn nhà, coi xã hội trên gia đình, coi người hơn ta, lấy việc giúp đời làm mục tiêu và cũng coi hạnh phúc và

danh dự của mình ở đó. Rồi họ chủ trương theo Nho-Giáo :

Quân tử tự cường bất tức, độc thiên kỳ thân, kiêm thiên hạ, chí tang bồng hồ thủy, chí lập công chí lưu danh, chí phụng sự. - làm căn cho mọi hành động từ lúc thiếu thời cho đến khi tuổi tác.

Như vậy kẻ sĩ xử thế có ba giai đoạn dưới đây :

a) Giai đoạn còn tiềm ẩn hoặc chưa đắc thời, kẻ sĩ phải tồn tâm dưỡng tính, tu thân, dưỡng chí anh hào sao cho :

Miền hương đảng đã khen rằng
hiếu nghị.

Đạo lập thân phải giữ lấy cương
thường.

Khí hạo nhiên chí đại, chí cương,
So chính khí đã đầy trong trời
đất.

Lúc vì ngộ hối tàng nơi bồng tất.
Hiếu hiếu nhiên điều *Vị* *canh*
Săn,

Xe bò luân dầu chưa gặp *Thang*
Văn,

Phù thế giáo một vài câu thanh
ngộ.

Cầm chính đạo đề tịch tà cự bí.
Hồi cuồng lan nhi chướng bách
xuyên...

b) Giai-đoạn thực-hiện chí khí :

Rồng mây khi gặp hội ư duýn,

Đem quách cả sở tồn làm sở
dụng.

Trong lãng miếu ra tài lương
đổng.

Ngoài biên-thùy rạch mũi Can,
Tương.

Làm sao cho bách thế lưu phượng,
Trước là sĩ sau là khang tướng.

Kinh luân khởi tâm thương, bình
giáp tàng hung trung.

Vũ trụ chi giai phận sự nam-nhĩ
đáo thử thị hào-hùng...

c) Giai đoạn đã thành công trên sự nghiệp còn thắc-mắc gì nữa :

Nhà nước yên mã Sĩ được thung
dung,

Bấy giờ Sĩ mới tìm Ông Hoàng-
Thạch.

(Nguyễn-Công-Trứ)

Sự thắc-mắc của những con người do lò Khổng, Mạnh hun đúc, đào tạo không ngoài cái nghĩa quân thần. không xa cái nguyện-vọng " phải có danh gì với núi sông " vì :

... « Có giang san thì sĩ đã có tên,

Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý.

Đại diện cho chủ-trương hay nhân-sinh-quan trên đây của phái Nho-giả về cận-đại là Nguyễn-

Công-Trứ, Phan - Thanh - Giản, Nguyễn - Khuyến v.v...

Sau nhiệm-vụ xây dựng sự nghiệp ích nhà lợi nước nhà Nho tự cho mình quyền được hưởng mọi lạc thú nhân-sinh. Điều này dĩ-nhiên hợp-lý từ Đông qua Tây, từ kim đến cồ bởi con người sinh ra đâu có phải là để chịu cực khổ như trâu cày, ngựa kéo suốt đời sống bằng lúa rơm, cỏ rác. Bên kia trời Tây, nhà triết học Epicure, đệ tử của Démocrite xướng lên cái thuyết hưởng lạc (1), chúa Da-Tô cũng chủ trương sống phải có vui thì môn đệ của Khổng. Mạnh cũng đòi :

Mặt tài tình đang độ thiếu niên
Cuộc hành lạc vẫy vùng cho phi
chí,

...Thi tửu cầm kỳ khách

Phong vân tuyết nguyệt thiên...

...Cuộc hành lạc bao nhiêu là

lãi dầy

Nếu không chơi thiệt ấy ai bù ?

Nghề chơi cũng lắm công phu !...

...Sách có chữ nhân sinh thích

chí.

Đem ngàn vàng chuộc lấy trận

cười,

Chơi cho lịch mới là chơi.

Chơi cho dài các đề người biết

tay.

Tài tình dễ mấy xưa nay...

Nói rằng nhà Nho của ta chịu ảnh-hưởng của thuyết cồ nhân bình trực của Trung-quốc thì cũng đúng, nhưng ham vui là bản tính tự-nhiên của con người, có lẽ nói vậy đúng hơn, nhất là với



những người thuộc về giới trí thức, có đầu óc để nhận xét, suy tưởng ai mà không thấy đời người ngắn ngủi, vụt qua như giấc chiêm-bao biến mau như chớp nhoáng ? Và cũng vì kiếp sống của con người quá mong-manh, người ta mới trách móc ông trời già :

... Thế mới biết bất nhân là

Tạo Hóa

Đã sinh người lại hẹn lấy năm...

...Ba mươi năm cút kít về già...

Vì từ lên năm lên bảy đến lúc tóc bạc răng long chỉ là chuyện khoảnh khắc, do đó càng là kẻ trí thức thường càng ham sống và sống vội-vã hơn ai hết.

(1) Nếu cho rằng thuyết của Epicure là thuyết hành lạc một cách tục tằn là nhầm.

... Trò ảo mộng đã bày ra đây.
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau
Trăm năm nào có gì đâu.
Chẳng qua một năm cỏ khô
 xanh rì.
 (Ồn Như Hầu)

« Chơi xuân kẻ nửa xuân đi
« Cái già xồng xộc nó thì theo
sau...

Ngày vui được mấy mà mang hận.
Tuổi trẻ bao nhiêu lại chuốc sầu
(Tương Phố)



Đã thế con người trí thức vốn
đa nghi, đa cảm nên thường hay
hoang mang, nghi ngờ cả sự tồn
tại dài ngắn của sự vật ở thế gian
này vì vậy Nguyễn-Công-Trứ
cũng như Cao-Bá-Quát đã xuất
phát ra những ý-tưởng dưới đây :
*Dưới chiều quang thấp thoáng
bóng Nam-san
Ngoảnh mặt lại cữu hoàn coi cũng
nhỏ*

Khoảng trời đất cỏ kìm kìm cỏ,
Mảnh hình hài không có, có không
Rồi chính sự nghi ngờ hoang
mang này đã cấu thành thêm một
động-cơ rất mạnh cho sự hưởng
lạc và ham nhân.

Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy
Cảnh phù du trông thấy cũng
 nực cười !
Thôi hơi đâu nghĩ đến chuyện
 đời
Hãy tiêu khiển một vài chung
 lẩu lẩu..

Nhưng vào việc thì thú vui của nhà nho không giản-dị như vậy, Có rượu thì phải có thơ, có thơ thì phải có phong hoa tuyết nguyệt và cả... giai nhân nữa.

Thú nguyệt hoa là nợ sẵn vót
cầm thư

*Cuộc thi tửu đề riêng người phong
nhã*

Quân bất kiến : hoa lạc, hoa khai
xuân khứ dã

Hãy chơi cho lăn lóc đá kẹo hoài !

Tóm lại kẻ sĩ theo quan niệm của Cao-Bá-Quát, của Nguyễn-Công-Trứ có rất nhiều tham vọng: như ta thấy kẻ sĩ phải là kẻ có tài thao lược, xuống Đông Đông tĩnh lên Đoài Đoài tan, kinh bang tế thế thì phải có sự nghiệp trị loạn trị bình không phải nhằm mục đích thỏa cái chí vì dân vì nước và « *tút kình luân từ trước đề ngàn sau* » cùng « *hơn nhau một tiếng công hầu* » mà thôi. Họ còn có nhu cầu phát triển một

mức sống tràn đầy về vật chất và
tinh thần trong con người của họ.
Nếu họ không được vùng vẫy thỏa
chí có thể họ sẽ lâm vào một
tình trạng cuồng loạn như chim
nhốt trong lồng, như hồ giam
trong cũi hẹp và khung cảnh hoạt
động của họ không bao gồm xã
hội loài người còn phải có thiên
nhiên, tạo vật.

Để chứng minh ý kiến trên đây chúng tôi xin trích một ít thơ của Nguyễn-Công-Trứ trong đó bộc lộ lòng mê say và ham muốn của Hi-Văn tiên-sinh quả là mênh mông bát ngát :

Vội thiên nhiên, tiên sinh viết :
Gió hiu hiu mặt nước như tờ. ☼
Trăng chênh chếch đầu non mới
ló

Khiến ta liên tưởng đến một trạng thái tâm hồn tương-tự của Tản-Đà Nguyên-Khắc-Hiếu gần đây :

Cảnh trời ai bán ta mua ?
Mua non non Thúy, mua chùa
chùa Hương
Mua hoa mới nở giữa vườn,
Mua trăng mới mọc bên sườn
non cao...

Voi giai-nhân thì tâm-tình rất
là lẫm ly, bi thiết :
Nước sông Tương một giải nông
sờ,
Cho kẻ đẫy người đây mong
mỏi...

Thương thay người ở đôi quê,
 Khi đi thì nhớ khi về thì
 thương...

Cao Bá-Quát cũng có những tâm sự giống thế:

...Đâu chẳng là tuyết nguyệt
phong hoa

Bốn mùa xuân lại thu qua...

...Cao sơn lưu thủy thi thiên trực
Minh nguyệt thanh phong, tửu
nhất thuyền

Dang tay người tài tử, khách
thuyền quyền,

Chén rượu thánh, câu thơ thần
thích trí

Nhấn nguyệt lão sẵn cầm tay xích
Khách giai nhân xe với khách
văn nhân.

Sắc tài ai kẻ cầm cân ?

Như hưởng ứng với Uy-Viên
tướng-công là bậc tiền bối Cao
Bá-Quát đã từng viết thêm :

Ngâm cùng trăng gió vài câu
kiêng.

Tình với giang sơn mấy chuyện
đời.

Thú gì hơn nữa thú ăn chơi :
Đàn một cung, cờ một cuộc, thơ
 một túi, rượu một bầu,
Khi đắc chí ngao du, ở cũng phải..

Tựu-trung giữa hai nhà thơ
Nguyễn-Công-Trứ và Cao Bá
Quát tuy cùng một nhân sinh quan

nhưng có điểm khác nhau : Nguyễn-Công-Trứ tuy thành đạt muộn (42 tuổi mới xuất chính) nhưng vẫn là kẻ đắc thời, trên được vua thương, dưới được các đồng-liêu mến trọng dầu một hai lần có bị kẻ tiểu nhân ám-hại nhưng vẫn được tai qua nạn khỏi. Còn Cao-Chu-Thần thì vừa bước vào hoạn-giới đã gặp phong ba, dĩ-nhiên do tính kiêu-ngạo mà nên, rồi cũng vì khảng-khái sau này mà bất đắc kỳ-tử.

Hai người cùng giống nhau ở chỗ cùng ham chuyện thơ thần rượu thánh, cao sơn lưu thủy, vọng mỹ nhân kiều Tô-Đông-Pha nhớ cảnh cũ người xưa trên dòng Xích-Bích nhưng vào trường đời đã quan niệm thế-sự và thời-cuộc khác nhau. Nguyễn-Công-Trứ xuất đầu lộ diện vào đời Nguyễn-Sơ tuy chánh tình chẳng tốt đẹp nhưng không chán ghét, trái lại chỉ mong có « mưa dầm sòng vó » để « ra tay buồm lái với cuồng phong, chỉ những toan xẻ núi lấp sông, làm tiếng phi thường đâu đấy tỏ... » Còn Cao-Chu-Thần không chấp nhận Nguyễn-triều là chánh thống như

hầu hết mọi sĩ dân Bắc-hà thuở ấy, lại thêm vì tài học hơn người tuy đã có khi cố gắng hòa mình vào cái xã hội sông Hương núi Ngự rồi rút cục vẫn không sao tránh được cái cảnh thuyền xuôi nước ngược, bất như ý.

Sinh s ng suốt 42 năm trong cảnh nghèo túng « Nam Bắc Đông Tây, đâu đâu cũng lừng danh công-tử xác » như Hi-Văn nói, tiên sinh vẫn chỉ phản ứng một cách thuận chiều :

« Đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch-ốc lại lâu-đài.

« Gánh vác giang sơn, quyết nắm thanh khâm sang cầm tú...

và người danh-sĩ của sông Hồng núi Lam đã thành trọng thần lượng tướng từ đời Minh-Mạng qua đời Tự-Đức tha hồ xúng xính cân đai, còn Cao-Chu-Thần nhìn trường danh ngộ lợi một cách mỉa-mai như sau :

Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng cửa hầu môn. Quân bao kẻ mắng vái gièm danh áo giới lân trùm dưới cơ phụ, mỗi gói quỳ mồn sân tướng phủ...

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC.



Do nhìn thế-sự cách này, dĩ-nhiên tiên-sinh phải sống riêng một thế giới và với giới chức-quyền, tiên sinh thường khinh bỉ ra mặt và với hoàng triều lại có câu :

Bình-Dương, Bồ-Bản vô Nghiêu, Thuấn
Mục-dã, Minh-điều hữu Võ, Thang

thì có khác gì đã coi Gia Long, Minh Mạng và con cháu là Kiệt là Trụ và mình muốn nổi nghiệp Võ, Thang để cứu dân cứu nước. Rồi tiên sinh làm cách mạng, và chết vì cách mạng. Con người ấy đối với cái đạo tùy thời, cái chủ trương kiến cơ nhi tác quả là quá kỹ tính, nhưng bảo rằng ai đại ai khôn thì cũng khó mà nói cho phải, hôm qua cũng như hôm nay.

Nếu câu chuyện vua Minh Mạng tuần du ở ngoài Bắc gặp cậu bé họ Cao cỡi trâu trường bên Tây-hồ đứng nhìn ngự đạo đi qua và đã trả lời câu :
Nước trong leo lẻo cá đớp cá.

ang về :

Trời nắng trang trang người trôi
người
là chuyện có thật thì cái thảm kịch Mỹ Lương (1) năm Tự Đức thứ 7(1854) đã có cơ tiền định chăng ?

Tóm lại trong cái nhân sinh quan theo ý thức hệ của Nho-gia gồm hai điểm sự nghiệp và hạnh phúc nhân sinh trên nguyên-lý không có gì khác biệt, bởi ai mà chẳng muốn đề tên tuổi lại với núi sông, ai mà từ chối những cuộc hành lạc để bù lại cho những nỗi phù trầm của cuộc đời thường không mấy khi tránh khỏi ? Nhưng mỗi người là một vũ trụ riêng biệt, mỗi người quan niệm sự nghiệp một cách đối với việc mua vui, tạo các nguồn vui cho đời sống tươi đẹp cũng khác nhau. Nguyên nhân của các điều dị biệt thường do bởi cảnh xã-hội cũng có và cũng do những ý-niệm của mỗi cá-nhân.

Giữa Hi-Văn với Chu-Thần đã khác, nay lại so sánh người thi nhân của đất Hà-tĩnh và Bắc

1) Thảm kịch Mỹ-lương là vụ nổi loạn hay trận giặc châu-chấu do Lê-duy-Cự con cháu nhà Lê cầm đầu, Cao-bá-Quát làm Quân-sĩ nổi lên ở Sơn tây chống lại chánh quyền đời Tự-Đức.

Ninh với các nhà nho như Dương Lâm, Dương-Khuê, Yên-Đồ, Chu-Mạnh-Trinh ta cũng lại thấy chẳng ai giống ai trước vấn đề công danh sự nghiệp và hạnh phúc nhân sinh tuy rằng họ cùng thoát thai ở cái lò Khổng Mạnh như trên đã nói, Nho giả nào mà chẳng chủ trương cái đạo Quân Thần hay Vi tử vi thần? Vậy mà cái bối cảnh xã-hội cũng đã gây một ảnh hưởng đáng kể là mạnh mẽ và đáng sợ do cái bả lợi danh khiến con tâm nhiều phen hết vũng.



Ta thấy tâm-trạng của đẳng-cấp sĩ phu Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX qua thượng bán thế kỷ XX ra sao?

Cũng nên nhắc rằng Hòa-ước 1884 ký-kết giữa Pháp và triều-đình Tự-Đức đã chấm dứt nền độc lập của Việt Nam trên lý-thuyết, pháp-lý cũng như trên thực-tế. Và trước đó mười một năm

Hòa-ước 1873 nhường toàn bộ đất Nam kỳ cho Thực-dân Pháp đã tiên báo sự phân hóa của xã-hội Việt Nam trên mọi phương diện. Nước mất dần dần thì nhân tâm, sĩ khí cũng rã rời dần, đây là một hiện - tượng tâm-lý tất nhiên do đó một số nhà Nho Việt-Nam đã làm cách-mạng phản Đế trong nước và ngoài nước mong khôi phục giống nòi. Nhưng cuộc chiến đấu của họ bởi thiếu sót nhiều điều kiện trở nên tiêu cực và thất bại. Một số bất công tác với địch rút về thôn dã ở ẩn hoặc gõ đầu trẻ cho qua ngày đoạn tháng trong khi ấy một tầng lớp nho-già khác xông ra bắt tay với giặc, nhận làm tôi tớ cho giặc và xum xoe ra vào tướng phủ, tung tăng chốn hầu-môn vậy mà họ còn cố bào-chữa :

*Đem thân khoa bảng làm tôi Pháp
Lầm bởi nhà nho học chữ Tàu...*

Với bọn này không còn lý-tưởng quốc-gia chủng-tộc gì nữa, có kẻ đôi khi còn dám mở miệng nói đến chuyện nước non xừ sở, đồng - bào đồng - chủng một cách vô si và trắng trợn.

(còn tiếp)



• của Franco Sacchetti
• GIANG-TÂN lược dịch

Franco Sacchetti (1335-1400), sinh tại Toscane (Ý), từng là một nhà buôn, sau đó tham gia chính trị và từng nhận nhiều nhiệm vụ ngoại giao vì vậy ông hiểu thấu đáo nhiều vấn đề, hòa mình vào cuộc sống của đám đông, cũng như từng chứng kiến những biến cố chính trị ở Ý. Tác phẩm văn nghệ của ông nổi bật nhất là thơ, tuy nhiên ông cũng viết khá nhiều truyện ngắn, truyện dài nổi tiếng ở Ý. Nhân vật trong tác phẩm của ông phần nhiều ở trong giới trung lưu hoặc ở trong đám đông dân chúng. Câu chuyện bao giờ cũng đượm mùi chua xót đau thương. Và dưới đây mẫu truyện ngắn của nhà văn. Tác phẩm sẽ nói rõ tác giả với người đọc...

VÙNG ngoại ô thành phố San Lorenzo được coi như là một nơi tập trung của một số hành khất mù vì những người này có thói quen là sau những ngày đi khất thực lại rủ nhau về tụ họp nơi này. Có kẻ « đóng đô » hẳn trong ngôi nhà thờ, vài kẻ tìm chỗ trú ẩn dọc theo đường phố.

Một sáng nọ, có hai hành khất mù ngồi tâm sự với nhau. Một người nói :

— Tôi bị mù cách đây lối 12 năm và cũng thời gian ấy tôi đã kiếm được một số tiền lối 100 quan.

Người kia la lớn :

— Còn tôi thì thật là xui xẻo. 20 tuổi tôi mới bị mù.

Người thứ nhất lại hỏi :

— Như vậy là anh bị mù mấy năm rồi?

Người thứ hai đáp :

— Chưa quá 3 năm.

Giữa lúc đó một người hành khất khác tên là Lazzero nổi lời:

— Tôi cũng ở trong bóng tối như hai anh. Nhưng hai anh bàn chuyện gì vậy?

Người thứ nhất nói:

— Nói chuyện mù là ầy mà! Anh thử nói cho biết trường hợp của anh nghe chơ.

Lazzero đáp:

— Tôi sinh ra thì đã bị mù rồi. Ngày nay tôi đã bốn mươi bảy tuổi. Nếu tôi đề dành được tất cả số tiền tôi có thì bây giờ tôi đã trở nên người mù giàu nhất thành phố này.

Người hành khất thứ hai góp lời:

— Tôi không tìm ra ai có thể làm được việc hơn tôi. Tuy nhiên, anh ta lại nói tiếp:

— Bây giờ chúng ta phải làm cái gì chứ! Phải làm một cái gì mới được. Chúng ta trả những việc đã qua cho quá khứ và bắt tay vào hiện tại. Tôi nghĩ rằng nếu cùng đồng tâm thì chúng ta sẽ gây được một số quĩ lớn lao. Chúng ta phải lên đường ngay. Người này đùm bọc người kia, nếu một người trong chúng ta gặp điều trắc trở.

Hai người kia tán thành chương trình của anh hành khất



mới bị mù ba năm đó. Ba người nắm tay nhau thề thốt sẽ giữ lời hứa.

Gần đó có một cửa tiệm vừa mới mở cửa. Một người trong tiệm nghe rõ đầu đuôi câu chuyện ba người hành khất nên vắt ra một đồng « farthing » (1/4 đồng shilling) và nói:

— Cho cả ba một đồng « shilling » đó.

Một người trong bọn cầm lấy đồng tiền mò mẫm một lát rồi nói:

— Tôi nghĩ rằng đây chỉ là một đồng « farthing » mà không phải là một đồng « shilling ».

Người kia hỏi:

— Đâu nào? Chưa gì đã dờ thối lờng gạt.

Anh hành khất nhận tiền lúc này tức tối:

— Ai lờng gạt ai! Tôi bỏ đồng tiền ầy vào bị rồi.

Lazzero nói tiếp:

— Thôi! Đừng rắc rối nữa anh em ơi. Chúng ta nên tin nhau mà.

Câu chuyện đến đây tạm kết thúc. Tuy nhiên sự việc vừa xảy ra cũng làm cho những người trong tiệm bắt đầu nghi ngờ sự nhất trí của ba người hành khất.

Ba người hành khất lại lên đường và hẹn cứ 8 ngày một, họ lại chia số tiền bố thí thu được làm 3 phần đều nhau.

Vào khoảng trung tuần tháng 8, nhân có một ngày lễ lớn, ba người tính chuyện « làm ăn » lớn bằng cách sắm mỗi người thêm một con chó và họ đi làng này qua làng nọ vừa đi vừa ca hát để xin tiền. Và họ cũng hẹn nhau đến Santa Gonda, vào một quán trọ, thuê một phòng để cùng nhau chia tiền. Cùng chứng kiến việc chia tiền có 3 con chó. Ba người đứng quây quần, gậy cầm tay.

Một người trong bọn tên là Salvadore hỏi:

— Các anh định đến giờ nào thì chúng ta cùng chia tiền.

Sau một hồi thảo luận, tất cả đồng ý giờ chia tiền sẽ được cử hành trong khi tất cả gia đình chủ quán đều lên giường đi ngủ.

Đến giờ. Grazia, người hành khất mù ba năm gọi hai người kia đến và nói:

— Chúng ta ngồi xuống đây. Mỗi người hãy đếm số tiền mình thu được. Ai nhận được nhiều thì phải chia số còn lại cho người khác.

Cả ba đều đồng ý. Họ bắt đầu mở bị ra đếm tiền.

Lazzero tuyên bố số tiền mình thu được:

— Này các bạn. Tôi xin nói rõ các bạn biết. Tôi thu được 5 « shillings » và 4 « pence » (một pence bằng 1/12 shilling).

Salvadore lên tiếng:

— Tôi được 4 « shillings » và 2 « pence ».

Grazia la lớn:

— Hay lắm! Còn tôi — Vừa đúng 2 shilling.

Hai người kia hỏi dồn:

— Thế nào? Thế nào? Anh mà chỉ nhận được 2 « shillings » sao? Đồ nói dối! Đồ ăn gian!

Grazia liền đáp: «

— Các anh nghĩ lại đi. Tôi đã nói cho các anh hay trước là thằng cha chủ tiệm nói cho chúng mình một « shilling », nhưng khi cầm đồng tiền, tôi báo cho các anh hay đó chỉ là một « farthing » (1/4 shilling), tuy nhiên sau đó tôi đã bỏ đồng tiền vào bị ngay.

Salvatore át giọng:

— Đồ phản phúc! Anh cứ tìm cách này cách khác lường gạt chúng tôi.

Grazia cũng không chịu kém:

— Bọn này chỉ được cái đặt điều nói láo vu oan cho người khác. Chúng bây là đồ đều cán.

Tiếp đó cả hai nắm tay, bậm miệng, thoi nhau, đá nhau kịch liệt. Số tiền của họ xin rơi xuống nền nhà.

Lazzaro nghe thấy cuộc xung đột bắt đầu vừa tìm cách bảo vệ vừa đề can gián hai bạn đồng nghiệp nên quơ mạnh chiếc gậy. Grazia và Salvatore người này người kia tưởng lầm đối phương đã dùng đến gậy để đánh nhau nên cũng tìm gậy... và từ đó, cả ba đánh nhau túi bụi. Số tiền của họ thu được đều rơi vung vãi xuống nền nhà. Cuộc ẩu đả đến hồi quyết liệt. Ba con chó cũng

bắt đầu tham gia trận chiến. Chúng sủa vang và con nào con nấy lo bênh vực chủ. Những đường gậy vung lên loạn xạ, nhiều khi con vật cũng bị gậy đau điếng nên nổi giận nhảy vào cắn kẻ đã đánh chúng.

Bây giờ thì đã có máu đổ xuống nền nhà. Chủ quán ngủ ở phòng dưới, nghe tiếng động, thức giấc dậy nói với vợ:

— Chắc chắn là có chuyện gì rắc rối ở phòng khách rồi. Mình có nghe thấy gì không? Thôi thì chết mất cả lũ rồi!

Hai vợ chồng nhảy thoát xuống giường cầm đèn đi tới phòng khách, và la ới ới: « Mở cửa! Mở cửa!

Ba người hành khất vẫn say-sưa ầu ả nhau nên chẳng ai nghe tiếng gọi gì cả. Cuối cùng chủ phá cửa vào được. Ông ta mới bước vào thì nhận ngay một gậy đúng giữa mặt. Nổi giận, ông ta quật ngay tên hành khất đứng gần ngã xuống. Đoạn ông ta lại cầm gậy nhắm thẳng hai tên kia mà nện. Vợ ông giúp ông một tay nên chỉ trong chốc lát, hai vợ chồng làm chủ chiến trường. Chủ quán

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/DYT/DPDC

ra lệnh cho cả ba bước ra khỏi phòng. Trong lúc loay-hoay, một con chó nhảy lên cắn vào váy của bà vợ tên chủ quán và xé rách tươm.

Ba người hành khất lúc này nằm dài giữa nền nhà, miệng thở hồng hộc Lazzaro luôn miệng kêu là y sẽ chết mất. Viên chủ quán chưa hết giận đáp:

— Tôi mong ông chết gấp cho. Các ông thuê nhà tôi ở rồi làm như thế ấy à? Các ông phải ra gấp khỏi nơi này.

Cả ba lúu rúu xin được ở lại để nhặt số tiền vừa rơi xuống nền nhà.

Viên chủ quán hơi gắt:

— Tiền! Tiền đâu! À! Các ông đánh cả cây gậy to tướng kia vào mặt tôi suýt đi đời cặp mắt tôi, bây giờ các ông nghĩ sao?

Lazzaro cãi nhai:

— Xin lỗi ông. Chúng tôi đều mù lòa cả. Xin ông tha lỗi cho.

Viên chủ quán lại to tiếng:

— Không phải các ông bị mù rồi các ông cũng muốn tôi phải mù như các ông. Liệu cú ngay! Cút ngay! Một tên trong bọn van xin:



— Ông chịu khó nhặt giùm số tiền của chúng tôi rồi chúng tôi xin đi ngay.

Viên chủ quán cúi mình xuống lượm mấy đồng tiền rơi vãi xuống nền nhà. Ông ta nhặt được gần nửa số tiền rơi xuống, lỏi gần 5 « Shillings ». Ông ta cầm lấy 2 « Shillings », số còn lại chia cho mỗi người một Shillings, và nói :

— Tôi sẽ cho gọi cha sở đến đây. Và các ông phải bồi thường cái váy cho vợ tôi. Ba người hành khất lại kêu nài tha thiết xin tha tội cho và nài xin viên chủ quán trả đủ tiền và họ hứa sẽ bước đi tức khắc. Viên chủ quán lớn giọng :

— Chưa chịu sao ! Các ông phải trả tiền thêm cho tôi để tôi chữa mắt. Hay các ông muốn tôi cũng mù như các ông ? Các ông còn phải đền cái váy cho vợ tôi nữa. Các ông muốn gì ?

Cả ba không biết nói gì thêm lùi thúi bước ra đành chịu mất hơn phần nửa số tiền xin được. Dở sống dở chết, họ lầm lũi bước đi thất thểu trên đường, trông mặt họ thiếu não hơn bao giờ hết. Họ không bao giờ muốn nhớ lại những việc đã qua và cho rằng đó là biến cố lớn nhất trong đời đi khất thực của họ.



* KHI CHÀNG GHEN

Chàng và nàng đã đính hôn. Chàng gặp nàng cả hai thủ thiếp âu yếm.

Nàng bảo mí chàng :

— Anh ơi em vừa đi xem bói bà thầy ấy bảo chúng mình có ba đứa con với nhau...

Chàng tái mặt hỏi vặn :

— Ừa sao hôm anh đi coi quẻ với ông thầy Táo Xọn ông ấy bảo anh chỉ có với em một đứa con. Vậy thì hai đứa kia con ai hở em ?

— Nàng : ?



(tiếp theo P.T. 141)

SAU cuộc khởi-nghĩa thất bại của Việt-nam Quốc-Dân đảng ở vài ba tỉnh Bắc-kỳ, dân-chúng Hà-nội lo-sợ khi biết tin viên toàn-quyển René Robin cho lệnh hai chiếc phi-cơ Morane bay đi thả bom xuống làng Cổ-Am nơi mà các quan-lại địa phương báo-cáo là có tàn-quân Quốc-dân-đảng rút về đóng trại. Cuộc dội bom này tàn phá làng Cổ-am chẳng còn một nóc nhà. Một gia-đình đang ăn giỗ, có đông người làng đến dự, nghe tiếng phi-cơ bay rà trên các mái tranh, tò-mò chạy ra sân ngược cổ lên trời xem. Hai viên phi-công tưởng đó là « Loạn quân », đang tụ-hợp,

liền thả bom và bắn súng liên thanh, chết không còn một mạng.

Đây là cuộc tàn-sát đầu-tiên bằng máy bay, mặc dầu lúc bấy giờ Quân-đội Pháp ở Đông-Dương chỉ có kiểu máy bay cũ-kỹ r918 mà thôi. Nạn-nhân không phải là « Quân phiến loạn » mà là những nông-dân vô-tội, giết hại hàng trăm người, có cả ông già, đàn bà, con nít. Tàn-quân V. N. Q.D.Đ. đã chạy trốn vào rừng, núi, tìm đường sang Tàu, về ngả Lao-Kay, hay Lạng-Sơn. Các báo Hà-nội đăng tin, nhưng không dám phê-bình vụ tàn-sát dã-man kinh - khủng trên kia, trừ một tờ Argus Indo-chinois là có viết bài mạt-sát

Viên Toàn quyền Robin thậm tệ. Vài tờ báo cách mạng ở Saigon cũng nổi lên đả kích kịch liệt vụ tàn sát làng Cồ-Am bằng phi cơ.

Sau vụ này, Tuấn được nghe truyền tụng trong khắp các phố phường Hà nội, một bài sấm mà người ta cho là rất linh ứng của Trạng-Trình. Tuấn chép lại bài sấm để học thuộc lòng :

*Kìa kìa gió thổi lá rung cây
Rung Bắc, rung Nam, rung tới Tây*

*Tan tác kiến kiều an đất nước
Xác xơ cồ thụ sạch am mây
Lâm-giang nổi sóng mù thao*

*cát
Hưng-dịa tràn dâng hóa nước*

*đầy
Một ngựa một yên ai sùng bái
Nhấn con nhà Vĩnh bảo cho*

*hay
Trọng Trình (Nguyễn bình Khiêm)*

Theo các cụ đồ Nho giảng-giải, thì trong bài Sấm này Trạng-Trình ám chỉ rõ ràng cuộc khởi nghĩa của VNQDD ở Kiến-An, Lâm-Thao, Hưng-Hóa, Yên-Bái, và cuộc đội bom xuống làng Cồ-Am Hai chữ Vĩnh-Bảo là nói về Hoàng-gia-Mô, cháu nội của Hoàng-cai-Khải, làm Tri-

huyện ở Vinh-Bảo, (tỉnh Hải-Dương), bị quân V.N.Q.D.Đ. giết. Tuấn nhận thấy câu thơ thứ bảy bị chữ thứ sáu thất niêm, đáng lẽ phải là một chữ vần trắc, theo luật Đường Thi, nhưng các cụ cho rằng đây là một lời Sấm, không cần phải niêm luật. Trừ một nhận-xét nhỏ, nhỏ ấy về kỹ-thuật Thơ Đường, Tuấn cũng như toàn thể sinh-viên học-sinh, giáo-sư, và các tầng lớp dân-chúng Bắc-kỳ, cả Trung và Nam-kỳ, đều thần-phục bài Sấm thần-kỳ linh-nghiem của một bậc «Đại-Thánh An-Nam». Ở Sài-gòn, tờ báo đầu-tiên dám đăng bài sấm của Trạng Trình và giảng nghĩa rõ ràng là tuần báo Phụ-Nữ Tân-Văn của bà Nguyễn-đức-Nhuận, mà chủ-bút là ông Phan-Khôi.

Vụ khởi-nghĩa Việt-nam Quốc-Dân đảng bị đưa ra xử tại Hội-đồng Đệ-hình ở Tòa án Hà-nội. Dân chúng không được vào xem. Linh canh-gác cận-mật chung quanh Nhà Hòa-Lò (danh-từ thông-dụng chỉ nhà Lao Hà-nội) và Tòa-án trên đại-lộ Gambetta.

Phải nói đúng sự thật rằng, trừ các giới cách-mạng nằm trong bí mật là đặc-biệt theo

rồi vụ án này, còn ngoài ra, công-chúng, cả thượng-lưu, hạ-lưu, cho đến các giới đồng-bào bình-dân, lao-công, đều gần như lơ-là, không xôn-xao, xúc-động. Lý-do, có lẽ một là vì Việt-Nam Quốc-dân đảng chỉ hoạt-động thăm-lén trong một phạm-vi còn quá nhỏ-hẹp, quảng-dại quần-chúng chưa biết tới, hai là vì cuộc khởi-nghĩa bùng ra sớm quá, chưa chuẩn-bị đầy-đủ các yếu-tố tuyên-truyền và tâm-lý để sách-động quần-chúng. Cho nên cái tin VNQDD nổi dậy đánh Yên-Bái, Kiến-An, Lâm-Thao, hầu như không có ảnh-hưởng sâu rộng ở Hà-nội là nơi trú đóng Trung-Ương đảng bộ V.N.Q.D.Đ mà lại là được tương-đời yên-tĩnh nhất. Các tỉnh khác như Nam-Định, Hải-Phòng, Thái-Bình, Phú-Lý, Hà-Đông, Sơn-Tây, Vinh-Yên, và các tỉnh ở Thượng-du Bắc-kỳ đều hoàn toàn yên-ôn, không ai hay biết gì cả.

Mặt khác, sở Mật-thám Đông-Dương tìm cách không cho tiếng vang của cuộc khởi-nghĩa lan rộng ra. Các báo ở Hà-Nội đều hầu hết tuân theo mệnh-lệnh của Mật-thám Đông-Dương và của Phủ Thông-sứ

Bắc-Kỳ. Trên các tờ Hà-Thành, Ngọ Báo, Đông Pháp, Trung Bắc Tân Văn, Thực nghiệp Dân báo, người ta chỉ đọc được những cái tin văn-tắt, đăng 2 cột, hoặc một cột mà không có hình ảnh. Ngay tờ Tiếng Dân của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng ở Huế, cũng không khai thác biên cô cực kỳ quan trọng ấy.

Những gì Tuấn biết được về vụ khởi nghĩa đều do tin tức truyền miệng của nhóm Sinh-viên, Học sinh của Đảng, một nhóm thiểu-số mà sự tuyên-truyền cách mạng thường gặp phải sự lãnh đạm sợ-sệt rất đáng chán nản của giới sinh-viên học sinh chỉ chăm lo học hành thi cử.

Tin anh Nguyễn Thái Học, đảng trưởng và 12 đồng chí ở các cấp lãnh đạo, bị tòa xử-trảm, là một tiếng sét đánh vào tai những cậu học sinh và sinh viên của Đảng, tuy ai cũng đoán trước cái định mệnh kinh hoàng đau đớn ấy.

Lúc đầu nghe nói sẽ xử bắn trong sân nhà Hòa Lò, nhưng ngay hôm sau đã có tin 13 nhà cách-mạng Q.D.Đ. sẽ bị lên đoạn đầu-đài ở Yên Bái. Làm sao đi xem được? Tuấn và mấy bạn học-sinh

sinh-viên đồng-chí đều thiết-tha mong muốn được chứng-kiến cảnh tượng bi-hùng duy-nhứt ấy, được chính mắt đọc trang Lịch-sử Việt-nam về-vang ấy.

Nhưng làm thế nào? Một tin bí-mật và chắc-chắn cho Tuấn biết rằng ngày hành-quyết 13 vị Liệt-sĩ V.N.Q.D.Đ. sẽ là ngày 17-6-1930 tại Yên-Bái.

Phải nói rõ rằng đám học-sinh V.N.Q.D.Đ. đã được tổ-chức riêng-biệt thành một lực-lượng trừ-bị, theo chiến-thuật của anh Hồ-văn-Mịch, vì hình như Trung-Ương đảng-bộ còn ngại sự trẻ tuổi và thiếu kinh-nghiệm của lớp thanh-niên làm cách - mạng tập-sự, và không trao cho lớp này những công-tác bí-mật quan-trọng. Học-sinh của Đảng chỉ biết nhau bằng bí-danh, và tổ-chức chưa được chặt-chẽ, chưa có hệ-thống, và thật-sự chỉ mới bắt đầu hoạt-động hăng-hái thì Đảng đã bị tan

vỡ do cuộc khởi-nghĩa đột-ngột ở Yên-Bái. Hồ-văn-Mịch là linh-hồn của Tổ - chức học - sinh cách - mạng của V.N.Q.D.Đ. và được nhóm trẻ của Tuấn coi như người anh cả. Mich đã bị bắt, và nhờ bị bệnh ho lao nên được nằm nhà thương Phủ-Doãn, và không bị tra tấn nhiều. Và lại anh có rất nhiều can đảm không hề tiết lộ một bí mật nào của Đảng. Đó là một điều may mắn cho nhóm Học sinh cách mạng không có một người nào bị tình nghi, và Mật Thám không biết một tý gì về tổ chức Học-sinh của Đảng.

Tuấn và hai người bạn thân tín nhất rủ nhau đi Yên-Bái ngày 15 tháng 6, hai ngày trước hôm Nguyễn-Thái-Học và 12 liệt sĩ Q.D.Đ. lên đoạn đầu đài. Để tránh mọi sự nghi ngờ, ba chàng thanh niên đi bằng xe đò, chứ không đi xe lửa...

(còn tiếp)



● TƯ TƯỞNG ĐẸP

Đại trượng phu lo toan việc nước nguy vong phải thung dung trầm tĩnh mà lo toan ắt thành.

Lục Triều Sử luận

« S A N H N Ầ M Đ Ể B Ầ Y

Đ Ư Ợ C
V Ụ Ô N G
T R Ò N...»



Thơ ơi!

ÔNG TÚ xem tờ nhật-báo *France-Soir* từ Paris mới gửi về bằng máy bay, tuy chậm trễ một tuần, như thường-lệ, nhưng vẫn có nhiều tin-tức đặc-biệt và hầu hết còn sôt dẻo. Ông cho bà Tú xem bức ảnh chụp một thiếu-phụ vừa sinh một lúc 5 đứa con. Bà Tú trầm-trở :

— Ô ! Thích quá, há !

Ông Tú xem báo, kể chuyện lại với Bà Tú :

— Cặp vợ chồng nầy là người Pháp, ở Paris, thành hôn năm 1958, người chồng làm phát-tơ (nhân viên bưu-điện, phụ trách đi phát thư trong thành phố), 33 tuổi, tên là Raymond Sambor. Người vợ, 27 tuổi, tên là Monique. Họ đã có 2 con trai, Yves 5 tuổi sinh ngày 18 tháng 10, năm 1959, và Jean Paul 3 tuổi rưỡi, sinh ngày 19 tháng 2, năm 1961. Qua tháng 5 năm nay, 1964, Monique lại có thai. Nhưng lần nầy, mang bầu mới được 1 tháng rưỡi mà cái bụng đã lớn quá, thiếu-phụ lo ngại vội vàng đến Bác-sĩ để khám. Bác-sĩ Chasques chiếu-điện và ông vô-cùng ngạc-nhiên thấy thiếu-phụ có mang 5 cái thai.

Ông căn dặn nàng phải hết

sức cần-thận, gìn-giữ để cho 5 cái bào-thai được khỏe.

— Mới có 1 tháng rưỡi mà 5 cái thai ấy đã thành hình rồi sao Minh ?

— Thường thường phải 3 tháng hơn cái bào-thai mới thành hình, nhưng ở đây Bác-sĩ rọi điện có thể thấy được 5 cái phôi-thai (embryons) trong bụng bà Monique. Về nhà, Monique viết thư báo cái tin mừng ấy cho bà Mẹ-nuôi (vì nàng mồ-côi cha mẹ từ lúc bé, nhờ một bà thím làm dưỡng mẫu). Thư nàng báo tin như sau đây :

« Mẹ ơi, một vụ phiêu lưu kỳ cục đang xảy đến cho con. Con có thai nhưng mà không phải là một đứa con trai hay một đứa con gái. Không phải là 2 đứa. Không phải là 3 đứa. Không phải là 4 đứa. Mà con sẽ sinh 5 đứa, Mẹ à ! »

Bà Tú « Ô » lên một tiếng. Bà rùng mình, hỏi :

— Thiếu phụ đã biết trước thề mà không sợ sao, Minh ?

— Một tin mừng, sao lại sợ ? Monique tuy gia đình nghèo, chồng làm ít lương, nhưng vẫn được Bác-sĩ tận-tâm săn-sóc, coi chừng mỗi ngày, 5 cái thai vẫn lớn đều đều... Nhưng

— Nhưng hư thai há ?

MÌNH ƠI !

— Không. Nhưng sanh thiếu tháng. Có thai mới 6 tháng rưỡi, bỗng dừng đến ngày 15-11 vừa rồi, chị ta đau bụng, vào nhà thương nằm. Chuyển bụng đến 8 ngày, mãi đến chiều ngày Thứ Hai 23-11, Monique sanh ra :

lúc 14g, 10 đứa con gái đầu tiên Catherine nặng 960 gờ-ram, lúc 14g, 30 đứa con trai, Thierry, 1 kí 150,

lúc 14g, 37 đứa con gái, Monique, 1 kí 170,

lúc 14g, 41 đứa con trai, Dominique, 1 kí 210,

lúc 14g, 46 đứa con trai, Jean Luc, 1 kí 040

Thề là 3 trai, 2 gái, tuần tự ra đời trong khoảng 36 phút đồng hồ. Và đây là một biến tố hi hữu làm chấn động cả nước Pháp cho đến cả chính phủ và Tướng De Gaulle cũng như toàn thể dân-chúng Pháp đều đặc biệt chú ý đến 5 đứa trẻ sơ sinh nầy vì là lần đầu tiên trong lịch sử Pháp và Âu châu từ xưa tới nay mới có 5 đứa hài-nhi ra chào đời một lúc, trước sau chỉ cách nhau 5 đến 20 phút mà thôi.

— 5 đứa nhỏ yếu quá, làm sao sống được, Minh nhỉ ?

— Theo Y-khoa thông-



MONIQUE SAMBOR

Người dân-bà sinh năm, lần đầu tiên ở Pháp và Âu-châu

thường, trẻ con sanh thiếu tháng và cân nặng dưới 1700 gờ-ram thì khó nuôi. Nhưng với khoa-học tối-tàn ngày nay, cách nuôi trẻ thiếu tháng trong máy-áp dưỡng nhi bằng kiện, phương pháp cho ăn-uống theo khoa-học, và các loại thuốc trợ-sinh đặc-cứu sống được biết bao nhiêu là con nít thiếu tháng và thiếu sức. Theo những thông kê mới nhất sau đây thì các sản-phụ sanh con thiếu tháng có thể yên lòng :

Cân nặng lúc mới sanh	Có thể sống được
Từ 400 gờ-ram đến 1 kí...	8,9 %
Từ 1 kí001 đến 1 kí,500...	60,3 %
Từ 1 kí501 đến 2 kí...	91,8 %
Từ 2 kí001 đến 2 kí,500...	97,5 %
Trên 2 kí 500...	99,5 %

Chúng ta còn nhớ ngày 28 5-1934, bà **Oliva Dionne** ở Canada cũng sanh 5 đứa con một lúc, và toàn là 5 đứa con gái:

Marie Dionne chỉ cân được 822 gờ-ram.

Emilie Dionne cũng cân được 822 gờ-ram

Cécile Dionne cân được 922 gờ-ram.

Annette Dionne cân được 1 kí 077 gr

Yvonne Dionne cân được 1 kí 162 gr.

Cả 5 chị em chưa được 5 kí mà vẫn sống khoẻ mạnh đến lớn... đến có chồng, cô nào cô này đều mập, tốt, đẹp và cùng duyên dáng như nhau cả.

— Mình à, thế người mẹ của 5 đứa nhỏ kia vẫn bình yên chứ?

Ông Tú nhoeen một nụ cười và gạt đầu:

— Mẹ tròn con vuông.

Nhưng 5 đứa con của bà **Monique Sambor** hơi yếu, nhất là **Jean Luc**, nhiệt độ rất kém. Rất đáng tiếc, 2 ngày sau thì **Jean Luc** không sống được nữa vì phổi yếu quá, tuy cân nặng 1 kí 040.

Trái lại, **Catherine** (960 gr) cô gái khóc oe-oe ra chào đời đầu tiên, thì lại khoẻ mạnh hơn. Có điều này đáng khen người Pháp, là vừa được tin **Monique** sanh năm, **Tướng De Gaulle**, tổng thống Pháp, phái người đại-diện đến thăm và ủy lạo (tuy **Monique** chỉ là một lao công, làm nghề đi ở mướn, chồng làm phát thơ), **Tổng-trưởng Y-tê**, và **Tổng-trưởng Bru-điện** cho các cô nữ y-tá và các ông công-chức đến tận nhà chị ta, ở thường trực đây để lo lắng cho gia đình chị ta được đầy đủ tiện nghi, không thiếu thốn một món gì cả, và chính phủ cho trợ cấp. Dân

chúng Pháp lại nô nức gọi thư tới như bướm bướm, kẻ người chúc mừng và tặng quà tặng các đồ dùng cần thiết, tặng tiền, tặng hoa, để đầy nhà đầy cửa. Hai vợ chồng anh phát thơ và chị ở mướn nghèo khó khỏi phải lo gì cả, lại được hàng vạn người khắp cả nước Pháp quý mến vô cùng. Một bà ở xa gọi cho **Monique Sambor** vài câu sau đây :

« Bà Sambor thân mến ơi, không được biết bà nhưng tôi yêu bà lắm. Lúc nào khỏe, bà viết cho tôi một chữ thì tôi vui sướng lắm... ». Mỗi ngày chị **Monique Sambor** nhận được trên hai ba ngàn bức thư tỏ lời chúc tụng hân hoan như thế.

Bà Tú ngẫm nghĩ rồi nói :

— Ở nước người ta vẫn mình dân chủ có tình đoàn kết như đạo đời với kẻ nghèo như thế, thiệt là hay. Ở nước mình, nếu có anh phát thơ của sở **Bru-Điện** với chị vợ buồn thúng bán mệt mà sinh năm đứa con một lượt như thế, đừng có hòng ông Bộ **Trưởng giao thông** đem xia tới ! Vợ mấy sanh 5, sanh 6 gì kể, mấy ăn thua gì đến



tao ! Còn bà lớn thì lo lái xe hơi **Huê-Kỳ** đi chơi thả gaz, ai sao mặc kệ !

— Em trách họ làm chi, vô ích !

Đồng bào nạn lụt miền Trung đó, 2 triệu người đang đói đó, có bà lớn nào đi ra Trung để hỏi han, săn sóc giúp đỡ cho họ đâu nào ? Nói chi chuyện sanh 5 sanh 6 ! Còn **Bác sĩ** nhà ta ở **Sàigòn** thì lo làm chánh khách, chánh-khứa, ủng-hộ, đả-đảo, lung-tung-beng thêm rộn đám chó chẳng được tích sự gì. **Bác-sĩ** nước người ta vừa nghe tin có một sản phụ sanh 5, là vội-vàng đến quay phim, phỏng-vấn, để trình-bày cho các **Nữ-sinh-viên** và **nữ y-tá**, cho các giới phụ-nữ hiểu rõ về vụ sanh 5, sanh 3 như thế nào để học hỏi. **Bác-sĩ Carmo**, **Giám đốc bệnh-viện Bour-**

guignons đã đem cuộn phim ấy dạy cho các lớp Hộ-sinh ở Đại-học Y-khoa Paris. Ông đã nghiên-cứu trường-hợp sinh 5 của chị Monique Sambor và cho rằng đây là một sự thụ-thai tồi-đá, kế-tiếp nhiều ngày (Superfécondation échelonnée sur plusieurs jours).



Người cha
RAYMOND SAMBOR

— Mình ơi, sinh 5 chắc hiếm lắm, phải không mình? Ở nước Việt-nam mình, sinh đôi sinh ba thì có thường, chứ sinh năm thì chưa nghe bao giờ.

Ông Tú cười:

— Vậy mà ông Tú-Xương, nhà Thơ trào-phúng ở V. Xuyên, trong Thơ chúc Tết, đã viết:

Lẳng-lặng mà nghe họ chúc con,

Sanh năm đẻ bảy được vuông-tròn...

Nhưng đó chỉ là câu thơ hài-hước chơi cho vui, chứ quả thật từ xưa tới nay chưa thấy Sử-sách nào nói ở Việt-nam ta có người sinh 5, chứ đừng nói chi sinh 7!

— Còn ở các nước khác trên Thế-giới, đàn-bà của họ sinh 5 có nhiều không?

— Không. Họạ-hoản thôi chứ. Kể từ tháng 5 năm 1934, ở Canada có sinh ra 5 chị em Dinnoe, còn ở Argentine bà Diligenti, ở Mỹ bà Fisher, ở Vénézuéla (Nam Mỹ) bà Prieto, ở Mozambique (Phi-châu) có bà Matangua. Tháng 1, năm 1951, ở Siverie (Nga) cũng có người sanh 5 (toàn 5 gái). Tháng 12-1956 ở Ấn-độ

sinh 5 (cùng 5 gái, nhưng đều chết hết). Tháng 8-1952 ở Brésil (Nam Mỹ) sanh 5 (nhưng chết 1). Ở Nam-Hàn (Á-đông), tháng 7-1960, có người sanh 5 nhưng chết hết, vì không có bác-sĩ giỏi và thiếu dụng-cụ tồi-tân.

Theo định-luật Hellin, thì: Trong 89 người sanh, có 1 người sanh đôi.

Trong $89 \times 89 = 7921$ người, có 1 người sanh 3.

Trong $89 \times 89 \times 89 = 62.742.241$ người có 1 người sanh 4.

Trong $89 \times 89 \times 89 \times 89 = 704.969$ người, có 1 người sanh 5.

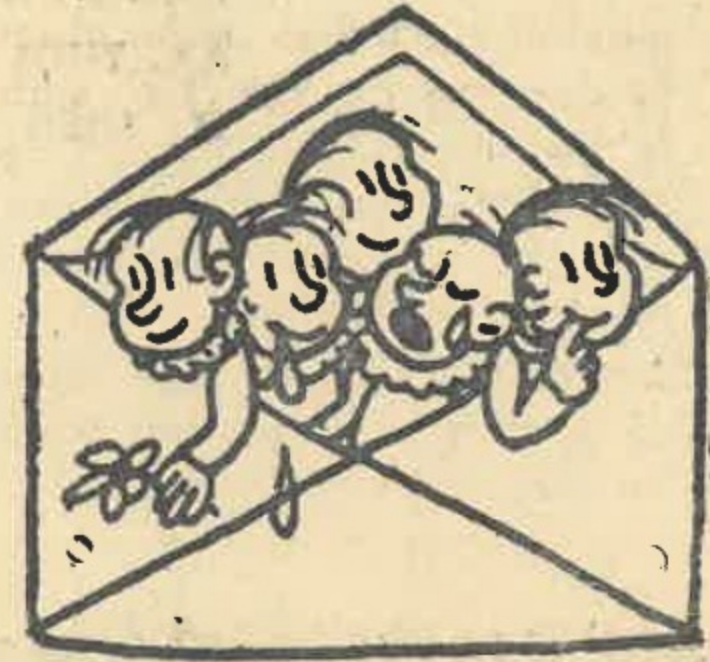
— Thế thì sinh 5 là việc hi-hữu lắm nhỉ, Hèn chi nước mình từ xưa đến nay chưa có hân hạnh được người đàn bà sanh 5.

Ông Tú cười:

— Ê, bỏ quên rồi đó, bỏ ơi! Bà Thi Tổ nhà ta, công chúa Âu-Cơ, lấy Lạc Long Quân sanh đến 100 đứa con trai lận à, chứ không thêm sanh 5, sanh 7 đâu à!

Bà Tú cũng cười xòa lên:

— À hi! Em quên mất bà Âu Cơ! Trời ơi, thế là bà Thi



Tổ Việt-Nam nhà mình chiêm giải quán quân về khoa đẻ rồi!

— Em tặng giải quán quân cho bà cụ Âu Cơ là đúng đây. Vì trong sách sử-xưa của Tây-phương có kể chuyện một bà Bá-tước ở xứ Hòa-Lan (Hollande) sinh một lúc 365 đứa con, năm 1313, theo lời ông thầy đồ đẻ thời bấy giờ tên là Mauriceau. Nhà Y-sư trứ danh của Pháp, Ambroise Paré (1509-1590) ở trong quyển sách dạy về khoa giải-phẫu của ông, có nói ông đã đỡ đẻ cho những sản-phụ sanh 5 sanh 6 và sanh 11 nữa! Theo sách Y-khoa Tây-phương thì từ 1694 đến 1936 có đến 45 người sinh 5, nhưng hầu hết là không sống được quá 50 ngày vì thiếu các điều-kiện dưỡng-nhi tồi-tân.

NĂM ĐỨA CON SINH NĂM TRONG NGÀY
ĂN THÔI NÔI CỦA ÔNG BÀ FISCHER
Ở MIỀN NAM DAKOTA, NƯỚC MỸ



Chỉ trừ trường-hợp 5 chị em Dionne.

Hai nhà Học-giả cổ Hy-Lạp, Aristote và Plin l'Ancien có kể lại rằng trong thời đó có những người đàn-bà đẻ liên tiếp 4 lần mỗi lần 5 đứa con. chính Y-sư Ambroise Paré của Pháp xác-nhận quả-quyết rằng vợ của vị sứ-quân ở Maldemeure có chồng được một năm sinh 2 đứa con, năm thứ hai sinh 3 đứa, năm thứ ba sinh 4 đứa, năm thứ tư sinh 5 đứa và năm thứ năm

sinh 6 đứa. Lần này là lần chót vì bà ấy sinh xong là chết ngay. Theo nhà Bác-học Medicus, thì năm 1853 ở nước Nga người ta có đưa vào châu Hoàng-đề một nông-dân tên là Kinilov có một đời vợ bốn lần sanh 4, (16 đứa con), bảy lần sinh 3 (21 đứa) và hai lần sanh đôi (4 đứa), và 16 lần sanh 1 (16 đứa), vị chi là tất cả 57 đứa con. Người vợ ấy chết, anh ta cưới cô vợ thứ hai, thì cô này lại 6 lần sinh đôi (12 đứa), 1 lần sinh 3, cộng tất cả là 15 đứa. Tổng cộng anh chàng nông dân Kinilov có cả thảy 72 đứa con. Và ngay hôm anh được vào châu Hoàng-đề Nga, tất cả 72 đứa con đều còn sống, và đều khỏe mạnh, được đi theo anh vào bãi yết Nga-Hoàng.

— Mình ơi, mấy người đàn bà đó làm sao mà họ đẻ nhiều thế?

— Sự thụ thai của họ có thể thành tựu bằng nhiều cách. Hoặc một cái trứng (noãn)

CÉCILE DIONNE

một trong 5 chị em Dionne cùng sanh một lúc. Anh chụp hôm đám cưới của nàng, 21 tuổi (Lúc mới sanh chỉ cân nặng 922 gr.)

phân ra làm đôi, cùng một cha, thành hai cái thai: trường hợp này gọi là *monozygote*. Hoặc hai cái trứng một cái phân làm đôi, và một cái nguyên đều thụ thai, do một người cha, thành 3 thai, (*dizygotes*). Hoặc hai trứng thụ thai cách nhau một vài ngày, cùng một cha, tức là *Superfécondation*. Hoặc cũng có trường hợp 2 cái trứng đều thụ thai cách nhau một vài ngày, do hai người cha khác nhau, thì đó là *Superfetation*,



Hai trứng thụ thai, hoặc một trứng phân làm hai, cùng thụ thai một lúc: Sinh đôi.

Hai trứng mà một thụ thai, và một phân làm đôi cũng thụ thai một lúc, hoặc cách nhau một vài ngày: Sinh ba.

Hai trứng cùng phân đôi, cùng thụ thai một lúc hoặc cách ngày: Sinh bốn.

Ba trứng cùng thụ thai.

nhưng một trứng nguyên và hai trứng phân đôi: Sinh năm. Đại khái cái máy móc của sự thụ thai sinh 2, sinh 3, 4, 5, là như thế.

— Mình ơi, hẳn nhiều những đứa trẻ sinh 5 có sống lâu không?

— Có chứ. Như anh đã nói lúc nãy, 5 cô Dionne sinh ngày 28-5-1934 đều đã trưởng thành và phần cô nào lo xây dựng hạnh phúc của cô ấy. Chỉ trừ cô Emilie chết ngày 6-8-1954. ba tháng sau khi cùng với 4 chị em ăn mừng lễ sinh-nhật 20 tuổi. Cô Yvonne vào nhà Tu kín nhưng sau lại ra. Còn Cécile, Annette, Marie, đều đã lấy chồng và được đầy đủ hạnh phúc. Năm người con của vợ chồng nhà Tỷ-phú Mỹ, Diligenti, hiện nay được 21 tuổi. Franco, Maria-Christina và Carlos Alberto đang còn đi học. Hai cô Maria Fernanda và Maria-Ester đều đã lấy chồng và đã sinh con đẻ eái lu-bù...

— Thích quá há!

Bà Tú không buồn vì chính mình chẳng có đứa con nào!

★ Diệu-Huyền



môi hồng mùa xuân

★ GIANG THỂ LINH PHƯƠNG
(anxuyên)

mưa nắng đỏ cũng dành em kỷ-niệm
chiều quê-hương chiến-trận rã tan rồi
em chớ khóc cho thêm nhiều lưu-luyến
mai anh về xuân sẽ nở trên môi

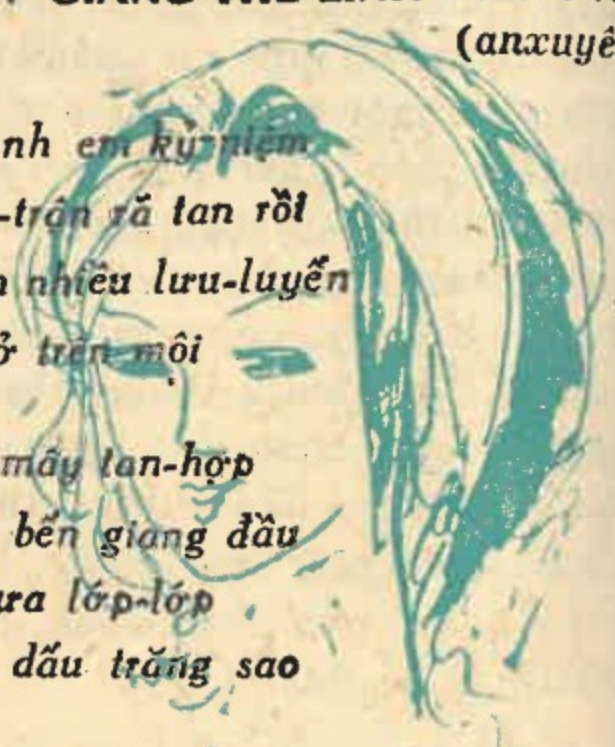
anh vẫn biết kiếp bèo mây tan-hợp
ngàn mơ sau xin gửi bến giang đầu
con tóc nhỏ đeo thề xưa lớp-lớp
lửa phiền lên mờ-mịt dấu trắng sao

anh ở đây bốn mùa bom súng nổ
tay trong tay lòng giận lũ quân-thù
Việt-Nam ơi, sắc da vàng máu đỏ !
xứ sở này tội ác cố đào sâu

đời chẳng đẹp như ngày nào em bảo
nên học trò bỏ áo trắng ra đi
đốt sách vở, đốt vàng son ngời báu
ôi bao năm "hoàng-đế", vẫn không về !

thư mỗi tháng những mong lần gặp lại
đêm cuối cùng em còn nhớ hay quên !
xuân hậu-chiến có loài hoa tuổi đại
thương người trai ơn nước mãi chưa đến

Thôi nắng đỏ cũng dành em kỷ-niệm
chiều quê-hương chiến trận rã tan rồi
em chớ khóc cho thêm nhiều lưu-luyến
mai anh về xuân sẽ nở trên môi



TRUYỆN NGẮN
★ NGUYỄN THU MINH



RA khỏi tòa soạn, tôi đang còn phân vân chưa biết nên về nhà hay tìm gặp vài thằng bạn rủ nhau đi uống cà-phê, tán dóc chơi thì bỗng có tiếng gọi quen lquen giật lại.

Chẳng ai xa lạ. Đó là Hoàng, một trong những thằng bạn thân nhất của tôi từ hồi còn học lớp đệ Tam trường Khải-Định, sót lại đến giờ. Và, điều làm tôi chú ý ở Hoàng đầu tiên không phải vì tiếng gọi, mà là sự hiện diện của Hoàng nơi này.

Bởi lẽ, chúng tôi không khi nào tìm gặp nhau tại sở làm cả.

Chưa kịp hỏi thăm, Hoàng đã đến bên vỗ vai tôi :

— Cậu ngạc nhiên lắm hả ? Phải biết rằng tớ chờ cậu hơn nửa tiếng đồng hồ rồi đấy nhé ! Đừng để phí thì giờ, uống đi.

Không đợi Hoàng dứt câu, tôi hỏi ngay :

— Ừ. Mà cậu kiếm mình có chuyện gì không ?

Hoàng mỉm cười, nói nửa úp nửa mở :

— Không có chuyện thì tớ kiểm câu làm "cái quái" gì.

Rồi Hoàng phá lên cười. Tiếng cười hơi man rợ.

Tôi vẫn im lặng đi bên Hoàng và đợi...

Một phút qua — hai phút — rồi ba phút... vẫn không nghe Hoàng nối tiếp câu chuyện đang bỏ dở.

Trời bắt đầu nổi gió, báo hiệu trận mưa chiều.

Hoàng đi sát bên tôi chút nữa. Lấy thuốc ra châm hút và quay sang mời tôi, tiếng nói hơi nhẹ và ấm:

— « Làm » một điếu cho ấm cậu. Rồi ghé Kim-Sơn uống cà phê nhìn thiên hạ một chút. Cực khổ nhiều rồi!

Vừa nói Hoàng vội đưa tay vẫy taxi, không cần tìm biết tôi ưng thuận hay không.

Lúc này tôi nhận thấy ở Hoàng có một vẻ gì khác lạ hơn ngày thường nhiều lắm, nên hỏi:

— Mình hỏi thật, cậu đang gặp chuyện rắc rối, phải không?

Hoàng nhìn tôi cười nửa miệng:

— Làm gì mà rắc rối. Ăn, ngủ, đi làm, đi chơi mà rắc rối nổi gì. Nói thật với mày là tao

đang sung sướng thì có. Cuộc đời thật..

— Đẹp, phải không? Tôi hỏi. Hoàng nhìn tôi hơi nhú mày trả lời:

— Ờ, ờ... cũng đẹp mà cũng xấu. Nhưng với tao thì không còn hai điều đó nữa. Mày hiểu chứ... Tao thương mày quá! À, cậu em mày năm nay học đến đâu rồi nhỉ? Tao cầu cho cậu em mày đạt được ước nguyện...

Trời lúc này đang đổ mưa to.

Bên ly cà phê đen, Hoàng bắt đầu lại câu chuyện, và tôi vẫn là kẻ đồng tình ngồi nghe. Các điếu thuốc lá vẫn thi nhau nối tiếp trên môi chúng tôi.

Và cũng vừa lúc tôi hơi bắt đầu phiền về cái tôi nói nhiều của Hoàng. Còn Hoàng vẫn cứ tỉnh như không hay biết. Giọng đều đều:

— Tao hỏi thật, mày đối với tao thế nào? Mà thôi, việc đó tùy mày, sao cũng được. Riêng tao, tao vẫn xem mày là một thằng bạn thân, một thằng bạn độc nhất cố gắng hiểu tao, ngồi chung ly với tao trong giờ này. Tao quý mày lắm... Tao thương cho mày...

Nghe Hoàng nói, lòng tôi

bỗng dưng cảm thấy xao xuyến lạ, thấy thương thương Hoàng vô cùng. Những nỗi bức bối ban nãy tiêu tan đâu mất, cơ chừng như tôi đang chứng kiến trước một cảnh nào lòng nào.

Rồi như qua một phút suy tư, Hoàng lại tiếp, lần này giọng nói dịu và có vẻ tha thiết:

— Mày nên hiểu tao trong lúc này một chút — hiểu chứ đừng mượn hai chữ thương hại thường tình đáng ghê tởm ấy — như tao đã nói, mày là thằng bạn độc nhất mà tao quý mà. Và, mày hãy chịu khó nghe tao vào chuyện nhé! Nay giờ hẳn mày nóng ruột nhỉ?

Tôi nhìn Hoàng bằng tất cả chân thành, vì dù ít nhiều tôi đã hiểu Hoàng phần nào, và chờ đợi...

— Qua một phút, tự dưng mình tìm được một giải thoát của đời mình rồi cậu ạ!

Tôi đùa:

— Gần đây, cậu hay đa sự quá! Cuộc đời này mà đa sự thì hỏng. Hãy thực tế mà nhìn vào đời sống hằng ngày của mình là hơn.

Không ngờ câu nói đùa của tôi lại khiến Hoàng càng phấn khởi thêm, càng phấn khởi

Hoàng càng trở nên khó hiểu.

— Cậu nói thực tế, mình xin thừa rằng là "em" đã từng thực tế lắm. Cuộc đời này cần gì? Tiền! Nhà lầu! Xe hơi! Người yêu đẹp ư? Ờ, giả tạo! Bám víu quá chừng. Sức tao không nhiều thì ít cũng có thể thực hành được những giả tạo, bám víu ấy lắm, nhưng mà đề rồi đi đến đâu đã chứ.

Nói tới đây, Hoàng dừng đứng dậy, móc ví trả tiền và đề nghị về nhà tôi nằm nghỉ, nói chuyện chơi, dù ngoài trời vẫn còn lất phất mưa...

Bên tách trà nóng, trên căn gác trọ, những câu chuyện vụn vặt giữa tôi và Hoàng đang đi dần đến sự vui nhộn thì Hoàng lại bỗng dưng dứt ngang bằng một câu khá "da diết":

— Mỗi lần đến đây, tao ghét nhất là gặp phải con chó của chủ nhà này. Chán thật. Con Người không mấy tốt đối với tao đã xong, đến thú-vật như con chó của chủ nhà này ở nó cũng ghét tao nốt, cứ thấy tao là nó nhảy chồm lên đòi cắn.

Trước câu nói ấy, tôi chỉ mỉm cười yên lặng, mặc cho Hoàng tự do theo đuổi những cảm xúc của lòng.

Ngồi dựa ngửa ra thành ghế



Hoàng cắn chặt vành môi để khỏi bật lên tiếng khóc !

Một bầu không khí u buồn tràn ngập lòng chúng tôi, và những ngày xa xưa như hiện về. Tôi chạnh nghĩ đến tôi, đến Hoàng của ngày hôm nay và ngày mai, rồi buột miệng hỏi Hoàng :

— Lâu nay cậu có liên lạc gì với gia đình không ?

Hoàng trả lời chậm rãi :

— Ừ nhỉ, mình quên cho cậu biết là từ ngày ông chú mình qua đời thì mình cũng trở nên xa lạ với họ hàng, có lẽ họ sợ mình nhờ vả cậu à. Nhưng với mình thì đâu có cần, họ giàu thì mặc họ chứ ! Mồ côi từ thuở

lên sáu còn chưa sợ hưởng hờ ngoài ba mươi mấy tuổi còn sợ nỗi gì.

Tôi an ủi :

— Chúng mình đúng là những thằng lạc loài, thiếu tình thương gia đình nhiều quá.

Hoàng lúc này nét mặt trở nên cương quyết lạ thường, đáp :

— Riêng cậu còn có được đôi người thân thích để tin và hy vọng trong cuộc đời. Còn mình thì hoàn toàn là con số không to lớn. Tìm đâu là gia đình, xứ sở thân yêu ? Trót sinh ra làm kẻ mang nhiều giòng máu lờ rờ.

Nói đến đây, Hoàng bỗng cười lớn, cười sặc sụa, nghe

sao man rợ vô cùng. Cười xong Hoàng đứng dậy, tiến sát đến tôi, quàng tay ôm tôi hôn lấy hôn để. Rồi lại cười, và rút ví lấy ra một lá thư đã nhàu nát của người chú viết cho Hoàng trước khi chết, trao tôi, nhờ tôi cất giữ hộ.

Giữa lúc tôi đang còn lưỡng lự, phân vân thì Hoàng lẹ tay rút vào bọc áo tôi, tươi cười :

— Nhờ cậu giữ hộ, và chúc cậu có nhiều nghị-lực, hy-vọng nhiều trong tương-lai. Nhất là mong cậu có một lý lẽ của cậu để sống. Mình thì có lý lẽ sống của mình ! Chúng ta đều là Con Người cả. Thôi, tớ đi đây. Cậu ở nhà mà nghĩ cho khỏe.

Tôi muốn nói lên một lời đề lưu Hoàng ở lại nhưng chẳng hiểu sao không nói được, đành đứng lặng nhìn Hoàng ra về giữa đêm khuya...



Đang ngồi uống cà-phê điềm tâm với Thành ở nhà hàng Thanh-Thế thì Quang đến, vừa kéo ghế ngồi vừa hỏi chúng tôi :

— Các cậu có nghe gì

không ?

Thành nhìn Quang .

— Chuyện gì hở cậu ?

— Một vụ chết sông. Mình đã viết bài tường thuật, định đến tòa soạn thì thấy hai cậu ngồi đây nên ghé rí-rả một chốc rồi cùng đến luôn thề...

Thành hất hàm đùa :

— Cậu đưa tớ duyệt trước xem bài tường thuật của cậu ra sao nào. À, mà người chết là đàn-ông, hay đàn-bà, con gái vị thành niên hở cậu ?

Quang thần nhiên đáp :

— Thanh niên, nhưng không rõ tên tuổi là gì, ở đâu cả. Và cũng chưa biết tại sao tại chết như vậy !

Nghe câu trả lời của Quang, tôi có linh cảm khác thường và thắc mắc khi nhớ đến câu nói của Hoàng :

« Cậu có lý lẽ của cậu để sống, mình có lý lẽ của mình. Dù sao, chúng ta vẫn là Con-Người cả ! »



● TƯ TƯỞNG ĐẸP

Một trình độ văn hóa tương xứng có thể giúp đôi lứa gìn giữ tình yêu ở một mực cao trên sự cuồng nhiệt hào hứng.

A. Maurois

SÔ KỶ



NGƯỜI CHIẾN QUỐC

★ Thiệu-Sơn

Họ Diên chiếm ngôi nước Tề được 3 đời. Tới đời Nhơn-Tề thì đời xưng vương hiệu và tự phong cho mình là Tề Oai Vương. Oai Vương ý nước mạnh dân giàu nên bỏ bê việc trị nước, ham mê tửu sắc, vui thú đàn ca.

Một người học trò danh tiếng ở nước Tề tên là Sô-Kỷ tự xưng là hay về âm nhạc tới xin yết kiến. Vua cho vào, khiến kẻ tả, hữu nhắc ghế cho ngồi, lấy cây đàn cầm để trước mặt. Sô-Kỷ cầm đàn nhưng không khảy một tiếng. Oai Vương hỏi :

— Tiên sinh có tiếng hay đàn Quả nhân thích nghe lắm, làm

sao mà ngồi yên ôm đồn không chịu gảy. phải chăng cây đàn không được tốt, hay có ý bất bình chăng ?

Sô - Kỷ bỏ đàn xuống, đứng dậy thưa rằng :

— Tôi chỉ biết cầm lý, còn như cầm âm đâu tôi đâu có biết cũng không đủ làm cho nhàm tai Chúa-Công.

Oai-Vương hỏi :

— Cầm-lý ra thế nào xin Tiên-sanh chỉ rõ.

Sô-Kỷ thưa :

— Nghĩa chữ cầm là « cầm », cầm thói tà-dâm, theo đường ngay thẳng. Xưa vua Phục-Hy làm đàn cầm bề dài ba thước,

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

sáu tấc, 6 phân, ấy là vận trời 366 ngày, bề rộng 6 tấc, ấy là hình đất có 6 cõi. Trước rộng sau hẹp hình như có thứ bậc tôn-ti, trên tròn dưới vuông bắt chước hình trái đất, 5 dây như 5 hành, dây lớn là tượng vua, dây nhỏ là tượng tôi, dây thứ nhứt là tiếng cung, rồi tới thương, giốc, trủy, vũ. Vua Văn-Vương mỗi đời lại thêm một dây vẫn là cung, dây vũ là thương để cho hiệp đạo vua, tôi. Trong một cây đàn Sở-dây vũ, dây vẫn, đủ tiếng thanh, tiếng trọc, cũng chẳng khác gì lối trị nước, vua, tôi tương-đắc, chánh-lệnh hòa hai.

Oai-Vương phán :

— Khen cho cầm-lý đã tinh, chắc là cầm-âm cũng giỏi. Xin tiên-sanh cho nghe thử để quả-nhơn được thưởng-thức ngón đàn của người rành điệu.

Sô-Kỷ liền đứng dậy thưa rằng :

— Tôi học đàn thì tinh nghệ đàn. Chúa-công trị-nước mà không lo có khác gì tôi ôm đồn mà không gảy. Tôi không gảy đàn thì chúa-công không thích ý. Chúa-công không lo việc nước, sợ không lấy gì làm vui lòng muôn dân.

Oai-Vương nghe nói ngạc-nhiên mà rằng :

— Tiên-sanh can phải lẽ, quả-nhơn xin nghe lời.

Nói rồi, nhà vua liền ở tại nhà Hữu-Thất, sáng ngày tắm rửa rồi ông cho đòi Sô-Kỷ vào bàn luận việc nước. Sô-Kỷ khuyên vua xa gái đẹp, lìa kẻ nịnh, gần người trung, tìm hiểu sự thật trong các trường-hợp, nâng-cao mức sống của nhân-dân, giúp cho họ an-cư lạc-nghiệp nhưng vẫn phải lo củng-cố binh bị để giữ gìn và mở mang đất nước. Những ý-kiến của Sô-Kỷ rất được Oai-Vương tán-thưởng. Ông liền phong cho Sô-Kỷ làm Tướng-quốc.

★

Hồi đó cũng có một người biện-sĩ là Thuần-Vu-Khôn. Người này thấy Sô-Kỷ làm tướng dễ-dàng nên có ý ganh-ghét. Thuần-Vu-Khôn đem môn-đệ vào xin yết-kiến Sô-Kỷ.

Sô - Kỷ lấy lễ tiếp rất kính-cần.

Trái lại, Thuần-Vu-Khôn tỏ vẻ kiêu-ngạo, vừa đi thẳng tới liền nhảy xồm lên ghế và tỏ ý muốn hỏi Tướng-quốc vài điều. Sô-Kỷ sẵn sàng tiếp chuyện. Thuần-Vu-Khôn nói ra toàn những lời

ví-dụ như muốn hỏi đồ người đối-thoại của mình. Nhưng chàng nói tới đâu là Sô-Kỵ liền hiểu ý tới đó và trả lời như một thí-sanh vào vấn-đáp. Và lại là một thí-sanh ưu-tú và thông-minh xuất chúng.

Thuần-Vu-Khôn nói :

— Con không xa mẹ, vợ không xa chồng.

Sô-Kỵ đáp :

— Tôi không dám lúc nào xa một bên vua.

Lại nói :

— Bánh xe bôi dầu thiết trơn, nhưng đem tra vào lỗ vuông thì chuyển vận không được.

Đáp :

— Tôi không dám không thuận nhân-tình.

Nói :

— Cung tuy cứng, có lúc phải cúi. Nước sông tới biển, tự-nhiên mà hiệp.

Đáp :

— Tôi từ nay phải yêu mến muôn dân.

Nói :

— Áo hồ-cừu tuy rách không nên vá da chó vàng.

Đáp :

— Tôi xin lựa ròng người hiền, không để những người bất-tiểu xen lộn.

Nói :

— Bánh xe, trục xe, không so phân, tắc thì không làm nên cái xe, đòn cãm đòn sắt không so khoan, nhặt thì không thành tiếng nhạc.

Đáp :

— Tôi xin sửa pháp-lệnh cho minh, trị những phường gian lại.

Thuần-Vu-Khôn nghe mấy lời giải biện biết Sô-Kỵ là bậc chơn tài, ngồi làm thính một hồi lâu rồi tạ lỗi cáo-từ.

Từ đấy bọn người đi du-thuyết nghe tiếng Sô-Kỵ không ai dám tới nước Tề nữa. Phần Sô-Kỵ cũng đặc-biệt lưu-ý tới những lời khuyên bảo của Thuần-Vu-Khôn mà sửa sang chánh-lệnh cho nước Tề càng ngày tiến bộ về mọi mặt. Chính Tề-Oai-Vương cũng nhờ nghe lời Sô-Kỵ mà trở thành một ông vua sáng-suốt.

Hồi đó các quan nội triều người nào cũng xưng-tụng quan Đại-Phu Đông-A mà chê dè quan Đại-phu Túc Mạc, Sô-Kỵ thuật lại cho vua nghe. Vua hỏi tả hữu thì tả, hữu cũng tâu như thế. Ông bèn sai người đi thanh-tra hai Ấp. Khi trở về họ báo cáo thiệt trạng cho vua hay. Vua bèn

hạ chỉ triệu 2 quan Đại-phu về triều. Đại-phu Túc-Mạc về trước vào yết-kiến vua, vua nghe báo cáo rồi làm thính. Kể tới Đại-phu Đông-A cũng về kịp. Vua hội đình thần muốn định thưởng phạt. Tả hữu tự nghĩ trong lòng phen này Đại-Phu Đông-A chắc có trọng thưởng, còn Đại-Phu Túc-Mạc chắc bị họa rồi. Bá quan văn võ bãi triều, vua đòi Đại-Phu Túc-Mạc tới trước mà phán rằng : « Từ người ra trấn thủ Túc Mạc ngày nào cũng có lời gièm pha, nhưng ta khiến người qua dò xét thấy trong xứ đất ruộng mở mang, nhân dân no đủ, việc quan không trễ, phương diện phía Đông được yên, bởi vì người lo việc trị ắp, không chịu vui với tả hữu ta cho nên phải chịu tiếng hủy báng. Người thiết là một chức Thú thần giử, nay phong cho lộc ắp một vạn nhà ».

Vua lại đòi Đại-Phu Đông-A tới mà nói rằng : « Ngày nào, ta cũng nghe tiếng khen người. Nhưng ta sai người đi dò thám tại ắp người thì thấy đất ruộng hoang vu, nhân dân đói lạnh. Ngày trước binh Triệu xâm phạm địa hạt người không tới cứu lại đem vàng bạc lo lót

cho tả hữu của ta. Người làm như vậy sao xứng chức nhiệm ? »

Đại-phu Đông-A cúi đầu tạ tội. Oai-Vương kêu lục sĩ trói lại liệng vào vạc nước sôi. Lại đòi những kẻ ngày thường hay khen Đại-Phu Đông-A, chê Đại-Phu Túc-Mạc, có hơn 30 người lựa 10 người thân tín đều bỏ vào vạc nấu lẫn từng người một. Quần thần đều sợ mất vía. Sau đó lại tuyển thêm hiền tài; đòi quân thú, thanh lọc hàng ngũ trăm quan làm cho triều đình nước Tề càng thêm lành mạnh và được sự kính nể của các nước lân bang. Oai-Vương còn lấy đất Hạ-Bì phong cho Sô Kỵ, đặt hiệu là Thành-hầu.



Nghe lời Sô-Kỵ Oai-Vương cho sứ thần triều cống nhà Châu và xin được tấn phong. Sau đó Tề-Oai Vương xưng bá. Trong kỳ hội minh, 5 nước Sở, Ngụy, Hàn, Triệu, Yên đều nhường nước Tề làm minh-chủ chỉ trừ

một nước Tần ở về phía Tây, nhưng không cùng thông-hiểu.

★

Tề-Oai-Vương nghe tin nước Ngụy có một danh-tướng là Bàng-Quyên làm cho nước này trở nên cường-thịnh, lại nghe nói còn một danh-tướng khác là Tôn-Tấn đương bị Bàng-Quyên hãm-hại, vua Tề bèn sai Thuần-Vu-Khôn qua thăm xā-giao nước Ngụy rồi lên cứu Tôn-Tấn đem về. Tôn-Tấn cảm ơn cứu tử tình nguyện làm quân-sư giúp quan Tư-Mã-Điền-Kỵ đánh thắng Bàng-Quyên. Bàng-Quyên lên cho người đem 1000 lượng vàng hối lộ cho Sô-Kỵ nhờ tay Sô-Kỵ trừ Tôn-Tấn. Sô-Kỵ thù Điền-Kỵ nhiều hơn Tôn-Tấn vì Điền-Kỵ càng lập công càng được lòng tin cậy của Tề-Vương và có thể đoạt luôn địa vị Tướng-quốc của Sô-Kỵ. Sô-Kỵ thâu tiền hối-lộ, lấy ra mười lượng vàng âm mưu gài bẫy để vu-oan Điền-Kỵ cho dính vào một kế-hoạch phản-loạn.

Sô-Kỵ gài bẫy, dựng chứng rồi ton-hót với Oai Vương làm cho nhà vua nghi-oan cho người công-thần của mình khiển Điền-Kỵ và Tôn-Tấn đều phải xin từ-chức.

Oai Vương chết, Tuyên-Vương

lên nối ngôi biết Điền-Kỵ và Tôn-Tấn hàm oan liền cho hai người phục-chức. Hai người lại lập được công lớn làm cho Sô-Kỵ mắc cỡ xin từ chức. Điền-Kỵ được thay thế cho Sô Kỵ. Tôn-Tấn giữ nguyên chức quân-sư, gia phong đại ấp.



Từ chỗ dùng cảm-lý để tiến-thân, dùng tài trí để trị-quốc, ta trông đợi ở Sô-Kỵ một cứu-cánh đẹp đẽ là ông mãi mãi sẽ giữ vững phong độ và lập trường của ông.

Ai dè ông cũng đổ kị như ai cũng tham quyền cố vị như ai. Nếu Tôn-Tấn quả là người có thao lược hơn ông và Điền-Kỵ đã lập công ở những địa hạt khác ông đáng lẽ ông phải mừng mới phải. Địa vị Tướng quốc của ông không phải vì những chiến

công của những người khác mà một sớm một chiều có thể mất vào tay người khác được nếu ông cứ một lòng vì nước, vì dân và thẳng thắn đề cao người có công với một ông vua sáng suốt.

Nhưng khi ông nhận lãnh tiền hối lộ của nước ngoài mà lại là một nước cừu địch thì ông đã đề lộ nguyên hình là ông không vì nước vì dân và cũng không xứng đáng với lòng tin nhiệm của nhà vua.

Đã nhiều lần tôi nói người chiến quốc hầu hết là những con người vô tổ quốc. Sô-Kỵ cũng không thoát khỏi điều đó.

Trong hoàn cảnh nước ta lúc

này cũng nhan nhản hạng người xôi thịt. Có những người khi chưa có địa vị cũng được tiếng gọi là liêm - khiết thanh - cao. Chẳng qua là họ chưa đánh hơi thấy mùi xôi thịt đó thôi.

Tới khi họ chiếm địa vị nào trong chánh quyền ta sẽ thấy họ còn tham quyền cố vị hơn ai hết.

Chính vì thế mà ta phải đề đặt trong sự phê bình và nên chờ cho qua cảnh hỗn loạn này ngày nay rồi mới thấy rõ con người trước những cơn thử thách.

★ ●



★ KÍN MIỆNG

Buổi sáng bà A đi chợ gặp bà B trách:

— Hôm bữa đánh chẵn đặng nhà chị C tôi đã dặn chị đừng nói mí nhà tôi là tôi thua. Thế mà chị cứ nói làm nó cần nhẫn tôi dữ quá.

— Thì nào tôi có nói gì đâu ngoài việc bảo chị quả có thua chút đỉnh. Mà cái anh ý cũng kỳ, tôi đã dặn là đừng có nói với chị cơ mà.

— Ấy, nhà tôi cũng dặn là gặp chị đừng nói nhà tôi đã nói lại với tôi chuyện ấy. Vậy gặp nó chị đừng có nói là tôi mè nheo chị hôm nay đấy nhé.

người đó ta đây

Tặng : Nguyễn thu Minh
Luu Nghi

Biết nhớ ai chừ, người đó ta đây
Lạnh núi rừng chiều, gió đuổi chân mây
Xin gửi tâm tư, hoàng hôn không nói
Xin trao chuyện lòng, đêm tối không hay !
Nghiep đời chưa trả, còn đeo nghiên bút
Có phải đường đời mộng vẫn đường mây ? !
Duyên tình cạn hết còn xa thê-tử
Áo cơm ngày dài rượu uống cho khuây
Bạn tác còn đâu mấy trời phiêu bạt
Sự nghiệp chưa thành, mộng vẫn còn xây.

★

Phố phường kênh kiệu, người đi thui thủi
Rừng núi bơ phờ, ta nhìn mây bay
Người có đêm đêm say men tửu quán
Mất giai nhân hề, có ước tình say
Nhạc loạn đèn hoa cười vui rần rật
Khuya lạnh người về, ai buồn ai đây !
Thơ chép mười năm, đêm nằm lót gối
Biết trao ai chừ, sợ tủi niềm tây
Chuyện viết mười năm chưa vừa đoạn cuối
Thấy thể nhân cười, chinh chiến còn gây
Còn thắm hoa-niên sao sầu lên mắt
Ác mộng đêm dài gươm súng bao vây

★

Mỗi độ ta về người sao ít nói
Mà giữa phố phường đời vui như chay
Ta đến với người, bài thơ treo vách
Vẫn giọng thơ sầu, thương trách ai đây !

★

Ta hỏi công danh, người nheo đôi mắt
Mà chỉ con thuyền trên sóng lắc lay
Ta hỏi sang giàu người cười như phá
Ôm lấy cuộc đời vẫn trắng hai tay
Ta hỏi tình duyên mặt người sao lạnh
Chiều chẵn cô phòng, gối chiếc còn đây
Ta hỏi văn chương, người ngậm khe khẽ
Thơ bán cho đời, mặt ngoảnh lưng xây
Ta hỏi bạn bè, sao người lại khóc ?
Bạn hữu chúng mình lắm rủi thừa may
Đợi biết bao giờ cười vui hội-ngộ
Âu cũng hẹn hò : trái đất còn xoay...

★

Ta lại về đây, người còn ở đó
Áo cơm một đời, rất lắm chua cay
Nắng đốt rừng hoang trưa hè ngút lửa
Mà sao trong lòng ta dậy heo may !

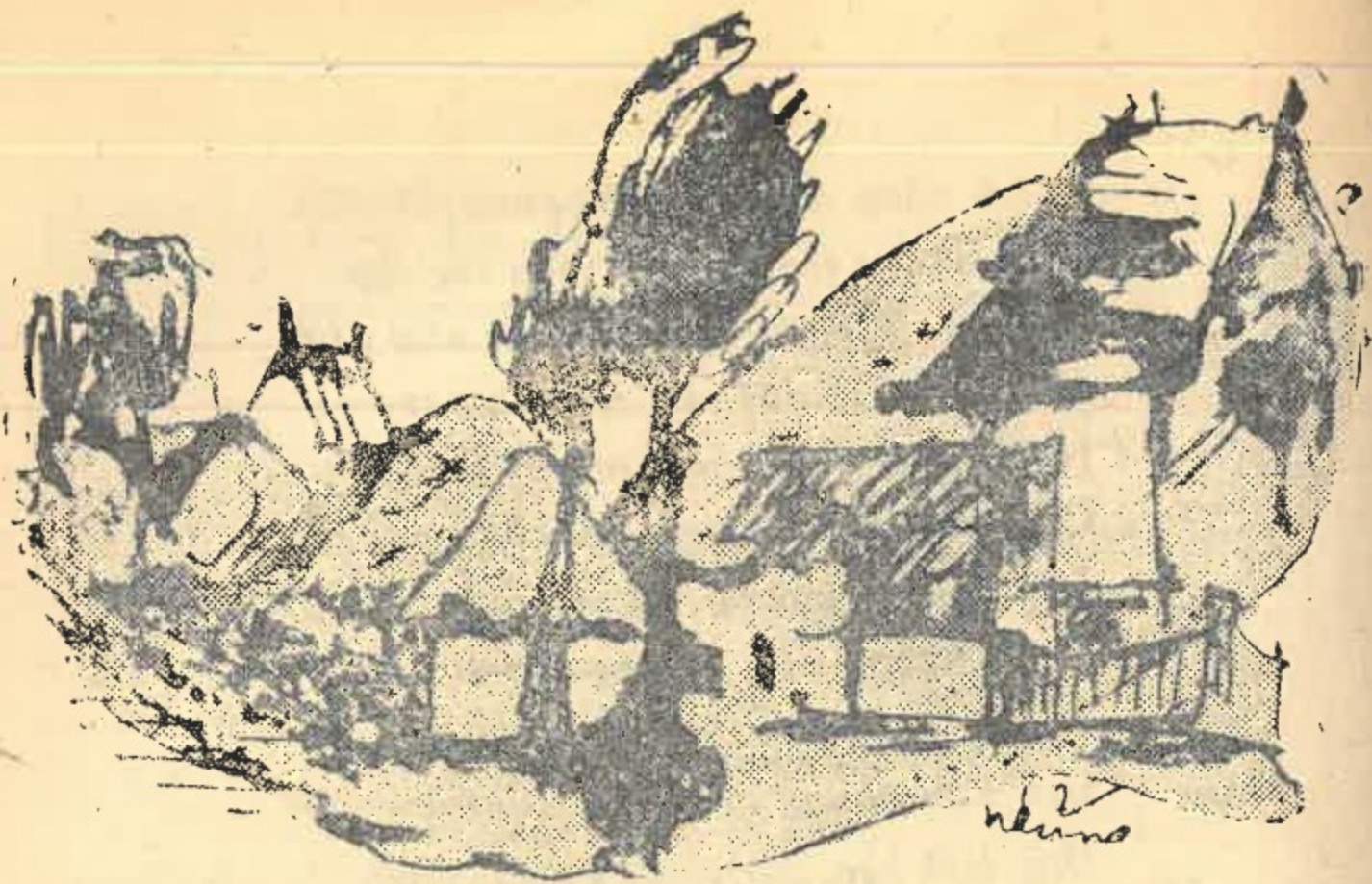
★

Cho ta thăm hỏi, chiều xuân phố cũ
Quán vắng sông buồn, men rượu còn cay ?
Phường phố vui không, nửa đêm về sáng
Mất biếc tay gà, có vơi sầu khuây
Có thấy nhiều không đêm về sương muối ?
Mộng ước trong lòng, người tỉnh hay say ?

★

Viết những giòng này mà sao ta khóc
Muôn nẻo cuộc đời người đó ta đây ?

★ PHONG-SƠN



truyện ngắn

LAN ĐÌNH

đêm dài ba mươi tết

XA vào giữa phố, mé bên kia, một bà lão Tàu đang đứng khấn vái, làm lễ ngoài trời. Cái mâm thau đặt trên cái ghế đầu gỗ mun, sôi gà, hoa huệ, nến đỏ, mấy ngọn lửa tù mù ngẫu nhiên lại làm cho buổi chiều càng chóng tối thêm.

Vú Ngạn trở vào, đứng áp mình ngoài khung cửa sổ, hai tay duỗi ngược, vúi lên cái then ngang, đầu ngoẹo về một bên vai, đôi mắt đắm chiêu với cái bàn học của Lượng.

Từ chỗ này, đêm đêm Lượng

vẫn mượn có ngồi làm bài khuya rồi lại giả vờ đi tiêu luôn luôn, lần nào cũng sồn-vén ở hiên bếp nhìn trộm vú Ngạn ngủ, tiếng nuốt nước bọt nghe rõ mồn một. Nếu vú Ngạn làm bộ trở mình, Lượng lại hốt hoảng bỏ đi. Chỉ thế thôi, nhưng cứ vậy mãi. Bà cụ và mẹ con mợ chủ đều ngủ trên lầu, chẳng ai biết.

Vú Ngạn không nhớ chắc mình đã bắt gặp đôi mắt cầu cạnh, thèm muốn của Lượng từ hồi nào. Nhưng vú đoán Lượng đã đề ý đến mình lâu rồi, và

ĐÊM DÀI 30 TẾT

mới bộc-lộ mãnh liệt vào hồi gần đây, cậu chủ đi tái ngũ, mợ chủ mời mẹ và em đến ở chung cho đỡ buồn « đề nhà có đàn ông ».

Đêm qua, Lượng đã liệu lắm, vì sẵn hoàn cảnh, mợ chủ đem con đi ăn tết với chồng, bà cụ đánh chặn bên hàng xóm đến sáng. Lượng đã dám đặt tay lên cổ vú Ngạn. Vú Ngạn không nỡ đề Lượng hốt hoảng đáng thương, nên chỉ khẽ gạt tay Lượng, giọng từ tốn : « Cậu đi ngủ đi. Tôi chỉ muốn giữ tiếng tốt cho cậu, nên đã không mách bà, mách mợ. Vậy cậu nên biết chuyện, mình là người có học, đừng... Vả nữa, tôi đã có tuổi rồi...

Nào ngờ Lượng cứ dụi mặt vào vai, vào ngực vú Ngạn, chân tay cuống quýt, nói không nên lời nữa, chỉ thấy đồ dờn nhưng âm điệu thống thiết nhưng vô nghĩa. Vú Ngạn đã phải vùng dậy, xô Lượng ra : « Cậu không nghe, tôi la lên bây giờ ». Quả nhiên, Lượng lại dặt mình, vùng chạy, vội hơn hết bao giờ, bỏ quên cả đôi dép !

Sáng nay, Lượng đi đâu thật sớm, ngay lúc vú Ngạn còn ngủ quên, trước khi bà cụ tan canh bạc. Trưa, Lượng cũng không

về ăn cơm. Và bây giờ muộn rồi, lại là ngày cuối năm, Lượng vẫn biệt tăm. Càng nghĩ, vú Ngạn càng lo, chỉ sợ Lượng xấu hổ quá hóa quẩn, hoặc tự tử, hoặc trốn miết thì nguy ! Ai chứ Lượng thì vú Ngạn ngờ lắm, rất có thể, vì yếu hèn, Lượng đã phần thân vượt hẳn mức độ cần thiết.

Vú Ngạn đi vòng vào trong nhà, đứng gập mình lên đầu bàn, một tay nhắc xem khung ảnh nhỏ của Lượng vẫn đề trên chồng sách. Vú phải lựa qua lựa lại mãi, mới tránh được ánh đèn khỏi chói mắt. Lượng còn nhỏ quá, ít nhất cũng kém vú Ngạn mười mấy tuổi.

Soi ngắm một lát, dần dà, vú Ngạn đã hiểu ra, Lượng nhát nhất là ở vẻ nhìn, đáng cười. Đôi mắt to tròn, trở lên như đang lạ lẫm hay sửng sốt điều gì. Cái miệng mím mím, nũng nịu, hơi nhếch về một bên vừa đủ quyến mồi chổ má đồng tiền.

Tướng mạo con gái của Lượng khiến vú Ngạn lại sức nhớ, một lần nào đó, Lượng đã bỏ ngủ trưa, ngồi loay hoay kim chỉ, có mỗi cái vạt áo đứt cúc mà lâu hàng giờ. Từ đó, vú Ngạn cứ ngờ-ngợ, dường như bà cụ đã vén trí rằng mình đủ

bồn phận với con rồi, bây giờ phải chờ ra quãng thời gian về già để hưởng thụ, đánh bạc, lên đồng, bỏ mặc Lượng tự lo lấy thân.

Vú Ngạn cười thầm, nghĩ đến cái «áo tết» của bà cụ may lấy cho Lượng. Cái áo ngủ, áo khách thì đúng hơn, khâu tay, xấu như khoác giấy vào người, hai vạt trước vênh ngược, cổ rúm lại và đường chỉ xiêu vẹo mũi ngắn mũi dài. Thế mà Lượng vẫn điềm nhiên lấy mặc, không buồn, cũng không vui...

Hồi chuông điện vắng lên bất ngờ, nhưng vú Ngạn không dật mình như mọi khi. Trước một tiếng mạnh, dài đã có nhiều tiếng nhẹ, ngắn hẫng hụt, ngắn ngại, chứng tỏ ai đó run tay vì say rượu hoặc còn đang lưỡng lự. Chưa cần trông ra, vú Ngạn cũng thừa biết Lượng gọi cửa, quyết đoán vô có, nhưng vú vẫn tin là mình nghĩ đúng.

Một tay đã nắm gọng cửa chìa khóa, một tay đã đặt sẵn trên nút bật đèn, nhưng vú Ngạn còn đứng thẩn ở góc tường. Vú đang chọn nhanh một câu nói đơn giản vừa tỏ rõ cho Lượng hiểu vú đã quên, đúng hơn, đã bỏ qua sự xảy ra đêm trước.

Nhưng vú Ngạn mới thoát đến sát cánh cổng, Lượng đã nói trước, lưu loát như sắp sẵn và tách bạch một cách cố tình rào đón:

— Cụ bảo, tôi về đây ngủ, vì tết mà nhà không có chủ thì đông mất; anh chị tôi sẽ trách.

Vú Ngạn khẽ hé cánh cổng vừa đủ cho Lượng vào:

— Thế còn cụ đâu, cậu?

Lượng đứng chờ, lời lẽ cũng lưu-loát, tách-bạch in hệt vừa rồi:

— Cụ phải ngủ ở đằng nhà đề sáng mai làm lễ đầu năm, kéo nhớ phải tội, thì lại đông mất.

Vào tới buồng khách, sáng trưng, ánh đèn ống về khuya càng trong vắt, vú Ngạn không ngờ vẻ mặt của Lượng lại bình-thản đến thế. Nghi hoặc, vú muốn bắt chuyện để được soát kỹ thái-độ của Lượng hơn:

— Cậu ăn cơm rồi chứ?

Lượng nhần mặt khôi-hài, một bàn tay vỗ nhẹ lên bụng:

— Nó thờ không được đây. Cụ làm cổ cứng, nhiều món quá, ăn cổ, bây giờ hãy còn tức anh ách!

Vú Ngạn phải lấy cớ quay ra khóa cửa, để căn răng nín cười:



— Rồi thì cậu nhớ tắt đèn nhé! Tôi đi ngủ trước.

Vừa nằm xuống, vú Ngạn đã nghe một tiếng « tách ». Bóng tối từ phòng khách thấm vào hiên bếp, cái vùng đang chạng-vạng chỉ hơi thấm đi thêm chút nữa. Thốt nhiên, vú Ngạn cảm thấy nóng ran trong ngực, tim đập mạnh hẳn lên. Vú gượng nhẹ trỗi dậy, trông ra. Nhà ngoài chỉ còn mỗi cái cửa sổ, ở tận cuối tầm mắt, là hơi sáng sáng, in mờ mấy cành lá phe-phầy. Chẳng thấy gì lạ, vú Ngạn lại nằm xuống.

Nhưng vú Ngạn vẫn bồn chồn vô cớ, và không chủ định mà vú cũng nghe được cả những tiếng động vu-vơ, từ mãi đâu xa, ở ngoại ô, hoặc có thể ở tận chân trời vọng về. Lạ hơn nữa, vú Ngạn vẫn thức, nhưng lâu lâu cứ dặt mình mà không hiểu nguyên do, in hết mê ngủ rồi choàng tỉnh.

Tuy vậy, thấp-thỏm hoài, lâu dần vú Ngạn cũng nghiệm ra cách thức đề thu xếp trong lòng. Vú mang-máng hiểu, vú thường thiếp ngủ vào lúc đang yên tâm ở chỗ Lượng đã trở về, chứ không trốn biệt hay tự-tử, và vú thường choàng thức vào lúc ngỡ rằng Lượng đã đến sát bên

giường. Rồi vú tự nhủ bằng cái câu « đến đâu hay đó ». Và chẳng, vú cũng thấm một hẳn rồi, trạng-thái nơm-nớp đã làm mờ rồi cả thề xác lẫn tinh-thần, như bị đánh tơi ra, chẳng còn sức chịu đựng nào nữa.

Cái ảo-tưởng quen thuộc lại đến, cả vùng sau lưng đều nhột nhột, nổi ám-ảnh, thắc-mắc còn có phần dầy đặc hơn trước nhiều, đến độ in hết sự thật. Nhưng lần này, vú Ngạn vẫn đề mặc, không cần ngoảnh nhìn. Vú cứ hướng thẳng về mạn cánh-đồng cói ngoài xa. Tiếng chân rón-rén đã dừng lại sát bên mình. Tuy giả vờ lơ-dăng, nhưng trí Ngạn sẵn sàng đón đợi. Một bàn tay đặt nhẹ lên vai vú Ngạn. Một bàn tay nữa dò dẫm nắm lấy tay vú Ngạn. Vú Ngạn mỉm cười, ngoái lại. Gã con trai lực-lưỡng, cái miệng đa tình, hàm răng vàng chấp-chóa càng thêm duyên, hơi thở phảng-phất mùi rượu, nồng-nồng, ngai-ngái, thơm ấm thật quyến rũ. Ở gã cái gì cũng mới đẹp, sang trọng, hiểu hiện niềm vui tết nhất. Chiếc mũ phớt đen mượt, tuyết dạ còn tinh tươm, mịn-mịn, ong-óng, trông mát cả mắt. Bộ bà-ba xúng-xính, lụa Lèo được ủi thẳng

càng thêm tro mã, thứ màu vàng mờ gà đốm đáng, cao quý. Chiếc nhẫn to như viên sỏi, tằm lặc nặng trĩu, chất vàng y, lên nước sáng lồng-lộng. Quả thật gã nhất làng. Xa xa, trông kia, dọc theo con đường đất, từng nhóm người xúm xít rải đều, những đám « bầu cua », bài cào đó, nhìn mãi chẳng gặp một bóng dáng nào có được phong độ của gã.

Đôi bạn cùng bước xuống chiếc xuống, chèo ra giữa khu đầm cói. Trời, nước no say. Cá thúc dưới đáy xuống kêu bập-bùng triền-miên. Phải rồi, khu đầm cói vẫn nổi tiếng nhiều cá, toàn giống cá lớn. Chợt, chắc đàn cá bự lắm, chúng đội bông chiếc xuống lên; sóng tạt đánh ào..

Vú Ngạn dặt mình, mở choàng mắt ra, đúng lúc, tiếng chân chuột — chạy về phía cuối sân — còn vẳng lại, cả cái chậu nhòm—dựng ở cửa buồng tắm — bị va đổ, cũng chưa tắt hẳn dư ngân...

Đúng lúc Lượng tốc màn, đồ mình xuống với vú Ngạn. Bất ngờ quá, bằng phản ứng tự nhiên vú Ngạn vội đẩy vai Lượng và thốt kêu:

— Chết!

Nhưng Lượng cứ mê sảng, tay ghì chặt, tay tìm kiếm, mặt dụi miết trên mặt vú Ngạn, anh dứt từng hơi:

— Vú ơi! Tôi nghiệp tôi lắm. Tôi yêu vú, yêu thật. Vú đừng hỏi nữa. Tôi không trả lời được..

Vú Ngạn thở dài, buông rơi hai tay sang hai bên.

Lúc vú Ngạn trở ra hiên, đem nốt đĩa trứng trắng cho hai đứa trẻ, thì Lượng vừa giắt xe đạp bỏ đi, cốc sữa để lại chỉ với chừng vài ngụm. Định trông theo Lượng nhưng vú Ngạn sức nhớ còn hai đứa trẻ, nhất là con chị đang tuổi tò mò, bép-xép, Vú phải giả vờ đứng sau lưng thẳng em, vệ việc giúp nó xắt trứng, khuấy sữa, nhưng cốt ý có chỗ để trông theo Lượng.

Cái mũ trắng rộng quá, vành mũ che hết gáy, sa xuống lưng khiến Lượng càng tăng vẻ yếu đuối, chập chập. Tới hè phố, Lượng đứng nán, nhìn ngược nhìn xuôi. Một lát, Lượng cần-thận tay trước tay sau dìu nhẹ chiếc xe xuống đường, rồi anh chạy vội sang phía bên kia. Hướng về phía tay trái, Lượng rón rén lên yên, chân trên bàn đạp chân chống bờ tường, anh

còn nhấp nhòem mấy cái đèn tìm thể ngồi thuận tiện, rồi mới lấy đèn, kê chao đi. Quãng đường — cắt giữa đôi trụ cổng — rất ngắn, nhưng trong nhà nhìn ra cũng còn thấy được những vòng chân của Lượng, từng guồng, từng guồng phân biệt, co ro.

Đang miên man, vú Ngạn thốt dật mình vì bất chợt con bé bung môi, giọng « bà cụ non » :

— Gớm khiếp, cậu Lượng ỉu xiu như ông cụ !

Vừa chột dạ, chưa kịp hoàn hồn, vú Ngạn lại nghe thấy trận cười ròn tan từ trên bao-lơn vọng xuống, chắc mợ chủ đang đứng nói chuyện với bà bạn hàng xóm, thói quen vào lúc vừa ngủ dậy :

— Đây chị xem, bộ tịch cậu em tôi, thế có chán không !

— Vâng, cậu ấy lảnh quá.

— Đần chứ ạ. Đến nỗi không biết tiêu tiền nữa, làm được đồng nào chỉ đưa hết cho bà cụ tôi đánh bài !

— Thế là có hiểu !

— Tôi đã làm mối cho nó mấy lần, đề ngộ may có vợ, nó sẽ được cảm hóa mà sửa đổi. Nhưng thật là khổ tâm, đến ra mắt nhà gái mà nó...

Mợ chủ cười chết lặng :

— Một chiếc giầy đứt giây, nó lại thất tạm bằng sợi giây gai dỏ !



Bà hàng xóm cũng cười chết lặng, rồi phát ho, nói đứt từng hơi :

— Trời sinh voi sinh cỏ chứ ! Ai biết đâu ở chỗ ma ăn cỏ đấy !

Lời lẽ ví von ấy thốn vào cuống phổi của vú Ngạn, buốt nhói. Vú quơ vội hai cái cặp sách, cùng hai đứa trẻ bước ra. Quãng đường sỏi, từ hiên đến cổng chỉ độ năm bảy bước nhưng vú Ngạn vẫn không kịp thoát khỏi nỗi châm chọc đằng sau, trên cao. Tuy vú Ngạn vẫn biết chưa chắc đã có ai nhìn theo mình, nhưng vú cứ cảm thấy xượng xấn ở gáy, tai và má nóng bỏng.

Ra khuất ngoài hàng dậu, một thôi dài, vú Ngạn mới trở lại bình tĩnh đôi chút. Đề mặc hai đứa trẻ đi trước, vú ngả nón cầm chung với bên tay xách cặp,

che lên bụng, tay còn lại kín đáo khẽ nắn thử ngay chỗ trong lòng đang ngo nguậy. Một cái gì khoan nhột, tụt vào, tan ra đều đều, mừng tượng đóa hoa vừa cụp đã nở triển miên. Suốt bốn mươi năm, chưa bao giờ vú Ngạn có thứ cảm giác mơ ảo, lạ lùng này.



Nỗi bàng hoàng dâng mãi lên cùng một lúc, vú Ngạn càng thương Lượng thăm thía, vì vú biết chắc Lượng cũng đang khổ sở lắm, và khó xử hơn vú nhiều. Đêm qua Lượng lại vào với vú Ngạn, biết tin này, anh đã nằm im rất lâu, rồi bỏ về giường. Sáng nay, Lượng cứ dẫu mặt, bỏ cả điểm tâm, rồi vội vàng đi làm thật sớm.

Hết một dãy phố. Hai đứa trẻ khôn ngoan giắt nhau đứng lại trên vỉa hè, đề chờ vú Ngạn, đưa qua đường. Vú Ngạn đã định dìu chúng nó đi tiếp, nhưng còn lưỡng lự, vì chợt nghe tiếng

động cơ nào đã gần lắm. Chiếc xe buýt bon-bon lao tới, mặt kính, nước sơn vẫn đục nắng sớm trông ứa rạ, và những ô cửa sổ đặc người.

Chuyến xe no khách, chạy vội bỗng dừng lại cho vú Ngạn một niềm thắc mắc nào đó. Sang đường vú còn nán lại, trông theo. Nhưng mạn ấy chỉ còn mỗi chiếc cầu đúc, nắng sớm quét dài trên dây lan can, trắng toát, sáng sủa mà ẩm ướt, thêm đôi chút hắt hiu.

Chỉ còn một quãng nữa là đến trường của con chi. Vú Ngạn cúi xuống, vừa tầm đôi diện với hai đứa trẻ :

— Trưa nay có lẽ vợ mắc việc, không đi đón hai em được. Vậy hai em chờ ai quen hãy nhờ đưa về. Nhớ đừng đi theo người lạ, nghe ! Hai đứa trẻ cùng gật đầu lặng lẽ, rồi quay nhìn nhau bờ-ngỡ. Vú Ngạn vội ngẩng lên, hướng thẳng về phía xa, đề dẫu nước mắt. Ngay lúc vú lại nghĩ đến chuyến xe buýt ban nãy, chiếc cầu đúc đằng kia, và những đốm nắng sớm leo lét thì ngẫu nhiên gợi ra một ý niệm về thời gian, bây giờ là cuối tháng ba.





★ Thiếu-Son

Mặt trận phía Đông đang chuẩn bị một mùa xuân quyết định

NHƯ đã nói trước, quân đội Đức bị thất-bại nặng-nề trong mùa Đông 1941-42. Bao nhiêu trận tấn-công ô-ạt đều bị ông Tướng Mùa Đông chặn đứng và nếu không cương-quyết thì quân Đức đã tan vỡ và thối lui. Quân Đức đã thất-bại ở trước Mạc-Tư-Khoa và ở khắp các mặt trận. Họ đã dùng một chiến-thuật gọi là chiến thuật « con nhím » tạm thu hình để đỡ gạt. Không tiền được thì họ tập-trung và kiên-thiết những công sự phòng thủ kiên cố để chờ mùa

Xuân tới. Những điểm phòng thủ giống như những con nhím chỉ tự-vệ khi bị tấn-công. Và họ đã thành công trong suốt mùa Đông năm đó.

Trong thời-gian ấy hai bên đều chuẩn bị ráo riết để quyết một còn, một mất trong trận thứ hùng.

Bộ Tổng Tư-Lệnh Nga chế thêm được một khí giới chống chiến xa mà chỉ cần có hai người điều-khiển. Họ lấy ra ở mỗi sư-đoàn Bộ-binh phân nửa lực lượng trọng pháo và thành-lập những sư đoàn tự trị có hiệu lực vô cùng. Họ tổ chức những lữ đoàn đặc biệt phóng hỏa tiễn rất lợi hại mà người Phần-Lan đặt tên là những quý-sứ của Staline

NHỮNG BÍ MẬT

(Stalinorgol). Ngoài ra họ còn chế thêm những vũ-khí tự-động và huấn luyện những đội binh xung phong với tiểu liên ngói sau những chiến-xa. Họ chế thêm được loại chiến xa 43 tấn có trí 1 đại-bác 75 ly và 4 khẩu đại liên gọi là Klim Vorochilov. Họ tận dụng những khả năng vô tận của họ để sản xuất vũ khí trong những cơ-xưởng vĩ đại ở Tây-Bá Lợi Á.

Ngoài ra họ còn có khí giới của Anh-Mỹ viện trợ. Riêng phần Mỹ cho tới ngày 31.12.1944 đã viện trợ cho Nga 6.000 chiến-xa, 3.300 xe có trí súng đại liên, 1.800 đại-bác tự động, 26.300 xe cam-nhông, và xe hơi, 1.048 đầu xe lửa, v.v...

Về phía Đức họ cũng chuẩn bị ráo riết để tiếp đón một mùa xuân quyết định. Nhờ Anh — Mỹ thụ động ở mặt phía Tây Đức có thể rút ở Pháp, Bỉ và Hòa-Lan 14 sư đoàn bộ-binh và 2 sư đoàn thiết-giáp để tăng cường mặt trận phía Đông. Ở đây ngoài lực-lượng Đức đã có thêm 14 sư-đoàn Phần-Lan, 22 sư đoàn Áo, 13 sư đoàn Hung, 10 sư-đoàn Ý, 1 sư đoàn Ý-Pha-Nho.

Đại-tướng Guderian, một danh-tướng chuyên đánh chiến xa, bị cách chức nay lại được phục-chức và phong cho làm tổng thanh-tra quân-đội lưu động. Ông có nhiệm vụ cải tổ toàn diện cơ-cấu quân-sự cho thích hợp với mặt trận phía Đông.

Tóm lại, cả hai phe đối-thù đều chuẩn-bị một trận thứ hùng vĩ đại cho một mùa xuân quyết định

Chiến-dịch Stalingrad

Kế-hoạch của Hitler gồm những điểm chánh yếu như sau :

1) Điều-động những quân đoàn ở phía Nam của Tổng-chê Von Bock gồm 2 triệu chiến sĩ và 7.000 chiến-xa nhằm Stalingrad đánh tới rồi đánh một vòng cung lên phía Bắc.

2) Cô-lập Mạc-tư-khoa bằng 2 quân đoàn và bao vây quân đội Nga cho chúng bị cắt đứt với những đường tiếp tế dầu lửa ở Caucase và đường tiếp-tê quân-cụ của Anh-Mỹ do Vịnh Persique, nước Ba-tư và bể Caspienne.

3) Dùng 25 sư-đoàn chiếm những giếng dầu lửa ở Caucase và chiếm luôn Hải cảng Batoum trên Hắc Hải.

4) Những quân đoàn trên sẽ chia làm 2 cánh : một cánh xâm-nhập Thổ-Nhĩ-Kỳ qua tiêu diệt quân Anh ở Syrie chiếm kinh Suez và bắt liên-lạc với đạo binh Phi châu của Rommel, một cánh chiếm Ba-tur Anatolie, hải cảng Bassorah rồi bắt liên lạc với quân-đội Nhật-Bồn đã chiếm được Ấn-Độ và tiến gần đến Karachi.

Như vậy thì Stalingrad là trung tâm điểm của cuộc hành quân vĩ đại đó. Và muốn cho kế hoạch thành công phải chiếm cho kỳ được Stalingrad.

Bộ Tư-lệnh Nga muốn bẻ gãy kế hoạch của đôi phương nên đã tấn công trước vào thành-phố Kharkov cách Stalingrad lồi mấy trăm cây số về phía Tây là một cứ-điểm quan trọng của Đức. Nhưng cuộc tấn công này thất bại. Theo thông-cáo Đức thì Nga đã mất 240 000 quân lính làm tù binh 2.026 cỗ đại bác, 1240 chiến xa. Tướng Gorodiansky, tư-lệnh quân đoàn VII chết trên tay còn cả n tiêu liên. Tướng Poldas, tư-lệnh quân đoàn 57 tự tử chết

cùng với toàn bộ Tham-mưu. Thất bại tuy lớn nhưng Nga đã thành công và bắt buộc Đức phải tổ chức lại hàng ngũ sau trận đánh lớn này để Nga có thêm ngày giờ củng cố cuộc phòng thủ Stalingrad.

Cũng trong thời gian này Đức còn thắng một trận oanh liệt và chiếm được hải cảng Sébastopol.

Cuộc đại tấn công của Đức chỉ thật sự mở màn ngày 3-7-1942. Mặt trận Nga bị thọc sâu trên 100 cây số, ngày 12-7 chiến-xa Đức đã tung-hoành một vùng 500 cây số và bắt được 250.000 tù binh. Cũng ngày đó Đức mở luôn một trận tấn công thứ hai ở phía Nam đánh vào thị trấn Rostov. Ngày 24 Rostov thất thủ cắt đứt đường xe lửa Mạc-Tư-Khoa-Rostov. Thế là chiến tuyến Nga chỉ còn có đường tiếp-tê duy nhất là sông Volga mà thôi. Ngày 11-8 Đức loan tin bắt được 500.000 tù binh, phá hủy 6.271 chiến xa và 6142 đại bác từ ngày bắt đầu mở cuộc tấn-công mới.

Đúng như kế hoạch dự liệu quân Đức chia ra làm hai cánh : một cánh tràn xuống Phía Nam tới biển Caspienne và tới

ngày 27-8 đoàn chiến xa đầu tiên chỉ còn 130 cây số thì tiến tới những giếng dầu ở Grosny. Những đạo binh tiên phong của Đức đã cắm cờ chữ « Vạn » ở đỉnh núi Elbrouz. Cánh thứ hai tiến về phía Đông Bắc nhắm mục đích làm nổ tung cái khóa cửa Stalingrad.

Ngày 20-8 những căn cứ phòng thủ phía ngoài của thành phố này đã bị chiếm. Phi trường cũng bị chiếm luôn; Tướng Von Paulus cùng với 19 sư đoàn và 8 sư-đoàn thiết giáp đã tới cửa thành.

Đức thua

Trước khi lực quân tấn công, thành Stalingrad đã bị dội bom tan nát. Nhưng chính những cuộc oanh tạc bằng không quân lại cản trở bước tiến của lực quân. Nguyên do là những cơ sở kiến trúc của Stalingrad lại làm bằng xi măng cốt sắt. Bom làm sụp đổ những tòa nhà kiên cố thì những tầng xi măng cốt sắt lại chống chọi lên nhau ngồn ngang như những chướng ngại vật cản bước tiến của chiến xa và thiết giáp.

Thành ra quân Đức khi được

lệnh xung-phong thì liền bị cản trở. Chiến xa không tiến được thì lực quân phải tiến vào và chịu đựng những trận đánh trong thành-phố gian khổ và ác liệt vô cùng. Dưới những đồng gạch vụn, dưới những núi xi-măng đều có những ô kháng chiến mãnh liệt vô cùng.

Staline ra nhứt lệnh : « Số phận dân tộc Nga là tùy thuộc vào trận đánh này. Không một bước lùi. Các anh phải chiến đấu như những binh-sĩ của Alexandre và Kutasov. Phải kháng chiến tới chết. Chúng ta có thể và chúng ta cần phải chiến thắng. »

Tướng Tchouikov cũng cương quyết cô thủ.

Về phía Đức, Von Paulus thấy tất cả nỗ lực tấn công đều tan rã đề nghị rút lui nhưng Hitler không chịu.

Ở Tổng Hành Dinh 2 tướng Halder và Von Bock cũng thuyết phục Hitler phải thôi lui để thu hẹp mặt trận lại vì nếu thua ở Stalingrad thì sẽ thua ở khắp nơi. Nhưng Hitler nhứt định không nghe vì ông bị ám-ảnh bởi chữ Stalingrad, « thành phố của Staline ». Ông coi Staline là kẻ thù bất

cộng đại thiên của ông nên ông không tha thứ cho Stalingrad. Phải chi thành phố này có một tên khác thì ông cũng buông tha cho được. Cầm trong tay cả triệu sanh mạng mà để cho tình cảm chi-phối tới mức độ đó thì thật là nguy hiểm vô cùng. Chẳng những ông không nghe lời mấy vị tướng lĩnh trên mà ông còn cách chức cả hai người. Tướng Von Maustein thay thế cho Von Bock.

Ở phía bên kia Staline cất cử tướng Joukov là người đã thắng ở Mạc-Tư-Khoa năm ngoái, lên phản công để giải tỏa cho Stalingrad với một lực lượng 150 sư đoàn và 5000 chiến xa. Joukov phóng ra hai đợt tấn công, một ở phía Bắc, một ở phía Nam để cắt đứt hậu cứ của đạo quân thứ 4 của Đức đương bao vây thành phố. Cuộc hành quân thành công do mưu lược của Tướng Nga Joukov tuyển lựa 50 tên quân xung phong cho điều khiển 50 chiến xa Đức sửa lại rồi chạy qua cầu Kalasch trên sông Don. Cầu này được quân Đức canh giữ rất gắt gao nhưng lắm tướng là chiến xa của

minh nên hồ hững dè cho qua. Rồi quân Nga ứa qua liền mà chiếm luôn cầu cắt đứt địch với hậu phương của chúng. Ngày 22-11 hai gọng kìm khép lại bao vây trọn ở đạo binh thứ VI của Von Paulus đương công-hãm Stalingrad giữa 2 con sông Don và Volga.

Đạo quân này gồm có 300.000 người. Ba tuần sau Đức mới phân công bằng 8 sư đoàn bộ binh và 3 sư đoàn thiết giáp nhưng thất-bại.

Ở phía Bắc khu Stalingrad quân Nga vượt sông Don bằng giá và đuôi liên-quân Đức. Ý cả roo cây sô làm cho đôi phương hết hy-vọng tiếp cứu đạo quân số VI.

Ngày 24-1-1943 Von Paulus báo cáo tình-hình nguy ngập cho Hitler: hết lương thực, xăng nhớt, hết đạn dược. Hitler trả lời bảo phải chiến-đấu tới người cuối cùng. Von Paulus bằng lòng hy sinh không phải cho cuống-vọng của Hitler mà để cầm chún quân Nga ở Stalingrad để chúng khỏi tủa ra đánh những nơi khác và tức là để cho phòng tuyến Đức khỏi tan rã.

Ngày 25-1 quân Nga chiếm lại phi trường Stalingrad. Ngày

31-1 Von Paulus được thăng chức Thống-chế. Thắng chức trong trường-hợp này có nghĩa là chấp-nhận lấy cái chết.

Văn-sĩ Đức Théodor Pilevier đã viết:

« Thống - chế chết ở sông Volga, đó là sự đòi hỏi và bây giờ khi người ta đã đốt hàng 10 tỷ mã-khắc (marks) bây giờ khi người ta đã tiêu phí 200 ngàn sanh mạng, nay không còn là sự đòi hỏi của một nhà lãnh-đạo điên cuồng mà là một khẳng định tuyệt đối của một giai cấp quân nhân đã được đào tạo để chinh-phục nhưng lại gặp phải một thất bại thứ hai trong cùng một thế hệ... Đó là ý, là lệnh, là luật và cái luật đó Thống-chế coi nó như máu của máu mình, như thịt của thịt mình ».

Mặc dầu vậy, ngày 2-2-43 một tướng Đức tên là Roske đã cùng với một thông dịch viên từ một hầm chứa rượu chung lên. Thông-dịch-viên kêu một sĩ quan Nga ngồi trên một chiếc xe thiết giáp và nói:

« — Thưa trung-úy, ông hãy bảo họ ngưng bắn đi. Tôi có một điều quan-trọng muốn nói với ông. Ông sẽ thắng trận và được thưởng đủ thứ huy-chương nếu ông chịu đi theo

tôi đến bắt Thống-chế và toàn bộ Tham mưu Đức. »

Viên sĩ-quan Nga đồng ý và sự đầu hàng được ký kết. Hàng ngàn người sống thân tàn ma dại như những xác không hồn lần lượt từ những đồng gạch, ngói, xi măng chung ra. Họ như những con thú, ở lỗ, ở hang ở ông công chung lên.

Văn-sĩ Théodor Pilevier viết: « Thế là hết cái đám quân-chúng quân-nhân kia. Họ không còn chún cẳng, không còn đầu óc, không còn tâm hồn, không di-vãng và cũng không tương-lai. Cuộc tiến tới sông Volga không còn một vai tuồng nào trong di-vãng và cũng không có một viễn-ảnh nào trong tương-lai, quân lính đã hết, họ đã suy nhược, họ đã tan tã họ chỉ còn là tro bụi... »

Còn Thống chế thì ngài thật là tiểu-tụy và mệt đừ. Ngài buộc không được bắt ngài đi bộ trong thành phố như những tù binh khác. Một Đại Tá Nga phải mời ngài lên một chiếc xe bít bùng để giải ngài về nhốt.

Sau 5 tháng chiến đấu ác liệt và sau cuộc oanh kích không ngừng của 34 trung

NHỮNG BÍ MẬT

đoàn pháo binh Nga, quân đoàn Von Paulus đã tổn thất 240.000 chết, 91.000 tù binh trong đó có 1 ông Thông-chê và 23 ông Tướng. Ngoài ra còn mất 1.550 thiết giáp, 6.700 đại bác, 67.000 xe cam nhông và xe hơi.

Ở Ba Linh có loan tin vẫn tắt trên đài Phát-Thanh về sự thất thủ ở Stalingrad. Nhưng Tổng Trưởng Tuyên Truyền Goebbels lại đưa ra một tin theo đó thì sau khi kêu điện thoại cho Quốc-Trưởng Thông Chê Von Paulus đã cùng toàn bộ Tham mưu cho nó Tổng Hành Dinh để được chết trong vinh dự. Kê đó Hitler ban hành quốc táng trong ba ngày liền.

Tất cả phòng tuyến Đức ở Nga đều rung rinh chờ sụp đổ. Theo thông cáo Nga thì từ 10-11-1942 tới 31-3-1943 quân đội phe Trục đã mất 850.000 người chết, 343.825

tù binh, 9.390 chiến xa và 19.360 đại bác.

Tới tháng 3 năm 1943, quân đội Đức đã bị đẩy lui xa hơn những căn cứ phát-xuất hồi mùa xuân năm 1942.

Thất trận Stalin, r d Đức đã thất một trận lớn nhất trong lịch-sử chiến-tranh và đã kể như thua không còn vốn đâu mà gỡ nữa.

Bộ tổng tư lệnh Đức đã đánh giá thấp một địch thủ lợi-hại, có những khả năng vô tận và cũng có những đức-tánh đầy-đủ về can-đảm và hy-sinh.

Chính Napoléon đã nói về người Nga: " Họ chết rồi nhưng có người xô họ mới chịu ngã ."

Napoléon đã rút được những kinh-nghiệm đó sau khi thất-bại. Nhưng Hitler cũng phải chờ thất bại rồi mới rút kinh-nghiệm sau. Thiên-hạ vẫn hay coi thường những bài học lịch-sử. ● ★

★ TƯ TƯỞNG

Đang lúc thích chí, gặp người thích chí, nói chuyện thích chí, thì ngôn ngữ càng phải cẩn thận hơn.

LƯU TẬP SƠN

xuân nay còn lại thề xưa

* HOÀNG-NGỌC LIÊN



Tim tím mây chiều như dáng em,
Rừng sâu rừng thấp lửa vào đêm
Ánh sao từ phía trời quê loạn,
Ngăn cách mười phương vẫn ước nguyện.

H. N. L.

Xuân này còn lại thề xưa,
Ước mong mười mấy năm thừa chờ nhau
Áo-khăn-duyên chứa vùi sâu,
Nén tim tất cả niềm đau nhớ người.
Nhạc thơ xanh, Hà-Nội ơi!
Ghép cung vỡ hết phim đời mà say.
Úp bàn tay với bàn tay,
Ý thương khẩn nguyện cho ngày hợp hoan.
Em về hẹn đón mùa Xuân,
Thiết tha kể chuyện một lần tiễn nhau.

新陽新聲 華命曲
 懷故國兮歎那多商
 悲海亡兮玉容何祥
 疎疎月夜兮一朝俱死
 東昏子兮奉先城亡
 嘆門似夢兮落陌路
 失身水國兮及境爭光
 為君憔悴兮及境爭光
 離魂重兮及境爭光
 死莫負兮及境爭光
 死莫負兮及境爭光
 有門兮及境爭光
 古今兮及境爭光
 紅顏兮及境爭光
 紅顏兮及境爭光
 我亦怨人兮及境爭光
 聞此怨曲兮及境爭光

bạc mệnh khúc

của

THÚY - KIỀU

★ Lý-văn-Hùng

giảng

王翠翹

NGHE thuật văn chương
 nguyệt tác của Nguyễn Du đã được
 công nhận từ lâu. Trong suốt một
 thế kỷ rưỡi nay bất luận những
 bậc thức giả Việt nam hay ngoại
 quốc đã biết đến truyện Kiều đều
 hết lòng thán phục. Trong muôn
 ngàn vẻ đẹp của truyện Kiều, thật
 đề cả đời mình nói cũng không
 hết; hôm nay chúng tôi chỉ xin
 đơn cử ra một khía cạnh nghệ
 thuật của truyện Kiều tuy nhỏ bé
 song cũng không kém phần quan
 trọng. Đó là nghệ-thuật âm nhạc
 trong truyện Kiều. Nói về thanh
 vận, trong trọn quyển Kiều thì
 thật tác giả đã khéo xử dụng cái
 điệu điệu du dương, chìm bổng,
 nhịp nhàng rất thuận xuôi trong
 lúc ca ngâm. Vì vậy chính tác
 giả cũng cho tác phẩm của mình
 là một bản nhạc nên mới có nhan
 đề là Đoạn trường-tân thanh.

Đoạn trường ý nghĩa là đau
 đớn đứt ruột; lấy tích con vượn
 mẹ ôm xác đứa con mình hú lên
 ba tiếng rồi lăn ra chết mà anh
 thợ săn kia mở bụng ra thấy ruột
 đã đứt đôi đoạn. Còn chữ Tân
 thanh là tích nhạc-sĩ của vua Trụ
 là Thương tên là Sư-Diên, sau
 khi mất nước chàng nghệ-sĩ liền
 cầm bản đàn nhảy xuống sông
 Hoàng-hà tự trầm. Trải 300 năm
 sau mới có một nghệ-sĩ nước Vê
 là Sư-Quyên nghe thấy tiếng
 nước sông Hoàng Hà rên rỉ vắng

vắng, náo nuột ai oán chàng mới
 phổ giọng điệu ấy vào một bản
 đàn gọi là Tân thanh (Sư khoáng
 đã bác đi nói là tiếng vong quốc).
 Lúc khánh thành đài nước Tấn
 đã từng đem biểu diễn công khai
 cùng các Chư-hầu.

Ngẫm về nhan đề của sách
 chúng ta có thể thông cảm với
 thi-sĩ Tiên-Điền cái tâm sự đau
 đớn vì vong quốc nên tác giả mới
 sáng tác một áng văn trường thiên
 kể trên đề gợi cảm tâm sự mình.

Đề trung thành với nhan đề
 nên trong suốt nội dung của truyện
 mọi tình tiết đều đặt cả vào bài
 « khúc bạc mệnh ».

Khúc nhà tay lựa nên xoang,
 Một thiên « bạc mệnh » lại càng
 náo nhân! Sau đây chúng tôi xin
 giảng thuật về nội dung trong bài :

1. — Hoài cổ quốc hề thán nã
 Sầu thương nhớ nhung nước cũ
 than thở. Như cuộc chia ly sao
 Mai với sao Hôm.

a) Nàng Túc-Huy có nhan sắc
 rất đẹp; Mặt ửng hoa đào, sau
 bị vua nước Sở cướp đi, nàng
 đau đớn nhớ nước cũ của mình
 chẳng bao lâu thì thác. Vua Sở
 chôn nàng ở một cái gò thuộc phủ
 Tương Dương tỉnh Hà-Bắc sau
 có lập miếu thờ tục gọi là Đào
 Hoa phu nhân miếu từ đấy hãy
 nhắc tới « Hồng nhan bạc mệnh »
 đều do bởi tích đó.

新陽新聲 華命曲
 懷故國兮歎那多商
 悲海亡兮玉容何祥
 曉味圓寵兮一朝俱死
 東昏子兮奉先城亡
 侯門似海兮滿耶陌路
 失身衣履兮茂陵爭先
 為君憔悴兮及尔同死
 離魂重兮戎馬暗傷
 死君父兮生代父死
 寵衰先爾兮尔生不昌
 有片無終兮悲乎失侶
 門前念舊兮老大誰將
 古今紅顏兮莫不薄命
 紅顏薄命兮莫不薄命
 我本惡人兮乃為怨曲
 聞此怨曲兮莫不悲傷

王翠翹

bạc mệnh khúc

của

THÚY - KIỀU

★ Lý-văn-Hùng
giảng

NGHỆ thuật văn chương
 nguyệt tác của Nguyễn Du đã được
 công nhận từ lâu. Trong suốt một
 thế kỷ rưỡi nay bất luận những
 bức thức giả Việt nam hay ngoại
 quốc đã biết đến truyện Kiều đều
 hết lòng thán phục. Trong muôn
 ngàn vẻ đẹp của truyện Kiều, thật
 đề cả đời mình nói cũng không
 hết; hôm nay chúng tôi chỉ xin
 đơn cử ra một khía cạnh nghệ
 thuật của truyện Kiều tuy nhỏ bé
 xong cũng không kém phần quan
 trọng. Đó là nghệ-thuật âm nhạc
 trong truyện Kiều. Nói về thanh
 vận, trong trọn quyển Kiều thì
 thật tác giả đã khéo xử dụng cái
 dụng điệu du dương, chìm bổng,
 nhịp nhàng rất thuận xuôi trong
 lúc ca ngâm. Vì vậy chính tác
 giả cũng cho tác phẩm của mình
 là một bản nhạc nên mới có nhan
 đề là Đoạn trường-tân thanh.

Đoạn trường ý nghĩa là đau
 đớn đứt ruột; lấy tích con vượn
 mẹ ôm xác đứa con mình hú lên
 ba tiếng rồi lăn ra chết mà anh
 thợ săn kia mở bụng ra thấy ruột
 đã đứt đôi đoạn. Còn chữ Tân
 thanh là tích nhạc-sĩ của vua Trụ
 nhà Thương tên là Sư-Diên, sau
 khi mất nước chàng nghệ-sĩ liền
 ôm bản đàn nhảy xuống sông
 Hoàng-hà tự trầm. Trải 300 năm
 sau mới có một nghệ-sĩ nước Vê
 là Sư-Quyên nghe thấy tiếng
 nước sông Hoàng Hà rên rỉ vang

vắng, náo nuột ai oán chàng mới
 phở giọng điệu ấy vào một bản
 đàn gọi là Tân thanh (Sư khoáng
 đã bác đi nói là tiếng vong quốc).
 Lúc khánh thành đài nước Tấn
 đã từng đem biểu diễn công khai
 cùng các Chư-hầu.

Ngẫm về nhan đề của sách
 chúng ta có thể thông cảm với
 thi-sĩ Tiên-Điền cái tâm sự đau
 đớn vì vong quốc nên tác giả mới
 sáng tác một áng văn trường thiên
 kê trên đề gói gắm tâm sự mình.
 Đề trung thành với nhan đề
 nên trong suốt nội dung của truyện
 mọi tình tiết đều đặt cả vào bài
 « khúc bạc mệnh ».

Khúc nhà tay lựa nên xoang.
 Một thiên « bạc mệnh » lại càng
 náo nhân! Sau đây chúng tôi xin
 giảng thuật về nội dung trong bài:

1. — Hoài cổ quốc hê thán nã
 Sầm thương nhớ nhung nước cũ
 than thở. Như cuộc chia ly sao
 Mai với sao Hôm.

a) Nàng Túc-Huy có nhan sắc
 rất đẹp; Mặt ửng hoa đào, sau
 bị vua nước Sở cướp đi, nàng
 đau đớn nhớ nước cũ của mình
 chẳng bao lâu thì thác. Vua Sở
 chôn nàng ở một cái gò thuộc phủ
 Tương Dương tỉnh Hà-Bắc sau
 có lập miếu thờ tục gọi là Đào
 Hoa phu nhân miếu từ đấy hãy
 nhắc tới « Hồng nhan bạc mệnh »
 đều do bởi tích đó.

b) Nàng Tây-Thị gái nước Việt đã hiến thân xử dụng mỹ nhân kế để vua Ngô phải say đắm mà hoàn thành công cuộc cứu quốc.

c) Nàng Chiêu-Quân gái nhà Hán tình nguyện cống Hồ làm hoàng hậu Hung Nô để biên thù được yên ổn.

2.— Bì luân vong hề ngọc dung hà tường. Đau đớn nước nhà chìm đắm kẻ mặt ngọc bị người đời ghép tội là gái bất tường.

a) sau khi vua Kiệt mất nước Muội-Tỷ bị giết.

b) vua Trụ mất nước Đắc-Kỷ bị đưa lên đoạn đầu đài.

c) Châu-u-vương nghiêng thành, nghiêng nước thì nàng Bao-tự bị ghép tội là gái nghiêng thành.

d) Sở-bá-vương Hạng Vũ thất bại một người gái hiền đức như Ngu-cơ cam chịu hy sinh, nàng đã tự vẫn trước mặt vua mà vẫn bị đời sau khoắc cho một phần trách nhiệm.

e) Trần-hậu chúa mất nước, hai nàng cung phi Trương-lệ-Hoa với Khổng quý Tần bị Hàn-cầm-Hồ đại-tướng nước Tùy ghép vào tội Ngọc Dung Hà tường giết trên mặt giếng Yên-Chi.

3.— Tỷ muội cố sủng hề nhất chiêu câu tử, Chị em bám lấy

cuộc sủng ái chừ. Nhưng rốt cuộc phải cùng chết một hôm.

Đời Tây Hán có chị em nàng Triệu-phi-yến và Hiệp-Đức rất được vua Hán-thành-Đế sủng ái sau vua băng thì bị một đại tướng tên là Hoắc-Quang mang gươm vào cung giết cả hai chị em nàng một lúc.

4.— Đông hôn bất lĩnh hề Phụng-tiên diệt vong.

a) Nàng Phan-thục-Phi có cặp chân thật duyên dáng được vua Đông-hôn-Hầu nước Tề sủng ái cho mang đôi hài đi mỗi bước nở một đóa sen vàng, sau nước Tề mất, nàng lọt vào tay vua nước Châu.

b) Điều thuyền có lòng diệt gian cứu quốc, đã cùng Vương tư Đồ xếp đặt thế liên hoàn khiến Lã phụng Tiên (Lữ Bố) giết trừ được Đồng Trác. Tiếc thay sau này Lữ Bố thất bại thì nàng lại muốn đem sắc đẹp của mình để say mê Quan Công. Dưới ánh trăng Quan Công giải thích rằng cái nhiệm vụ của nàng đã xong thì đời của nàng cũng nên chấm dứt. Nàng đã tỉnh ngộ và tự vẫn.

5.— Hầu môn tự hải hề Tiêu Lang mạch lộ. Trước cửa công hầu trông sâu thăm thẳm, khách qua đường để hững hờ chagn

Tiêu. Đường tú tài Thôi giao ngụ cư ở Hán Thượng có tình tứ với đứa gái hầu của người Cô. Sau người cô nghèo đem bán đứa gái hầu đó cho Nguyên-Soái họ Vu. Giao nhớ Thương không dứt mới đến tìm gặp nàng dưới cảnh liễu mà để một bài thơ tặng nàng. Về sau sự tình vỡ lở, song nhờ Vu-công rộng lượng nên hai người lại được sum vầy.

6.— Thất thân phi loại hề Mậu Lăng tranh quang

Sa mình vào bọn mọi chừ tuổi sắp già vẫn phải tranh đẹp với gái Mậu Lăng.

a) Nàng Thái-Văn cơ tài mạo song toàn, trong buổi loạn ly cuối Tây-Hán nản rủi bị người ta bắt bán cho vua Hung Nô, nàng sinh được một trai, một gái. Sau nhờ ông Tào-tháo can thiệp đem một nghìn lượng vàng chuộc nàng về nước gả cho một anh thư sinh, khi nàng chia tay con về nước có phò một bản nhạc Hồ-gia-thập-bát-phách (mười tám nhịp hòa tấu với kèn Hồ)

b) Nàng Trác văn Quân góa chồng lúc tuổi thanh xuân sau gặp Tư mã Trương Như trải một thời gian chàng tư mã làm quan ở đất Mậu-Lăng gieo tình với một

nàng Thiếu nữ khác Văn Quân hay tin được nàng buồn tủi mình mái tóc hoa râm khó tranh đẹp với hạng thiếu niên nên mới viết bài thơ « Bạch đầu ngâm » để gởi cái mối tình năm xưa.

7— Vị quân tiêu tụy hề cập nhĩ đồng tử.

Sự héo rữa của tôi thì cũng vì chàng mà nên chừ.

Thà cùng chết một lượt với chàng.

Nàng Vương Kiều Loan cố gieo tình với người anh họ tên là Châu Đình Tuấn, sau bị phú phàng nàng quá bức tức viết một bài thơ tựa là:

« Bách niên trường hận ca » tả đoạn tình oan ức của mình gởi cho ông Thái thú Tô-châu rồi nàng thất cổ chết. Quan thái thú soi xét đến mới bắt chàng Bạc-Hạnh đánh chết để đền tội.

8.— Ly hôn tình trọng hề thiên xướng ám thương. Chuộng mối tình mà lìa hôn đeo đuổi theo chàng chừ ngấm ngấm rỉ rỉ đau đớn.

Nàng Thiếu nương gieo tình cùng anh họ tên là Vương-Trụ sau vì sự phản đối của thế hệ gia tộc anh em họ không được lấy nhau chàng thất tình bỏ đi, còn

nàng mang bệnh dây dưa trên giường rồi tâm hồn thoát hình đeo đuôi theo chàng. Trái năm năm sau chàng, ta cùng nàng về thăm cha mẹ hồn với xác nhập lại thành một khối sống tỉnh. Cha mẹ quá cảm động mới cho phép nàng kết duyên cùng chàng.

9.— Tử phụ phụ thi hề sinh đại phụ tử.

Thác vẫn mang thân của cha chừ sống đành thế tử tội cho cha.

a) Nàng Tào-Nga vừa 13 tuổi rất có hiếu. Cha làm nghề thầy mo cúng trên sông Tào-Nga vào ngày mồng năm tháng năm (tức lễ chiêu hồn cho ông Khuất Nguyên nước Sở) rủi sa chân xuống sông. Vì nước cuộn cuộn chảy xiết chẳng ai dám xuống cứu, nàng nóng lòng mới nhảy xuống thì cũng chìm đắm cả. Mãi hôm sau người ta thấy xác nàng công xác cha cùng nổi trên mặt nước. Người đời cho là linh thiêng kỳ dị mới lập đền thờ và đặt tên sông là Tào Nga để kỷ niệm.

b) Xưa ông Thuần-Vu-Ý sinh được năm người con gái khi ông làm quan quận ở đất Thái-Thương chẳng may lửa cháy kho ông chịu trách nhiệm phải bồi thường bằng không thì phải tử tội. Lúc ông bị bắt giải đến Kinh-đô ông có than

thờ với đám con gái rằng « nhà mình chẳng may, nếu sinh được con trai thì nó có thể giúp đỡ một phần nào cho mình ». Khi ấy có người con gái út tên là Đề-Oanh mới 15 tuổi tình nguyện đi theo để săn sóc cha, khi đến Kinh-đô nàng liền dâng thư cho Hán Văn Đế xin chết thay thế cho cha. Vua cảm động mới tha tội tất cả

10.— Sủng xuy hoàn phiến hề nhĩ sinh bất xương. Cái mối tình sủng ái đã xa xút như cành quạt lụa này chừ vì cái dờn người chẳng may mất. Nàng Ban Tiếp Dư đời nhà Hán rất tài tình được vua Hán Thành Đế yêu chuộng sau bị hai chị em Triệu-Phi-Yến cướp mất sự sủng ái. Nàng bị phế vào lãnh-cung trả vách quế gió vàng hiu-hắt, nàng viết một bài « Thu hậu phiến » ví mình như cành quạt lụa, sau buổi mùa thu thì bị người ta vứt ném đi để tỏ niềm ai oán. (Cung oán ngâm khúc của Ôn Như Hầu đã khơi nguồn bởi tích đó).

11.— Hữu thủy vô chung hề bi hồ thất lữ, có trước không sau chừ đau đớn thay mất tình đôi lứa.

a) Nàng Mạnh Khương Nữ sánh duyên với chàng Vạn hỷ chương sau chàng bị trưng triệu xây cất

và phòng thủ Vạn lý trường thành theo lệnh của Tần thủy Hoàng. Nàng đau đớn vì mất đôi bạn mới bỏ nhà đi tìm chồng. Trải qua bao sự gian-nan khổ-ải nàng mới gặp được đồng xương trắng; nàng đã cắn tay cho máu chảy thấm vào xương để nhận biết xương của chồng rồi nàng khóc lóc ngã chết dưới chân thành làm cho thành sụp đổ một khoảng.

b) nàng Thôi oanh-oanh gieo tình cùng Trương quân thủy tại mái tây chùa Phổ cứu. Vì cặp mắt thể lợi của bà mẹ mà buộc chàng phải đi thi. Rủi cho chàng thi hỏng kỳ nhất không mặt mũi trở về. Trải ba năm sau chàng mới thi đậu, hớn hở về tìm vợ. Nhưng nàng đã bị ép gả cho người anh họ là Trịnh-Hằng khiến cho cuộc tình duyên tài tử, giai-nhân ở nơi Mái Tây phải « Mái tây để lạnh hương nguyên cho duyên dầm thắm ra duyên bề bàng ».

12.— Môn tiền lãnh lạc hề lão đại thủy tương. Trước ngõ lạnh lẽo chừ tuổi già đến cậy ai nương tựa.

Trong bài Tỳ bà Hành của Bạch-cư-Dị có tả chuyện nàng tỳ bà nữ tuổi mới 13 mà tài sắc đã lấy lòng nơi chốn Trường-An đã

làm say mê biết bao Vương tôn Quý khách. Khi đến tuổi sắp già thì một mình hiu quạnh đậu thuyền nơi bến Tầm Dương.

13.— Cồ kim hồng nhan hề mạc bất bạc mệnh, gái hồng nhan từ cồ tới nay chẳng ai không bạc mệnh.

a) Nàng Dương-quý-Phi tên là Ngọc-Hoàng trước làm phi của Thọ Vương sau vì sắc đẹp mà bị vua cha Đường-minh-Hoàng cướp lấy phong làm thứ phi. Sau này An-lộc-Son làm phản, trong cuộc ty nạn, binh sĩ đẩy lên bắt nàng giết đi.

b) Nàng Mai-Phi rất tài tình tranh sủng với Dương-quý-Phi bị thất bại phế vào lãnh cung, nàng ngâm ngùi mà thác.

14.— Hồng nhan bạc mệnh hề mạc bất đoạn trường.

Gái hồng nhan thường hay chịu phận bạc mệnh chừ, thấy đều chịu cảnh đoạn trường đau đớn.

a) Nàng Lý-Thanh chiếu thơ từ rất giỏi sánh duyên cùng chàng Triệu-minh-Thành nhưng cuộc tình nguyện này tan vỡ rất sớm từ đó nàng ở góa để viết nên những văn-thơ đau đớn để tả nỗi lòng của mình thành một tập thơ

văn gọi là Thấu-ngọc-Từ (Bài Từ tuân tả những hạt Châu ngọc).

b) Nàng Chu-thực-Chân rủi bị gả nhầm người chồng dốt nát hung hăng thêm sự khắc nghiệt của cha mẹ chồng. Nàng quá đau đớn viết mấy trăm bài thơ để bày tỏ nỗi niềm. Sau nàng gầy mòn chết đi thì một phần lớn thi ca của nàng bị đốt bỏ. Những bài còn lại người đời thu thập được khoảng 1 trăm bài ghép thành tập « Đoạn trường từ » có in thành sách cho đời sau thưởng thức.

c) Nàng Phùng Tiểu Thanh vì nhà nghèo bán mình làm bé cho chàng thư sinh họ Phùng. Người vợ cả quá ghen hành hạ nàng và còn đuổi nàng ra ở ngoài hòn Cô Sơn nơi Tây-Hồ thuộc Hàng Châu. Nàng buồn tủi bức tức sáng tác nhiều bài thơ hay và còn soi nước tự vẽ mình vào tranh để cho đời sau biết đến rồi nàng nhin ăn mà chết. Nguyễn-Du khi đến Tây-Hồ ở Hàng Châu có điệu 1 bài văn và tự ví mình như nàng Tiểu Thanh :

15.— Ngã bản oán nhân hề nãi vi oán khúc. Tôi vốn là 1 người con gái tủi phận thế nên sáng tác khúc oán này.

Kiều vốn là một gái tài tình

nhân sắc tuyệt vời nhưng sống trong một chế độ phong kiến thời xưa mất cả quyền tự do tranh đấu hoạt động. Dù lỗi lạc biết bao vẫn luôn luôn bị sự sắp đặt của số mệnh không thể nào tự cải tạo như phụ nữ đời nay. Nàng bất bình vì cái chế độ phong kiến khắt khe ấy mới đại diện cho toàn thể phụ nữ đời xưa mà thốt lên lời.

Tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh là một câu triết lý quá xảo hợp (cuộc gặp gỡ lạ lùng) mà nguyên nhân cũng do hoàn cảnh tạo nên.

16.— Văn thử oán khúc hề mạc bất bi thương.

Nghe oán khúc này chẳng ai mà không đau đớn.

Đây là một lời sấm của nàng Kiều rất ứng nghiệm vì mỗi lần ca tấu đều gọi mỗi thông cảm giữa nàng với thính giả.

a) Nàng gảy cho em Thúc-Vân nghe :

Một thiên bạc mệnh lại càng
nào nhân

b) Nàng gảy cho Kim-Trọng nghe :

Rằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay
thế nào.

c) Khi bán mình nàng bị ép gảy cho Mã Giám Sinh nghe :

Nét buồn như cúc điệu gầy như
mai

Đắn đo cân sắc cân tài.

Ép cung cầm nguyệt, thử bài
quạt thơ.

d) Khi sa vào thanh lâu nhiều lần nàng phải trình diễn cầm kỳ thi họa trước khách làng chơi :

Đòi phen nét vẽ câu thơ,

Cung cầm trong nguyệt, nước cờ
dưới hoa,

Vui là vui gương kẻ là,

Ai tri âm đó, mặn mà với ai.

Nhấn mạnh hai chữ tri âm, lấy tích Bá-Nha, Từ-Kỳ. Nguyễn Du có ý ám chỉ cái tài gảy đàn của Kiều gấp trội hơn những môn nghệ thuật khác của nàng.

e) Lúc Kiều bị ép hầu rượu Hoạn-Thư nàng gảy cho vợ chồng Thúc-kỳ-Tâm nghe :

Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan
nát lòng.

Cùng trong một tiếng tơ đồng.

Người ngoài cười nụ, người trong
khóc thầm,

g) Sau khi Từ-Hải mắc mưu Hồ-tôn-Hiến chết, nàng bị Hồ-tôn-Hiến bắt hầu rượu gảy đàn.

Một cung gió thảm mưa sầu
Bốn dây rõ máu năm đầu ngón
tay...

Hỏi rằng : « Nay khúc ở đâu

Nghe ra muôn oán, nghìn sầu
lắm thay ? »

Thưa rằng : « Bạc mệnh khúc này
Phổ vào đàn ấy những ngày còn
thơ

Cung cầm lựa những ngày xưa
Mà gương bạc mệnh bây giờ là
đây.

Căn cứ theo Minh-sử cuộc đời của nàng Kiều đến đây chấm dứt. Tiểu thuyết Kim-vân-Kiều của tác giả Thanh-tâm Tài-Nhân muốn để cho có hậu mới đặt thêm 1 hồi thứ 20, ghép cuộc đoàn viên xum vầy với Kim-Trọng và có gảy 1 bản đàn cuối cùng để kết liễu câu chuyện.

h) Lần cuối cùng mà nàng Kiều gảy đàn để chiều lòng Kim-Trọng. Chỉ có phen này là khổ tận cam lai ; tiếng đàn dịu dặt đầm ấm, khiến Kim-Trọng phải lấy làm lạ hỏi :

Xưa sao sầu thảm nay sao
vui vầy ?

Nàng rằng : « Vì chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người
bấy lâu.

Một phen tri kỷ gần nhau
Cuốn dây từ đây, về sau cũng
chừa »

Căn cứ vào những đoạn dẫn chứng kể trên ; từ hồi thứ nhất mở màn cho đến hồi hai mươi. Kết-luận tác-giả luôn luôn khéo xử-dụng tiếng đàn để làm phép hô ứng. Cung đàn bạc mệnh là nguyên tố chủ yếu của đầu đề tác mệnh luận. Số mệnh của con người luôn luôn chịu ảnh-hưởng ngoại động của luật tuần-hoàn. Nếu mình biết vận dụng nội-dung để sửa đổi hoàn-cảnh, đem hành-động tu-nhân tích-đức cũng sửa chữa được đôi phần. Thế nên Nguyễn-Du lập luận nói :

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét
nhau, và kết luận rằng :

Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần
Đã mang lấy nghiệp vào thân

★ HIỂU LÀM

Một thanh niên đã gần ba mươi nhưng chưa vợ vì phải cái tật nhút nhát. May có người bạn gái thân là con gái nhà thầu khoán, anh ta muốn ngỏ lời tỏ tình nhưng ngại mồm. Một hôm anh ta tâm sự :

— Cô Hoa ạ, cảnh nhà tôi thật trống trải quá, tôi muốn... tôi muốn nói với cô một việc mà sao tôi còn ngại mãi.

Cô con gái nhà thầu khoán nói luôn :

— Chỗ bạn bè có gì mà anh ngại, thế nào cửa nhà hư hay trường sự ? Anh nói rõ tôi sẽ nói lại với ba tôi thuê thợ đến chữa cho không đắt lắm đâu.

— Chàng !...

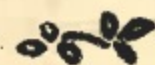
Cũng đừng trách lẫn trời gần,
trời xa.

Thiện căn ở tại lòng ta.
Chữ tâm kia mới bằng Ba
chữ tài.

Ngụ đức-dục vào văn-chương để thức tỉnh lòng kẻ phạm trần. Đây thật là một quyển sách về triết-học rất cao chứng tỏ nền tư-tưởng của Cụ đi đến mức chí thiện dù rằng trong tiểu-thuyết chữ Hán không có nói đoạn này Nguyễn-Du đã tu bổ thêm cho có đầu đuôi hô ứng thành một áng văn mười phần vẹn mười.



PHỤ THUYẾT: Các điển tích trong bài « bạc mệnh khúc » quá dài, chúng tôi chỉ xin vắn tắt đề cập. Các bạn đọc giả nào muốn hiểu tường tận thêm thì xin tự tìm tòi trong sách sử Trung-hoa sẽ rõ.



MÙA XUÂN OAN CỬU

V ẮNG trắng mười sáu, chiếu ánh lung linh xuống ngàn cây nội cỏ, Thái-gia-trang lặng lẽ giữa không gian bàng bạc những áng mây trôi hờ hững, trên một sân đất trước tòa nhà của dòng họ Thái, một già một trẻ đang quần thảo với nhau, lão già mặc đồ võ phục bó chèn mái tóc bạc phơ lấp lánh ánh trắng mờ ảo, người trẻ là một thiếu nữ mặt hoa da phấn, mắt phụng mày tằm, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh, thật là Hằng nga thẹn mặt Chiêu quân nép mình.

Cả hai biểu diễn xong một bài « Mai-Hoa quyền », thiếu nữ bái tổ và xá dài lão già :

— Sư phụ thật bản lĩnh, phi

thường, con sức trẻ vẫn không sao vượt nổi.

Lão già vuốt chòm râu bạc đi về phía băng ghế ngồi xuống, thiếu nữ tiến tới rót trà dâng lên, lão già vừa nhấp từng ngụm vừa lấy làm thú vị, lát sau lão ta ngược mắt nhìn thiếu nữ gật gù:

— Con đã tiến bộ rất nhiều, quyền pháp tinh thực như thế cũng đã đầy đủ, chẳng còn bao lâu nữa mùa xuân sắp trở lại trên Thái - gia - trang và vạn vật, ta muốn



kể cho con nghe một câu chuyện oan cừu cách đây mười tám năm, hiềm vì con đã mệt, hay đề mai vậy.

Thiếu nữ khẽ nhủ đôi rèm mi, nhìn lão già khàn nài:

— Bạch sư phụ, con rất khỏe và thấy hoàn toàn tỉnh táo, sư phụ cứ kể con, xin lãnh giáo...

Lão già lại nhấp một ngụm trà Bạch Hầu hái tận trên Thiết mộc Sơn về cho khi ăn, rồi chặt đầu lấy xác trà ướp phơi khô mất "tứ thập cửu nhật", nên mùi vị thơm thoang thoang, chỉ cần ngửi hương

trà là đủ sảng khoái; đôi mắt xa xăm nhìn về dãy Thiên Lý Sơn, thoáng hiện vài nét buồn man mác trên trán mấy nếp nhăn sâu thẳm thu; lão bắt đầu kể...

Cách đây mười tám mùa xuân, đất Hoa-Bắc đang độ mai vàng đua nở, trai thanh gái lịch thi nhau trẩy hội đạp thanh, cảnh ngựa xe, tài tử giai nhân dập dìu, từ xa một chàng hàn sĩ tên gọi Hồng-Phong-Toàn đến du xuân, một gói hành trang, vài

lạng bạc, chàng vui bước tìm cảnh thanh sơn cầm tú, nhân tới nơi phồn hoa ghé lại khách điểm nghỉ chân, nghe nói về phía Bắc nhằm động Thạch Không cảnh non nước hữu tình, vội dời chân tìm tới.

Trong cơn du ngoạn tình cờ gặp gỡ một giai nhân tuyệt sắc, đôi tim rung động, đôi lòng xuyên xao. Chàng hàn sĩ họ Hồng nghiêng mình thi lễ:

— Tiệp sĩ từ xa tới đây vắng

cảnh may hạnh ngộ cùng tiểu thư, thật là ngàn năm một thuở, vậy xin cảm tác một thi phẩm thơ thiền gọi là làm duyên tao phùng.

Nói xong chàng ứng khẩu ngâm:
Xuân lai hạnh ngộ giai nhân khách.

*Bất tri thiên mệnh hà kỳ-ngộ,
Tâm trung biến loạn dạ hoài nhân.*

Xuân khứ bất tri ngộ tao phùng.

Nàng con gái e thẹn cúi đầu, sai từ-nữ vén rèm, yêu điệu bước xuống kiệu hoa nghiêng mình "chào hàn sĩ" cất giọng oanh vàng thổ thê:

— Chàng là ai, từ đâu tới phương này lại giờ lời ghẹo nguyệt trêu hoa?

Chàng hàn sĩ họ Hồng cúi đầu buồn mênh mông như riêng gửi một tâm tình khắc khoải:

— Dám bẩm cùng tiểu thư, kẻ hèn là một khách lãng du vui non, vui nước, lấy cảnh sơn trung cầm tú làm thú giang hồ, may hạnh ngộ với nàng nên múa rìu đâm câu gọi là kỷ niệm buổi sơ giao.

Nàng con gái e thẹn ứng hồng đôi má:

— Tiệp thiếp là con gái quan trí-sĩ Hoành giám Định-sử Tôn-quang-Ngà nhà tại Thái-gia-trang, nếu chàng không chê tiệp thiếp

xin mời chàng lui bước đề hầu tiếp.

Nghe qua những lời vàng ngọc phóng khoáng của giai nhân, Hồng-Phong-Toàn đã ngại ngùng, vì một trang tiểu thư dài các sao lại dễ dàng mời trai giữa buổi đầu xuân về khuê môn. Nhưng sắc đẹp của người con gái dài các đã làm tâm hồn chàng hàn sĩ băng khuâng. Chàng nhận lời, cất bước theo sau kiệu hoa về Thái-gia-trang.

Về tới sảnh trung, nàng mời chàng ngồi xong cáo lỗi lui vào hậu đường thay đổi xiêm y, một mình ngồi giữa ngôi nhà to lớn, bày biện tao nhã nhưng đất tiền, chàng hàn sĩ như bị lạc lõng vào một cung cấm thần bí của triều đình xa xưa.

Nhìn ra ngoài, xung quanh Thái-gia-trang cây trái trồng rậm rạp, tạo cho ngôi nhà của quan Hoành-giám Định-sử một vẻ cô tịch hoang vắng, còn đang miên man, thả hồn theo trí nghĩ vẩn vơ, thì nàng con gái đã trở ra lộng lẫy nhưng quyến rũ trong bộ xiêm y mỏng tợ giấy dính sát vào da thịt. Sắc đẹp của nàng khiến chàng hàn sĩ siêu hồn lạc phách. Chàng ngẩn người bất động. Nàng nghiêng mình thi lễ rồi cất tiếng:

— Tiệp thiệp xin thất lễ đã đề chàng ngồi chờ quá lâu, mong chàng lượng thứ. Chàng hàn sĩ giật mình tỉnh cơn bàng hoàng, vội đứng dậy chấp tay thi lễ :

— Tiệp sinh nào dám nghĩ thế, nhưng dám bẩm tiệp thư vui lòng giải đáp cho một thắc mắc.

Nàng con gái vỗ tay gọi gia nhân pha trà mang bánh mứt ra, đoạn nhìn ngay chàng hàn sĩ họ Hồng môi son thoáng điểm nụ hoa :

— Chàng cứ hỏi, tiệp thiệp xin hầu giải ngọn nguồn.

Hồng-Phong-Toàn như ngờ ngẩn, dè mê vì nụ hoa của giai nhân, tâm hồn xao động, chàng hỏi :

— Chẳng hay lệnh nghiêm đường đâu vắng giữa ngày xuân rộn rã mai vàng, pháo hồng như hôm nay ?

Nàng con gái long lanh đôi mắt đáp :

— Chàng thắc mắc cũng có căn do, nguyên lệnh từ đường và nghiêm mẫu phải về Triều bái kiến thánh hoàng nhân dịp xuân về, vì giữa triều đình với bốn gia là Hoàng thân quốc thích.

Hồng-Phong-Toàn giật mình :

— Thế ra nàng cũng là một quận nương, quận chúa ?

— Nhưng tiệp thiệp không hề

nghĩ như thế bao giờ, bởi từ thuở ấu thơ đã quen với Thái-gia-trang cô tịch và nếp sống ăn sĩ qui diễm của phụ thân.

Nghe qua mấy lời khiêm tốn của giai nhân, chàng hàn sĩ càng thêm mến cảm, bên từng chung trà, đôi trai gái càng lúc càng tỏ ra quyến luyến và tim lòng rạo rức.

Tối hôm đó Thái-công Nguyệt Hà lưu Hồng-phong-Toàn lại, Thái-gia-Trang vốn là hầu ếp của ngoại tổ nàng, đề hai người chén thù chén tạc, giữa đêm xuân thơ mộng, giữa men nồng hương sắc thắm tươi, chàng hàn sĩ thấy lòng mềm đi trước mùi da thịt dịu dàng tươi mát của giai nhân, họ không ngần ngại đưa nhau tìm đường vào mộng ái ân cho thỏa tình trăng gió.

Nào ngờ trong lúc đôi trai tài gái sắc vui vầy duyên cá nước thỏa tình trăng sao thì quan Hoành-giám-Định-Sử và phu nhân trở về, biết tin, Thái-công nguyệt-Hà hoảng hốt đem chàng đi dấu nhưng hành tung chàng hàn-sĩ đã bị bại lộ.

Quan Hoành-giám Định-Sử giận giữ truyền gia nhân trói chàng hàn sĩ lại đánh hai mươi trượng thân thể như tử. Còn cô

gái thì truyền đánh năm trượng và cấm cung về tội lăng loàn trác nết.

Thế là mối duyên tình của đôi trai gái đành tan vỡ, tưởng rằng xuân tình sẽ thắm mãi ai ngờ đã phải rẽ phân, Quan Hoành giám Định sử còn truyền gia nhân mang xác chàng hàn sĩ Hồng-phong-Toàn ra ném xuống sông Chiết-giang về tội làm hoen ố thanh danh Thái-gia-Trang. Hồng phong-Toàn khóc lóc van xin tha mạng nhưng bọn gia nhân vẫn thị hành nghiêm lệnh, họ mang chàng ra bờ sông buộc dây và đá vào cổ cho nặng đoạn xô chàng, hốt hoảng Hồng phong Toàn hét lên..., giật mình mở mắt, ngờ ngác thấy đang nằm trên một ngôi mộ hoang bên cạnh có dòng suối nhỏ.

Dụi mắt, Hồng-phong-Toàn ngồi dậy ngó quanh, ngôi nhà đồ sộ lộng lẫy của Thái gia trang chỉ là ngôi nhà mộ lạnh lẽo, nhìn ngược lên mộ chí chàng thấy ảnh một vị quan già ngồi giữa một mệnh phụ và một cô gái, chính là tiệp thư chàng hạnh ngộ, chàng đọc hàng chữ thấy đề :

— Hoành giám Định Sử Tôn quang Ngà gia mộ.

Sợ hãi chàng hàn sĩ Hồng-phong Toàn với tay quảy gói hành

trang rời khỏi khu vườn cô tịch vắng vẻ tìm trở về thị xá.



Thời gian dần trôi, Xuân qua, hạ đến thu tàn, ..

Chàng hàn sĩ Hồng phong Toàn vì kế sinh nhai phải lưu lại Hồ-Bắc, những ngày đông lạnh, thân cô đơn chiếc bóng, nhớ cuộc hạnh ngộ kỳ duyên nhất là khi dọ hỏi biết rõ tông tích quan Hoành-giám định sử Tôn-quang-Ngà vì bọn nịnh thần cáo gian bị truất tước phải qui tiên nhưng bọn nịnh thần sợ hậu hoạn tìm cách cho người bỏ độc dược nên cả nhà phải vong mạng. Hiềm vì tiệp thư Nguyệt Hà thác oan nên thường hiện hình trên chóc các chàng trai. Dân chúng rất nể sợ, không dè Hồng-phong-Toàn là khách phương xa không rõ căn nguyên mới gặp phải.. Tuy nhiên từ đó, tâm hồn chàng hàn sĩ như biến động, chàng luôn tìm tới mộ nàng tiệp thư thắp vài nén hương tưởng niệm hoặc cầu nguyện cho nàng sớm siêu thoát.

Nào ngờ...

Vào một buổi chiều Đông, tuyết rơi lạnh lạnh, Hồng-phong-Toàn đang ngồi bên song cửa đề thơ, chợt ngẩn nhìn ra ngoài một người con gái khoan thai tiến

vào, nhận ra chính đó là Thái Công Nguyệt Hà, tay bồng một đứa bé còn đỏ hói, mắt đầy lệ. Chàng hàn sĩ tái mặt đứng dậy run rẩy.

Nguyệt Hà bước vào nhìn Hồng phong Toàn trần trối đoạn nói:

— Thiếp với chàng tuy khác cảnh âm dương, nhưng vì số trời có tiền duyên định đoạt do đó mà thiếp thụ thai chín tháng mười ngày cưu mang, nay hạ sinh một đứa gái nhưng vì thiếp sắp được siêu thoát đầu thai, xa con lòng thiếp đoạn trường nên đành mang giao chàng nuôi dưỡng. Nhưng vì giao hợp âm dương con chúng ta nếu không có máu chàng thì khó sống, vậy chàng hãy thích huyết tay phôi sương nắng đủ hai mươi một ngày cạy miệng cho bú, nó sẽ sống như người trần.

Mấy lời tâm huyết thiếp ký thác chàng thương thiếp hãy gắng nuôi con sau này nó sẽ giúp chàng không ít vậy!

Nói xong nàng trao đứa bé cho Hồng-phong-Toàn, chàng đón đầu bẹn rịn toan níu tay giữ lại, nhưng nàng đã gạt tay lau lệ già biệt, phút chốc một vầng khói quện theo gió thoảng mất hút vào trời đông giá buốt.

Chàng hàn sĩ cúi nhìn đứa bé nằm trên tay, mắt nhắm nghiền

tay chân cứng lạnh, vội đem đặt vào giường rồi dùng kim trích huyết đem phôi sương như lời Thái công Nguyệt Hà dặn dò.

Hai mươi một ngày trôi qua, giọt máu của Hồng-phong-Toàn đông lại, chàng vội đem cạy miệng con gái đổ vào, quả nhiên ít phút sau đứa bé đang cứng đờ, cựa quậy tay chân, mồm khóc to lên một luồng khói từ trong miệng bay ra tan biến, đứa bé mở mắt và khóc lớn, không biết nghĩ sao, Hồng-phong-Toàn đành bế sang nhà bên cạnh nhờ cho bú thếp.

Trông đôi mắt đứa bé long lanh to lớn đẹp làm sao, Hồng-phong-Toàn cảm thấy nhớ tới bóng dáng người tình, nay có lẽ đã thành một trẻ sơ sinh ở phương nào.

Chàng bắt giắc thở dài ôm con vào lòng ưu tư.



Năm tháng dần trôi.

Mười lăm năm trôi qua đều, Hồng Phong Toàn thi đỗ làm quan được triều đình cử đi khâm sai, tới huyện Phong Châu thì bị giặc Man-Ri giết hại, vì chúng được một vị quan trong triều đình bỏ tiền nhờ giết bởi vì Hồng-Phong Toàn vốn là một vị khâm sai chánh trực vì phép vua lệ

nước công khai vạch trần tội ác của một quan thái thú vốn là bà con thân thuộc với vị quan kia.

Lão bộc trung tín của Hồng-phong-Toàn là Hà-Nhơn-Phụng đành mang con chủ về Thái gia Trang ăn náu, ngày dạy chữ nghĩa tối luyện võ công chờ ngày khôn lớn báo cừu cho gia đình.

Ba năm đi qua, ba năm un đúc một thiếu nữ mười lăm trở thành một trang tài sắc vẹn toàn, mười tám tuổi đầu Hồng-Ngọc đã là một thiếu nữ tinh thông võ thuật, một giai nhân văn tài quán tuyệt.

Thấy đã tới lúc mối oan cừu cần được rửa nên đêm nay lão-bộc Hà nhơn Phụng mới đem sự tình ra kể lại cho nàng nghe.

Đôi mắt nàng rơm rớm đôi dòng lệ, ngược nhìn sự phụ cũng là lão bộc trung tín, vung gươm thề nguyện:

— Con sẽ vì mối oan cừu của phụ thân, sẽ vì ơn nghĩa của lão bộc quyết tìm dòng họ Tiết để tế vong linh cha già nơi chín suối.



Mùa xuân lại trở về với nhân thế.

Muôn hoa đua nở, cảnh sắc vui tươi, thiếu quang chói chang, ngàn cây đón mừng ngày đầu năm rực rỡ.

Nàng thiếu nữ mang mối phụ cừu cùng lão bộc lên đường tìm cừu nhân.

Trên bước đường phiêu bạt kỳ hồ, cả hai một già một trẻ luôn dò la tung tích cừu nhân nhưng bóng chim tăm cá, giang sơn mênh mông, vả lại tháng ngày trôi đưa, vật đổi sao dời biết nơi đâu mà tìm.

Một buổi chiều nắng vàng nhàn nhạt chảy từng sợi xuống rừng thiên sơn, rừng cây im lìm thở dài xào xạc, đôi tuần mã sau một ngày phi xa mệt mỏi, buông vó câu chậm rãi.

Xa trông một trang trại dẫn mình sau luống cây rậm rạp, lão bộc bảo:

— Chúng ta phi mau đến đó xin tá túc qua đêm rồi mai lên đường tiếp.

Biểu đồng tình Hồng Ngọc ra roi cho ngựa chạy nước kiệu, chẳng mấy chốc đã tới trước trang trại, lão bộc gọi công, một gia nhân chạy ra vái chào:

— Chẳng hay lão ông và lệnh cô nương tìm ai?

— Chúng tôi là thương khách lỡ độ đường xin phiền người vào bẩm cùng trai chủ, cho tá túc qua đêm ngày mai chúng tôi đi sớm.

Gia nhân chạy vào lát sau trở ra cùng một thanh niên tuấn tú, thoát gặp nhau cả Hồng Ngọc và thanh niên đều thấy tim mình xao xuyến như đã gặp gỡ tự bao giờ.

Nghiêng mình thi lễ thanh niên hỏi :

— Chẳng rõ nhị vị từ đâu tới và đi về đâu ?

— Chúng tôi là thương khách đường xa lỡ độ đường, giữa chốn hoang sơn chẳng biết tìm đâu tá túc, dám nhờ công tử giúp giùm ơn ấy chúng tôi không hề quên.

Chàng trai cúi chào Hồng Ngọc vui vẻ mời nàng và lão bộc vào trang trại :

— Nhị vị gặp cảnh nan giải kẻ này đâu dám làm ngại, hiềm vì trang trại nghèo nàn sợ không xứng đáng thù tiếp đó thôi.

Hồng Ngọc mở lời nhẹ tợ tơ diều tợ nhưng :

— Ân nhân đã chiếu cố là quá vinh hạnh chúng tôi nào dám nghĩ chuyện khen chê chọn kén.

Nói xong nàng phóng mình xuống ngựa gọn gàng, cùng lão bộc và thanh niên vào nhà. Thanh niên gọi gia nhân đưa ngựa ra chuồng và rót trà đãi khách.

Trong câu chuyện giữa hai chàng trai và Hồng Ngọc tỏ ra rất tương đắc, chàng cho biết vốn dòng quan trường vì chán cảnh phồn hoa với quyền quý giả

tạo của bọn nịnh thần, vô tài bất tướng và lại thấy thời Mạt Thanh đã tới nên rút về đây ẩn sĩ sống qua ngày.

Đêm hôm ấy, dưới ánh trăng trong, ba người đem chuyện thi văn, vũ thuật bàn luận, thanh niên tỏ ra có chí khí và quán thông hơn người do đó chàng đã chiếm trọn vẹn cảm tình của Hồng Ngọc.

Hôm sau, lão bộc và Hồng Ngọc ngỏ ý lên đường, Thanh niên nài nỉ giữ chân lưu lại vài ngày, mãi không từ chối được hai người đành ở lại.

Thanh niên mừng rỡ ngày ngày tiếp đãi như thượng khách, cũng nhờ đó Hồng Ngọc và Thanh niên quấn quít nhau không rời, cho đến một ngày nhân lão bộc du sơn, chàng không thể che giấu lòng mình nên cầm tay Hồng Ngọc bày tỏ nỗi lòng :

— Hồng Ngọc, anh không thể giấu giếm em được nữa, anh đã thấy yêu em và muốn được cùng em vầy duyên giai ngẫu.

Hồng Ngọc mềm lòng trước sóng mắt đưa tình, lời bướm ong tha thiết của chàng, nên ngã đầu vào lòng chàng trai nũng nịu :

— Nhưng em chưa biết về thân danh và gia thế của chàng. Chàng trai sung sướng giải bày :

— Anh là Tiết Sơn Long con quan Ngự sử Tiết-Vũ-Lang một tướng được trọng dụng tại triều đình, nay vì thấy kẻ gian thần cậy thế lộng hành nên anh bỏ về đây an vui sống với cảnh rừng núi, may gặp em như trăng gặp gió lòng anh rộn rã tình yêu. Hồng Ngọc ơi em có chịu vầy duyên với ta không ?

Nghe những lời của chàng trai, Hồng Ngọc vụt kêu lên thảng thốt :

— Trời... có thể như vậy sao chàng là con quan Tiết-vũ-Lang ?

Tiết-sơn-Long ngơ ngác nhìn người yêu hỏi :

— Vì sao em ngạc nhiên ?

Hồng Ngọc nghe con tim mình cơ hồ bị xé nát, tình yêu vừa chớm nở trong lòng nàng vụt chết lịm, nàng đi tìm cứu nhân thì cứu nhân lại chính là người nàng yêu. Định mệnh có thể như vậy sao.

Còn nỗi khổ nào hơn nữa chớ bên tình bên hiếu nàng phải liệu sao đây ?

Hồng Ngọc khổ sở nàng bỏ chạy về phòng riêng, gục đầu xuống gối nức nở, lần đầu tiên trong đời nàng biết rung động vì một người con trai, thì cũng chính là lúc nàng phải đón nhận sự đau khổ tràn ngập.

Người nàng yêu lại chính là kẻ thù.

Hồng Ngọc khóc nức nở, nàng thiếp đi vào nỗi khổ dày xéo tâm hồn.

Riêng Tiết-Sơn-Long kinh ngạc vô vàn, chàng chờ đợi lão bộc về, đem tự sự tỏ bày.

Lão bộc cũng hết hoảng vội tìm tới phòng Hồng Ngọc người uất mắt nhìn nàng cứng rắn :

— Hồng Ngọc con còn nhớ lời thề hôm nào chăng ? Con phải mạnh dạn gạt bỏ tình yêu vì phụ thân con phải rửa nhục cho người yên lòng nơi tuyến đài.

Hồng Ngọc ngược đôi mắt đầm lệ nhìn lão bộc :

— Nhưng lão bộc ơi con làm sao giết chàng, con đã yêu chàng mất rồi... hay là con chết để khỏi phải giết người yêu và phạm tội bất hiếu...

Hồng Ngọc vừa dứt lời, nàng và lão bộc đều hết hồn khi nghe tiếng thét của Tiết-Sơn-Long :

— Trời... thì ra ta với nàng có mối phụ cừu.. nhưng Hồng Ngọc ơi.. ta vì yêu nàng sẽ giúp nàng trọn hiếu vẹn tình.

Nói xong chàng rút gươm tự sát, lão bộc nhanh chân nhảy tới giật gươm, nhưng đã trễ mũi

MÙA XUÂN OAN CỪU

gương oan nghiệt đã kết liễu cuộc đời chàng trai dũng cảm mất rồi.

Hồng Ngọc cũng thét lên khóc ngất, nàng nhào tới ôm xác Tiết Sơn Long nức nở :

— Vì ta mà chàng chết, mỗi phụ cừu đã rửa xong, ta sống mà làm gì.

Hồng Ngọc liền rút gương đâm vào ngực, một dòng máu đỏ tuông ra thấm ướt mình Tiết-Sơn-Long hòa với máu chàng. Hồng Ngọc gục chết đầu trên mình người yêu,

Lão bộc vì bất ngờ nên không làm sao cứu kịp.

Lão đau khổ rơi hai giọt lệ trên đôi má nhăn nheo... nhìn xác hai kẻ yêu nhau chết vì một mối oan cừu vô lý lắc đầu thở dài. Mùa Xuân năm nay còn một mình lão đơn độc bỏ ra đi sau khi an táng xác hai kẻ yêu nhau dưới lòng ba tấc đất... những cánh mai đua nở báo hiệu Xuân về rộn rã, chỉ có lão bộc là buồn hơn cả...



★ LẠNH BIẾT KHÔNG ?

Tổng Thống Abraham Lincoln nước Hoa kỳ là một nhân vật cao tới 1m93. Ngày sinh nhật thứ 56 của ông có một vị đại sứ Anh Cát Lợi tới chúc mừng, ông này cao tới hơn 2m.

Khi thoạt trông thấy vị đại sứ này, ông Lincoln hết nói được cứ nhìn từ đầu xuống chân rồi nhìn từ chân lên đầu. Sau cùng miệng nở một nụ cười, xiết tay nhà ngoại giao ông hỏi :

— Này bạn, thế khi bạn bị lạnh ở chân bạn có biết không ?
Vị đại sứ đáp bằng một giọng khôi hài :

— Dạ, tôi cũng xin phép hỏi Tổng Thống một điều vô lễ ạ :
Thế khi trời nắng trên đầu Tổng Thống có biết không ạ ?

Cả hai người hội ý cùng cười xòa.



TRUYỆN TIỀN THOẠI CYLAP-LAMA

★ Đàm-quang-Thiện

Persée

N GÀY xưa ở Argos có một ông vua chỉ có một công chúa tên là Danaé nhan sắc xinh đẹp tuyệt trần. Lúc nói về Zeus chúng ta đã biết là vua đó tên là Acrisios — sợ con gái có thai nên nhốt nàng vào một hầm bốn chung quanh tường bằng hoàng đồng, và Zeus đã hóa làm mưa vàng mà lọt vào hầm đó. Kết quả là Danaé sinh một đứa con trai đặt tên là Persée.

Vì có lời thánh truyền là sau này vua Acrisios sẽ bị một người cháu giết và tiếm ngôi, nên khi hay tin đứa nhỏ ra đời, ông lấy làm kinh hãi vô cùng. Ông bèn ra lệnh bỏ cả hai mẹ

con Danaé vào một cái hòm lớn, đóng kín nắp lại rồi đem buông trôi sông. Hòm đó lênh đênh trên mặt nước mãi cho đến hôm rạt vào bờ cù lao Sériphos và được các người đánh cá đem trình vua xứ đó là Polydeklès. Động lòng thương, vua bèn nuôi cả hai mẹ con trong cung. Persée lớn lên thành một thanh niên diện mạo rất khôi ngô. Nhưng sắc đẹp của Danaé làm cho vua say mê. Muốn quyến rũ được bà, vua bèn tìm cách sai Persée đi xa.

Một hôm vua báo tin sắp cưới nàng Hippodamie làm vợ và mời tất cả các tướng tá

dưới quyền cùng Persée đến dự tiệc. Các tướng liền nhờ Persée hỏi xem vua thích gì để họ mừng. Vua trả lời là thích ngựa. Persée nói: « Nhưng về phần tôi, tôi thích dâng vua đầu con Méduse. » Vua không nói gì. Nhưng ngay hôm sau lúc các tướng và Persée đem ngựa đến, vua bảo chàng: « Hôm qua người đã hứa dâng ta đầu con Méduse. Một ông hoàng bao giờ cũng phải giữ lời hứa. Vậy người hãy đi đi. Trong khi chờ đợi ta hãy giữ mẹ người làm tin » Vua yên chí làm thế là sai Persée đến chỗ chết. Thật vậy, Méduse là một con quỷ ghê gớm vô cùng. Răng nó dài và trắng như ngà voi. Mắt nó nẩy lửa nóng hơn chớp. Tóc nó toàn là những rắn độc lúc nào cũng rít lên một cách ghê rợn. Tay nó thì bằng hoàng đồng và cánh bằng vàng. Mắt nó nhìn vào mắt ai là người ấy hóa thành đá.

Persée bị bắt buộc giữ lời hứa lúc đầu hối hận và lo sợ vô cùng. Một hôm Hermès gặp chàng liền hỏi tại sao chàng có vẻ lo âu như vậy. Chàng kể hết đầu đuôi cho vị thần nghe. Hermès liền khuyên chàng cứ can đảm lên, đã có bà Athéna và ông giúp sức cho. Persée nghe

lời phần khởi và đi về nơi ở xa xôi của con Méduse. Con này là một trong ba con Gorgones ở tận chân trời bên kia đại tây dương. Nhưng trước khi đến miền hoang vu ấy phải qua một khu đất bí mật có ba người đàn bà già ở tên là Grées. Cả ba chị em chỉ có một mắt và một răng. Lúc một trong ba đưa mắt và răng cho người bên cạnh, Hermès liền thò tay ra mà đỡ lấy và đưa cho Persée. Khi họ đòi lại thì theo lời khuyên của Hermès và Athéna, Persée bắt họ phải nói cho biết lối đi đến chỗ ở của con Méduse và cho chàng ba thứ cần thiết để thắng con quái vật là: đôi giép có cánh, một cái túi sâu và 1 chiếc mũ tàng hình. Những Grées bằng lòng. Sau khi nhận được các thứ đó và một lưỡi gươm của Hermès trao cho, chàng bay qua biển cả. Chẳng bao lâu chàng tới gần địa ngục, trong một vùng lạnh lẽo đầy rẫy những người và vật đã bị tia mắt của con Méduse hóa thành đá. Ba con Gorgones đang ngủ trong một cái hang. Persée bèn tiến vào và nhờ có Athéna giúp sức chàng chém một nhát đứt đầu con Méduse. Từ thân con vật bị mất đầu, một con ngựa có cánh bay lên không.

Đó là con Pégase mà Bellerophon sẽ làm chủ được sau này. Persée vội vàng cho cái đầu Méduse vào túi rồi chạy trốn vì hai Gorgones kia thức giấc bay đuổi theo chàng để trả thù cho em. Nhưng nhờ cái mũ tàng hình nên chàng đi thoát. Chạy như thể mãi đến chiều chàng đến gần vườn hoa của các Hespérides. Chàng định vào ngủ nhờ nhà Allas, nhưng tên khổng lồ không những không cho còn dọa nạt định đánh chàng. Yếu thế chàng phải mở túi lấy đầu Méduse dơ ra trước mắt Atlas. Tên khổng lồ tức thì hóa thành một ngọn núi đá, râu tóc thành rừng. Từ đó trời không phải ở trên vai Atlas nữa, mà ở trên một đỉnh núi.

Hôm sau Persée lại đi và chiều đến một xứ gần phương đông. Vua xứ đó là Cépheus, hoàng hậu là Cassiopéia. Bà này đã làm cho các Néréides tức giận vì bà tự cho mình là đẹp hơn người đẹp nhất của họ. Poséidon muốn báo thù cho các Néréides bèn dâng nước lên làm lụt cả xứ đó và cho hiện ra ở bờ biển một con quái vật sát hại nhân dân. Vua muốn tránh họa đó bèn đến hỏi bà đồng đền thờ Zeus. Bà này nói cho biết

là chỉ có cách đem công chúa là Andromède làm mồi cho con quỷ. Lúc Persée đến Ethiopie, chàng thấy Andromède đang bị trói vào một núi đá rất lớn ở bờ biển. Nếu gió không làm bay tóc nàng và nước mắt không chảy trên má nàng thì Persée có thể tưởng đó là bức tường « Đau khổ ». Persée cảm vì sắc đẹp của nàng liền đến gần hỏi han. Nàng đang kể đầu đuôi cho chàng nghe thì con quỷ hiện lên rẽ sóng tiến về phía hai người như một con tàu vậy. Persée vội bay lên không rồi đâm bổ như một con chim diều hâu xuống lưng con quái vật. Ngọn giáo của chàng nhắm sườn nó ngập vào. Bị tử thương con rắn khổng lồ khạc ra máu đỏ lôm, quấy một hồi rồi chìm xuống bể. Persée liền cởi trói cho Andromède, đem nàng về trả cho vua cha và xin hỏi nàng làm vợ. Vua ưng thuận và đám cưới cử hành rất trọng thể. Hai vợ chồng Persée trở về cù lao Sériphos đem theo cái đầu của Méduse. Trong khi chàng đi vắng Polydeklès tìm cách quyến rũ Danaé. Bà này muốn khỏi bị quấy rối phải trốn vào ở trong một ngôi đền. Persée về đến nhà xin ra mắt vua cha. Nhưng ông này giận giữ và

nghe ngờ không tin chàng đã lập được chiến công đó. Persée bực mình lấy cái đầu Méduse đưa ra, Vua vừa trông thấy nó tức thì hóa thành đá.

Công việc xong xuôi, Persée bèn trả ba vật: mũ, giép và túi cho Hermès. Còn cái đầu Méduse chàng biếu bà Athéna để bà đặt vào giữa cái mộc của bà. Hai vợ chồng Persée và mẹ là Danae lại trở về Argos.

Nghe tin con gái và cháu về, vua Acrisios nghĩ đến lời thánh truyền hồi trước bèn trốn sang Larissa.

★ RƠI LỆ !

Một thi-sĩ rất có tiếng tăm, nhưng lại là bợm ghiền « Huýt-ky » một hôm trong buổi dạ hội Văn nghệ sĩ, được một thiếu nữ rất đẹp, ái mộ tài chàng hỏi :

— Điều mà tôi thích nhất trong thi-phẩm của ông là những nét phóng khoáng và lời văn đanh thép chứng tỏ ông là một thi-sĩ có tâm hồn hiên ngang, cứng rắn... không bi lụy... không khóc mướn thương vay... không buồn thương trước cảnh lá rơi hoa rụng... Chắc ông không bao giờ có thể giở được một giọt lệ phải không ?

Trước bao nhiêu lời văn hoa, châu ngọc của người đẹp, thi-sĩ trả lời một cách rất tình tứ :

— Thưa cô, có chứ. Trong đời tôi, tôi đã rơi lệ hai lần. Một lần xem kịch, thấy chị Kim Cương khóc thật trên sân khấu tôi cũng thấy mũi lòng, ứa lệ theo và... một lần nữa, khi anh Trọng Miên đem biếu cho tôi một chai huýt-ky... mà lỡ tay đánh rơi trước mắt tôi, tan nát và làm cho lòng tôi... cũng tan nát !

Thi-sĩ thở dài đau khổ !

xuân đợi

✧ BÙI-THẢO

(Tuy-Hòa)



Chờ đợi mùa xuân giữa tiết đông
Khi ai thăm hẹn mối tình chung
Ngày mai xuân đến hoa đua nở
Em gái vườn quê sẽ lấy chồng.

Chờ đợi mùa xuân suốt nắng đông
Đợi chờ xuân có đến hay không ?
Hoa ơi, mau nở trắng mau đẹp,
Cho mộng về xuân bớt ngại ngùng.

Chờ đợi mùa xuân đến cảm thông
Môi em sẽ nở cánh tương phùng
Ngàn câu ân-ái bên rèm nguyệt
Trao trọn niềm tin khách thi-chung.

Chờ đợi mùa xuân nắng kết bông
Bên trời em có biết hay không ?
Hoa yêu nở giữa mùa thương nhớ
Tình đẹp vừa ươm bên cạnh lòng.

Chờ đợi Nàng xuân khoác áo bông
Em ra mở cửa đón duyên hồng
Ý xuân trao đến vòng hoa tặng
Tình vẹn câu thề với núi sông.

Chờ đợi mùa xuân bấy nhớ mong
Lòng buồn thồn-thức buổi tàn đông
Yêu em tóc xõa — mùa xuân đợi
Còn hẹn hò nhau dưới nắng hồng.



KỶ NIỆM

★ Minh-Đức

CHƯA bao giờ tôi cảm thấy bế tắc đến như thế này tôi chắc đành phải lũi hện với nhà báo, lệ thường tôi vẫn là đứa biết giữ iời nhất. Tâm hồn tôi là một cánh đồng gặp mùa đại hạn, tất cả đều khô héo, tôi như nhìn thấy những mảng đất bùn rạn nứt vẽ thành một thứ bản đồ kỳ quái. Có lẽ nào, ai

KỶ NIỆM

tin được rằng tôi đang bị dồn vào cái chỗ bế tắc này. Chắc tôi phải đi kiếm việc khác để làm. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao các bạn văn nghệ sĩ khác đều đi dạy học hoặc đi làm công hay tư chức để tìm lối thoát. Cây bút chỉ là một cô nhân tình đẹp đất đi dạo phố mỗi chiều chủ nhật thì được chứ cây bút không phải là người vợ tào khang.

Nhìn những tác phẩm của tôi đang hiện lảnh nằm trên tủ sách, tôi có cảm tưởng đó là tác phẩm của người khác chứ tôi, cái tôi hôm nay ngu ngốc thế này không thể nào nâng nổi cán bút.

Tôi vẫn tránh sự vạch áo cho người xem lưng tức là đưa chuyện nhà của mình ra kể vanh vách cho mọi người cùng nghe cùng biết. Tôi cho đó là một sự lười biếng của người cầm bút, đành rằng cũng có những câu chuyện nhà rất lý thú rất đặc biệt đáng đưa ra kể lể. Nhưng hôm nay đến cái việc kể lể ấy tôi cũng không làm được. Từ mười hôm nay mấy tờ báo mà tôi vẫn cộng tác thường xuyên đã dục tôi đưa bài Tết, lần nào cầm giấy bút cũng chỉ viết được vài giòng. Số xuân cần có những bài thật hay thật đặc biệt mà tâm hồn tôi lại quá tầm thường, viết được nửa trang hay một vài trang đọc lên thấy nó vô duyên nhạt nhẽo. Tôi với tôi mà còn thế thì độc giả nào thèm để mắt đến, nếu những trang ấy đưa ra hẳn sẽ đáng « thương cho giấy thương cho mực » biết mấy. Câu này tôi học được của Cụ Phạm-Quỳnh, độ bố tôi còn làm tuần vũ Quảng-ngãi, năm ấy phần thưởng cuối năm của tôi là một quyền Thi nhân Việt-Nam của hai ông Hoài-Thanh và Hoài-Chân. Quyền sách bán giá ba đồng bạc, mà tôi chỉ được bố tôi cho mỗi tháng một đồng bạc thì làm sao mua nổi. Nhịn ba tháng quà vật, có đứa trẻ nào nhịn được. Nhưng trời đã nghe lời ước của tôi! Lúc nhìn bà giáo chia phần thưởng cho học trò tôi thăm ước, giá tôi được thưởng quyền sách ấy thì chắc tôi sẽ sung sướng không thèm muốn gì nữa.

Tôi vốn nhiều mặc cảm, bao giờ cũng thấy mình kém hơn tất cả mọi người; nên chắc chắn rằng mình sẽ không có phần thưởng hoặc nếu có cũng chỉ là loại an ủi mà thôi. Ấy thế mà trời xui đất khiến làm sao, tôi lại được giải nhất Việt văn, và quyền Thi nhân

Việt-Nam ấy cô giáo đã cài lên tấm giấy viết tên họ và số tổng điểm của tôi.

Suốt đêm tôi chịu, không thể nào ngủ được, chỉ chấp chờn với mẫu bìa, mẫu giấy của quyền sách, mong sao cho đến ngày lĩnh thưởng. Hân đờn không thể có một đứa bé thứ hai nào dám tự hào rằng sung sướng hơn tôi.

Lễ phát phần thưởng có bố tôi dự, người rất ngạc nhiên và hơi ngờ vực về cái phần thưởng của tôi, vì trong 9 đứa con tôi là đứa dốt nhất, lì, dãn, xấu nhất. Nhưng thôi, cũng được, về nhà bố bảo đưa phần thưởng ra xem, nhìn nét mặt hân hoan của tôi khi ôm quyền sách, người có vẻ thương hại đứa con kém thông minh nhất. Người đã lật quyền sách đọc qua vài bài thơ và cười chế nhạo bảo thế này mà gọi là thơ đấy à.

Hai thế hệ, làm sao hiểu nhau được, bố tôi chuyên làm thơ có niêm luật trắc bằng có câu đối câu đáp. Chữ này phải chọi với chữ kia, khó khăn của một bài thơ là ở đây chứ cứ viết càn viết quấy vào thì càn gì phải học hành mới biết làm thơ.

Nhân dịp cụ thượng Phạm Quỳnh vào kinh lý ở tỉnh Quảng Ngãi, một buổi trưa hai cụ ngồi thảo luận văn chương với nhau. Bố tôi bảo tôi đưa quyền Thi nhân Việt-Nam của tôi vừa lãnh thưởng ra để cụ xem. Hân hạnh cho quyền sách biết mấy vì cụ không phải chỉ là cụ thượng mà thôi cụ còn là một nhà văn vĩ đại của nước Việt-Nam.

Cụ lật xem qua, đọc lên vài câu rồi gập sách bảo "thế mà cũng in thành sách, nhìn những quyền sách này tôi cảm thấy thương cho giấy cho mực". Nghe cụ nói tôi cho là rất văn chương nên suốt ngày cứ bắt chước giọng cụ đề nhắc lại mặc dầu không hiểu rõ câu nói ấy nghĩa là nó như thế nào. Mãi bây giờ mới hiểu.

Những giòng của tôi viết ra hôm nay rồi cũng thế, chỉ làm buồn cho giấy mực mà thôi. Tôi cảm thấy xấu hổ, như mình đang lừa dối độc giả, thế mà lúc báo in ra, bà quản lý vẫn vui vẻ trả tiền, lúc đưa bài đến ông thư ký tòa soạn vẫn mỉm cười cảm ơn chưa kể đến những châu phở những bát hủ tiếu mà bà quản lý với ông thư ký tòa soạn vẫn khao suốt năm mỗi kỳ báo ra,

Tại sao lại có cái tình trạng bế tắc này, nhìn chung quanh tôi, những đồ vật quá quen thuộc, những nét mặt của người thân cũng bắt di bắt dịch. Có người bảo muốn sáng tác phải yêu, phải khổ, họ nói đúng chẳng. Yêu ai hay giờ, làm thế nào để khổ để yêu. Tâm hồn tôi như tấm gỗ, chấp thuận tất cả mọi sự, làm sao còn có thể yêu một người và khổ vì người ấy để sáng tác.

Có những người quanh năm đi làm việc khác không cần đề ý đến một tờ báo nào đợi đến số xuân mới sáng tác ra một áng văn chương. Trái lại những đứa như tôi quanh năm viết và đến số tết thì bỗng cảm thấy bế tắc. Hết như cái giòng nước quanh năm vẫn chảy nhưng đến một hôm nào đó phải ngừng vì bị lá rừng chắn lối. Người làm văn nghệ hẳn ai cũng đã từng sống những phút của tôi hiện đang sống. Cảm thấy mình bất tài vô nghề trí não bị nhồi cùng với bùn đất, viết gì ra cũng thấy trơ trên gương ngùng.

Tôi muốn đi, xa hẳn cái căn phòng tôi vẫn sống, cái bàn cái ghế cái giường ở trong nhà tôi. Tất cả đều tầm thường không gọi cho tôi được một mảy may hứng thú.

Có những ngày tôi có thể viết được 20 trang, viết rất dễ dàng lưu loát, nếu không bận, không bị ai đến phá rối chắc tôi còn viết được nhiều hơn nữa. Những hôm ấy tôi tưởng rằng ở trong đầu óc tôi có một người đã suy nghĩ hộ, tay tôi chỉ việc chép ra giấy. Nhưng hôm nay con người ấy đã từ già tôi rồi chẳng, đã khinh ghét tôi rồi chẳng, mà tôi có làm gì đâu. Nghĩ đến đây tôi muốn bẻ bút, đứng lên mặc áo ra tìm ông thư ký tòa soạn thú thật với ông ấy câu chuyện của tôi, tôi sẽ nói rõ sự ngu dốt hiện tại của tôi, nỗi buồn ray rút của tôi. Ông ấy sẽ bực mình vì phải đi tìm bài người khác thay vào, như thế lại hơn chẳng? Tôi sẽ khỏi có cái cảm giác đánh lừa độc giả, nếu có những người bạn mở tờ báo tìm tôi mà không thấy họ cũng chỉ hơi ngạc nhiên một tí rồi đọc bài khác hay hơn, ý vị hơn, nhất định thế.

Nếu tôi nhớ không lầm thì mùa xuân năm ngoái, năm kia, tôi cũng đã ở trong cái tình trạng bế tắc này nhưng nhờ có những bài cũ, viết từ trước đã giải nguy hộ tôi. Một nhà văn bảo rằng cầm bút là viết được, thế mới gọi là văn sĩ, hôm nay nghĩ lại câu nói ấy tôi thấy phục ngài hơn hết.

Mấy giờ qua rồi mà đầu óc tôi vẫn trống rỗng, tôi ngồi từ lúc trời còn nắng, học trò ở trường nhà thờ chưa vào lớp mà bây giờ các cô các cậu đã rộn ràng ra về. Trong đám học trò có những đứa bé xấu xí hắc ám nhắc lại tôi một hình ảnh cũ, hình ảnh của chính tôi. Không biết những đứa bé ấy lúc vào lớp có nghịch như tôi và học có dốt có lười như tôi? Sau này ra đời chúng nó có phải lang thang như tôi, rồi nếu chúng nó chọn con đường văn nghệ chúng nó có gặp những lúc « người ấy » bỏ ra đi như tôi hôm nay không?

Thật đã phức tạp, ngày còn phất phơ ở hải ngoại sống trong một căn phòng bé nhỏ chật chội, có hai cái cửa sổ thì phải đóng hẳn một cái làm chỗ để sách. Cửa sổ phía bên kia cũng không hề được mở rộng vì mùa lạnh thì sợ hơi nóng của lò sưởi thoát hết ra ngoài. Mùa bức thì sợ láng giềng nhìn thấy. Không bao giờ có một làn gió sạch hay một tia nắng mặt trời chiếu vào. Độ ấy tôi chỉ ước mơ có một mảnh trời của riêng tôi để buổi sáng sớm dậy đón ánh nắng, ban đêm ra ngồi vác mặt lên trời nhìn sao, nhìn trăng. Nghe sương khoác lên mình lá những hạt bụi ướt, li ti.

Ngày nay tôi đã có một mảnh trời của riêng tôi, tưởng rằng có mảnh trời thì sẽ viết được rất nhiều, sao mấy hôm nay mảnh trời không hề giúp cho tôi một giòng, một chữ nào cả. Mảnh vườn nhà tôi cũng hờ hững, chậu lan đã làm xong bồn畔, nghĩa là đã nở lên hai chồi lan trắng và đã tàn, không thêm đợt mùa xuân. Nhìn chậu lan tôi cứ có cảm tưởng như vào nhà họ sinh thăm các bà vừa đẻ. Họ có vẻ mệt nhọc, thỏa mãn và kiêu hãnh, mệt nhọc sau mấy tháng cố gắng mang cái thai, thỏa mãn vì có một đứa con, nhất là đứa con đầu lòng để giữ chân chồng. Họ tưởng như thế, và họ kiêu hãnh, gần như vênh váo vì ta cũng biết đẻ con chứ có thua gì ai. Nhất là mấy cô gái già khi kiếm được chồng thì lại càng vênh váo hơn. Chậu lan của tôi hôm nay cũng thế, lá cành xơ xác mệt nhọc, không bóng bẩy duyên dáng như trước khi chưa ra hoa. Mà có phải riêng gì hoa lan, mấy cây khác mỗi kỳ hoa vừa tàn là đều có vẻ cầu thả hờ hững ấy cả. Mỗi nhà văn sau khi sáng tác xong một tác phẩm hình như trên mặt cũng có những

nét mệt nhọc, thỏa mãn kiêu hãnh đó chẳng. Ngọn bút đã cho tôi rất nhiều, cho tôi tiền đề sống, đề mua những quyển sách mà tôi thích, mua cả những thứ cần dùng khác. Đừng bảo rằng văn nghệ không nuôi sống được ai, văn nghệ đã nuôi sống được tôi nhưng có lẽ chỉ nuôi một thời gian rồi ngừng.

Tôi sẽ đi kiếm một chân gõ đầu trẻ như các nhà văn khác, mỗi ngày hai buổi, đến trường nào cũng chỉ đọc lại có mấy trang mình đã soạn. Sẽ có những sự bực mình khác, hẳn thế vì đời là một chuỗi bực mình dài, nối tiếp nhau mà người là ngón tay của người tu sĩ. Mỗi hạt sờ đến là một sự bực mình, nhưng bực mình mà không bị cái cảm giác trống rỗng, ngu đần như hôm nay.

Một người bạn nghe tôi phàn nàn đã thương hại rủ dậy sớm đi tìm mặt trời xem tâm hồn có tươi thắm hơn chẳng? Chúng tôi sang tận bên kia cầu xa lộ, ra đi lúc trời mờ sáng, nhưng quả thật là số không may, hôm ấy trời mù sương, người bạn hỏi thăm tôi về thành phố Luân Đôn sương mù có giống xứ ta? Đợi mãi mà mặt trời không thềm ra, chúng tôi đành trở về không gặp hẳn. May mà không bị cảm, chứ sáng đi sớm mà chỉ mặc có mỗi một chiếc áo vải.

Thế là hết, báo đã lên khuôn, ông thư ký tòa soạn có kiên nhẫn đến mấy cũng không thể chờ hơn nữa. Mùa xuân năm nay, tôi không có bài, tết nào phải vì tôi lười nào phải vì tôi bận vui chơi. Chỉ vì người ấy đã từ bỏ tôi, không đọc cho tôi chép, không giúp tôi sáng tác, ngay cả công việc phiên dịch tôi thử làm mấy lần cũng không được. Người ấy đi rồi, bao giờ mới trở về với tôi.



★ DANH NGÔN

Người bị nhiều kẻ ghét ở trong cái thế rất nguy, người được nhiều kẻ thương ở trong cái thế rất khổ.

TUÂN TỬ

xuân này anh về đâu ?



Xuân này anh về đâu ?
Nắng quê hương u sầu ;
Gió quê hương ly-loạn ;
Hồn quê hương hờn đau.

Xuân này anh về đâu ?
Làm sao bắt nhịp cầu,
Nối đường về đất nước ?
Anh hết buồn đêm thâu.

Xuân này anh về đâu ?
Rít chi tiếng còi tàu !
Gọi chi niềm cố-quận !
Gọi chi niềm thương đau !

Xuân này anh về đâu ?
Một mùa xuân không màu.
Một tình xuân lữ-thứ.
Một đời xuân trôi mau.

ĐÀO-THANH-KHIẾT (Philippines)
(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

quê hương buồn



Bởi còn những tham tàn trên non sông xương máu
Nên còn những quân cờ người gởi đất năm sương.
Còn mẹ ru con giọng chiều áo nã
Bầy trẻ thơ cười tiếng đượm buồn.

Bình lửa đó quê-hương còn ly tán
Thiên-tai này nước lũ về mệnh mông
Ôi nước không ngăn lửa binh cuồng loạn
Ai biết kêu gào cho thấu thiên-cung ?

Mà hồn mang vẫn tung hoành trong đám đông người tử
nhục.

Đuốc thiêng nào soi đường lối u-minh ?
Bầy cỏ dại bỗng đua đòi tranh nhau làm Mai Cúc
Sao cảnh Lan khóm Trúc mãi làm thình ?

Ôi hàng nghìn người theo nhau về biên cả
Bầy trẻ cô đơn khóc đói nghẹn ngào.
Dừng đi đừng đi những nông cuồng thóa mạ
« Lời ngọt ngào hãy dịu vết thương đau ! »

Tôi mang trong hồn quê-hương buồn bã đó
Kề làm sao những hôm gục mặt âm thầm...
Trời phiêu bạt mơ màu xanh lá cỏ
Đất Mẹ bao giờ mới nở mùa Xuân ?

● **THANH NHUNG**
(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)



Ông
NGUYỄN-CHÁNH-SẮT

(1869 — 1947)

*một nhà văn tiền phong
của miền Nam*

☆ *Việt-Long-Giang*

1.— Thân-thế

Cụ sanh năm 1869 tại Vĩnh-An-Hà, xã Long-Phú (Tân-Châu) — con ông Nguyễn-văn-Tài và bà (không rõ tên), xuất-thân trong một gia-đình bần-nông — vì đó, song thân cụ mới ký-thác cụ cho ông Nguyễn-văn-Bửu và bà Đặng-thị-Nghiêm, người cùng xã nuôi làm dưỡng-tử.

Thuở nhỏ, cụ học với cụ Tú-Tài Tràn-Hữu-Thường. Bấy giờ, nhằm thời-kỳ Pháp thuộc, dưỡng-phụ cụ nhận thấy đeo đuổi theo Hán-học không hợp-thời, nên cho cụ học sang qua

Việt-ngữ và Pháp-văn tại trường Tiểu-học Châu-Đốc.

Sau khi đỗ Văn-Bằng Sơ-Học Pháp-Việt (Certificat d'Etudes Primaires Franco-Indigènes) thì cụ cũng vừa đúng tuổi trưởng-thành (thuở đó có nhiều anh trên 20 tuổi, hoặc có vợ con mà vẫn còn học lớp Nhứt). Dưỡng-phụ cụ, vì muốn có cháu bông-bể cho vui nhà vui cửa, nên bắt buộc cụ thôi học để lo đôi bạn cho cụ là bà Văng-thị-Yên, người đồng thôn với cụ.

Khi lập gia-thất xong, thì lần-lượt dưỡng-phụ và dưỡng-mẫu cụ đều qua đời. Sau hai kỳ mả

chay, cặp vợ chồng son trẻ này lâm vào cảnh túng-bần. Đã vậy ông bà lại có một mụn con. Bà phải đi mua bưng bán bộ nuôi chồng, còn cụ thì trông nom nhà cửa và chăn con. Tuy nhiên, rất hiếu học, lúc nào cụ cũng ôn-nhuần lại Hán-văn, nhưt là Pháp-văn và Việt-ngữ.

2.— Sự gặp-gỡ giữa
đôi bạn Pháp-Việt

Đồng-thời có ông quan tư De Combert nhận thấy Tân-Châu là một trung tâm tâm tở, do đó ông bỏ vốn lập cơ sở sáy kén, tục gọi « lò sáy » — chính là phần đất của sở tằm-tang Tân-Châu hiện nay.

Thỉnh-thoảng, ông đi dạo vào con kinh lịch-sử « Vĩnh-An-Hà », nhiều lần qua lại, ông để ý thấy một vị thơ-sinh vừa đưa con vừa đọc sách. Ông tò mò dừng chơn làm quen với cụ Nguyễn. Khi được biết người bạn mới đương rèn luyện Pháp-văn, nên ông rất hài lòng và khen ngợi vô cùng. Từ đó, những lúc nhàn rỗi ông thường lai vãng nơi đây để giao-thiệp với kẻ bần-sĩ đáng mến này. Cùng lúc ông biểu sách, khuyến khích và chỉ bảo thêm. Tình đôi bạn Pháp-Việt càng ngày càng khấn-khít.

Chẳng bao lâu công việc làm

ăn của ông thất-bại, lại cũng đúng lúc nhà cầm quyền Pháp gọi ông đảm-nhiệm một chức-vụ quan-trọng ở ngoài Côn-Nôn (nay Côn-Sơn). Nhằm cơ-hội này, ông mời cụ cộng-sự với chức thông-ngôn.

Đã có học chữ Tàu, lại vốn thông-minh, nay ra hoang-đảo này, cụ được sự chỉ bảo tận tâm về Hán-học của các nhà nho làm cách-mạng chống Pháp bị bắt đày ra đây để trả món nợ thù Tây. Ai dè, chính Côn-Nôn, dưới trời nước bao la, là cái lò đào tạo cụ thành một nhà thâm nho, rất có ích cho nền cổ-học cho nước ta sau này.

Được một thời-gian, bất ngờ ông De Combert lâm bạo bệnh, vì vậy, cụ đưa chủ về Sài-gòn điều-trị, nhưng không may ông này từ trần và an táng tại đất thánh Tây ở Thủ-đô Việt-Nam.

Sau đó, cụ trở lại chốn ngàn năm lưu danh là mồ chôn những nhà ái-quốc Việt-Nam, thu xếp việc nhà rồi vào đất liền. Bấy giờ ông bà đã có bốn mặt con vì thế sự sanh sống trong gia-đình cụ thật là chật vật. Để bảo-vệ vợ yếu con thơ, khi cụ giúp việc cho sở Canh-Nông, lúc làm cho sở Công-Chánh. Rồi lần lần nhờ sự hoạt động sau đây mà cụ trở thành một nhà văn tiền-phong của miền Nam:

3.— Hoạt động về văn-hóa

M. Nguyễn-Chánh-Sắt, né en 1869 à Long-Phú (Châu-Đốc, Cochinchine).

S'est signalé surtout par sa grande activité, dans la diffusion de la littérature chinoise traditionnelle (Traduction en quốc-ngữ de nombreux livres de théâtre classique), auteur d'un cours de morale « HUẤN - TỬ CÁCH NGÔN » à l'usage des écoles élémentaires indigènes. Professeur de caractères chinois, dans l'enseignement libre, puis, des 1906 consacra entièrement au journalisme de langue locale (Diplôme de Mérite avec mention honorable — Exposition coloniale de Marseille 1906). Lors du 4^e emprunt national en 1918, Nguyễn-Chánh-Sắt, alors Directeur du journal « NÔNG-CỔ MINH-ĐÀM » apporta sa collaboration au Gouvernement. Il fut des hommes les plus actifs de la troupe théâtrale qui, sur les suggestions de M. Albert Sarraut, alors Gouverneur général de l'Indochine, organisa des tournées de propagande dans toute la Cochinchine en faveur de l'emprunt national.

En 1920, délégué à la Foire de Hà-Nội, il fit une conférence économique à l'Hôtel des Colonies. En 1921, assesseur à la Cour criminelle de Saigon. En 1933, un incendie ayant détruit plus de 20

paillotes, près de l'Ambulance de Tân Châu, il a pu recueillir presque 500 piastres en faveur des sinistrés.

Nommé *Huyện* honoraire, en 1936.

(Đoạn Pháp-văn này trích trong quyển *Souverains et Notabilités d'Indochine* — Éditions du Gouvernement Général de l'Indochine — Ideo — Hà-Nội — MCMXLIII (1943).)

Tạm dịch :

Nguyễn-Chánh-Sắt, sinh năm 1869 tại Long-Phú (Châu-Đốc, Nam-Kỳ).

Cụ nổi danh nứt là sự hoạt động lớn lao của cụ trong việc truyền-bá văn-chương Hán-học cổ truyền (Dịch ra quốc-ngữ nhiều sách hát-bội), tác-giả quyển « Luân-lý Cách - Ngôn » dùng trong các trường Tư-Thục, rồi đến năm 1906, cụ hoàn-toàn là nhà viết báo bằng tiếng bản xứ (Cụ được thưởng bằng « Danh dự Bao-tướng » trong cuộc triển-lãm thuộc địa ở Marseille (Ba-Lê) năm 1906). Ngoài vụ số Quốc-Trái lần thứ tư năm 1918 lúc bấy giờ cụ Nguyễn-Chánh-Sắt hiệp-tác với Chánh-phủ Pháp đứng ra lãnh vai Chủ-Nhiệm tờ nhật-báo « NÔNG-CỔ MINH-ĐÀM » (Lúc làm chủ-bút cụ thường mang bi danh : Bá-Nghiêm — Du-Nhiên-Tử — Vĩnh-An-Hà). Cụ là một tay hoạt động rất đặc-lực trong ban hát-bội là ban hát do sự

khuyến-dụ của Albert Saraut, lúc bấy giờ Toàn-Quyền-Đông-dương, tổ chức những cuộc kinh-lý tuyên-truyền ủng-hộ về vé số Quốc-trái trong toàn xứ Nam-kỳ.

Đến năm 1920, cụ được cử làm Đại-Diện tại Hội Chợ Hà-Nội. Cụ diễn-thuyết về kinh-tế ở Nhà Hàng Thuộc-Địa. Năm 1921, cụ làm Hội-Thăm tại tòa Đại-Hình ở Saigon. Đến năm 1933, một trận hỏa-hoạn thiêu-hủy trên 0 nóc nhà lá gần Bình Xá Tân-Châu, cụ đi quyền gần 500\$, (bằng 50.000\$ bây giờ) để giúp những nạn nhân. 1936, cụ được ân-tử chức Huyện hàm.



Dưới đây là những tác-phẩm của cụ đã xuất-bản trước kia :

A) Loại tiểu thuyết :

- 1.— Gái trả thù cha (Trinh-thám tiểu thuyết : 4 quyển)
- 2.— Tài mạng tương đồ (Tâm lý tiểu thuyết : 2 quyển)
- 3.— Nghĩa hiệp kỳ duyên (Gia đình tiểu-thuyết : 1 quyển — Tuần-báo Nhân-Loại có tái-đăng)
- 4.— Lòng người nham hiểm (Xã-hội tiểu-thuyết)
- 5.— Trinh hiệp Lương-Mỹ (Nghĩa hiệp tiểu-thuyết)

B) Loại sách dịch

- 1.— Tam tự kinh
- 2.— Huấn-Tử Cách Ngôn

3.— Tam quốc

4.— Tống Nhạc-Phi

4.— Trở về cố hương

Vào lối năm 1920, để hưởng thù điền viên, cụ trở về nguyên quán cất một ngôi nhà ngói, nền đúc, vách gạch, gần đình Long-Phú, thuộc đất Công-thổ (Chính là nền trường Trung-Học Bán-Công Tân-Châu hiện nay).

Tuy về Cố-hương, nhưng cụ vẫn còn vừa viết báo, vừa hoạt động về nông-nghiệp và thủy-lợi. Chẳng may trong vụ kinh-doanh này xảy cho cụ một vụ án mạng do bạn-bè của cụ gây ra tại kinh Thần-Nông (Tân-Châu). Nhờ cụ khéo giằng xếp nên vụ án đó được ổn thỏa.

Mặc dù sống dưới thế-hệ của văn-minh Pháp, song cụ vẫn giữ vững nề-nếp nho phong. Vì đó cụ rất đứng-dẫn trong lối phục-sức, khi ra đường lúc nào cụ cũng mang quốc-phục. Về Tân-Châu với tài lẫn đức, cụ được quan dân kính mến. Vì thế, quý vị trong « Ban Quản-Trị » đình Long-Phú đồng công cử cụ làm chức « HƯƠNG-QUAN » (Bà vị cụ hiện còn tại Đình-Trung Long-Phú).

Ông Bà sanh tất cả 9 người con :

- 1 — Bà Nguyễn thị Truyền, (1)
- 2 — Cố Nguyễn văn Đức,

- 3 — Bà Nguyễn Thị Sử,
- 4 — Cố Nguyễn Thị Kinh,
- 5 — Cố Nguyễn Thị Điền,
- 6 — Cố Nguyễn Thị Nga,
- 7 — Cố Nguyễn Thị Mão,
- 8 — Cố Nguyễn Thị Nguyệt,
tự cô giáo Minh (2)
- 9 — Cố Nguyễn Chánh Nhân,
- 10 — Bà Nguyễn Thị Ty,
(Đường-nữ), hiền-thê ông Phạm-
văn-Gi.

Cụ từ trần vào ngày 18 tháng 4 âm năm Đinh-Hợi (6-6-1947), thọ được 78 tuổi. Bà, ngày 24 tháng 8 âm năm Ất-Dậu (29-9-45). Phần mộ ông bà hiện nay an táng tại sở đất của ông, tọa lạc giữa Long-Đức-Tự và ấp Tân-Sinh Long-An A, xã Long-Phủ, tục gọi đường chùa — và cũng là nơi mà cách nay 25 năm (1939-1964) đã xảy ra vụ dấy giặc của ông Đạo Tường ở Tân-Châu.

(1) Bà là hiền-thê của ông Trần-Thái-Nguyên, Đốc-Phủ hồi-hưu ở 40 Đại-lộ Bạch-Đẳng (Gia-định). Chính Bà thuật lại tiểu-sử của Cụ cho tôi viết trong dịp Bà về Tân-Châu làm mộ cho song thân Bà vào năm 1963.

(2) Chính bà giáo này giúp ông rất nhiều trong việc viết văn và làm báo, vì đó, khi bà qua đời, quá xúc-động, cụ cảm-tác ra bài « Thập thủ liên huân » sau đây — mà lúc sanh tiền cụ thường ngâm đi ngâm lại đề giải khuây :

5.— Cụ Nguyễn khóc con

1.— Xôn xang bứt-rứt mây
canh gà.

Thương nhớ vong nhi lụy nhỏ sa.
Một giấc nghĩ-ngơi an phận trẻ,
Ngàn năm đau đớn tủi thân già.
Bơ-vơ hai cháu đành không mẹ,
Hủ-hỉ mình con nỡ bỏ cha.
Tạo-hóa bất nhơn theo khuấy mãi,
Khiến người cắt ruột tẻ chi mà.

2.— Chi mà đau đớn lắm trời ôi!
Cái nghĩa cha con đã phải rồi.
Tức nổi trẻ thơ sao vẫn-vội.
Thương bày cháu ngoại chịu mồ-
côi.

Chim đà mất mẹ buồn ngo-ngác,
Tre phải khóc măng thắm dập-dội.
Thắt-thẻo ruột tằm đỏ chín khức,
Chi mà đau đớn lắm trời ôi !

3.— Trời ôi ! Bao nỡ hại người
lành,
Cái nghĩa cha con hạ dứt dành
Băm tám tuổi xanh sao vẫn số ?
Bảy mươi đầu bạc ngần ngo hình
Gia đình vẫn tưởng già nương cậy
Thơ-xã hết mong trẻ giúp mình.
Sách vở mấy trường còn để đó,
Từ đây huê-các phải buồn tanh.

4.— Buồn tanh thồn-thức trót
năm canh,
Vẳng dạng tai nghe giọng trống
thành.

Trước cửa vật-vờ hòn núi giả,
Bên tường thổ thệ tiếng chim oanh
Êm mình ngậm vịnh làm khuấy dạ
Thấy cháu ngày thơ phút động
tình.

Bé ti chắc-chiu đau đớn nhẽ,

Bao đành độc địa hồi cao xanh

5.— Ông xanh bao nỡ chẳng
thương tình,

Hiếu nghĩa sao mà lại ghét ganh

Phải biết ấu xuân phần vắn số,

Đã tầm Hậu-Nghệ thuốc trường-

sinh.

Bồi-hồi sáu khắc sáu khôn xiết

Thồn-thức năm canh nhắc chẳng

đành.

Nhớ trẻ biết đâu tầm được thấy

Chỉ mình quanh-quẩn mấy khuôn

hình.



6.— Mấy khuôn hình trẻ vẽ
trong nhà,
Nhìn tời di dung giọt dướm sa
Nét đứng dạng ngồi còn phượng
phất,

Lời ăn tiếng nói đã phui pha,
Trông vào tử sắt lòng chua xót,
Đoái lại phòng vắn dạ thiết-tha.
Thương nhớ ái-nhi buồn khó tả,
Sụt-sùi chan chứa tấm lòng ta.

7.— Lòng ta khắc-khoải trót
đêm tròn
Thồn-thức năm canh mãi nhớ con
Thăm thiết lòng già nằm chẳng
tiện,

Mơ-màng dạng trẻ ngủ sao ngon.

Xưa còn tin tức trông lom-lôm,

Nay vẳng dạng hình khóc nỉ-non

Ước gặp Nam-Tào ta hỏi thử ?

Cớ sao mạng số lại thon-don.

8.— Thon-don phận trẻ dễ an
nào,

Cực nổi cha già thăm xiết bao.

Mẹ yếu một thân sâu ủ rủ.

Con thơ hai đứa khóc nghèo-

ngao.

Cửa nhà thiếu kẻ lo săn-sóc,

Vườn tược không người giữ trước

sau.

Uất-ức bên lòng nằm chẳng tiện

Một mình trần-trọc trót canh thân

9.— Trót canh thân chẳng thấy
con mình,

Một giấc ngàn năm đã bật hình.

Sao nỡ chia phui tình cốt nhục,

Bao đành phán rẽ mối thâm tình

Ngần-ngờ tuổi cháu còn suy ấu,

Ngao-ngán thân già nổi tử sanh.

Cội cả một may mà xẻ bóng,

Bơ thờ hai mục nổi linh đình.

10.— Linh-đình phận trẻ biết
đau mà.

Nói trước san dây dạ xót xa.

Ngày tháng bơ-vơ không bỏ mẹ.

Sớm khuya bận bịu có ông bà

Não-nùng tiếng để lòng ngao ngán

Vắn-vội hơi ve dạ thiết-tha,

Đoái lại cảnh tình thêm bát-ngát

Xôn-xang bứt rứt mấy canh gà.



màu tím ngày xưa



Dừng lại đời hoang ngắt cánh sim
Hoa sim tím tím... tím con tím /
Ngày xưa... tôi có người em gái
Mái tóc hay cài hoa tím sim

Thế rồi... khói lửa ngập quê hương
Giã biệt người em nhỏ lên đường
Nghĩa vụ trọn thành câu ước nguyện
Quê nhà gửi lại một niềm thương

Một buổi hành quân tôi mới hay
Em tôi đã chết... chết nơi đây /
Hoa sim không phủ ngôi mồ lạnh
Chỉ có lá vàng úa phủ xay !!

Em hơi giờ đây trước mộ em
« Ba lô » thân súng cánh hoa mềm
Anh dâng trước mộ xin em nhận
Một tấm chân tình... một ấm êm

VŨ LINH

(Trung-sĩ trừ bị KBC 4969)

hồn xuân chinh chiến



Xuân đến buông tơ nắng ngập trời
Mà nghe ngàn ý vọng xa khơi
Miền Trung xơ-xác, cơm hòa lệ
Manh áo ngự-hàn rách tả-tơi !

Đêm, hỏa-châu rơi thể pháo bông
Tung trên trời thắm, tiễn năm Rồng
Từng tràng súng nổ thay tràng pháo...
Non nước điêu-tàn Xuân xót không !

Ai xuống vườn Xuân điểm sắc, hương
Không gieo nhân-thế, một tình thương
Ngừng tay chém giết, thôi chinh-chiến
Cho ánh Xuân tươi nhuộm phố phường

* THU-NHI

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)



một năm chính quyền trong tay Quân-Đội

★ **Thiếu-Tướng**
Nguyễn - cao - Kỳ
(*Tư-lệnh Không-Quân V.N.*)

(*tiếp theo P.T. 141*)

Do đó đã đưa đến trường-hợp một nhân-vật số hai của chế-độ cũ được chọn làm Thủ-Tướng ngay sau khởi đầu ngày Cách-mạng. Sự lựa chọn này nếu cho là một nhầm lẫn, thì thật là một

nhầm-lẫn có tính-cách phá hoại Cách-mạng, vì nó đã hủy diệt lòng hăng say của dân chúng, đã reo rắc niềm hoài-nghi trầm-trọng trong mọi tầng lớp nhân-dân và cơ-hội cho Cộng-sản bôi nhọ cuộc Cách-mạng của ta.

MỘT NĂM CHÍNH QUYỀN...

Do đó, luật-pháp không được thi-hành nghiêm-chỉnh. Biết bao nhiều kẻ quyền cao chức trọng dưới chế-độ cũ có tội rành-rành vẫn ở trong tình trạng chưa được xét xử ngà-ngũ, hay vẫn ở ngoài vòng pháp-luật. Trong khi đó lại thành-lập Ủy-Ban Cứu-Xét Tội-Ác để đi tìm tội ác ở những cấp thừa hành và đề ghi nhận những đơn tố-cáo vì chuyện tư thù. Công việc không giải-quyết được gì, mà còn tạo thêm cơ-hội cho Cộng-sản và những kẻ phá-hoại reo-rắc nghi-ngờ, gây niềm chán-nản cho cán-bộ ta bằng cách tố-áo những tội trạng bịa đặt qua các thư nặc-danh.

Cũng do đó, đã xảy ra chuyện một hai tuần lại thay đổi một cấp chỉ-huy, một ông Tỉnh-Trưởng, một ông Quận-Trưởng. Việc thăng thưởng thì không có chừng mực, không căn cứ vào những tiêu-chuẩn chính-đáng, nên đã trở thành một hình thức ban ân-huệ để trả ân nghĩa, để củng-cố uy thế cá-nhân vì gây bè kéo cánh, nên đã có những người suốt ngày 1-11-1963 nằm ở bệnh-viện, không có một chút công-lao với Cách-mạng mà vẫn được thăng thưởng.

Tóm lại, dù không nhằm những mục-tiêu thâm độc như Ngô-

Đình-Diệm, nhưng chính-quyền Cách-mạng đã mắc những sai lầm giống hệt chính-quyền Ngô-Đình-Diệm, với những hành-động mang nặng tính-chất phong-kiến, quan-liêu. Có một thời người ta đã nói chính-phủ Cách-mạng là một chính-phủ Diệm mà không có ông Diệm. Thiết-tư ởng không phải hoàn-toàn không có lý.



Chế-độ Ngô-Đình-Diệm tuy đã bị chôn vùi nhưng căn bệnh của nó vẫn tồn tại và phát thành ung nhọt hủy diệt chính-quyền Quân-đội. Tuy nhiên nói đến sự thất-bại của Quân-đội trong chính-quyền cũng không thể quên những nguyên-nhân do các đảng-phái và chính kẻ thù Cộng-sản gây nên.

Các đảng-phái mới phôi-thai hay mới hoạt-động trở lại cần phải bành-trướng, cần gây uy-thế, nên trong việc chỉ-trích hay chống đối chính-phủ, họ đã không ngần-ngại kích-tích lòng say mê cuồng-nhiệt của quần-chúng, đưa ra những yêu-sách mà hoàn cảnh

quốc-gia, tình-trạng xã hội không cho phép thỏa-mãn được. Hành-động của họ đã gây nên một thời-kỳ hỗn-loạn, đưa đến các cuộc hội-thảo, các vụ xuống đường, rồi đến cuộc chính-thiến 13-9-64. Nhưng chính số đảng-phái, chính khách và những nhóm người đó cũng không có một chủ-trương rõ-rệt, một đường lối xác-đáng, và nhất là tư-cách của những người chủ - xướng lại không đủ bảo-đảm cho lòng tin của nhân-dân. Riêng lo giải-quyết những vụ lộn-xộn này, chính-quyền cũng không còn đủ thời-giờ mà tiến-hành những chương-trình xây-dựng, nếu có.



Trong khi đó, Cộng-sản không bỏ lỡ cơ-hội. Chúng phát-động mạnh công-tác tuyên-truyền và phá-hoại, tạo hiềm-nghĩ giữa các đoàn-thể và chính-quyền, gây chia rẽ tôn-giáo, làm phân-tán nhân-tâm, reo-rắc tinh-thần chủ-bại. Chúng còn mở chiến-dịch bãi nhọ, hạ uy-tín những người có khả-năng, giàu thiện-chí và thành-

thật yêu nước, nhằm chặt-tia những bàn tay đắc-lực trong chính-quyền. Qua những vụ rối loạn tại thành-phố, chính-quyền phải tập-trung lực-lượng đối phó, lại là những cơ-hội thuận-lợi để bọn Cộng-sản xâm-lấn, hoành-hành tại vùng quê. Khi nền an-ninh trật-tự luôn luôn bị đe dọa, sinh-hoạt không còn được bảo-đảm, người dân đâm ra oán ghét chính-quyền.

Nhìn lại một năm Chính-quyền của Quân-đội, phải ghi nhận những biến-cổ chính-yếu là cuộc chính-lý 30-1 và Hiến-Chương Vũng-Tàu 16-8 như những cố gắng vươn mình tiến tới. Nhưng những cố gắng đó không đủ để cứu-vãn tình-thế vì trở ngại lớn nhất là vấn-đề nhân-sự vẫn chưa giải-quyết được. Và có một điều ngoài ý muốn là chính những cố-gắng đó đã gây nên sự nghi-ngờ trong nhân-dân. Mặc dầu chưa bao giờ không-khí chính-trị được cởi mở như dưới thời chính-quyền Quân-đội, — đảng-phái thì tự-do thành-lập, công-khai hoạt-động, báo-chí cũng hoàn-toàn được tự-do, tự-do đến độ có báo đã coi Thủ-Tướng là một nguồn

cảm hứng để viết những bài châm chọc, hài-hước hầu câu độc-giả, nhưng với sự kiện vị Thủ-Tướng kiêm-nhiệm luôn chức-vụ Chủ-Tịch Hội - đồng quân-đội Cách-mạng sau ngày chính-lý, với việc 58 quân-nhân tự ý biểu-quyết bản Hiến-chương Vũng-Tàu đã khiến dư-luận coi là những âm-mưu đi đến độc-tài. Sự nghi kỵ này phải chăng đã bắt nguồn từ một tâm-trạng bị ám-ảnh bởi chế-độ độc-tài Ngô-Đình-Diệm !

Trước những khó-khăn dồn-đập đưa tới, lại thêm lòng nghi-kỵ của nhân-dân, chính-phủ vốn đã không mạnh, càng trở nên suy-yếu hơn, đến cuối cùng đã... « giữ đúng lời cam-kết » trao lại quyền hành cho dân-sự.

Bước qua chính-phủ dân-sự

Quyền hành lãnh-đạo quốc-gia ngày hôm nay đã ở trong tay một Chính-phủ dân-sự, nhưng chưa phải mọi khó-khăn đã được giải-quyết. Ngoài vấn-đề danh chính, ngoài một yếu-tố nhân-tâm thuận lợi hơn, Chính-phủ dân-sự vẫn phải đương-đầu với nhiều khó-khăn mà chính-quyền Quân-đội đã gặp phải trong năm

qua. Người ta tự hỏi Chính-quyền dân-sự có những hy-vọng nào để vượt thắng trở ngại đó ?

Hy-vọng cũng còn tùy thuộc các đảng-phái và các đoàn thể nhân-dân. Sự hiện diện của những tổ-chức đối-lập là điều cần-thiết để bảo-đảm nền dân-chủ và sự tiến-bộ của một quốc-gia. Xong hình-thức tranh đấu gần đây của một vài đoàn-thể là điều khiến chúng ta phải suy nghĩ.

Dù muốn dù không, với hoàn cảnh đất nước trong thời-kỳ chinh chiến, với bản tính đôn hậu của dân-tộc, chúng ta phải chấp nhận tiến hành cuộc Cách-mạng 1-tháng 11 năm 1963 theo một chiều hướng ôn-hòa. Nghe đến hai chữ ôn-hòa, người ta có thể nghi-ngờ. Nhưng qua những cuộc Cách-mạng lớn-lao trên thế-giới, người ta không thể không ghi nhận những sự-kiện sau đây :

— Trong cuộc Cách-mạng 1789 tại Pháp, có ngày có tới hàng ngàn người lên đoạn đầu-đài.

— Tới cuộc Cách-mạng 1933 tại Đức, 6, 7 triệu người Do-Thái bị hy-sinh để khích-lệ lòng hăng say và đức tin cuồng-nhiệt của dân-tộc.

— Và trong cuộc Cách-mạng

vô-sản Nga thì đã có tới hàng chục triệu con người nạn-nhân của khủng-bố.

Đề rồi kết-quả đưa tới đâu? Nước Pháp sau mười năm Cách-mạng đã phải chấp-nhận nền đế-chế quân - phiệt Nã-Phá-Luân. Nước Đức trở thành một Quốc-gia thù nghịch của Thế-giới đề rồi đi đến thảm bại. Riêng nước Nga thì thực quả chưa bao giờ một lý-tưởng Cách-mạng bị phản-bội trắng-trợn đến như thế.

Cho nên bạo-dộng chưa hẳn là phương-thức tốt nhất để đưa Cách-mạng tới thành-công. Trong cuốn *La Loi des Révolutions*, André Joussain đã nhận định như sau: « Thực ra những cuộc bạo-dộng đã được thực-hiện với một giá quá đắt mà không thu lượm được kết-quả là bao. Những kết quả này lẽ ra, bằng những đường lối khác, có thể thu hoạch được một cách rộng-rãi hơn, bền vững hơn và tính chung thường nhanh-chóng hơn » (*Les Révolutions violentes, en effet, réalisent avec le maximum de frais et le minimum des résultats ce qui aurait pu être obtenu par d'autres voies d'une manière plus étendue, plus durable et souvent même, au total, plus rapide.* (La

Loi des Révolutions, page 222). Những đường lối khác đó có thể bàn cãi, thảo-luận, thuyết-phục, là tranh-đấu nơi nghị-trường, là xử-dụng quyền tự-do ngôn-luận, nghĩa là những hình-thức hợp-pháp và dân-chủ mà hiện nay thích-hợp với hiện-tình đất nước ta hơn cả, một hiện tình đòi hỏi phải có sự ổn định trước nhất.

Ngược lại, những hành-vi bạo-dộng, những hình-thức xuống đường, những hành-dộng khiêu-kích các nhân-viên công-quyền hay những cuộc biểu-dương lực-lượng, chỉ làm cho tình-thế rối ren thêm, khiến cho sinh-hoạt của đồng-bào mắc-mở khó-khăn hơn, làm suy-yếu lòng tin của nhân-dân, làm hao-mòn tiềm-lực chiến-đấu, tự chung chỉ có lợi cho Cộng-sản. Do đó, Quân-đội đã chống lại tất cả mọi cuộc bạo-dộng, điển-hình nhất là cuộc đảo-chính ngày 13-9-1964. Thái-độ của Quân-đội ngày hôm đó thật là sáng tỏ, đã chứng-minh được rằng Quân-đội chỉ phục-vụ cho Tổ-quốc, tuyệt-nhiên không vì một cá-nhân hay một bè-phái nào. Thái-độ chống đảo-chính, chống bạo-dộng ngày hôm đó được toàn dân hoan nghênh nhiệt-liệt, còn chứng tỏ rằng nhân-dân

đã chán ngấy những hành-vi bạo-dộng. Cụ thể hơn nữa là trong cuộc biểu-tình gần đây tại Thủ-Đô, dân-chúng đã lãnh đạm không tham-gia, và những kẻ chủ xướng đã thất-bại hoàn-toàn.

Giờ đây đã đến lúc cảnh tỉnh những kẻ còn mưu-dồ bạo-dộng. Họ cần hiểu rằng trước kia nếu có vài cuộc biểu-tình được thành-tựu chỉ là do một vài giới công-quyền có trách-nhiệm đã có thái-độ nhu-nhược khiếp-dảm. Tới lúc này, mọi mưu-toan tái-diễn những hình-thức tranh-đấu bất-hợp-pháp chắc-chắn sẽ gặp sức chống đối mãnh-liệt. Với một nhóm người mang nặng tham vọng riêng tư, và một vài trăm thiếu-niên chưa đủ ý-thức trách-nhiệm, tiếng nói của họ chưa đủ để đại-diện cho một Quận của thành-phố Saigon. Vậy không thể vì lẽ gì coi họ tiêu-biểu cho cả một khối 14 triệu người dân Việt. Họ không thể nhân danh ai để tiếp tục gây mãi xáo trộn. Tình-thế Quốc-gia hiện đã đủ nguy-ngập, nhân-dân đã quá lắm than cực-khổ, không thể làm cho nguy-ngập, đau thương hơn. Quốc-gia cần có ngay sự ổn-định, mới mong thực-hiện được chính-sách, thực-thi được dân-chủ, và mới kết hợp được các khả-năng chiến-đấu trên

mọi lãnh-vực để thúc đẩy nỗ-lực chiến-tranh.

Nói như thế không có nghĩa vì muốn tránh bạo-dộng mà ta phải chấp-nhận nguyên-vẹn mọi hiện trạng. Ôn-hòa không phải là nhu-nhược, không phải là sợ-sệt mọi đòi thay lợi-ích. Thực ra ôn-hòa chính là một đường lối vững-chắc mà sự thành-công còn vinh-dự hơn đường lối bạo-dộng nhiều. Cũng trong cuốn *La Loi des Révolutions*, André Joussain đã nhận-định về bạo-dộng và ôn-hòa như sau: « Đối với quần-chúng, hành-dộng dễ hơn tìm hiểu, phá-hoại dễ hơn xây dựng, bạo-dộng dễ hơn nhận xét chuyện thiệt hơn ». Do đó, phe cực đoan vốn chủ-trương đả phá, hủy diệt, bạo-dộng, rất thích ứng với tâm-trạng của quần-chúng, nên họ dễ dàng được sự hưởng ứng của quần chúng và có thể dùng quần-chúng để thực-hiện mọi mưu toan của họ. Trái lại, phe ôn hòa thường phải đảm nhiệm một trọng-trách khó-khăn hơn. Họ phải nhận-định xem trong chế độ hiện hữu có những gì đáng bảo-tồn, những gì cần sửa đổi và những gì đáng gạt đi. Họ phải quan tâm đến mọi lợi ích hiện hữu và thi hành những giải pháp ít thiệt-hại nhất

Công trình hòa-giải và canh-cải này đòi hỏi phải suy nghĩ chín chắn, phải có một hiểu biết rộng rãi về mọi sự việc, một cân nhắc phức-tạp và thận-trọng, đồng-thời phải có thời-gian ».

Chính-quyền dân-sự đang phải đương đầu với cái khó-khăn «ôn hòa» đó, mà muốn vượt thắng được cần có một điều-kiện tiên quyết là sự ổn-định. Để đi đến sự ổn-định, trước hết Quân-đội cần phải triệt để ủng-hộ Chính-phủ ngăn-chặn mọi âm mưu gây rối hầu duy trì an-ninh trật-tự. Nhưng đồng thời chính-phủ cũng phải xúc tiến gấp rút công-cuộc cách-mạng trong mọi ngành sinh-hoạt Quốc-gia, tránh mọi sai lầm của những chính-quyền trước, mạnh dạn sửa đổi những gì không còn hợp-thời cương-quyết gạt bỏ những gì ngăn-cản sự tiến-bộ, thực-hiện những biện-pháp nâng cao mức sinh-hoạt của nông-dân và công-nhân. Nghĩa là phải có ngay một chương-trình canh-cải thiết-thực và quyết-liệt. Chúng ta đang ở trong thời-kỳ cách-mạng, cần phải có những hành-động cách-mạng, không quá câu-nệ hình thức hay thủ-tục, miễn là luật-pháp được tôn-trọng.

Chính-phủ còn phải biểu-lộ đức thanh-liêm. Một vị nguyên-

thủ quốc-gia, một nhà lãnh-đạo chính-phủ phải thanh-liêm chưa đủ, mà phải phát huy đức độ thanh-liêm trong mọi cấp cán-bộ. Quá-khứ đã từng cho thấy biết bao chính-sách hay, chương-trình đẹp, mà vẫn không thu lượm được kết-quả. Chỉ vì nhiều cấp cán-bộ còn thiếu tinh-thần chí công vô tư, chỉ lo vét đầy túi tham, thâm lạm công quỹ, củng-cố địa-vị, mưu sự an-nhàn. Quân-chúng lại thiết-thực, không cần biết tới chính-sách hay chương-trình, mà chỉ căn cứ vào những sự việc trước mắt. Trường-hợp những ông tai to mặt lớn trong chính-phủ ý quyền thế làm những việc hà lạm, trường-hợp những cán-bộ có tội mà vẫn được che chở hay có khi còn được cất nhắc, là những bằng-chứng để nhân dân xét đoán chính quyền bằng chứng đó xảy ra thì không nên vì một lẽ gì dung thứ bọn tham-những. Họ chính là bọn phá hoại không thua kém gì kẻ thù, cần phải được thẳng tay trừng trị.

Ngoài ra vấn-đề đại đoàn-kết Dân-Tộc cũng là vấn-đề mà chính phủ phải đặc-biệt lưu-tâm, trong quá-khứ đã xảy ra những chuyện đáng tiếc đầy nguy hiềm : máu của những người tử vì đạo có lẫn đã chảy. Không vì một lẽ gì lại để máu chảy thêm, nếu không sẽ đưa đại

cuộc đến chỗ đổ vỡ hoàn toàn, Trong lịch-sử, những cuộc xung đột mang tính chất thánh chiến vẫn là những cuộc xung đột khó giải-quyết nhất. Chính vì thế không thể chính-phủ giải-quyết đơn phương được, cần phải có sự thông-cảm rộng rãi, sự nhân nhượng độ lượng của các nhà lãnh đạo tôn-giáo mới mong gặt hái được kết-quả tốt đẹp. Song song với công việc đoàn-kết tôn giáo, không thể quên chuyện đoàn-kết các đảng phái, các lực-lượng tranh-đấu quốc-gia. Trên lãnh-vực này tôi nghĩ cần phải có rất nhiều lòng hy-sinh và tinh thần sáng suốt. Hy-sinh về phía đảng phái. Sáng suốt về phía chính-phủ để đừng bao giờ coi đảng-phái đối lập chân chính như thù-nghịch. Tôi tưởng đó là những yếu-tố căn-bản để đi đến tình đoàn-kết thực-sự. Người ta còn nói đến chuyện chia rẽ Nam Bắc, nhưng tôi tin rằng đó là một âm mưu lạc hậu, một thủ đoạn ấu-trĩ mà không một người Việt-Nam nào có thể chấp-nhận, tuy nhiên cũng cần phải có những biện-pháp ngăn chặn tức thời để bảo-đảm tình Đại Đoàn Kết Quốc Gia.

Những công-việc trên có được những người hữu-trách thành tâm thực hiện, mới mong hoàn thành cuộc cách-mạng, xứng-dáng với

lòng trông đợi của toàn dân, và mới mong chiến-thắng được kẻ thù Cộng-sản, một kẻ thù cuồng nhiệt vì chủ-nghĩa, thành thạo kỹ-thuật đấu tranh và không từ bỏ một thủ đoạn thâm độc nào.

Riêng Quân-đội, dù không còn nắm giữ chính-quyền nhưng vẫn là một lực-lượng tiên-phong trong cuộc cách-mạng dân-tộc, nên cần phải chấn chỉnh ngay lại tổ-chức, thanh lọc hàng ngũ chỉ-huy, thực hiện những biện-pháp công-bằng trong việc tuyển-chuyển, thưởng phạt, và cải-cách tức thời lề lối làm việc để phù hợp với trào-lưu tiến bộ của cách-mạng. Quân-đội không phải là một nhóm Tướng-Lãnh mà là một khối 400 ngàn chiến sĩ. Quân-đội cũng không phải là một tổ-chức của một cá nhân hay bè phái, mà là một lực-lượng của quốc-gia để phục-vụ và bảo-vệ quốc-dân. Trong khối người anh dũng mang nặng một sứ mạng cao cả như thế, không thể dung dưỡng những cấp chỉ-huy thiếu ý-thức trách-nhiệm, thiếu khả-năng chỉ-huy, thiếu ý-chí chiến thắng, thiếu tinh-thần hy-sinh. Lưu giữ họ trong quân-ngũ chỉ làm suy nhược lòng hăng say chiến-đấu của quân-sĩ, khó tạo nên tình đoàn-kết, gây thêm trở ngại trên đường chiến-thắng. Đặt vấn-đề này, tôi

không hề có ý ám chỉ riêng một vài cá-nhân, cũng không nhằm giải quyết hiềm-khích hay tư-thù, vì hiềm khích hay tư thù nếu thực có thì trong giờ phút nguy biến này cũng phải gạt bỏ đi. Tôi chỉ đưa ra một thực trạng, cũng như nhìn thấy một căn nhà như bần thì đề nghị quét dọn. Còn vấn-đề rác-rưởi ở đâu, tôi tưởng không khó gì mà không nhận thấy. Những phần tử đáng bị thanh lọc cũng thế, với những hành vi lạc hậu, những hành động đi ngược trào lưu cách mạng trong một năm qua, với năng xuất làm việc không tương xứng với chức vụ trong hiện tại, những phần tử này đã tự tổ cáo con người thực của họ.

Thực-trạng đó nếu giải-quyết được, chắc-chắn sẽ mang lại một khích động tâm-lý đầy hứng khởi để tạo nên một quân-đội hùng-mạnh thực-sự, và trên 400 ngàn chiến-sĩ sẽ là 400 ngàn ý-chí chiến-đấu dũng mãnh.

Với một quân-đội hùng mạnh và một chính-phủ dân-sự cách-mạng tiến-bộ, chắc chắn chúng ta sẽ lãnh ngay lại được quyền chủ động trong cuộc chiến-tranh này và vấn đề thanh-toán nạn Cộng-sản chỉ còn là vấn đề thời gian.

Thưa quý Vị, trong khung cảnh cuộc chiến-tranh toàn diện hiện nay, cuộc cách-mạng ôn hòa của chúng ta chắc-chắn không khỏi gặp nhiều trở ngại. Sự thành bại của nó sẽ tùy thuộc nhiều yếu-tố, nhiều điều-kiện. Tuy nhiên nếu tất cả mọi người đều nhiệt-thành phục-vụ, nếu có sự thành tâm của những người lãnh-đạo Quốc-gia biết thẳng-thắn nhìn vào những thất-bại của các chính quyền trước để rút ưu khuyết điểm tránh mọi sai lầm, đồng thời biết đón nhận ý-kiến của những người thiện chí, dù là đối-lập, nếu có sự hiểu biết của các đoàn-thể các đảng-phái, có sự hợp tác của nhân-dân và nỗ-lực của Quân-đội, không vì lý-do gì cuộc cách-mạng không thành-công.

Ngược lại, nếu giải pháp dân-sự hiện nay cũng không giải-quyết nổi tình thế, tôi e rằng chúng ta sẽ lại đi vào chung cuộc tương-tự như những cuộc cách-mạng Pháp, Đức và Nga, nghĩa là bước qua chế-độ độc-tài quân-phiệt, vì dù sao chúng ta vẫn cần chiến thắng Công-sản. Đó thật là một chung cuộc không ai mong muốn, nhất là Quân-đội, vì chung cuộc đó phản-bội lại mục tiêu của cuộc cách-mạng 1-11, một cuộc Cách-mạng mà Quân-đội đã lãnh vai tiên-phong.

Thưa quý Vị, muốn vượt qua những khó-khăn hiềm nghèo của đất nước hiện nay, bên cạnh những chánh-sách, đường lối, kế-hoạch, chiến-lược, chiến-thuật, tôi nghĩ trước hết phải có một tinh-thần phục-vụ thành khẩn và đúng mức. Mà nói đến phục vụ thì đừng sợ sự thật, đừng lừng chừng tìm lấy cái lợi yên thân. Nói lên sự thật không nhằm đề tăng bốc, hay hạ bệ uy-thể một ai, mà chính là để đừng đi lại lần thứ hai trên những vết chân sai lầm trước. Và chẳng bây giờ cũng chưa phải là lúc định công luận tội. Bây giờ là lúc làm thế nào để đi đến chiến thắng. Tôi tin rằng đó cũng là nhận định của quý vị, những người hăng tha-thiết với ý chí phục vụ.

Sau hết cần phải nói thêm rằng cuộc Cách-mạng tại Việt-nam hiện nay nhằm một mục-đích tối hậu là giải-quyết một cuộc chiến-tranh đã tiếp diễn từ nhiều năm, một cuộc chiến-tranh vô cùng phức tạp, đầy gian nguy vì đây là cuộc chiến-tranh giữa hai ý-thức-hệ. Sự thành bại của nó không phải chỉ riêng là vinh-quang hay là tủi nhục của một dân-tộc mà liên-hệ tới cả nhân-loại. Trong quá-khứ.

lý-tưởng tự-do đã từng bị chà đạp, thành trì thế-giới tự-do đã từng bị xâm phạm lấn át, tình trạng đó không thể chấp-nhận cho tái diễn vì như thế có nghĩa là tự hủy diệt.



Tôi tin rằng mọi người yêu chuộng tự do ngày hôm nay đều đã nhận chân được hiềm họa kinh-khủng mà nhân-loại sẽ phải chịu đựng nếu chúng ta thất bại trước Cộng-sản. Vì vậy nhiều sự trợ giúp thiết thực đã được các Quốc-gia bạn dành cho dân-tộc Việt-Nam. Chúng ta phải ghi nhận với lòng biết ơn và với sự cảm phục trước mọi sự trợ giúp, vì nó là một yếu-tố quyết-định cho sự thành-công của chúng ta, vì nó còn tiêu-biểu cho một tinh-thần phục-vụ cao cả và hào-hiệp để gìn giữ nền văn-minh của nhân loại.

Tôi xin cảm ơn ông Chủ-Tịch và toàn thể Quý Vị.



bâng khuâng

★ - PHƯƠNG-DUYÊN

Sáng hôm nay tôi bỗng thấy tôi buồn;
Hồn rưng rức và sầu thương xáo trộn.
Sao bây giờ mùa hè đầy sắc phượng,
Ôi ! mùa thu mùa băng tuyết say mê.

Hay hôm nay mưa đầu mùa nặng nề
Cho lá hoa rơi tả tơi trong vườn,
Cho ngàn cây quằn quại gió thê lương,
Cho tôi cũng là hồn theo đám đuối ? !

Hay phải chăng vì đất trời thay đổi;
Nắng ban mai và tối lúc đêm về,
Mùa Xuân tàn, hè đến, thu trôi đi,
Đề sầu thảm mùa đông về chiếm ngự ? !

Hay vì bởi nắng vàng lên ấp ủ,
Những lạnh lùng sau đêm tối mưa đông ?
Cho lá hoa chót một lần ủ rũ,
Bỗng bừng lên bờ ngõ với hừng đông.

Hay không phải trời lòng tôi khó hiểu,
Thương nhớ mơ hồ tha thiết xa xôi !..



● TRUYỆN NGẮN

★ TƯỜNG - LINH

HUYỄN bước từng bước thật chậm trên con đường bên bờ sông Hàn. Chiều ba mươi tết, Bầu trời mờ mờ như màu trời sắp mưa hay vừa dứt mưa. Những chiếc ghe đậu tại bến Mía bình thản trong khung cảnh ngời ngời. Huyền đi chậm hơn nữa. Nàng tò mò nhìn xuống những chiếc ghe và nhận ra ghe nào cũng đang cúng, khói hương gầy guộc vươn lên khỏi mũi ghe một quầng ngẩn rồi tan loãng trong gió chiều. Trên mặt sông Hàn đầy sóng nhỏ, ghe thuyền đi lại ít hơn mọi ngày. Gần bờ bên kia, một chiếc ghe máy loại thể thao — có lẽ chủ nhân

là một người ngoại quốc — đang vượt sóng. Huyền thấy môn thể thao ấy có vẻ lạ lẫm quá, vì nếu chủ nhân là một người Việt nhất định giờ này họ đang ở nhà với gia đình để làm những việc phải có của một chiều tất niên.

Huyền xét người rồi lại sức nhớ đến mình. Nàng lẩm bẩm:

— Thi ra mình có khác gì người ngoại quốc nào đó đang vượt ghe trên sông vào buổi chiều thiêng liêng của mọi người Việt-Nam này ? Mình đâu biết tết là gì ? Mình đâu có tết, có xuân ?

Huyền bỏ rơi xóm ghe của bến Mía và tiếp tục bước. Tà

áo dài màu tím nhạt của nàng phe phẩy bởi bàn tay vô hình của gió. Nàng thấy lạnh và muốn quay về nhà, đóng cửa lại, ngồi bên bếp lửa nấu cơm cúng với mẹ nhưng sự buồn chán đã khiến nàng bỏ ngay ý định ấy.

★

Huyền đang mang trong lòng một nỗi buồn lớn. Nỗi buồn lớn của nàng phát nguyên từ thiên tai khủng khiếp của Miền Trung đã xảy ra trước tết hơn hai tháng. Chính mắt Huyền đã nhìn thấy những mái nhà bấp bênh người, vô số bàn, ghế, tủ, giường, trâu bò và các loại gia súc khác trôi trên sông Hàn nước đục ngầu, sóng cuộn cuộn. Những chiếc trực thăng, những chiếc xuống máy của quân đội nỗ lực cấp cứu nhưng vẫn không xuể. Đồng bào trôi ngoài sông vẫy tay kêu cứu tuyệt vọng. Đồng bào đứng trên bờ sông nhìn theo khóc tức tưởi vì sự bất lực của mình. Nước vẫn dâng cao. Sóng vẫn cuộn cuộn Người vẫn trôi. Nhà vẫn trôi...

Đứng trên bờ sông, Huyền ôm mặt khóc như mưa như gió. Nàng biết rằng một nguy cơ vô cùng khủng khiếp, một

ác tai không tiền khoáng hậu đang xảy ra tại các miền trên. Tại các miền ấy, hàng ngàn người đã chết và đang chết, bao nhiêu làng mạc, thôn ấp, ruộng đồng, chợ búa... đang ngập dưới vùng nước bạc mênh mông. Hồi trưa, Huyền đã nghe được tiếng kêu cứu của đài phát thanh Quảng Ngãi. Nàng cô nghe thêm nhưng người xướng ngôn của đài Quảng Ngãi không nói nữa. Sự im lặng xa xôi ấy đột ngột như một cành cây khô bị gãy hay như người đang nói bị bấn gục tức khắc. Huyền hiểu ngay là tại Quảng Ngãi cũng bị lụt lớn. Có thể đài phát thanh của tỉnh ấy bị nước làm hư hại máy móc hay bị nước ngập mất một cách mau chóng.

Huyền vội vã khoác áo mưa chạy ra đường. Mưa to, gió lớn. Nàng kinh ngạc trở mắt nhìn những địa điểm trong thành phố chưa bao giờ nước lên tới, bây giờ đều bị ngập cả. Và Huyền ra bờ sông để rồi tại đó, nàng phải chứng kiến biết bao cảnh tượng thương tâm.

Thuật, người yêu của Huyền, là một giáo sư trẻ nhất của trường trung học X. tại

Đà Nẵng. Anh về thăm quê từ hôm đầu tháng Mười Một nhân lễ kỷ niệm Cách Mạng. Quê của Thuật là một làng đẹp và trù phú ở bên kia mỏ than Nông Sơn. Trận lụt quá hãi hùng này xảy ra giữa những ngày các trường học còn nghỉ lễ. Cũng như một số giáo sư và nhiều học sinh quê quán ở các làng miền trên, Thuật bị kẹt tại quê nhà. Ác nghiệt thay càng đi lên các miền trên, sự thiệt hại về nhân mạng và tài sản do trận lụt gây ra càng

nặng nề, khủng khiếp.

Lòng Huyền như có hàng chục mũi kim châm, như có một ngọn lửa đang hừng hực cháy. Nàng không ăn, không ngủ, hết ra bờ sông đứng ngóng lại theo các bạn làm công việc cứu trợ nạn nhân. Sự đau xót cùng với gương mặt hốc hác, thân hình tiều tụy của Huyền trong mấy ngày trận lụt xảy ra khiến người ta có cảm tưởng như chính nàng là một nạn nhân.

Ngoài nỗi đau lòng của một thiếu nữ có học, có ý thức trước cảnh tang tóc bị thảm quá lớn của đồng bào, Huyền còn một sự lo âu, một niềm đau xót của riêng nàng. Nàng không biết số phận của người



yêu trên miền cao mờ khuất trong mưa ấy ra sao? Liệu Thuật có thoát nổi sự tàn bạo của làn nước bạc mệnh mỏng này không? Liệu gia đình Thuật có may mắn thoát chết không?

Đôi khi nhìn những người còn sống hay những xác chết trôi trên sông Hàn, Huyền tự hỏi: chẳng biết những kẻ xấu số kia có Thuật không, có người trong gia đình Thuật hay không?

Huyền tự hỏi như thế để rồi khóc. Mọi người thấy nàng khóc nhưng chẳng ai ngạc nhiên vì mây ai chứng kiến bao cảnh thương tâm trước mắt mà bình thân được? Với thảm trạng chung và niềm đau riêng, những giọt nước mắt chân thành của Huyền rất có lý. Nàng đã khóc đúng chỗ, đúng lúc. Và, dù là một thiếu nữ, ngoài trường hợp này, không còn một cảnh nào, một nguyên nhân nào có thể khiến Huyền khóc được nữa. Huyền đang đứng trước niềm đau lớn nhất của cuộc đời, không còn niềm đau nào hơn được.

Một buổi tối, sau khi đã nấu cơm vắt thành từng vắt tiếp tế cho những đồng bào

vừa được cứu cấp, Huyền mệt lả. Quãng đường từ nơi đồng bào nạn nhân tạm trú về đến nhà Huyền, nếu đi bộ chỉ mười phút, nhưng nàng phải gọi xích-lô đạp. Huyền ít khi đi xích-lô. Hơn nữa, trong lúc này, tiết kiệm được đồng nào hay đồng ấy để giúp đồng bào trong cơn đói rách. Nhưng sự mệt mỏi đã khiến Huyền phải bỏ ra hai mươi đồng đi xích-lô, một khoản chi phí mà nàng xem như sự xa xỉ trong lúc này.

Về đến nhà, vừa thay xong bộ y phục dầm nước mưa, Huyền vội vã lên giường nằm. Nàng bỏ bữa cơm tối. Mẹ nàng xoa dầu lên trán con và luôn miệng xuýt xoa, lo lắng:

— Thương đồng bào thì ai chẳng thương, nhưng con nên làm vừa sức con thôi. Con là con gái yếu đuối, xông pha mưa lạnh nhiều tránh sao được đau ốm!

Huyền nói cho mẹ yên tâm: — Không hề gì đâu mẹ. Con chỉ bị lạnh thôi. Nằm một lát âm sẽ khỏi ngay.

Mẹ Huyền kéo chăn đắp lên người nàng rồi bước ra nhà ngoài. Nàng nhờ mẹ mở radio cho nàng nghe. Đài phát thanh

Sài Gòn chính thức loan báo tin nạn lụt ghê gớm đang tàn phá mười tỉnh Miền Trung mà nặng nhất là hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Huyền thở dài. Nàng không thể nghe gì thêm sau đó.

Bên ngoài, trời đêm vẫn mưa lớn. Gió bắc thổi vũ vũ. Cánh cửa sổ của phòng Huyền bị gió lay mạnh. Gió chui qua các khe cửa hở tạo thành những tiếng rít kéo dài, ghê rợn.

Huyền nằm ngửa mặt nhìn lên trần mùng, lòng không ngớt lo âu. Nước lụt còn lên cao nữa thôi? Nước đang lớn hay bắt đầu rút? Những miền trên ra sao? Gia đình Thuật có may mắn qua khỏi tai nạn ghê gớm này không?...

Huyền lại khóc. Nàng thấy mình vốn đã yếu đuối, giữa lúc này lại càng bé bỏng hơn, vô nghĩa hơn. Nàng không làm gì được cả, mặc dù sự thực nàng đã làm bất cứ việc gì cho công việc cứu cấp. Nàng không cứu được ai cả, mặc dù những nạn nhân liên tiếp trôi trước mặt nàng, kêu réo nàng, vẫy tay cầu cứu nàng. Huyền nghĩ thế và luôn bị bối rối với chính mình. Nàng

biết đâu những người trong thành phố này có một chút ý thức cũng đều nghĩ như nàng. Họ cảm thấy mình không thể làm tròn cái nghĩa đồng bào trong lúc cần thiết nhất. Dĩ nhiên, trong số người đông đảo cùng chung mặc cảm như Huyền, không thể nào kể mấy tên gian thương tại đây đã làm khó dễ trong việc bán gạo cho đồng bào nạn nhân. Chúng đã tự ý tăng giá gạo từ 840 đồng một bao đến 900 đồng, 1000 đồng rồi... 1.200 đồng! Huyền không thể nào quên được những kẻ đã mất hẳn nhân tính ấy đang ngự trị phe phẩy giữa cái thành phố còn lại của xứ sở đau khổ này! Nhưng, dù căm phẫn đến cực độ, Huyền cũng không thể làm gì chúng được. Thì ra, trước cái chết, cái đói của đồng bào — vì bão lụt hay vì bọn gian thương — Huyền luôn luôn nhận phần bất lực!

Huyền lại thở dài. Buồn hận và ngao ngán!

Đồng hồ treo tường thông thả điểm mười một tiếng. Huyền không có một ý niệm

gì về thời gian mà chỉ than thở :

— Giờ này, ngoài sông còn bao người đang trôi ! Đã ba ngày đêm rồi, nước còn dâng. Đã có bao ngàn xác người bập bềnh trên giòng nước bạc mệnh mong !

Huyền lại nghĩ đến Thuật. Mới chiều hôm nào, Thuật và nàng ngồi trò chuyện trên băng đá bên bờ sông Hàn. Chiều hôm ấy nắng vàng hanh. Hai người bàn về lễ cưới vào năm tới. Những viễn ảnh của một tiểu gia đình ấm cúng được hai người nêu ra đề cùng âu yếm nhìn nhau sung sướng. Họ cùng vẽ ra một tương lai và đang nắm chắc tương lai với niềm tin mãnh liệt của tình yêu. Thuật hẹn tết sẽ dẫn nàng đi chơi chùa Non Nước và Cửa Đại. Nghĩ đến đây, Huyền ôm mặt khóc rưng rức :

— Nếu chẳng may... xác Thuật sẽ trôi về cửa Hàn hay cửa Đại đây !

Huyền theo toán cứu trợ đầu tiên dùng ca nô lên tận làng của Thuật. Không còn gì nữa cả ! Trước mắt Huyền, quê của Thuật bây giờ là một vùng rách nát, một bãi tha ma

rộng lớn với vô số xác người, xác súc vật bị bùn và đá núi giữ lại trên những cánh đồng. Những con đường chính bị bùn lấp mất. Nhiều con đường mới do nước mở ra đã khiến Huyền không biết lối nào mà đi. Mặc dù nàng đã đến nơi đây nhiều lần rồi, đã quen thuộc lắm rồi nhưng lúc này nàng không thể nhận ra xóm của Thuật nữa. Chỗ nào cũng giống như nhau với hình ảnh hoang tàn, bi thảm. Những khu vườn xanh tốt trước kia đã trở thành bình địa. Từ đầu đến cuối làng, hàng vạn cây cau ngã rạp một phía theo chiều cuốn. Suốt một vùng đất đai rộng mệnh mong, lâu lâu mới thấy vài bóng người thất thểu lội trên mặt bùn. Không còn một nóc nhà. Thỉnh thoảng mới thấy một mái lều dựng tạm mong manh dưới làn mưa bắc...

Huyền không thể khóc được nữa. Sự khùng khiếp và thương cảm đã đến mức độ mà những giọt nước mắt thông thường, những lời than thở thông thường đã trở thành vô nghĩa !

Sau khi đã phát gạo, bánh mì, quần áo cho hơn trăm

đồng bào nạn nhân tập trung tại cồn đất cao giữa làng, Huyền tìm cách đến nhà Thuật. Bao lần Huyền muốn hỏi người nào đó về Thuật và gia đình anh nhưng cứ ấp úng mãi. Nàng sợ phải nghe một tin đau đớn. Nhất định thế. Bởi vì nếu Thuật còn sống tại sao anh vắng mặt nơi đây ?

Cuối cùng, khi chiếc trực thăng sắp sửa đưa toán cứu trợ trở về Đà-Nẵng, Huyền vội vã thu hết can đảm hỏi một thanh niên trong làng về số phận của Thuật. Anh ta mở to đôi mắt nhìn Huyền rồi nói :

— Thấy Thuật à ? Đâu còn nữa cô ! Thấy ấy và cả nhà đều...

Huyền đưa một bàn tay lên dè ngực. Nàng không còn nghe gì nữa. Điều lo âu của Huyền từ hôm trận lụt xảy ra đến nay đã là một sự thật ; một sự thật hết sức phũ phàng khiến nàng suýt ngất xỉu !

Qua cơn xúc động mãnh liệt, Huyền cố nén đau thương hỏi anh thanh niên :

— Làng cũng còn nhiều người sống sao anh ấy không thoát được vậy anh ?

Anh thanh niên thờ dãi

nhìn ra giòng sông nước còn đục ngầu cuộn cuộn dưới chân cồn đất rồi kể cho Huyền nghe về cái chết của gia đình anh :

— Đáng lẽ thấy Thuật không chết cô ạ ! Nửa đêm, khi nước ngập đến mái nhà, gia đình thấy ấy cũng như bao gia đình khác trong xóm đều tuyệt vọng. Thấy bão mọi người cô bám lấy nhà dơi, thấy liều chết bơi vào ven núi, may ra có tìm được phương tiện cấp cứu chẳng ? Nhà tôi ở trong vườn của thầy Thuật và cùng chung cảnh hấp hối như mọi người. Thấy bão tôi cùng bơi vào núi với thầy. Chúng tôi cố sức bơi, cố sức chống chọi với giòng nước cuộn và cái lạnh muốn tê liệt cả chân tay. Khó khăn lắm và mệt mỏi đến đứt hơi, hơn hai mươi phút sau, chúng tôi vào được chân núi. Ở đó có một chiếc ghe xuống nhưng người chủ ghe thấy đêm tối mệt mỏi và nước chảy dữ quá nên không dám chèo ra xóm Tôi vào đến bờ — nghĩa là đến chân núi — thì bị đuối sức nằm bất động trên mặt đất. Thấy Thuật bảo người chủ chiếc ghe chèo ra xóm với thầy. Ông ta không

đám đi. Thầy Thuật chèo một mình. Chiếc xuồng nhỏ chỉ có thể chở năm người một chuyến thôi. Tôi đoán là thầy Thuật lo cứu gia đình thầy trước. Ai cũng làm như vậy cả, phải không cô? Một lúc sau, cơn gió lớn như bão nổi lên, sóng đánh âm ầm. Tôi nghe rõ tiếng thầy Thuật và tiếng quen thuộc của những người trong gia đình thầy kêu cứu giữa biển nước đen ngòm. Ai mà cứu được! Gió mỗi lúc một dữ hơn. Mấy phút sau, tôi không còn nghe tiếng kêu cứu nữa. Cả xóm đông đúc của tôi cũng im lìm, chỉ còn lại tiếng sóng vỗ dữ dội, tiếng gió gào thét. Tất cả đều bị giòng nước ác nghiệt cuốn đi không còn sót lại một người!

Anh ngừng một lát rồi kết luận về cái chết của Thuật:

— Nếu thấy Thuật không trở ra cứu gia đình thầy và mọi người thì xóm cũng còn được thầy và tôi thoát chết.

Huyền hỏi một câu mà nàng biết là thừa:

— Có tìm được xác ai không?

— Không cô ạ! Hơn ngàn người của làng này xác trôi đâu mất hết. Ở đây còn vô

số xác người nhưng toàn là đồng bào miền trên, không thấy một ai quen.

Huyền không hỏi gì nữa vì nếu mở miệng là nàng sẽ khóc ngay. Anh thanh niên chỉ tay về phía xa nói với Huyền:

— Đó cô thầy không? Ở chỗ có cây gạo cao trụi cả là xóm của thầy Thuật và tôi đây. Bây giờ đồ ai nhìn cho ra! Ở đó không còn một cái gì cả.

Anh ta nhìn quanh làng một vòng rồi nhìn những người trong làng còn sống sót đang quây quần tại đây rồi tiếp:

— Chẳng biết rồi chúng tôi lấy gì để ăn, làm gì để sống đây! Có nên bỏ làng mà đi không? Nếu đi thì đi về đâu?

Đôi mắt anh đỏ hoe, hàm răng trên cắn chặt vành môi dưới. Trông anh già hẳn đi và vóc dáng tiêu tụy như một tử tù vừa trốn khỏi khám đường. Anh cúi mặt xuống đất, giọng nức nùng:

— Hôm sau lụt, ông đại diện xã giờ sở bộ danh sách nhân dân xã ra, cầm bút gạch chéo để xóa từng trang, từng trang. Bao nhiêu liên gia bị khai tử hàng loạt đây! Ông

gạch chừng nào là khóc to chừng này...

Huyền thét lên:

— Thôi thôi, xin anh đừng nói nữa!

Rồi quên cả lời cảm ơn và từ giã anh thanh niên, Huyền quay mặt bước mau lại chỗ phi cơ trực thăng nổ máy, cánh quạt quay nhanh. Khuôn mặt Huyền ràn rụa nước mắt.

Phi cơ cất cánh. Những làng mạc bị tàn phá và giòng sông-ác tại hiện rõ dưới kia. Tiêu điều và bi thảm. Huyền gục mặt vào hai bàn tay. Mọi người không ai nói với ai một lời. Họ không đủ khả năng để than thở hay phê phán nữa. Họ lặng yên trong một trạng thái vô cùng ghê sợ và đau xót.

Huyền tự hỏi mình không biết bao nhiêu lần câu hỏi:

— Khi chảy về đồng nội, con sông Thu-Bồn chia làm hai nhánh, xác của Thuật đã « về » cửa Đại hay cửa Hàn đây?

Huyền đã đi khá xa. Nàng sắp ra ngoại ô thành phố. Những ngọn đèn đường vàng vọt không đủ sức tỏa ánh sáng cần thiết giữa một đêm trừ tịch tối tăm, lạnh lẽo. Huyền bỏ xa dần ánh sáng yếu ớt của

ngọn đèn cuối cùng. Nàng chìm mình trong bóng đêm dày đặc. Vô số hạt mưa lạnh buốt quất vào mặt, vào cổ Huyền. Thỉnh thoảng, trên nền trời đêm, một chiếc máy bay quân sự bay ngang. Huyền lơ đãng nhìn theo chầm sáng di động của máy bay mà không có một ý nghĩ gì. Gió bắc lạnh đuổi theo nàng, vây lấy nàng.

Huyền vẫn lặng lẽ bước đi mà không cần biết là mình đi đâu, sẽ dừng lại nơi nào và bao giờ thì trở về thành phố?

Huyền muốn trốn xa cái không khí « tết » đã bắt đầu từ buổi chiều tất niên và đêm trừ tịch. Huyền không có tết. Mùa xuân đến chỉ là một sự mỉa mai cho những miền xâu sọ, cho những người còn sống và đang nghĩ về những miền đất ấy.

— Thuật đã « về » nơi đâu? Cửa Hàn hay cửa Đại? Con sông Thu Bồn chia làm hai nhánh...

Huyền hỏi như thê hàng chục, hàng trăm lần nhưng không tìm được câu trả lời, không ai trả lời cho nàng cả.

Huyền biết rằng giờ này tại thành phố sau lưng nàng, người người đang quây quần

trong gia đình để sửa soạn đón giao thừa, mẹ nàng vẫn để mâm cơm cúng từ ban chiều đợi nàng. Chắc bà lo lắm, nhưng bà không đi tìm vì hai tháng nay Huyền thường bỏ nhà đi lang thang như thế. Nàng đi hay về đều bất thường. Mẹ nàng không dám hỏi vì hệ động tới vấn đề là Huyền ôm mặt khóc, bỏ ăn, bỏ uồng.

Huyền đã đi xa quá rồi. Đêm ngoại ô buồn tênh và lạnh. Lâu lâu nàng mới nhìn thấy vài nếp nhà chìm mình dưới màn mưa bắc, leo lét ánh đèn.

Huyền nghe rõ tiếng sóng biển từ cửa Hàn xa vọng. Tiếng sóng khi nhỏ, khi to. Có lúc tiếng ì ầm của sóng kéo thành một tràng dài không dứt, có lúc lại nín bật. Nàng biết âm thanh đứt nối ấy là do ảnh hưởng của gió.



● CHUYỆN LẠ THẾ GIỚI

Người ta tưởng thác Niagara là lớn nhất trên hoàn cầu. Nhưng thật sự người ta lầm thác nước lớn nhất là thác Sharvati ở Ấn độ. Thác này bề ngang tới 700 thước, 4 thác lớn 300 thước bề cao, chảy dột xuống.

Thế là thác nước này lớn hơn 5 lần thác Niagara.

Huyền định quay về vì chẳng nào cũng không thể bỏ nhà đi thật thêu mãi ngoài trời mưa gió của đêm trừ tịch. Cùng lúc với ý nghĩ ấy của Huyền, tiếng sóng biển lại vang lên, rõ ràng hơn, quyền rũ hơn. Tiếng sóng ngoài khơi cửa Hàn gọi nhắc nàng câu hỏi đã hằn sâu vào tâm thức:

— Thuật đã về đâu? Cửa Hàn hay cửa Đại?

Nàng đang đi về phía cửa Hàn. Nàng đang bước gần đến một trong hai nơi mà xác Thuật phải « về » đó.

Huyền lại tiếp tục bước đi. Trước mặt nàng là vòm trời đen ngòm. Vẩn gió. Vẩn mưa..

— Thuật về đâu... về đâu..

Như trả lời nàng, tiếng sóng biển ì ầm gần hơn, rõ hơn..



buồn muôn thuở

Kính tặng oan-hồn chị Ngọc-Oanh
Mất tại Nha-Thành, giữa đêm trừ-tịch...



Trời cao biển rộng mệnh-mông
Tình em yêu chị như lòng đại-dương.
Chị ơi em quá xót-thương,
Một đôi chim nhận từ phương Bắc vào.
Chơi vơi biển cả trời cao.
Có đôi chim nhận lao-đao về ngàn.
Nhưng than ôi! chốn rừng hoang,
Cánh chim lâm-nạn giữa đàng còn đâu?

Chim lia vì quá âu-sầu
Kêu than thảm-thiết giữa bầu không gian...
Gió rừng hòa lẫn tiếng than,
Tạo thành khúc-nhạc ly-tan nào-nùng...
Tiền đưa hồn nhận về cung,
Thế rồi chim ấy âm-thầm bay đi...
Thảm thương thay, một chuyến đi
Đề rồi vĩnh-biệt ra đi không về.
Chao ôi! đau khổ tái-tê!
Đôi chim Oanh-Liên bay về phương nào?
Chị ơi hồn chị nơi nào?
Có buồn cho kẻ khóc bao đêm trư-ờng?
Chị Oanh ơi có xót thương?
Một tâm-hồn trẻ đã vương vương sầu.
Đời em như cánh bướm nâu
Lênh-dênh trên mặt biển sầu bao la...
Đêm nay dưới ánh trăng tà
Có người em nhỏ mưa sa cõi lòng?
Buồn thương chị số long-đong
Đã nằm an-nghỉ bên giường s ng xanh.
Bao nhiêu mộng-đẹp tan-tành
Chưa vu: xum-hạp, sao đành ly-tan?...

NGỌC-HỒ

(Trường Nguyễn-Công-Trứ, Ban-mê-Thuật)

F R E U D

● Sự cao siêu hóa (La sublimation)

(tiếp theo P.T. 139)

Freud không có nghiên cứu riêng về sự cao siêu hóa, nhưng ông có nhiều lần nhận xét rải rác ở trong những tác phẩm của ông. Một đoạn ở tập «Introduction à la psychanalyse», ông giảng rằng: «Đây là sự chuyển hướng của một vài sức mạnh của thiên tính, không đi về lỗi nhục dục mà theo về lỗi xã hội cao thượng, không hề gợn một chút tình dục nào».

» «Cái khuynh ý dục tính, khi từ chối những thú vui vật chất, hoặc những hành động đưa đến sự sinh thực, đã thay thế vào một mục đích khác, cũng đưa đến những sự liên

lạc giữa chủng loại, nhưng ngừng tính chất tình dục và trở nên xã hội. Chúng ta gọi đó là sự cao siêu hóa. Quen thuộc với những ý nghĩ ấy, chúng ta đã cho nó một giá trị lớn ở mục đích xã hội hơn mục đích dục tính mà bên trong che đậy lòng ích kỷ».

Những then chốt nội tâm của sự cao siêu hóa là gì chúng ta không biết được. Chúng ta chỉ có thể đưa ra một giả thuyết rằng: tình dục ở thuở ấu thời vẫn thường vô dụng, cái công việc sinh sản chưa đặt thành vấn đề nhưng trong thời kỳ ngậm ngậm ấy, những sự kích thích về dục tính

đều tạo nên những sức phản ứng rất mãnh liệt.

Tuy nhiên con người bình thường vẫn không để cho cái libido của mình chịu thêm, không được chút thỏa mãn nào. Họ chỉ có thể nhận thỏa mãn được một phần mà thôi, thế là con người đang đi đến chỗ thấy cái thiên tính dục tính của mình chống cự lại với sự dồn ép (refoulement) vì cái thiên tính dục tính thường khó ai điều khiển cho được.

Ở người đàn bà, đặc biệt nhất là họ ít chịu cao siêu hóa cái thiên tính của họ. Nhưng dẫu sao mỗi người đều có một lối cao siêu hóa khác nhau.

Sự cao siêu hóa là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến sự văn minh. Chúng ta tin

rằng văn hóa đã được xây đắp lên do những nhu cầu mật thiết đòi hỏi sự thỏa mãn thiên tính và nó vẫn phải tiếp tục tái diễn lại câu tạo lại cũng giống hệt như thế. Mỗi một nhân vật mới, lúc vừa bước chân vào xã hội loài người đã cho diễn lại những sự hy sinh của thiên tính họ.

Những sự cảm xúc thuộc tính dục ấy đã tạo lên một thế đứng mà chúng ta không thể bỏ qua vì nó ở trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và cuộc sống xã hội.»

Dục tính thác loạn của trẻ con, gặp những sức phản ứng lại đã «tạo nên những sự cao đẹp ở trong cuộc sống của chúng ta. Quan sát cuộc sống

hàng ngày chúng ta thấy rất nhiều người đã thành công trong sự chuyển hướng cái sức mạnh của thiên tính dục tính vào lĩnh vực hoạt động chuyên môn của mình ».

« Người ta yêu công việc, cái động từ ấy cũng là một với cái tình yêu ở giữa hai nhân vật » Bà công chúa Marie Bonaparte đã nói câu đó trong một buổi diễn thuyết về Freud. Và bà thêm rằng, « Chúng ta hãy lấy một thí dụ: « Nhà giải phẫu đã vì sự lợi ích của nhân loại mà cao siêu hóa cái ý nghĩ bạo dâm của mình ».



Cái khuynh ý dục tính khi được cao siêu hóa, có thể dẫn đến một thứ tình yêu nhân loại và vũ trụ rộng lớn. Có nhiều kẻ đã bắt tình yêu phải chịu những sự thêm bớt khá lớn lao, họ đã tách rời hẳn sự sung sướng trong tình yêu theo phương pháp thuyết chuyên các thứ giá trị, nghĩa là đưa sự nồng nhiệt của tình yêu mà đáng lẽ chỉ dành riêng cho một người. Họ dùng sự lo lắng vì mất người yêu để mang đi lo lắng sợ mất một số nhân loại. Họ

tránh những sự phức tạp trong tình yêu, trong sự thất vọng nên họ đã chuyển hướng hẳn cái mục đích dục tính và thay đổi những sự thúc đẩy cái thiên tính thành một mục đích chế ngự tự cảm đoán. Cuộc sống nội tâm họ tự đào tạo bằng những hành vi nhũn nhặn quân bình, không dễ bị ảnh hưởng với ngoại giới, chẳng có gì giống với cuộc sống bên ngoài. Mặc dầu nó cũng có những sự quay cuồng bão tố chẳng khác gì cuộc sống yêu đương dục tính. Thánh Françoise d'Assise có thể là một kẻ đã đi rất xa trên con đường ấy. Con đường đưa đến sự hữu ích hoàn toàn mà cốt yếu là để thỏa mãn cái hạnh phúc của nội tâm.

Freud đã nghiên cứu một vài chi tiết cái lối Cao siêu hóa nào đưa đến những kỳ quan tinh thần và những tác phẩm nghệ thuật.

Sự tò mò của đứa trẻ, trước hết là chỉ chú ý vào bộ phận sinh dục, dần dần nó mới nhìn ra đến cả thân thể và có khi lan rộng đến sự quan sát cả vũ trụ.

Thí dụ như nhà danh họa Léonard de Vinci khi đã dồn

ép cái dục tính mà chúng ta đã nhìn thấy dấu vết của sự dồn ép đó. Nhà họa sĩ còn cố tránh những đề tài nào thiên về dục tính. Chỉ còn lại một phần nhỏ libido hướng về dục tính mà thôi, Freud bảo rằng: « Sự dồn ép cái tình yêu của Léonard đối với mẹ đã biến thành chứng đồng tính giao phối, và lộ liễu bằng những mối tình cao thượng đối với các chú bé trai. »

Bị thúc đẩy bởi sự tò mò muốn nhìn ra khắp vũ trụ Léonard là người thứ nhất đã sưu tầm về vũ trụ ở tân kỷ nguyên. Ông đã vứt bỏ tất cả những uy quyền của các nhà sưu tầm thời cổ. Ông chỉ tìm sự thật ở trong thiên nhiên, đây là cách cao siêu hóa vượt bậc nhất mà nhân loại đã đạt đến. Thái độ này ông đã có từ ngày còn nhỏ.

Hướng những vấn đề khoa học trừu tượng, đến kinh nghiệm cá nhân cụ thể. Cổ nhân và uy quyền phù hợp với người cha và thiên nhiên là mẹ, người mẹ đã nuôi dưỡng ông. Những đứa trẻ khác phần đông đều cần phải có uy lực gì để nâng đỡ, lắm khi gần như là một sự dọa dẫm và cuộc sống như mất cả thăng bằng vì đứa bé quá bị ức hiếp. Chỉ

minh Léonard là không cần đến sự nâng đỡ đó. Nếu ngày bé mà ông không tập được cái lối sống không có cha ấy thì chưa chắc ông đã là một kẻ lừng danh về sau. Sự táo bạo và độc lập trong công việc sưu tầm về khoa học của ông đã được vạch ra ngay bé trong sự tìm tòi để hiểu biết về dục tính mà không có người cha làm chướng ngại vật. Công việc sưu tầm ấy vẫn tiếp tục cho đến lớn tách rời hẳn với tất cả những gì liên quan đến dục tính.

Đối với tôn giáo cũng thế, Léonard đã từ bỏ đảng Chúa trời của Thiên chúa giáo mà chỉ tìm đến thiên nhiên « Đảng chúa tể cao cả thiên nhiên nhân từ đã đến với chúng ta như một sự cao siêu vĩ đại của cha và mẹ ».

Freud còn nhận thêm rằng những tác phẩm nghệ thuật của ông cũng chỉ là những chuyển hướng của sự thèm muốn về dục tính mà thôi. Freud đã đặt một câu hỏi rằng có phải vì những sự tò mò ban đầu muốn tìm biết về cơ quan sinh dục, sau lan ra khắp thân mình mà đã biến thể thành cái ý

thức về nghệ thuật đó chẳng. Ý niệm về cái đẹp không phải tìm căn nguyên ở sự kích thích về dục tính đó chẳng.

Phân tích một nghệ sĩ, chúng ta thấy có những mối liên hệ thay đổi giữa sự sáng tạo, sự thối loạn, sự điên cuồng, tùy theo trình độ cao siêu hóa của người nghệ sĩ có hoàn toàn hay chỉ mới lừng chừng.

Cũng trong tác phẩm *Introduction à la Psychanalyse* ở mấy trang cuối chương XXIII Freud đã nghiên cứu về tính cách hoạt động của sự tưởng tượng, hay là tính chươgng đời (fantaisie) ở trong cuộc sống hằng ngày và trong sự sáng tác về nghệ thuật. Vì cuộc sống bên ngoài có nhiều điều cần thiết bắt buộc con người phải thâm định rõ ràng cái thật, và sự thật đã vượt ra ngoài cả nguyên tắc khoái lạc, con người đành phải từ bỏ tạm thời hay vĩnh viễn những gì có khuynh hướng về khoái lạc, nhất là những gì thuộc về nhục dục. Sự từ bỏ ấy là cả một vấn đề khó nhọc cho con người, nên họ phải tìm những gì để đền bù lại.

«Cũng vì thế, con người phải dành riêng cho mình một vài

hoạt động thuộc tâm thức, nhờ đó tất cả những nguồn khoái lạc vẫn có thể tồn tại dưới một hình thể khác mà chúng ta gọi cho là những thử thách của thực tế. Con người cảm thấy thỏa mãn được một phần nào vì họ đã làm được những gì, không bị ý thức la rầy.» Cũng do đó ta thấy những giấc mộng tỉnh (rêves éveillés) gây nên vì những sự thèm khát chuyện hoa tình hay danh vọng; những giấc mộng tỉnh ấy là nguyên nhân của những giấc mộng khi mê ngủ và cũng có thể là nguồn gốc của triệu chứng điên cuồng.

Chúng ta đã thấy rằng sự quá quan trọng đến nội tâm là giữa đường đi đến chỗ điên cuồng.

Người nghệ sĩ là một kẻ chú trọng đến nội tâm rất gần với sự điên cuồng, may mà nghệ thuật là lối, dẫn từ cái tính ngông cuồng ngáng đời đến cuộc sống thực tế.

Nghiên cứu kỹ hơn một tí, chúng ta thấy rằng: «Do những sự kích thích và những khuynh ý cực kỳ mạnh, con người muốn làm sao để chiêm cho kỳ được những thứ như danh vọng thế lực, tiền bạc, chức

tước và lòng yêu của đàn bà. Nhưng thiếu phương tiện để thực hiện những ý thèm khát đó, vì thế, tất cả những kẻ không thỏa mãn đều quay lưng với thực tế và đặt tất cả ý chí, và cái nhục dục tính vào sự sáng tác những gì do trí tưởng tượng đưa đến.

Đường vào xứ cuồng loạn cũng ở lối ấy. Cần phải có nhiều hoàn cảnh thuận tiện mới thoát ra khỏi, chúng ta thấy có biết bao nhiêu nghệ sĩ phải ngừng sáng tác vì bị những cơn loạn thần kinh đến quấy rối.

Làm thế nào để người nghệ sĩ tìm lại được sự bình tĩnh, con đường của thực tế. Người nghệ sĩ không chịu bằng lòng tìm an ủi, khoái lạc trong những giấc mộng tỉnh như một số phạm phu khác. « Người nghệ sĩ chân chính biết tạo cho những giấc mộng tỉnh của mình một hình thái, làm sao mà nó mất bớt tính chất cá nhân để làm vui lòng người khác và trở thành nguồn khoái lạc cho người khác. Người nghệ sĩ lại còn biết tỏ vẻ thế nào cho tác phẩm đầu tiên được tất cả những đặc điểm cần bản đáng ngờ vực. Hóa

trang hay là che đậy, dấu chỉ tạm một thời, những sự dồn ép của mình. Khi đã thành công, tác phẩm nghệ thuật ấy sẽ đưa đến cho người xem một phương tiện mới để giải thoát, để an ủi với nguồn khoái cảm, mà tự ý thức mình khó đạt tới nơi. Nhờ thế, người nghệ sĩ được nhận những sự biết ơn, ngợi khen kính phục và cuối cùng nhờ cái tính trái đời mà trước kia chỉ tồn tại được trong sự trái đời, ngày nay đã đưa đến cho người nghệ sĩ đủ thứ mong muốn như danh vọng, uy thế, và tình yêu của người đàn bà v.v...

Cái lý thuyết cao siêu hóa này bị xem như là dị kỳ, tại sao dám cho rằng sự chuyển hướng của dục tính lại đưa đến một hình thức cao nhất của cuộc sống con người. Xã hội không thích ai nhắc đến nền móng gỗ ghề của mình, có lợi gì cho xã hội khi cái thiên tính dục tính được công nhận và mọi người đều hiểu rõ sự quan trọng của cuộc sống dục tính. Trái lại xã hội đã dùng một lối giáo dục có tính cách làm cho mọi người phải lãng quên cái địa hạt ấy đi. Xã

hội không thể chịu nổi cái kết quả của sự tâm phân mà chúng ta đang theo đuổi. Xã hội sẵn sàng làm cho nó ô nhục, xem như đây là một chuyện xấu xa đáng phỉ nhổ, lên án. Nhưng không phải những lời trách móc đó làm mất được những kết quả khách quan trong công việc tìm kiếm của khoa học. Hơn nữa trên quan điểm khoa học cái lý thuyết của sự cao siêu hóa đã đưa đến rất nhiều ợi ích : vì nó đã mở rộng

phương pháp tâm phân cho nhiều bài tính.

Không cần phải lần át thiên nhiên, chúng ta có thể áp dụng phương pháp tâm phân vào tất cả từ lịch sử văn minh đến khoa học về tôn giáo hay thần học, hoặc lý thuyết về sự cuồng loạn. Mục đích và phương pháp độc nhất của nó là làm thế nào mà khám phá cho được cái vô thức trong cuộc sống tâm linh.

(còn tiếp)



TÔI CHÔN CÁ RỒI MÀ !

Một ông Cụ già, râu tóc bạc phơ, hoan hỷ dự tiệc của con cháu và tổ chức để mừng lễ Bách-tuế (100 tuổi của Cụ).

Một tân khách kính cẩn hỏi Cụ :

— Trên đường đời dài dặc Cụ đi, Cụ đã giữ lại những kỷ-niệm nào quý nhất ?

Cụ cười sung sướng, đôi mắt quắt lờ có vẻ đắc thắng và nói :

— Sung sướng nhất trong đời tôi là tôi đã sống 100 năm mà không có một người thù.

Tân khách vỗ tay, thán phục.

— Quý hóa thật, Cụ quả là người đức độ vô cùng...

Cụ già, như đang còn say sưa với những kỷ-niệm xưa, tiếp lời :

— Phải, tôi không còn có ai là người thù vì... tôi đã chôn chúng nó hết cả rồi mà !



một truyện tình đêm ba mươi tết

TRUYỆN NGẮN

★ Hoàng-hải-Thủy

TÔI là một gã khinh mạn và tự kiêu thuộc vào loại có hạng ở cõi đời này. Tôi không mấy khi chịu phục ai, nhưng với Huy, tôi mến và nể. Anh hơn tôi về tất cả mọi mặt. Trong đời, tôi chỉ thích làm có hai việc và thấy chỉ có hai việc xứng đáng để tôi thích; để tôi làm. Đó là việc viết tiểu thuyết và yêu đàn bà. Huy viết văn rất hay, xúc tích và có hồn. Anh nổi

tiếng hơn tôi nhiều trong địa hạt văn nghệ. Về đàn bà, anh được yêu nhiều hơn tôi. Toàn là những người đàn bà đẹp. Vợ anh trong thời gian yêu anh và sau ngày kết hôn với anh, là một hoa khôi. Người thiếu nữ đẹp kiều sa, lộng lẫy, con nhà gia giáo ấy đã từ chối bàn tay van xin của những cậu trai con nhà phú gia địch quốc, từ chối những chức Bộ-Trưởng, Tổng Trưởng để trở thành người vợ yêu đương, hiền thực của một vãn sĩ nghèo.

Nàng có sắc đẹp, lại có tâm hồn văn-nghệ. Vốn tính sắc sảo, nhưng nàng bị chồng chinh phục và tòng phục chồng. Huy đã bốn mươi tuổi. Anh cưới chị Lan đã mười oăm và đã có hai con, tôi thấy các cô thiếu nữ vẫn yêu, vẫn mê Huy mặc dầu họ biết rõ hơn ai hết rằng anh đã có vợ, có con và Huy không thể nào cũng như Huy không muốn, yêu lại họ như họ mong muốn. Vậy mà họ vẫn theo nhau lăn xả vào yêu Huy. Tôi mến Huy và coi anh như người anh tinh thần của tôi vậy.

Tết đến, Huy chủ trương biên tập một Đặc San Xuân. Có một bà nhà giàu, mê văn Huy, bỏ tiền ra in báo. Anh em chúng tôi quây lại viết bài. Số báo ra thật đẹp, đúng là một giai phẩm Xuân từ nội dung đến hình thức.

Số Xuân của chúng tôi bán quá chạy. Trước ngày hai mươi ba tháng chạp, trong lúc các số báo Xuân khác hãy còn nằm ế hè, chất đống trên các sạp báo, Số Xuân của chúng tôi đã bán hết. Huy trích ra một số tiền trong tiền lời, tổ chức một cuộc cho anh em đi Đalat ăn Tết.

Bọn chúng tôi, đa số cất tiếng khóc chào đời ở miền Bắc, vào miền Nam mưa nắng hai mùa làm ăn, mỗi lần Tết đến, thằng nào

cũng thấy nhớ, thấy thèm cái lạnh của những ngày Tết miền Bắc. Cũng đỡ là ở Saigon những người thèm được lạnh có thể lên Đalat ăn Tết. Và năm đó, nhờ số báo Xuân của Huy, chúng tôi năm thằng bạn thân được lên miền cao-nguyên, nơi có những rừng mai vàng nở trắng mùa xuân và những gò má thiếu nữ hây hây đỏ.

Trong bọn chúng tôi, Huy là anh cả. Số còn lại bốn thằng mời bốn em ca-ve đi theo. Các em này đều là có những mối liên lạc "già nhân ngãi, non vợ chồng" với chúng tôi và được liệt vào loại ca-ve đẹp nhất thủ đô. Chúng tôi lên Đalat vào ngày hai mươi chín Tết và ngay đêm đầu tiên đã dắt nhau đi nhây, mặc dầu chúng tôi đã nhây chán ở Saigon. Ở Đalat, bầu không khí của tiệm nhây có một bầu không khí ấm áp do len, nhung và mùi nước hoa, mùi đàn bà tạo thành, một thứ mùi mà bầu không khí do máy lạnh của các tiệm nhây Saigon cố bắt chước mà không thành công.

Nhưng Huy không đi nhây. Chúng tôi biết là anh nhây rất cừ và trước kia, đã có một thời gian không đêm nào là đêm anh vắng mặt trong tiệm nhây. Những phóng sự anh viết về đời sống

của giới ca-ve là cả một thiên tài-liệu giá trị và là những đoạn văn hay nhất viết về giới ca-ve.

Đêm Ba Mười Tết, có thể nói tất cả những người biết nhây đầm từ Saigon lên Đalat ăn Tết đều dắt nhau đến các Đấng Xinh. Riêng Huy vẫn không đi. Anh nằm nhà, hút thuốc "píp", đọc sách và hẹn chúng tôi về nhà ăn bánh chưng, ngồi nói chuyện vào giờ Giao Thừa. Chúng tôi muốn được một vi-la xinh xắn, nằm trên Bờ Hồ Đalat.

Nửa đêm, mặc dầu cuộc nhây nhót đang vui, chúng tôi về nhà dự Giao Thừa với Huy. Đêm cuối cùng của một năm, trời rét ngọt. Bọn chúng tôi ngồi quanh mâm cỗ, uống rượu và ăn bánh mứt. Hạnh chất vấn Huy về chuyện tại sao anh lại không chịu đi nhây? Huy chán nhây vì lý do gì. Huy kể cho chúng tôi nghe một chuyện nhây nhót của anh. Chuyện ấy xảy ra vào một đêm Ba Mười Tết trước năm anh lấy vợ.

— Chuyện này xảy ra vào một đêm Ba Mười Tết, ở tại ngay Đalat này — Lờ anh kể, đôi mắt anh mơ màng như thả hồn vào dĩ vãng — cách đây hơn mười năm. Ngày ấy, thị xã Đalat chưa được kiến thiết đẹp và

mở rộng. Chắc các bạn đều biết. Thị xã Đalat thời ấy, chắc các bạn cũng đã từng đi vài lần trên con đường từ chợ vào Trường Quân Sự. Nhưng tôi dám nói chắc rằng chẳng có bạn nào để ý đến cái nghĩa-trang nằm ở bên đường, cách cổng Trường Quân Sự chừng hai cây số.

Đó là một nghĩa trang nhỏ của một thôn xã nhỏ. Thôn này đã trở thành một khu của Thị xã. Nghĩa trang ấy chỉ có chừng hai mươi năm mộ nằm cách đường lớn chừng ba mươi thước. Giờ đây, những ngôi mộ ở đó đã được dời đi rồi, chỗ đất đó nay đã san sát nhà cửa.

Tết năm ấy tôi chưa lập gia đình. Tôi lên đây ăn Tết và đêm Ba Mười, vào trường Quân Sự dự dạ hội tất niên. Các Sĩ-quan Pháp còn coi trường. Dạ hội ấy tất nhiên có nhây đầm. Đêm đó thật vui, thật đông. Rất nhiều người đẹp từ Saigon lên dự.

Gặp nhiều bạn quen, tôi uống rượu hơi say và nhây với nhiều người đẹp, vào khoảng mười một giờ đêm, chợt tôi thấy một người đẹp hiện ra trong tầm mắt của tôi. Nói đúng ra, người đó không đẹp đến cái độ là hoa khôi của dạ hội. Trong Dạ Hội có vài người đẹp hơn Nàng. Nhưng tôi thấy Nàng có vẻ đặc

biệt hơn một cái vẻ khác người, có thể gọi là huyền bí. Và Nàng buồn, rất buồn. Một vẻ buồn u ám buồn như kẻ chán đời. Không... Buồn như kẻ đứng dưng, lạnh nhạt, vô tình với chán đời mới đúng. Nàng không chán đời. Nàng như không thêm đòi hỏi, ước mong gì ở cuộc đời này. Tôi thấy nàng đột ngột hiện ra trước mắt tôi. Nghĩa là... tôi không thấy Nàng bước vào phòng khiêu vũ. Tôi chỉ thấy nàng đột nhiên đứng ở gần quầy rượu, thân nhiên nhìn mọi người nhảy như là Nàng đã đứng ở đấy từ bao giờ. Nàng trạc hai mươi tuổi, tóc dài sẫm xuống chấm vai, không uốn, để buông lơi. Khuôn mặt Nàng hình trái xoan, đôi mắt to và mơ màng, buồn. Ngọn mũi hơi cao, trông như mũi đâm lại. Nàng mặc bộ đồ đầm màu gạch cua, đi giày cao gót da nâu. Đêm đó có nhiều người đàn bà đẹp mặc « robe de bal ». Bộ y phục của Nàng không sang quá mà cũng không tầm thường. Nàng đứng nghiêng, dựa mình vào thành gỗ quầy rượu. Tôi chưa từng nhìn thấy Nàng trước đây phút ấy lần nào.

Tôi hỏi mấy người bạn — « Em đứng kia tên là gì? Người Saigon hay người Đà Lạt? » Các bạn tôi không trả lời được. Chẳng ai biết gì về Nàng hết. Vài người khen Nàng đẹp và thấy tôi có vẻ chú

ý đến Nàng, họ dục tôi đến mời Nàng nhảy.

Đến gần Nàng, tôi thấy đôi mắt Nàng có một vẻ mơ màng rất lạ. Nàng nhìn tôi như trông suốt của người tôi, như trông thấy những gì ở sau lưng tôi. Tôi mời Nàng nhảy, Nàng nhận lời ngay. Ban đầu tiên là một bản Tango. Nàng đi rất êm, rất mềm. Trước đó, tôi đã nhảy với nhiều người đàn bà nhảy hay, tôi chưa thấy ai có kiểu người sang và đẹp như Nàng lúc nhảy. Tôi nghĩ Nàng là vợ một sĩ-quan Pháp nào đó. Nhưng nhìn mặt Nàng, tôi lại nghĩ rằng tôi đoán sai. Nàng hãy còn trẻ lắm, chỉ mới nhiều lắm là hai mươi tuổi. Nếu ban ngày, khi Nàng không phấn son, chắc trông Nàng còn trẻ hơn nhiều. Có khi Nàng chỉ mới mười bảy, mười tám tuổi và hãy còn đi học. Trong lúc nhảy, tôi hỏi tên Nàng và địa chỉ của Nàng. Nàng nói tên Nàng là Thảo và cho tôi biết địa chỉ của Nàng ở một phố bên chợ Đà Lạt.

Nhảy xong, tôi mời Nàng về bàn ngồi với tôi và cố gọi chuyện để nàng nói. Nhưng Nàng nói rất ít. Nàng chỉ trả lời những câu tôi hỏi chứ không tự ý nói một chuyện gì cả. Nàng chỉ ngồi mơ màng nhìn mọi người. Nếu tôi mời Nàng nhảy, Nàng nhận lời ngay. Nhảy

xong, Nàng lại về chỗ ngồi, đôi mắt mơ màng xa xôi.

Chừng quá mười hai giờ đêm, chợt Nàng cáo-từ ra về. Tôi sốt sắng đề nghị đưa nàng về. Vì thấy ngồi ở nơi đông người đó không gọi được Nàng nói chuyện tôi hy vọng trên đường về, tôi sẽ có thể tìm hiểu được Nàng nhiều hơn. Năm đó, tôi đi chiếc xe Simca kiểu Sport, hai chỗ ngồi. Nàng thân nhiên ngồi vào xe, như người rất quen với chuyện đi xe ô tô.

Tôi định đưa nàng về một tiệm khiêu vũ kín đáo ở Thị xã và nhảy với nàng đến sáng. Dạ hội ở Trường Quân Sự đông quá ồn ào và quá nhiều đèn sáng. Bầu không khí mờ ảo ở một tiệm nhảy chuyên nghiệp có thể làm cho nàng thay đổi thái độ. Vì vậy, lúc lái xe về, tôi không nói gì cả.

Đêm tối om, ánh đèn pha xe tôi quét một quãng đường dài không một bóng người. Chợt nàng bảo tôi:

— Tốp lại!

Khúc đường đó vắng, không một bóng nhà, tôi ngạc nhiên chưa kịp hỏi lại thì nàng đã nói, giọng hơi sáng:

— Tốp lại ngay, tôi xuống đây. Tôi thắng xe lại bên đường và

nhờ ánh đèn pha tôi trông thấy bên phải tôi là một khu mộ địa và tôi đậu xe ngay trước con đường đất vào nghĩa trang. Không hiểu Nàng xuống đây để làm gì, tôi cũng xuống xe để đi qua phía bên kia mở cửa cho Nàng xuống.

Nhưng... đi vòng xe qua lối cửa bên kia, tôi không thấy Nàng nàng đâu cả. Nàng đã biến mất. Tôi nhìn vào xe không thấy nàng và... nhìn ra, tôi chỉ thấy lờ mờ trong màn đêm vài tấm đá mộ bia. Tôi chỉ đi năm bước trong chừng ba giây đồng hồ, Nàng đã biến mất. Sờ tay vào chỗ Nàng ngồi, tôi thấy lạnh ngắt. Tôi nghĩ — « Ma! Mình gặp Ma! Nó biến vào ngôi mộ kia rồi! »... Tôi lạnh mình, nổi gai ốc. Rồi tôi nhảy vào xe, mở máy, phóng thẳng một mạch về tỉnh.

Suốt đêm đó... suốt đêm Ba Mươi Tết năm đó, tôi không chợp mắt ngủ được. Đôi mắt mơ màng của Nàng cứ ẩn hiện trước mặt tôi. Đầu óc tôi choáng váng, tôi cảm thấy gầy gầy lạnh ở xương sống như sắp lên cơn sốt rét.

Sáng Mừng Một Tết, tôi lái xe trở lại chỗ tôi ngừng xe lại đêm qua để xem lại cho kỹ. Đúng là

tôi ngừng xe lại trên lối vào Nghĩa Trang và cách đó một khoảng chừng năm trăm thước không có một ngôi nhà nào cả. Tôi càng thêm hoang mang và sợ hãi. Tôi lái xe tìm đến số nhà Nàng nói với tôi đêm trước để hỏi thăm Nàng.

Tôi tìm đến số nhà. Mừng Một Tết, căn nhà đó vẫn đóng cửa im ỉm trông không có vẻ gì là Tết nhất cả. Tôi bấm chuông. Một bà cụ chừng ngoài nam mười tuổi, tóc bạc trắng, ra mở cửa cho tôi. Đứng ngay ở cửa, tôi nói tôi tới thăm cô Thảo. Bà cụ nhìn tôi và hỏi bằng một giọng run run :

— Chắc Thầy mới ở Sài Gòn lên chơi? Chắc Thầy chưa biết chuyện em Thảo?

Và Bà cụ ngẹn ngào :

— Em nó mất rồi. Thầy à. Em nó đi chơi, bị đụng xe, đã

gần một năm nay rồi. Em nó bị đụng xe ở trên đường vào Trường Sĩ-Quan. Gần đó có Nghĩa Trang, chúng tôi chôn em nó ở ngay Nghĩa Trang đó.

Về sau, tôi hỏi thăm tại Ty Cảnh Sát và được biết rõ về cái chết của người thiếu nữ tên là Vũ Thị Thảo. Nàng đi chơi với một người bạn trai trên một chiếc xe hơi. Xe bị đụng. Nàng chết tại chỗ, người bạn. Nàng thoát chết nhưng bị què một chân. Nàng bị đụng xe ngay chỗ tôi ngừng xe tại Nghĩa Trang và được chôn ngay tại đó.

Kể tới đây anh Huy trầm ngâm một lát rồi kết luận :

— Kể từ đêm đó tôi trở thành sợ... nhầy dăm, nhất là đi nhầy ở Đalat!



★ ĐỢT SÓNG MỚI

— Con, Tèo đừng chơi lửa con. Có hại lắm lại hao diêm quẹt.

— Thế à? Vậy má cho tiền, con mua cái hộp quẹt máy đỡ hao lại không nguy hiểm, lại tiện nữa? Phải không má?

— ?...



★ Tề-Xuyên

THẦY xã Diệp ở một làng hẻo lánh tỉnh Rạch-giá đang buồn so. Thầy phải chịu đựng 12 tấm vé số còn ế. nài nỉ bà con lối xóm không ai mua dùm. Năm hết, Tết đến, ai cũng lo đề tiền giết heo, nấu bánh tét, sửa soạn đón một mùa Xuân mới.

Xã Diệp rầu rầu nói với « bà xã » : « Thật là xui xẻo. Cái năm Ty, năm tuổi của mình có khác, còn có mấy ngày mà không hết xui... Đến cuối năm rồi mà còn chịu lỗ oan-uổng 12 đồng bạc ! »

Mười hai đồng vào khoảng 36 năm trước là cả một số tiền lớn :

THẦN TÀI GỖ CỬA

sau một
năm Ty
xui xẻo

lượng một thầy thơ-ký có bằng cấp « Xét-ti-phi-ca » ! Thầy xã Diệp lãnh cả một tháng lương cũng được có số tiền bấy nhiêu. Bỏ tiền túi ra thường 12 đồng cho « nhà nước » thầy đành bấm bụng chịu, chỉ còn biết than-van với vợ. Cũng tin ở « năm tuổi » của chồng : cái năm Ty xui xẻo, vợ thầy an ủi : « Thôi, còn ít ngày nữa, qua năm mới, chắc là thời vận đổi thay ! Cái năm nay, ráng chịu vậy ! Từ đầu năm đến giờ biết bao nhiêu chuyện hao tài tốn của ! »

Thầy xã chịu cái « nạn » 12 tấm vé số cũng như toàn dân thời Thực-dân còn thịnh, phải ề cồ chịu gánh lấy phần rượu « công-xi » thứ rượu mà hãng « Phong Ten » được độc quyền sản-xuất,

giao cho tỉnh bắt quận, quận bắt làng tiêu-thụ một số lượng là bao nhiêu chai đó, theo tỷ-lệ dân số. Cuộc xổ số dưới thời Thực-dân cũng vậy. Mỗi khi một tổ-chức từ-thiện, một công cuộc xã-hội ở thủ-đô mà được phép mở cuộc xổ số lấy tiền sung vào quỹ, là cả một sự trút lên đầu người dân, nhứt là dân chốn nông thôn. Thống-đốc Nam kỳ cho lệnh các « tham-biện hủ tỉnh » phải cò-dộng cho giấy số bán chạy ; vì một hội thiện được phép mở cuộc xổ số ít ra cũng phải có thế-lực, có sự ủng hộ tích-cực của nhà cầm quyền ; nếu lại là cuộc xổ số do chánh phủ tổ-chức thì khỏi phải nói...

Từ dinh « phó soái » — (phủ Thống đốc) cho đến tỉnh rồi tỉnh đến quận, — quận đến làng, lệnh cò-dộng đã thành lệnh bắt buộc dân mua vé số : mỗi làng, mỗi quận mỗi tổng, phải tiêu thụ một số lượng nhứt định tùy theo dân số địa-phương. Giấy số phân phát xong bán không hết, thầy kẹ ! không có quyền trả lại.

Các thầy xã còn vé số ế, cứ việc lấy tiền nhà ra mà đóng cho đủ. Những tấm vé đọng lại, cứ việc bỏ vô hộc tủ như những tờ công văn không hơn không kém. Tâm trạng người dân nông thôn hồi bấy giờ phải ép lòng mua vé

số, có mong gì trúng đầu; họ không cần chờ đợi, không mong ngóng kết quả ; nếu muốn thử thời vận đen đỏ thì họ đi đánh me, một thú cờ bạc thanh hành sau những mùa gặt hái rảnh rang.

★

Xã Diệp bị « cái nạn 12 vé số » cũng coi như 12 tấm giấy bỏ.

Buổi chiều đang buồn rười rượi vì cái nạn ấy thì buổi tối lại thấy anh biện Tỉnh, chèo ghe theo nước dòng đến thăm mình. Có chuyện gì đây mà thầy bang phái anh biện đến vào giờ này ? (Chức biện là chức thơ-ký của thầy bang, tức thầy phó cai tổng).

Các anh biện thường hống hách với hương chức lên nộp thuế bao nhiêu thì tối nay anh biện Tỉnh lại hòa nhã với xã Diệp bấy nhiêu.

Sau vài câu thăm hỏi xã-giao biện Tỉnh nói :

— Tôi đi thăm bà con ở vùng dưới, đến đây trời tối, ghé thăm anh xã...

— Quý hóa đi thôi ! Vậy mời thầy biện ở đây dùng cơm, nghỉ ngơi mai sẽ về.

Biện Tỉnh không từ chối. Trong khi lên nhà uống nước, anh hỏi chuyện mưa nắng mùa màng, qua đến sức khỏe của gia chủ, sau chót anh đã động đến chuyện xã Diệp đã bán hết giấy

số, thế nào cũng được « quan lớn chủ quận » tư giấy ban khen.

— Bán hết ! Trời ơi, đâu có bán hết, thầy Biện ! Dân họ cờ bạc cháy túi, còn tiền đâu mua vé số ! Tôi phải ề cò chịu đựng 12 còn ế lại.

— Cơ khờ chưa ? Thôi đưa tôi giúp cho 4 tấm nào !

Xã Diệp mừng quýnh, đem xấp vé số còn lại, cho biện Tùng lựa chọn. Thầy Xã có dè dặt ngày hôm qua đã xổ số. Với người nông thôn, ngày rộng tháng dài, những tờ lịch đâu có được xé mỗi ngày, và lại đã mấy nhà có cuốn lịch, hơn nữa ai cũng nhớ ngày âm lịch, chớ có nói đến ngày dương lịch làm gì ? Ngày xổ số ghi trong vé số lại là ngày dương-lịch, xã Diệp đâu có lưu tâm. Huống gì, cuộc xổ số đã được đình lại một kỳ rồi, nên thầy xã lại càng không nhớ ngày xổ nữa.

Xã Diệp có dè dặt hôm qua kết quả xổ số đã được Tỉnh gửi về Quận, vồi Quận gửi về Tổng, anh thơ-ký của thầy phó cai tổng đã dò số rồi, và thấy số độc-đắc ở trong xấp gửi cho xã Diệp bán. Kết quả xổ số, mai mới gửi về làng.

Vì vậy, biện Tỉnh không bỏ phí một phút, bất kể trời đã xế chiều, anh chèo ghe theo nước

dòng, đến thẳng nhà xã Diệp. Hơn lúc nào hết, anh cảm thấy ý nghĩa của câu phương ngôn : « Thời giờ là tiền bạc » mà là một số bạc kéch-xù kia đây !

Làm bộ lựa chọn trong 12 tấm vé số còn lại, anh biện Tổng thấy tấm vé trúng độc-đắc chưa bán. Anh xúc động thất sắc. Trán tỉnh lại, anh rút lấy tấm vé ấy cùng 3 tấm nữa, rồi mở bóp lấy bốn đồng trao cho xã Diệp.

Thầy xã vui mừng vì bán thêm được 4 tấm. Thầy kêu vợ giết gà mua rượu đãi khách. Biện Tỉnh không dám từ chối về liền vì sợ xã Diệp thấy hối-hả sẽ sanh-nghĩ. Và lại lúc ấy trời bỗng trở giông tố, một cơn mưa đổ xuống như trút nước.

Chủ khách nhập tiệc trong lúc trời còn mưa. Biện Tỉnh muốn tỉnh nước tháo lui, nhưng cơn mưa vẫn lưu khách cho đến 10 giờ. Đêm đã xuống rồi, về sao tiện, gia chủ bảo vợ dọn mừng mền trên nhà để thầy biện nghỉ ngơi, mai về sớm. Uống rượu mà đi đêm trải sông nước, rủi ro thì làm sao ? Biện Tỉnh không có lý do gì mà từ chối, phải riu riu nhận lời ngủ lại.

★

Vợ chồng xã Diệp nghỉ ở nhà dưới.

Nửa đêm, bỗng nhiên thím xả thức dậy gọi chồng và nói nhỏ :

— Mình ạ ! Tôi nằm mê thấy Rắn Thần đến nhà mình, trút lột thành ông già đầu râu tóc bạc báo cho tôi hay kẻ cướp đã cướp hết tài sản của mình rồi !

— Úy ! Cái năm Ty lắm chuyện lại nằm mê thấy rắn ! chẳng qua vì mình buồn rầu về năm Ty xui-xẻo này nên mới nằm mê thấy rắn. Thôi cũng là chuyện kết thúc cho hết năm Ty.

Xã Diệp muốn ngủ trở lại. Vợ lại thấy hồi-hộp hơn, kéo chồng dậy xem có chuyện « động tĩnh » ra sao ? Biết đâu không có kẻ cướp đang rình chung quanh nhà.

Hai vợ chồng cùng bước ra sân, đi một vòng xem lại cửa ngõ rồi lên nhà trên, chỗ Biện Tình đang ngủ say một giấc trên bộ ván gỗ có lẽ vì hơi men quá mạnh đã đưa hồn anh vào cõi mộng. Vợ xã Diệp nhìn vào Biện Tình bỗng như có tâm-linh mách bảo chuyện gì ? Rồi đến chồng cũng thấy nóng ruột, suy nghĩ một phút liền trực nhớ hồi lúc Tình chọn lựa vé số anh ta đã thất sắc bất ngờ, tinh thần bỗng minh mẫn giúp thầy suy luận mau lẹ : không chừng trong 4 tấm giấy số có tấm trúng độc-đắc ! Có lẽ thần tài muốn cho ta trúng số « nay mai ». Xã Diệp ra ngoài bàn nhỏ với vợ. Lúc sau, thầy lấy 4 tấm giấy số khác của mình, nhẹ nhẹ móc túi áo bà ba lựa của Biện Tình, đánh tráo lại bốn tấm

mà anh đã lựa. Biện Tình say sưa ngủ mê một không hay gì hết.

Sáng sớm tinh sương, anh thức dậy, rửa mặt súc miệng, cáo biệt chủ nhà, ra chèo ghe về tổng.

Về đến tổng, anh lấy 4 ấ n giấy ra dò thì... chết điếng trong lòng. Anh đứng sững như trời. Tấm vé trúng độc - đắc mà anh đã lựa, biến đầu mất. Anh đã nhớ như in vào óc từng con số một, đã chắc chắn là lựa đúng tấm ấy sao nay lại thành tấm khác. Anh tra lại sổ, thì trong xấp vé trao cho xã Diệp bán quả nhiên có tấm trúng độc đắc kia mà !

Bí mật thật !

Nhưng đến chiều, anh khám phá ra điều bí mật ấy ! Anh thấy lù lù hai vợ chồng xã Diệp dẫn đến văn phòng của anh với một tờ giấy trắng ghi 8 số của 8 tấm vé còn đọng lại. Họ nhờ Biện Tình dò số xem có tấm nào trúng không. Biện Tình dò xong, thất sắc la lên :

— Trời ơi trời ! Anh trúng độc đắc !

Lúc sau, lấy lại được bình tĩnh, anh ngỏ lời mừng kẻ tốt số :

— Thật là cái hên cuối năm ! Năm nay anh tuổi gì nhỉ ?

— Tuổi con rắn ! Năm nay lại là năm tuổi của tôi. Xui từ đầu năm tới giờ đó thầy ạ.

người

tù

69



Hồi ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 141)

NHỮNG người tôi vừa kể trên đều là Đảng-viên đảng Cộng-sản Đông-Dương, đảng này đông nhất ở trại An-trí Trà-Kê, (trên 2 phần 3). Ngoài ra, còn có những đảng-viên Phục-quốc-Hội của ông Cường-Đề, trong đó có một vị Linh Mục ở Vinh, già lụ-khụ, trên 70 tuổi, tên là cha Huệ, T.S. 102. Theo T.S. 27 cho biết thì ông này có liên-lạc với Giám-Mục Ngô-Đình-Thục ở Vĩnh-Long và ông Ngô-Đình-Diệm, cựu Thượng-Thư Bộ Lại Triều đình Huế. Cùng một đảng với Cha Huệ, có Lương-Duy-Uỷ, nguyên giáo sư Tư-thực Huế, T.S. 103, và Võ-như-Nguyên, nguyên Thông phán Tòa-sứ Huế, T.S. 104. Hai anh này bị bắt một lượt và đến Trà-Kê một lượt. Lương Duy-Uỷ, sau được Ngô-Đình Diệm, Tổng Thống Việt - Nam Cộng Hòa, cho làm Tỉnh-trưởng Phan-Rang, rồi Vĩnh-Bình... Võ-như-Nguyên, sau làm Giám đốc Công An Trung-Việt, dưới thời Bảo Đại, và Nghị-sĩ Quốc hội khóa 1, dưới thời Ngô-Đình-Diệm.

Ngoài nhóm Cộng-sản và nhóm Phục-quốc Hội, còn nhóm Cao Đài Quảng-Nam và Quảng Ngãi, độ 6, 7 người. Trong số này có một thanh niên 18 tuổi, tên là Duy, giỏi chữ Nho và thạo tiếng Nhật, có vẻ bí mật hơn cả, nhưng dễ thương hơn cả.

Tôi quên nói về T.S 27, thư-ký của ông Đồn, và cũng là thợ máy sửa xe hơi của ông. 27 là một người Việt lai Tàu tên là Lưu-quí-Kỳ, họa-sĩ (trước có học trường Cao-dẳng Mỹ-Thuật Hà-nội), và Thi-sĩ, thỉnh-thoảng có làm thơ, quê ở Hội An, (Faifoo) độ 26, 27 tuổi. Lưu-quí-Kỳ là cộng sản, sau làm trưởng ban Văn-hóa của Ủy Ban Kháng chiến Nam-Bộ. Đảng-viên Cộng-Sản, còn có Trần đình-Tri, T.S. 92, người Quảng-Nam. Thường anh em gọi là Poulo vì anh vừa mãn tù ở Poulo-Condore (Côn-Lôn) về thì bị đưa đi An-trí Trà-Kê. Anh này sau làm Ủy-viên thanh-niên trong Ủy-Ban Kháng chiến Trung-Bộ. Nguyễn-Sơn-Trà Quảng-Nam T.S. 21, nguyên công chức Bưu điện Tourane (Đà-Nẵng) sau bị bệnh lãng trí. Chương 20 tuổi TS 45, không biết quê quán ở đâu lúc nhỏ lưu lạc sang Lào, Xiêm, lấy vợ Xiêm, bị bắt trong một cuộc hoạt động bí mật ở Thanh Hóa, Phua, T.S. 42, Công-chức Sở Đạc-Điền, Hà Tĩnh, anh này tuy là Cộng-Sản, nhưng thuộc về một hệ-phái khác, gọi là « Cờ Hồng ». Anh không thích chơi với nhóm Cộng sản chính cống. Có người bảo anh là trotskyste (đệ-tứ quốc-tế), nhưng anh phủ-nhận. Hồ Tùng-Mậu, T.S. 40, Bí thư của Hồ-chí-Minh, 60 tuổi, cựu võ-quan của Tướng giới Thạch, Cựu giáo sư trường Võ-bị Hoàng-Phổ, quê ở Vinh. Chúng tôi thường gọi ông là « xénh xáng » theo nghĩa Tàu là tiên-sinh. Hà Huy Giáp, T.S. 1, người Hà Tĩnh sau làm Chủ Tịch Ủy-ban kháng-chiến Nam-Bộ. ho lao nặng, Bùi-công-Trừng T.S. 2, quê ở Huế, có đi học ở Moscou, được coi như là lý-thuyết-gia Mác-Xít, bị bắt ở Singapore (Tân gia Ba). Anh này sau làm Tổng-trưởng Kinh-tế chính phủ Hồ-chí-Minh lúc Việt-minh mới cướp chính quyền ở Hà-nội. Anh cũng ho-lao nặng, lại ưa làm thơ, có một bài hay nhất, nhan đề là « Mộng và Thực ».

Ngoài những phần tử trí thức, còn có số đông lao-động, như các

anh Định, Kế, Tập, v.v... đều là Cộng-Sản, và quê quán ở Nghệ-an, Hà-Tĩnh. Hai ông thầy thuốc, giỏi chữ Hán, Diệu (T.S. 24) và Lang (T.S. 22) đều quê ở Quảng-Nam. Một kịch sĩ trứ danh, Lương T.S. 11, quê ở Vinh, v.v...

Tóm lại, ở Trại an-trí Trà-Kê trên 150 người tù, có đại diện 3 đảng phái lớn ở Trung-kỳ, hoạt động mạnh nhất thời bấy giờ : Cộng-Sản, Phục-quốc, Cao-đài. Ngoài ra còn 3, 4 anh Đại-Việt. Tất cả đều quê quán ở Thanh-Hóa, Nghệ-An, Hà-Tĩnh, Huế, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi. Các tỉnh đảng trong từ Bình-Định vào Phan-Thiết không có ai, trừ hai anh em một ông nhà giàu ở Phan Rang bị tình nghi Cộng-Sản, và bị bắt oan.

Duy có mỗi một mình tôi là không theo một đảng phái nào cả. T.S. 27 thấy trong hồ sơ mật, Mật-thám Đông-dương có ghi về tôi : « Nationaliste, Antifasciste, antifrançais » (Quốc-gia, chống phát xít, chống Pháp). Tôi là một nhà văn cách mạng hoàn toàn độc lập.

Tôi chỉ biết có Tộc-quốc và Dân-tộc mà thôi. Tôi từ-chối tất cả mọi sự gia-nhập vào đảng-phái, mặc dầu là đảng-phái quốc-gia cùng một lập-trường với tôi trên phương-diện cách-mạng.

Bởi tính-cách độc-lập, vô đảng-phái của tôi nên trong trại, Cộng-sản cũng như Phục-quốc, Đại-Việt, Cao-Đài, đều đồng-thanh cử tôi làm đại-diện cho toàn-thể anh em T.S. để giao-thiệp với viên Đồn-trưởng, Giám-binh « Chỉ-huy Đoàn T.S. Trà-kê », và đề lo việc tiếp-tế lương-thực cho Trại.

Trước khi tôi đến, đã có anh T.S. 27, nhưng 27 đã làm thư-ký riêng của viên Đồn-trưởng và là thợ máy chuyên sửa chiếc xe Citroën của ông. Về sau, có Trần-dình-Tri, T.S. 92, lên làm việc trên văn-phòng ; phụ với 27. Và Trần-công-Khanh, T.S. 68, phụ với tôi, coi việc xếp kho. Ngoài ra, tôi còn được anh em cử làm một việc nhẹ nhất, là chăn bò, một đàn bò 3, 4 con của T.S.

Trong quyền hồi-ký này, tôi muốn ghi-chép nhiều chuyện lý-thú, vui-vẻ, hay bức-bội, buồn-rầu, tất cả đời sống hồi-hợp, cảm-động, nhiều khi chán-nản, uất-ức, trước hòng súng luôn luôn chĩa vào mình. Tuy quan-niệm về chính-trị và mục-dịch cách-mạng có khác nhau như

một trời một vực, nhưng giữa anh em đảng Cộng-sản và các đảng-phái Quốc gia, gần 150 T.S. sống chung với nhau suốt 5 năm trời sau lũy chông tre và hai lớp rào lưới sắt Tràkhê, đã cố giữ được hòa-nhã, đoàn-kết, và nhẫn-nại chờ ngày giải-phóng. Ở Tràkhê, tôi đã học được nhiều bài học rất hay, và nhiều kinh nghiệm rất lợi ích cho tôi, về phương diện tâm lý, chính trị, xã-hội, quần chúng, đảng phái và cá-nhân. Ở trong tù, tôi đã học khôn được nhiều hơn là ở ngoài đời. Hôm nay tôi có thể hãnh diện rằng tôi đã tốt nghiệp trường Đại học Trà-Khê, và tôi cũng đem cái bằng-cấp T.S. ra lăn-lộn trong cuộc đời thực tế, với nhiều kinh nghiệm, nhiều tin tưởng hơn hồi chưa ở tù.

Bây giờ tôi phải nói sơ qua về viên Đồn trưởng Pháp, Chỉ-huy Đoàn T.S. Trà Khê, và anh em binh sĩ Radhés có bốn phận canh gác chúng tôi.

Viên Đồn trưởng tên là Antoine Louis Bazia, trước kia chỉ là một hạ sĩ quan trong Quân-đội Viễn chinh Pháp, học lực chưa đến Brevet, viết Pháp-văn còn đầy lỗi, làm một cái rapport (bản phúc-trình) không xong. Ông đã hơn 50 tuổi, có bà Đầm độ 40 tuổi, hoàn toàn thất học. Ông làm « Garde Principal », đóng lon Quan Một ở đơn vị « Garde Indochinoise » (Lính khố xanh, tức bây giờ tương đương với lính Bảo An) Tính nóng nảy, nhưng dễ cảm, nhiều khi quá thực-thà thành ra ngu ngốc. Đôi khi y có những cử-chỉ quân tử, giàu lòng nhân đạo. Không đến nỗi tàn bạo, « thú vật », như một số Đồn-trưởng khác. Ở Trà-Khê, xa quận lỵ Tuy Hòa và Tỉnh-lỵ Sông-Cầu, y làm vua một cõi, được quyền cai trị cả một vùng sơn cước Phú-Yên, rộng lớn, ở phía Tây huyện Củng-Sơn, phía Đông quận Cheo-Reo, và gồm nhiều « Buôn » Radhés.

Lính canh gác chúng tôi, một tiểu đội 50 người, toàn là đồng bào thiếu số Radhés; triệt để trung thành và nhắm mắt tuân theo mệnh lệnh của ông Bazia, bất cứ trong trường hợp nào. Trung thành đến nỗi một viên Cai nhất Radhé bảo với tôi: « Nếu ông Quan biều tôi bắn chết

cha tui, tui cũng bắn! » Dưới quyền chỉ huy của viên Đội nhất, tên là Y-Blil, độ 40 tuổi, có hai người Cai: Y Bléa và Y Krên. Một tùy phái văn phòng: Y-Long. Một cô Nữ y-tá cũng người Radhé, vợ của Thượng-sĩ nhất Y K'noch. Một y tá, còn trẻ, độ 18 tuổi, Y Niep, phụ tá cho một Thầy y tá Việt-Nam. Tất cả binh sĩ Radhés từ viên Đội Y-Blil trở xuống, đều nói được tiếng Pháp, nhưng tiếng Pháp tiêu học và nói theo giọng Radhé, nhiều khi không ai hiểu nổi. Tất cả đều có vợ. Phụ nữ Radhés ở trần, để cả vú, cả răng, cả tai, và thích làm dáng đánh môi đen bóng bằng lọ nổi trộn với mỡ rắn. Cườm tay và cổ chân đeo rất nhiều vòng bằng bạc hay bằng đồng. Vài cô, như vợ của cai 215, Y-Bléa, rất đẹp, nước da trắng ngà và mịn, đôi vú vun lên, nở đều-dặn, mà nàng rất hãnh-diện. Trái lại, đa số xấu-xí không thể tưởng-tượng được.

Cách Đồn và trại Tràkhê độ 100 thước, có một tiệm tạp-hóa Việt-Nam độc-nhất, do một thiếu phụ trẻ, đẹp, làm chủ, tên là Văn-thị-kim-Yến. Cô này trước kia là vợ một chú cai lục-lộ, nên T.S. chúng tôi gọi nàng là Cô-Cai. Viên đồn-trưởng Bazia trục-xuất người chồng, và cướp-doạt lấy cô làm tình-nhân. Nhờ đó, cô được ông Bazia cho thầu các thực-phẩm tiếp-tế, và mở tiệm để bán hàng-hóa cho T.S. và cho lính.

(còn nữa)



★ LÝ LUẬN TRẺ CON

— Lý, con, sao độ rày con làm biếng học quá vậy. Ráng lên đi. Con không nhớ phần thưởng của ba hứa với con sao? Nếu mỗi tháng con được xếp có hạng, ba má đưa con đi ăn kem, đồ tây...

— Dạ, con cảm ơn ba. Con bệnh cứ kem, sữa, đồ tây.

— ?...

— Không khéo cứ, sẽ đau dạ dày nặng mắc công ba tốn tiền bác sĩ.



* Trần-Tuấn-Kiệt

NIỀM HY VỌNG NHỎ

T hế hệ chúng ta chứa đầy ắp những hy vọng mà không bao giờ thành tựu. Nàng có một đứa con Chồng ra đi đã lâu. Tất nhiên là đi lính, vì thời này không ai còn có thể mang một cái thú giang hồ một mình được. Người ăn sĩ khó tìm chỗ ăn. Người ta có thể còn ăn được trong lòng mình, với một sức chịu đựng vô biên mà thôi. Đứa con nàng lớn lên có lẽ cuộc đời chừng đó... đã chớm hiện được đôi niềm hy vọng hơn, sẽ được đùa vui, sẽ được có ăn mặc, sẽ được học hành những điều có cá tính... yêu thương của nhân loại.

Nàng giữ luôn niềm hy vọng, nó hiện ra trên ánh mắt thâm u khi nàng ngược nhìn đứa bé ngủ, và nó biến mất khi đứa bé bị thiếu sữa, hay đứa bé giật mình vì tiếng động cơ phản lực nổ rền trên nền trời cuồng loạn xám xịt.

Điều mà tôi cảm thấy chua xót nhất khi gặp nàng với đứa con, thằng bé khôi ngô, đang đùa bỡn, chợt nghe tiếng động cơ nổ, mặt nó xanh lại, môi nó tái nhợt và nó co ro nằm trong

NIỀM HY VỌNG NHỎ

lòng mẹ nó. Khi đó nét buồn và duyên dáng hiện ra trên đôi môi sáu tư của nàng. Tôi mở vội cửa hông, nhìn ra hàng rào bị xẻ nhánh trụi lụi. Trời buổi chiều nặng xuống, vài vệt mây trắng phớt buồn. Tôi không biết phải nhìn mây hay nhìn nàng. Mây hay nàng đều buồn và cả tôi nữa. Khi đó thằng bé mang niềm hy vọng nhỏ của nàng ngủ yên trên giường. Nàng ngó tôi nói :

— Em lấy anh cũng vì nó,

Đó là một câu nói đáng buồn cho tôi. Nhưng nàng đã nói thành thật. Tôi cũng gật đầu :

— Tôi cũng vậy.

Nàng yên lặng, thả hồn mông lung. Có lẽ nàng không nghĩ ngợi gì tới cuộc tình của tôi với nàng.

— Ngày mai làm gì anh ?

— Làm gì ?

Nàng hỏi và nghe tôi trả lời. Mái tóc đẹp như nhung. Gương mặt nàng đen đúa trong mây năm gánh gồng nuôi con. Tôi cảm thấy yêu nàng vô cùng, tình yêu đẹp trong lúc thấy vẻ đẹp bị thảm của nàng hiện ra. Tôi muốn tỏ một vài

lời rất thơ mộng để làm sáng cho môi tình bị thương và gợi thêm niềm yêu quý với nàng. Tôi ngập ngừng lại nín luôn. Ý tưởng tôi không muốn nói gì hết. Khi đôi mắt sáu tư buồn của nàng quay trở về nhìn đứa con ngủ. Tôi nói :

— Niềm hy vọng của chúng ta!

Bây giờ nàng mỉm cười. Đáng lẽ ra những nếp rạn nắng trên gương mặt đó đã che lấp niềm vui buồn của lòng nàng từ lâu. Nhưng còn cô hiện ra, điểm vài chút tình cảm để cuộc đời người khỏi chai đi và già cỗi như một cảnh khô.

Buổi sáng thằng bé gặm bánh mì khô. Quả thật nó thiếu những sinh-tổ cần thiết cho cơ thể. Nhìn nó nuốt bánh mì không vô, tôi thấy oán-hận, đau xót, và nghĩ-ngợi nhiều hơn. Những cơn giông tố đã thổi lửa qua đất nước cần cỗi lắm rồi. Chúng ta thiếu đất để sống, thiếu cây cỏ để ăn, thiếu tình người để thông cảm và yêu thương nhau. Tôi nghĩ về thằng nhỏ, một cái cây trên mảnh đất cần khô, cây thiếu nhựa sống, và hy vọng của nàng quá mỏng manh.

Đầu óc tôi chợt sôi lên sùng sục một ý nghĩ đen tối. Một ý tưởng giết người, giết tất cả nhân loại, để cuối cùng tự quay gươm vào cổ tự giết luôn mình đi.

Mặt trời chói chan, như đốt cháy cả tâm-linh con người, cả cái sự sống cần cỗi ở vùng nhiệt đới khô hạn. Tôi ước ao nhìn thấy một giọt nước mắt của nàng rơi xuống trên gò má của thằng nhỏ. Nhưng biết đâu, nàng không còn giọt nước mắt mát dịu nào cả.

Nàng xuyên qua đầu thằng bé, nàng xê nó về một bên giường, bóng nàng chậm-chạp dài khằng-khiu in trên vách bên trái, chỉ còn có mái tóc nàng linh-động lòa xòa trong luồng gió sớm mai. Tôi không thể chịu nổi, đứng lên ra ngoài và chợt nhớ hôm nay ngày chúa nhật. Nhỏ nước bọt, bước đi nhanh. Một lát tôi đứng tần ngần trước một trạm ô-tô-buýt. Mặt tôi nóng lên, tôi lại bỏ đi về phía chợ. Để tránh suy nghĩ thêm mệt, tôi lúi vào đám đông. Nơi đó một bầy khỉ người đang đóng trò.

Một anh có dáng lực sĩ,

phình bụng, thắt lưng vải đồ kiêu võ sĩ nói:

— Quý vị khán giả coi đây, chúng tôi sẽ diễn một trò ghê gớm nhất từ xưa đến nay. Nhưng rồi hẳn vẫn diễn cái trò khi thường ngày. Hẳn chỉ tay về phía giàn kèn trống. Lập tức kèn trống khu vang lên, và một tay đàn em đứng cạnh hẳn lập lại câu nói nổi đuôi luôn-luôn.

Thật là hài-hước và chán chường!

Hắn lập lại lời đó và nói thêm:

— Mời quý vị mua thuốc, trị bá chứng, ăn không ngon, ngủ không yên, đau lưng, tức ngực.

Toàn là những chứng bệnh của cái thời - đại điên-loạn chiến tranh này cả. Thuốc của hẳn chẳng biết có hiệu nghiệm hay không, mà chẳng thấy ma nào mua. Người ta tiếp tục coi mấy con khỉ diễn trò, và nghe giọng trống chiêng khu inh ỏi.

Hắn diễn trò đó cũng chưa thú vị gì. Một lát hẳn khoa tay múa chân kêu lên:

— Tôi còn một thứ thuốc đại tài này mời bà con thưởng thức.

Một thằng nhỏ, có lẽ con nuôi hẳn, ở trần bước ra, nhào lộn một vòng quanh sân rồi ưỡn ngực, đứng thẳng chờ đợi.

Hắn cung tay, dánh một quả dằm thật mạnh vào giữa ngực thằng bé độ mười tuổi. Thằng nhỏ té lộn nhào, ngực bầm ra nhưng miệng vẫn cô cười. Nếu ai để ý thấy thằng bé xanh hẳn nét mặt trước quả dằm to ấy đập vào ngực.

Tiếp theo hẳn lấy miếng thuốc dán tròn, đen như dầu

hắc dán mạnh vào ngực thằng nhỏ.

Một lát hẳn gỡ thuốc dán ra, ngực thằng nhỏ vẫn như thường. Và mọi người lập tức bỏ tiền mua tới tấp. Tôi nghĩ sự đền thẳng nhỏ ở nhà. Nó sẽ là vật hy-sinh như thằng bé này, nếu không có gia-đình, không có nàng và tôi.

Rồi tự dưng tôi cảm thấy lo lắng, không nghĩ gì đến số phận của chính mình nữa, và lo thật cho những thằng bé đang có mặt và sắp ra đời giữa hôm nay.



* TIẾT KIỆM

— Ô, chị biết không? Chị Mai ghen chồng, chị tát cả chảo mỡ vào mặt chồng chị.

— Ô, con nhỏ không tiết kiệm chút nào. Mỡ mỡ, 5.6 chục đồng một ký lô, phí của uổng không? Lấy nước sôi tạt vô mặt cũng đủ một bài học rồi. Cần gì tát mỡ cho nó hao tài.

Đoạn Quạt

Xuân!

MƯƠU

Gió xuân thổi những nơi đâu,
Sao không thổi hết nỗi sầu nơi đây.
Nơi đây hoa héo, cỏ gãy,
Lấy gì vui với những ngày xuân tiêu.

NÓI

Xuân ơi! Xuân hỡi!
Thấy xuân về mà khó nói lên câu.
Nhìn non sông xuân có chạnh lòng đau,
Trời đất Việt vì đâu thêm áo nào?
Súng nổ, đạn reo thay tiếng pháo
Bom rơi, lửa tóe ngổ cây bông!
Xương rụng rơi trắng xóa cánh đồng,
Máu thấm chảy thành sông xuân có biết.
Xuân thiếu an ninh, thà chẳng Tết,
Tết mà ly loạn lấy gì xuân?
Gập nhau đây xuân chớ tần ngần,
Xuân còn đó khách hoài xuân chừng vẫn đó.
Thôi xuân nhỉ! Còn nhiều xuân ta gặp gỡ
Chuyện xuân tình to nhỏ hẹn xuân sau
Gượng vui, xuân khê gặt đầu.

★ TÚ BÈ



*tình yêu của
những người
con gái
hôm nay*

TRUYỆN NGẮN

★ Hoàng-Thắng

THEO thói quen, mỗi khi Lan mở mắt, nàng lại ngược nhìn chiếc đồng hồ báo thức nhỏ nhắn hiệu Bayard đặt trên chiếc máy thu thanh Sharp vỏ nhựa màu xanh nơi bàn ngủ ngay đầu giường.

Bao giờ cũng vậy, khi Lan ngược nhìn đồng hồ, chiếc kim ngắn đã chỉ tới con số 10.

Và cũng vào giờ này, ánh nắng của một ngày mới đã gay gắt phủ sát chân giường — một chiếc giường gỗ trắng rộng thước tư có nệm mousse thông hơi, có khăn trải giường màu hồng phủ lên trên. Và trên tấm drap mát mắt đó, Lan nằm phây phây ngủ.

Nhưng sáng hôm nay — một buổi sáng chủ nhật cuối năm — Lan đã vất bỏ những thói quen cũ. Nàng không ngược nhìn đồng hồ mà lại nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh nắng lúc này chưa liếm vào tới phòng. Đôi mắt hấp háy trước ánh sáng mới tiếp nhận rồi yên lặng nhìn những đám mây nằm lơ lửng trên nền trời xanh lơ, báo hiệu một ngày đẹp trời.

— Bữa nay anh Hòa tới thăm nhà mình đây, Lan thầm nói rồi

bống giặt, mình, nằng vội nhìn đồng hồ :

— Ô ! Mới có chín giờ. Mười một giờ anh Hòa mới tới. Còn sớm chán !

Nghĩ vậy nên Lan chưa muốn dậy vội. Nàng thấy hây còn thêm ngủ.

Lan nhào tay mở nút máy thu thanh. Vừa lúc đài phát thanh Saigon đang cho truyền thanh lại buổi tuyển lựa ca sĩ tại rạp hát Hưng-Đạo.

Một giọng nữ trong trẻo đang ngân nhanh : « Tôi viết tên anh trên lá trên hoa. Tôi viết tên anh trên trái tim tôi ! ».

Lan nhắm mắt theo. Đột nhiên nàng cười khúc khích. Lan chợt nghĩ lại chuyện hồi hôm. Hòa và nàng đang ngồi nghe đĩa hát. Cũng bản nhạc này. Đột nhiên Hòa rút cây viết rồi ấn mạnh lên ngực nàng. Lúc đầu Lan giật thót mình tưởng có con gì cắn nhưng khi cúi xuống nhìn thì nàng thấy Hòa đang vạch những đường nét trên ngực mình.

Nàng cau mày hỏi :

— Anh làm cái gì mà kỳ vậy ? Làm sao mà giặt cho sạch ?

Hòa tủm tỉm cười :

— Anh viết tên anh trên trái tim em. Em thử cúi xuống đọc xem.

Lan cúi nhìn và nhận rõ chữ Hòa trên gò ngực.

Hòa vẫn cười :

— Em có ngại giặt không sạch không ?

Lan trề môi lắc đầu :

— Tưởng gì chứ tên anh thì em... giữ lại.

Hòa cầm tay Lan vuốt nhẹ :

— Em đáng yêu quá !

Giờ đây lại được nghe lại bản nhạc này, Lan tủm tỉm cười hoài. Nàng cúi nhìn chiếc áo mình đang mặc. Chữ Hòa vẫn còn in rõ nơi vị trí cũ.

Nói về chuyện yêu đương thì Lan không thiếu thốn gì. Khi chưa gặp Hòa, Lan đã một hai lần yêu rất thành thực nhưng bị thất vọng nên nàng thề « phải làm cho bọn đàn ông khổ sở, điều đứng mới há dạ ».

Ngay khi gặp Hòa, lúc đầu Lan cũng toan tính như vậy, nhưng qua những lời nói đầy văn vẻ, bay bướm của Hòa, ý định « trả thù đàn ông » của nàng đã bắt đầu... lỏng lẻo.

Rồi vì một cử chỉ đặc biệt của Hòa, chàng đã ghi tên mình trên ngực áo nàng—một lối tỏ tình rất mới lạ—nên Lan đã cho Hòa biết địa chỉ nhà nàng và mời chàng sáng hôm sau tới chơi.

Vì nhà Lan ở vào một khu vực có rất nhiều ngõ hẻm nên nàng dặn dò chàng rất kỹ :

« Anh đi qua một cái phong-ten nước bên tay mặt nhưng anh cứ đi thẳng độ hai chục thước, anh nhìn sang phía bên trái có một ngõ hẻm, ngoài đầu ngõ có một phong-ten nước nhưng anh đừng có dzô. Anh cứ đi thẳng độ mười bước, bên tay mặt có một ngõ hẻm. Đấy, nhà em ở hẻm đó. Anh ngoẹo vào và tìm nhà số TK 3/21/5/ L.G.7. Em ở trên lầu... »

Hòa nghe Lan tả tỉ mỉ như vậy cũng phát ngán, Lan biết ý nên phải bảo :

— Thôi được rồi, em sẽ ra tận chỗ phong-ten nước đầu tiên để đón anh.

Hòa gật gù :

— Như vậy thì được, chứ một phong-ten nước, hai phong-ten nước, một ngõ, hai ngõ thì... mệt óc quá.

Trong lúc Lan mãi chìm đắm trong cơn mơ dĩ vãng, ánh nắng đã tỏa tới đầu giường. Lúc này Lan mới ngáp dài và ngồi dậy. Nàng ra đứng trước tấm gương dài của chiếc tủ đứng, vuốt vai, uốn ngực rồi khoanh tay nhìn mình trong gương.

Trong lúc Lan cử động làm mấy động tác vuốt vai, uốn ngực thì có hai chiếc nút bấm bị bật tung ra làm bóng người trong gương lộ một khoảng trắng nơi ngực.

Lan nhìn khoảng trắng đó rồi nhìn mắt mình. Nàng nháy mắt với... nàng trong gương rồi làm bầm :

« Hôm nay mình phải làm cho Hòa lạc vào « mê hồn trận » mới được. »

Khi đó, ở nơi hàng ba, Hằng và Thủy — hai cô gái cùng ở chung với Lan — đang tán gẫu về tích tuồng cải lương hồi hôm hai người đi coi, thấy Lan thức giấc liền chạy vào :

— Sao sáng nay chị dậy sớm thế ?

— Hai cô ăn sáng chưa ? Lan hỏi lại.

— Chúng em ăn rồi.

— À, sáng nay chị có khách tới nhà. Em đi mua cho chị một tô phở đi.

— Ai thế chị ? Thủy vội hỏi.

Vì hồi hôm, Thủy và Hằng đi coi hát nên cả hai không biết chuyện của Lan và Hòa.

Lan cười :

— Các cô không biết đâu. Anh Hòa !



Bất ngờ cả Hằng và Thủy cùng liếc nhìn nhau. Cái tên Hòa, nhắc nhở hai người cùng nghĩ tới một người mà cả hai cùng quen biết hồi còn ở với gia đình. Tuy nghĩ vậy, nhưng không một ai lên tiếng.

Hằng lẳng lẳng xuống lầu đi mua phở cho Lan. Còn Thủy cũng đi thu dọn những chiếc mũ xoa, những chiếc xù-chêng phơi ở góc buồng.

Khi Hằng mang phở về, Thủy gọi bạn ra một chỗ nói nhỏ :

— Tao ngờ ngờ anh Hòa kia quá mày à !

Hằng gật đầu :

— Ừ, sao cũng nghĩ quá. Nếu đúng thì mệt đó. Anh biết chúng

mình ở đây thế nào cũng về nhà nói lại.

Nhưng ngắm nghĩ :

— Chẳng lẽ chúng mình lánh mặt anh ấy ?

Hằng lắc đầu :

— Đâu có lánh được. Dù bây giờ mình bỏ đi chơi, biết đâu tới nay, tới mai anh tới rồi cũng gặp mà.

Thủy cau mày :

— Ừ nhỉ. Thôi được rồi. Nếu phải đúng anh ấy thì chúng mình năn nỉ anh đừng cho ai hay mình ở đây, cũng như bán cho c i Lan.

Trong lúc hai cô gái còn đang lo ngại vì sợ gặp người quen cùng phố thì Lan bắt đầu trang điểm.

Liếc nhìn đồng hồ thấy đã

mười rưỡi, Lan vội kêu Thủy đi ra tiệm nước mua mấy chai 33 và một đĩa tôm khô củ kiệu.

— Nhớ lấy nhiều đá nghe em kéo để lâu nó chảy hết. À, nhớ mua thêm bao Pall Mall nữa, anh ấy ưa hút thuốc lá đó lắm.

Hằng can :

— Mua thuốc lá ấy làm gì hà chị ? Mua Ruby hơn, mình còn hút được chứ thuốc lá Mỹ nặng lắm.

Lan cười để dài :

— Thôi thì hôm nay chúng mình sai « gu » Mỹ thử chơi.

Hằng nghĩ thầm : « Mới gặp nhau có một lần mà chị đã có vẻ mến người ta rồi. À, chắc không phải anh Hòa đó đâu, vì anh chỉ ưa Capstan thôi. »

Tuy nghĩ vậy nhưng Hằng lại phân vân : « Ồ, biết đâu anh đã đổi « gu » thuốc lá ? »

Tim Hằng đập nhanh. Không phải là nàng sợ Hòa, vì Hòa đâu có họ hàng, giây mớ rế má gì với nàng và Thủy, nhưng nàng cũng vẫn thấy ngại ngùng một khi đề cho Hòa biết hai người bỏ nhà đi để bán bar.

Nhìn thấy Lan nôn nao chờ đợi Hòa tới thì Hằng cũng nôn nao không kém. Nàng chẳng biết

làm gì hơn là mang mấy cái ly không ra bày trên bàn... rồi chờ đợi.

Mười một giờ thiếu năm.

Lan chọn chiếc áo dài màu xanh nhạt treo trong tủ gương. Nàng cởi bỏ áo ngắn rồi mặc áo dài vào. Ngắm trước ngắm sau hai ba lần, Lan mới bước ra cầu thang. Gặp Thủy mang lade về Lan dặn :

— Em để sẵn trên bàn để chị ra ngoài ngó đón anh.

Thủy ngạc nhiên :

— Thế chị không cho anh ấy biết rõ nhà à ?

— Có. Nhưng anh sợ khó kiếm nên chị có hứa sẽ ra đầu hẻm đón anh.

— Vậy chị đi lẹ đi.

Lan gạt đầu rồi đi thẳng ra chỗ hẹn. Nàng thấy Tuyến đứng ở đầu ngõ—Tuyến là em họ Hòa, hồi hôm có đi cùng với Hòa tới quán rượu của Lan. Lan mỉm cười chào Tuyến rồi nhìn quanh không thấy Hòa đâu cả. Tuyến vội lên tiếng :

— Hôm nay anh Hòa mắc bận phải đi làm nên có bảo tôi tới cho chị hay kẻo chị phải đợi vô ích.

Lan nghe nói vậy thì bực quá. Bao công phu chuẩn bị để rồi bị « hớ »

Tuyển thấy Lan mặt lăm lăm lì lì, biết ngay người đẹp đang rửa thềm anh mình nên nói ngay:

— Chị đừng nên phiền. Quả thật anh hôm nay bất ngờ bị trục ở cơ quan. Thôi bây giờ nhiệm vụ của tôi hết rồi, chị cho phép tôi về nhé!

Lan nghĩ tới lúc mình về nhà, sẽ bị hai con nhỏ cười mũi là mình bị ăn thịt thỏ—tuy mình là người mời—và mấy chai la de sắp... nguội, nên vội nói:

— Ấy đâu có được. Cậu đã tới đây thì hãy vào nhà tôi chơi đã. Trước là để biết nhà rồi bữa khác dẫn anh Hòa tới đây kéo anh ấy kêu sợ lạc đường. Và...

Lan ngập ngừng đôi chút rồi nói tiếp:

— Tôi có dành sẵn mấy chai la de và đồ nhắm để mời anh Hòa, anh Hòa không đến, tiện có cậu, cậu uống thay cho anh.

Tuyển xoa tay cười:

— Cả chứ la de thì tôi không có chề.

Lan cười rồi thoăn thoắt bước đi trước. Tuyển đi sau nghĩ thầm: « Ông Hòa cũng kỳ, em đã cho địa chỉ thì cứ đến lại còn sai mình. Cũng may mà em Lan này có vẻ thành thật nên mới ra đón, lại có châu ăn nhậu nữa, kể số mình cũng hên ».

Tuyển bước nhanh lên hỏi Lan:

— Chị ở có một mình ư?

— Tôi có hai đứa em ở chung.

— Em trai hay gái hả chị?

— Cả hai cũng là em gái, cỡ mười tám!

Tuyển kêu lên:

— Chà! ngon lành quá ta! có xinh không chị? Chị làm mai cho em một cô nhé! Xong rồi em sẽ dâng biếu chị một chiếc đầu heo.

Lan bấu môi:

— Đầu heo ai mà ham. Rồi lỡ ra heo lại không có tại có phải ế người bà mai ra không.

Tuyển làm ra bộ bất cần:

— Ồ, thời buổi này ai thèm chú trọng tới chuyện nhỏ mọn đó.

Hai người nói chuyện đến đây thì tới nhà. Hằng và Thủy đang đứng trên lầu nhìn xuống thấy người đi theo Lan không phải là Hòa quen biết nên đồng thời dãi yên tâm.

Hằng hỏi Thủy:

— Mà có quen không?

Thủy lắc đầu:

— Không. Còn mà?

— Cũng vậy!

Tuyển đang bước lên, ngược nhìn thấy hai cô gái, đoán biết là

người mà Lan đã nói lúc nãy liền mỉm cười chào. Thủy và Hằng cũng gật đầu chào lại.

— Hằng! Em khui lade cho anh Tuyển uống đi, Lan dự. Còn Thủy đi nường mấy con mực nghe em.

Cả Hằng và Thủy cũng ngạc nhiên. Lan biết ý và giải thích:

— Anh Hòa mắc trục không đến được nên cho cậu em tới cáo lỗi.

Thủy nghĩ thầm: « Anh chàng này có đôi mắt gian quá, cứ nhìn mình hâu hâu như mắt diều hâu vậy ».

— Tuyển ngồi xuống đi, Lan nói. Làm gì mà nhìn em gái tôi dữ vậy? Thủy đó! Nó hiền lắm nếu cậu mà không biết chiều nó là có chầu nó xin... huyết cậu đó.

Tuyển lè lưỡi:

— Chà! Hiền khô he! cái diều đó thì em xin vác chiếu đi nơi khác thôi.

Lan cười:

— Vậy Hằng nhé! Con bé này thì ngoan thiệt. Lại biết ca tân nhạc nữa, chỉ phải một tội...

Tuyển ngược nhìn đôi môi Lan chờ đợi. Hằng vừa khui la de rót ra ly, cười nói với Tuyển:

— Anh đừng có tin chỉ. Em

đâu có biết hát, chỉ hay ngủ thôi đấy, tội của em đấy.

Lan lắc đầu:

— Hay ngủ đâu phải là một tật xấu. Ý tôi muốn nói là cô em lúc ngủ hay... gác chân lên cổ người nằm bên cạnh lắm.

Hằng hứ lên một tiếng rồi bỏ chạy vào nhà trong. Bất ngờ nàng chạm phải Thủy vừa mang đĩa khô mực ở trong bước ra. Mấy con khô rớt xuống đất. Thủy đứng khựng tay lờm nói:

— Đi đâu mà vội vậy?

Hằng không đáp, vội cúi xuống nhặt khô mực lên. Còn Lan và Tuyển thì cười ròn rã.

Lan nói:

— Thôi, không có gì cả. Thủy với Hằng ra đây cùng uống cho vui.

Chờ cả hai ngồi xuống, Lan chỉ bao thuốc lá bảo Tuyển:

— Tuyển hút đi,

Tuyển lắc đầu rút trong túi ra nói:

— Em chỉ ưa loại Bastos đồ này thôi.

Lan nói:

— Chốc nữa Tuyển mang bao Pall Mall này về cho anh Hòa, bảo của chị Lan gửi cho đấy.

Tuyển cười

— Quý hóa quá nhỉ.

Quay sang phía Thủy ngồi.
Tuyển hỏi :

— Còn tôi thì Thủy tặng chi ?

Thủy đang uống, vội vã đặt ly xuống chùi miệng rồi đưa khuỷu tay ra nói :

— Có cái này thôi.

Tuyển cầm tay Thủy nói :

— Ê, điều gì mà dữ vậy ta !
Kiểu này tôi không có ham !

Hằng cười :

— Thủy nó chỉ dọa thể thôi, chứ nó hiền khô à. Em thấy anh chị có vẻ xứng đôi lắm nghe.

Thủy diễm mặt Hằng :

— Xí ! muốn ăn thì cứ việc ăn chứ đừng vờ vịt gắp cho người nghe không !

— O, người ta nói thiệt mà !

Tuyển cười :

— Cô Hằng nói đúng đấy !
Chính tôi cũng nhận thấy tôi với Thủy có vẻ hợp lắm có phải không chị Lan ?

Lan cười :

— Đúng !

Thủy xé miếng khô mực trao cho Tuyển một miếng rồi nói :

— Chỉ được cái khôn vờ vào chưa ?

Hằng dơ tay :

— Đấy nhé ! Anh chị đã chia phần cho nhau đấy nhé !

Thủy ngàng mặt :

— Đúng rồi. Rồi sao nữa ? Bỏ còn muốn nói gì nữa không ?

Hằng cười :

— Cái đó tùy anh chị chứ em còn nhỏ, em có biết cái gì đâu.

Câu nói của Hằng làm mọi người cười nôn ruột.

Mọi người ăn uống vui vẻ cho tới khi các chai la de đến cạn. Tuyển vuốt bụng đứng dậy, chép miệng :

— Ngon ! nhất là khô mực.

Thủy nghe nói háy Tuyển một cái. Tuyển làm như không để ý, quay nói với Lan :

— Cám ơn chị đã cho tôi một bữa say sưa. Bây giờ cũng muộn rồi, tôi phải về.

Lan cũng đứng lên.

— Cậu về hả ?

— Vâng.

Tuyển đáp rồi quay sang Hằng :

— Tôi về nghe cô Hằng. Hôm nào tiện dịp tôi sẽ tới nghe Hằng hát.

Hằng cười :

— Chủ nhật tới nhé.

Tuyển lắc đầu :

— Không được, vì sáng mai tôi phải đi Kontum rồi.

Thủy vội lên tiếng :

— Thiệt sao anh ?

Tuyển cười :

— Thiệt mà. Khi nào có dịp được về phép, tôi sẽ tới thăm Thủy. Mong rằng khi đó Thủy vẫn còn nhớ tới tôi.

Thủy chớp mắt :

— Em không quên anh đâu. Nhớ viết thư về thường cho em nhé !

Tuyển gật đầu rồi từ giã ba cô gái xuống lầu.

Đôi mắt Thủy như hơi mờ đi. Nàng thần thờ nhìn theo cho tới khi Tuyển đi khuất hẳn mới thở dài thành tiếng.

Hằng lặng lẽ theo dõi cử chỉ của bạn, khi thấy Thủy đã định thẫn lại, mới bước tới hỏi nhỏ :

— Bộ mày yêu anh Tuyển rồi sao ?

Thủy chớp mau mắt :

— Có thể ! Khi Tuyển ra về mình thấy như thiếu thốn một thứ gì.

Lan cười :

— Thời buổi này tình yêu đi lẹ quá he !

Thủy ngược nhìn Lan :

— Còn chị với anh Hòa thì thế nào ?

Lan nhún vai không đáp nhưng nàng lại thầm nghĩ : « Ừ, chính mình cũng vậy. Mới gặp Hòa mà mình đã thấy thương, thấy nhớ, muốn chiều chuộng. Anh Hòa có hiểu cho lòng em không ? »



* CUNG CƠ *

Bà vợ lên nghỉ mát ở Dalat đã 2 tháng nay. Một hôm ông chồng tiếp được một bức điện tín của bà « kêu cứu » :

« Cung ơi, em lỡ đại thua hết tiền rồi. Cung tha lỗi và gửi gấp cho em 30.000\$ bằng măng-đa giấy thép. Cám ơn và hôn cung »

Bốn mươi tám giờ sau, bà nhận được măng-đa giấy thép của chồng với mấy câu :

« Cung ơi, anh tha lỗi và gửi tiền lên em đấy nhưng từ rày em nên nhớ rằng 30.000 chỉ viết với ba con số, hông chứ không phải bốn con đâu nghe cung ! »

Bà vợ mặt đang hớn hở trở nên buồn xo vì « cung » chỉ gửi có 3000\$ thôi !

Tiếng nói rừng sâu vọng thi thành
Xuân này tươi thắm — Có không em ?
Anh mơ... mơ ước mùa xuân ấm
Mơ ánh hoa đăng ngập trước thềm

Trọn vẹn không em ? ?
Hậu phương có đón xuân êm
Có ngàn hoa nắng cài rèm giai nhân

Nhận được bài thơ người anh tiền tuyến
Tôi băng khuông biết nói gì đây !
Từng đêm rồi lại trắng đêm
Mưa thương vay nhớ cho mềm tóc tơ
Vùng dĩ vãng cài sâu ánh mắt
Niềm suy tư thao thức d m trường.

Anh kể tôi nghe chuyện rừng thương biên nhớ
Tôi kể anh nghe chuyện quê nhà ray rứt mầu mùa
trắng

— Đất Quảng thân yêu
Quê hương của mẹ
Có dòng nước ngọt lững lờ trôi
Hàng dâu xanh nối tiếp khung trời
Bãi cát mênh mông cò vút cánh
Ngũ-hành-sơn hùng vĩ đứng muôn đời
Anh còn nhớ thuở chúng mình đuổi bướm
Kết hoa tươi làm mào nhà vua
Dựng chiến trường mưu kế hơn thua
Anh trưởng thành, miền thù dương cát trắng
Hòa tâm hồn ngạo nghễ của rúi sông
Đã có lần anh cười hãnh diện ;
(— Quê hương ta đất nghèo dân khó ;
Nhưng giàu anh hùng chí sĩ lắm em ơi.)

Anh cố giữ mẫu người trai xứ Quảng
Biệt quê nhà khoác lớp chinh y
Anh đã nhận thức hơn tôi
Sao anh còn hỏi
Anh ơi ! Tôi xin thưa :
— Quê hương chờ tiếp nhận giá băng...

Tôi và anh cùng bao người khác
Tìm mùa xuân trọn vẹn giữa vòng tay
Tìm mùa nắng ấm sưởi tình nhân loại
Nhặt bình minh trải cánh xuân hồng.

hận cái ông Trời

Họa 2 bài thơ « Hận cái ông Trời » của Diệu-Huyền, trang số Phổ-Thông 440

I

Cả đến toàn cầu chỉ một Ông.
Khai sinh muôn vật, tạo non sông.
Cây trồng đủ giống, chim nhiều loại,
Nước đổ về đông, đá chập chồng.
Họa phước tự tay chia thiện ác.
Uy quyền vững nắm cả ngoài trong.
Chẳng chi đôi xứ gây mưa gió,
Cả đến toàn cầu chỉ một ông.

II

Tứ xứ riêng chi một tỉnh Gòn,
Đâu đâu cũng có hạng tình ôn.
Đồ đoàn quyền giúp tiền trăm triệu,
Xén bớt không từ gạo nửa lon.
Nghe nói phái đoàn toan đến giúp,
Được tin, ai nấy lại không nòn.
Giận cho lũ quỷ vô nhân đạo,
Tứ xứ riêng chi một tỉnh Gòn !

* LAM-ĐÌNH

* Lụt Bảo

Tại hại năm Thìn quá thế thôi !
Sanh linh chìm đắm úy chao ơi !
Bảo đi, nhà cửa tan tành ngã.
Lụt lại, hơn dân lúc ngúc trôi.
Bọn Cộng thừa cơ tung cướp bóc.
Miền Trung sanh kế sống loi ngoi...
Nếu không chinh phủ mau tay cứu,
Ma đói tung hoành khắp nơi !

* LAM ĐÌNH

(Thăng-Bình Quảng-Tín)

KHUYỄN CÔNG PHƯƠNG

(Inu Kubô)

hay là

« CHÓ
TƯỚNG
QUÂN »

dưới
trung-cò thời
Nhật-bản

★ Châm - Jū

sưu-tầm và phiên-dịch

Khuyễn - Công - Phương
Đây là hiệu-danh mà dân-
tộc Nhật-bản hài cho một
trong những bạo-chúa của
dòng Đức - Xuyên cầm quyền
Tướng-Quân bên Mạc-Phủ đóng
tại Giang-Hộ (Đông Kinh).

« Khuyễn » là con chó. Trong
ngôn-ngữ Nhật - Bản, danh-từ
« khuyễn » cũng như Việt-Nam
ta, dùng về nghĩa bóng để tỏ ý
khinh bỉ hoặc chê bai. Ngữ-vựng
có giải nghĩa về nghĩa bóng
này như sau : « INU : *Ototta
mono ya iyashimeru imi wo ara-
wasu setsu-thô go (Inu samurai).*
Có nghĩa « Khuyễn : tiếp-dầu-
ngữ để tỏ ý khinh miệt người hèn
hạ cứ chịu ở dưới người.
(Khuyễn vũ-sĩ),

Còn « công-phương » là
thượng-kính ngữ mà các vũ-gia
tướng-tá dùng để chỉ và khải-
trình trước vũ-gia Lãnh-Chúa của
mình, cũng như kêu « điện-hạ »
để chỉ nhà vua vậy.

Nay, người Nhật dùng tiếp-
dầu-ngữ « khuyễn » để hiệu-danh
vị Tướng-Quân quyền-uy nhất
nước, thuộc một dòng họ có sức
mạnh tuyệt-đối, coi ngôi Thiên-
Hoàng như cỏ rác, buộc chọn
Thái Tử phải xin phép Mạc Phủ,
đặt ra đạo Luật buộc Hoàng-Gia
phải tuân theo, cắt xén niên-
cấp của Hoàng-Gia đến độ lâm
vào nghèo nàn thiếu thốn

KHUYỄN CÔNG PHƯƠNG

Đu mọi phương-diện (1) thời không rõ có phải đề sĩ mại hay đề đánh
đấu thứ chính-sách cai-trị đến oái oăm khốc liệt, làm cơ khổ đồ thân nhân
dân hơn nữa, trong khi đã bị túng đói điêu tàn.

Dòng họ Đức-Xuyên nhờ nơi thiên-bẩm khôn ngoan vào hạng
« lấu cá » của thái-tổ là Đức-Xuyên Gia-Khang (Tokugawa Ieyasu.
1542-1616) mà nên đại-nghiệp Tướng-Quân lâu dài trong 263 năm.
Thối lấu cá như dưới đây của Đức-Xuyên Gia-Khang, là cứ ngồi
yên, mặc cho thiên-hạ gồm 170 vũ-gia Đại-Danh lĩnh-chúa tự-trị ở
cuối thời Chiến-Quốc xúm vào đánh nhau tới bờ, chỉ hể thấy cơ
hội nào thuận tiện ngon sớt là ung dung thộp lấy làm lợi cho mình.

Đức-Xuyên Gia-Khang vốn là thủ-hạ của vũ-gia Đại-Danh
lĩnh-chúa Kim-Xuyên Nghĩa-Nguyên (Imagawa Yoshimoto), tại một
khu vực trong địa-phương Quan-Đông. Năm 1560, Nghĩa-Nguyên
bị tay tiểu-tướng kỳ-tài là Chức-Điền Tín-Trường (Oda Nobunaga.
1534-1582) đánh bại và tử-trận. Ở nhà, Gia-Khang bèn truất con
chủ đề chiếm lấy đất rồi tìm lời khế, kết đồng-minh với Tín-Trường
để giữ yên đất đai lúc sơ khởi.

Năm 1582, đương lúc cả thắng phần lớn các vũ-gia Đại-Danh
lĩnh-chúa đối thủ và gần năm trọn Bản-Châu thời Tín-Trường bị nội
phản nên tự-sát. Một tướng tài của Tín-Trường là Phong-Thần Tú-
Cát (Thô-yô-tô-mi Hideyoshi. 1536-1598) lên kế-nghiệp chinh-tiểu, Gia-
Khang cũng tìm lời lợi hại để kết đồng-minh với tướng này. Năm
1590, Gia-Khang liên-hợp với Tú-Cát, dẹp yên vực đồ g lãnh-
chúa kiêu hùng Bắc-Điền-thị (Hô-jô-shi) tại miền Tây-Nam Quan-
Đông. Chiến thắng rồi, Gia-Khang nắm lấy toàn địa phương rộng
rãi và trù-mật này làm thương-vật của chiến-công mình.

Năm 1591, Tú-Cát hoàn-thành sự-nghiệp thống-nhất, bèn coi
trời bằng vung, đem quân sang đánh Triều-Tiên lấy đường xâm lăng
Trung-Quốc thời riêng Gia-Khang án binh bất động, cứ ở lì chiêu
binh mãi mãi ở Quan-Đông để tự cường, không cả giúp cho Tú-Cát
lấy nổi một bát gạo lương thực. Đến năm 1598, sau hai lần bị liên-

(1) Nguyên dòng họ Đức-Xuyên chiếm-hữu đến 23% đất đai, tài
nguyên và tài-chính quốc-gia, để lại cho Hoàng-Gia, quý-tộc, công-gia
dân quan hàng vạn gia đình không đến 0,5% tài-sản nhà-nước.

quân Trung-Quốc—Triều-Tiên đánh bại, Tú-Cát nghĩ uất-ức mà chết, để lại con nhỏ mới 6 tuổi. Lấy danh-nghĩa phụ-chính, Gia-Khang từ Quan-Đông lên Kinh-Đô, chỉ vài năm là đuổi vợ con Tú-Cát xuống Đại-Bản mà chiếm lấy cơ-nghiệp thống-nhất. Thế là, Gia-Khang chính-thức cầm quyền trung-ương từ 1596 và bách thúc Hoàng-Gia phong cho chức Chinh-Di Đại-Tướng-Quân từ 1603. Cho nên, người ta mới nói rằng: Chức Điền Tín-Trường thì cay ruộng, Phong-Thần Tú-Cát thì cấy lúa để Đức-Xuyên Gia-Khang ung dung vén tay áo mà gặt thóc ăn no mãi về sau này, bằng chính quyền Tướng-Quân tại Giang-Hộ.

Đức-Xuyên Mạc-Phủ truyền đến đời Tướng-Quân thứ Năm, là Đức-Xuyên Cương-Cát (Tokugawa Tsunayoshi, 1680-1709). Người này, khi mới lên nối chức anh cầm quyền thiên-hạ, trong khoảng mấy năm đầu cũng có công hoằng-bá Khổng-học và Tống-học, nói rộng uy-tín cho Hoàng-Gia và niên-cấp cho Thiên-Hoàng, nhưng rồi vì chút hoàn cảnh riêng mà bị bọn tả-hữu bất-chính cùng vu-nhân thuật-số xúm vào bầy vẽ đường lối đến nỗi gây thêm đồ thán, đối khổ cho nhân-dân (1) hơn nữa và mắc tai tiếng là Khuyển Công-Phương về mãi mãi sau này.

Nguyên bào-huynh của Đức-Xuyên Cương-Cát là đệ-tử Tướng-Quân Đức-Xuyên Gia-Cương (Tokugawa Ietsuna, 1651-1680) đã vô-tự nên ngôi cao mới truyền đến em. Nhưng Cương-Cát cũng rứa, kế-nghiệp anh và đã ngoài 40 tuổi rồi vẫn chưa có con, thuốc thang tầm bõ, chạy chữa cho ông, chạy chữa cho các bà đến mấy vẫn vô hiệu. Từ đấy, Cương-Cát xa lánh các nhà thức-giả hiền-thần, chuyên tin lời bần của bọn trác-dụng-nhân (soba-yô-nin) khiến chính-sự bị lạc hướng ở ngay sau dăm bảy năm cầm quyền.

Theo chế-độ của Đức-Xuyên Mạc-Phủ, chính-sự phải do chức Đại-Lão (dairô) gồm những dòng họ có thành-tích trung-kiên lâu đời,

(1) Dưới 263 năm (1603-1867) cầm quyền của dòng Đức-Xuyên, xảy ra 131 vụ đói có ghi chép, vụ nào ít nhất cũng trên dưới 1 triệu dân tử-nạn. Và cũng riêng dưới thời-dại này là dân-số Nhật-Bản không tăng, thủy chung gần 3 thế-kỷ vẫn chỉ 30 triệu người vì nạn phá thai, giết con lọt lòng, vứt bỏ con đã biết ăn chơi, tự-sát và chết đói, chết dịch.

bác-học và cương-nghị liêm-khiết xung vào, quyết-định việc lớn nhà nước bên cạnh Tướng-Quân. Còn trác-dụng-nhân chỉ là bọn tạp-nhân hầu cận. Chính công lao giúp Cương-Cát hoằng-bá Khổng-học và Tống-học cùng theo lẽ phải mà nói rộng uy-tín cho Hoàng-Gia là do nơi ý kiến của chức Đại-lão tên Quật-Điền Chính-Tuân (Hotta Masatoshi) dâng trình lên Cương-Cát thi-hành. Nhưng ở năm 1684, Chính-Tuân bị kẻ thù hành-thích, thế là Cương-Cát chuyên nghe theo bọn trác-dụng-nhân, không tuyền xung chức Đại-Lão nữa.

Trác-dụng-nhân dưới thời Cương-Cát, gồm phần lớn là thanh-niên trác-táng, con cái những nhà quyền-thế bất-chính, dùng lời ón thót với Tướng-Quân để xin cho chúng xung vào. Nhân nỗi lo ngại của Cương-Cát về đường tử-tức, kẻ đứng đầu trác-dụng-nhân là Địch-Nguyên Trọng-Tú (Ogiwara Shigehide) bèn cấu kết với bọn thầy chùa, thuật-số và vu-nhân, kéo nhau vào nội-phủ mật hiến Tướng-Quân phương-pháp có con nối dõi. Bọn này nhất tề khai rằng, tại kiếp trước Tướng quân đã sát hại khá nhiều sinh-linh nên oan-hồn theo sang kiếp này đòi mạng, chúng trấn giữ khắp các cửa không linh hồn nào đầu-thai nên mới hiếm muộn. Nay, muốn giải những oan hồn ấy, cần lập nhiều đàn-tràng cầu cúng, xây cất chùa chiền, đúc tượng chuông, phóng sinh cầm thú để Trời Phật thương đến là khắc chóng có con.

Đến một tăng-trưởng tại Quế-Xương Viện (Keishô In) là nơi bà thân mẫu Tướng-Quân qui y, pháp-danh Long-Quang-Thiền-Sư (Ryukô Zen-shi) thời nói với bà này rằng, Tướng-Quân sinh năm Tuất cầm tinh con Chó, vậy mà trong bao năm nay cứ phóng mặc không săn sóc che chở cho loài đồng tinh mệnh này nên mới hiếm muộn. Vậy nay, cần sửa lại đường lối bằng bảo vệ và gia-tăng sinh-sản cho Chó mới được.

Thôi thì, có bệnh phải vãi tứ phương, Cương-Cát tin cả bọn vu-nhân thuật số lẫn lời dạy của Long-Quang Thiền-Sư. Với việc lập đàn-tràng giải oan cho những linh hồn mà mình đã giết ở kiếp trước, nay không kể tại nội-phủ là cầu cúng liên miên, hết đàn-tràng này đến đàn-tràng khác, chiêng trống khói hương, sư sãi, thầy cúng, vu-nhân được dịp ra vào như mắc cửi. Tướng-Quân còn cho chở tiền bạc và

thóc lúa tới những chùa lớn cùng những linh-tử tại Giang-Hộ, Kinh-Đô, và Nại-Lương, nhờ cầu-siêu giúp, mỗi năm là mấy đàn tràng, kỳ đến có tin mừng của các bà cáo ra. Nhưng rồi tin mừng nào có thấy đâu nên Tướng-Quân Cương Cát lại càng dốc tiền của ra cầu cúng siêng năng hơn nữa.

Về xây cất chùa chiền, ông bỏ ra bao nhiêu lạng vàng, đồng thời tu bổ hai ngôi chùa Quế-Xương-Viện và Khoan-Vĩnh-Tự (Kan-Ei Ji) và tân-thiết Hộ-Quốc-Tự (Hô Koku Ji) tại Giang-Hộ.

Về đại phóng sinh cầm thú, bảo-vệ và gia-tăng sinh-sản của giống chó, năm 1687, Tướng-Quân Cương Cát theo chỉ dẫn của Long-Quang Thiền-Sư, ban hành đạo Luật, gọi là Sinh-Loại Lân Lệnh (Shô-rui Awaremi No Rei) đi toàn quốc tuân hành.

Ở đây, chúng tôi thấy cũng cần thêm rằng, pháp-luật dưới thời Mạc Phủ Đức Xuyên nghiêm ngặt đến độ xử-tử cả đến người con bất hiếu. Trong nước cứ 5 chủ gia đình vào một ngũ-nhân-tổ (go nin gumi); đề tồ-viên phạm pháp là trước hết hãy đem tồ-trưởng ra căng nọc đánh cho tơi bời đã, nhiên hậu mới xét đến tội trạng của tồ-viên. Trong nhà mà con làm phản là bố bị chết chém theo, còn có trường hợp toàn gia bị chu lục như gia-đình 18 người, từ 12 đến 80 tuổi đều bị đưa ra pháp-trường vì tội đồng-tình giấu giáo-sỹ Gia-Tô trong nhà khi lệnh tòa-quốc đã ban hành. Trong làng mà đề có tồ-chức bội-phản là toàn ban hương-lý đều bị xử trảm theo Liên-Tọa Pháp (Ren-za-Hô). Do đấy mà Sinh-Loại Lân Lệnh ban ra là cứ y thế mà răm rắp tuân theo, lại còn hơn những điều Luật qui-định là đằng khác, vì sợ tồ-viên báo-cáo lão hoặc tồ nọ nhằm sơ hở của Tồ kia mà làm hại lẫn nhau chẳng.

Sinh-Loại Lân Lệnh qui-định như sau :

1 — Cấm không được giết thịt gia-súc (trâu, bò, ngựa, dê, mèo, chó).

2 — Cấm không được săn bắn đâu là cầm hay thú, vô luận lớn hay nhỏ. Cấm không được chài lưới cá lớn. Nhà nào có đồ săn bắn đều phải nộp nhà chức-trách cho hủy đi. Bất tuân sẽ bị phạt đòn, phạt trượng, phạt tù.

3 — Với giống chó là đồng tinh-mệnh với Tướng-Quân nên nhà nào cũng phải nuôi chó. Bỏ chó đói bị phạt đòn. Thấy chó vào nhà mà đánh đuổi đi không cho ăn, bị phạt trượng. Không chịu nuôi chó bị phạt tù. Giết chó là phạm đến tinh-mệnh của Tướng-Quân nên bị tử-hình để đền mạng.

Để làm gương cho Mạc-thần và quốc-dân, sau mỗi đàn-tràng cúng lễ, Cương-Cát lại phóng-sinh cho chim, cho cá. Tại nội-phủ Tướng-Quân nói riêng và tại toàn tư thất Mạc-thần trong nội thành Giang-Hộ nói chung, nhà nào cũng nuôi cả mấy bầy chó gồm đủ các giống, làm, săn và đặt nệm cho chó nằm, chọn món cho chó ăn, săn sóc cho chó dễ, chữa chạy cho chó già chó ốm, nên con nào cũng béo múp. Tại nội và ngoại-ô Giang-Hộ, nơi trước mắt Tướng-Quân thời khởi nói, nhà giàu nhà nghèo, trại vũ-sỹ, công-sở, đâu đâu cũng đặc những chó.

Ra đến các địa phương, những vũ-gia Đại-Danh thống-quản các Xứ, dĩ chí vũ-sỹ cao cấp, viên chức cao ngạch; tại nông-thôn thời ban hương-lý đều phải làm gương cho dân mà nuôi thật nhiều chó. Mọi báo tình lên Tướng-Quân về tình hình địa-phương là tiên chung phải khai về kết-quả nuôi chó cùng lượng mức sinh-sản của chó tại khu vực mình cai trị. Mỗi vũ-gia Đại-Danh đến kỳ tham - cần giao - đại (1), khi vào chầu Tướng - Quân là phải đem mấy giống chó ở địa-phương về dâng trình. Nghĩ cũng tội nghiệp cho những vũ-gia Đại-Danh từ Cửu-Châu, Tứ-Quốc, miền Nam Bản-Châu hoặc tại những đảo xa lắc như Đối-Mã về Giang-Hộ làm nhiệm-vụ tham-cần mà khệ nệ cả đoàn cưỡi với bao nhiêu chó.

(1) Đại-loạn Chiến-Quốc Nhật-Bản, càng về tàn cuộc, đất nước càng xâu xé thành đến 170 lĩnh-gia tự-trị của 170 dòng vũ-gia lĩnh chúa. Khi Đ.X. Hộ Gia Khang thành công thống nhất, đề tất hạn hoạn, ông bắt tất cả 170 vũ-gia hàng-phục ấy phải để vợ con tại Giang-Hộ làm con tin chỉ riêng vũ-gia về lĩnh-địa mình cai-trị. Rồi cứ mỗi năm từ lĩnh-địa về chầu Tướng-Quân và xum họp với gia-đình ở Giang-Hộ một lần, ở đây một năm lại về lĩnh-địa một năm. Việc từ lĩnh-địa về Giang-Hộ chầu Tướng-Quân ấy gọi là tham-cần giao-đại (san-kin shô-tai). Về Giang-Hộ tham-cần giao-đại đều bắt buộc phải dùng đường bộ, không cho ai dùng thuyền, là để Mạc-Phủ để kiểm-soát hành-trình. Lệ này thi hành suốt thời Mạc-Phủ.

thân mình năng mưa không quản mà chỉ những đường lo lắng chăm sóc cho chó đẻ nó vẫn béo tốt khi đẻ vào dăng trình.

Đến dân gian các giới thời bất cứ là trên bộ hay dưới sông, ngoài biển, đều nhà nhà và thuyền thuyền phải nuôi chó, một đô được cái, chó đẻ bao nhiêu nuôi đủ bấy nhiêu, số lượng chó phải trình tờ tường liên-gia ghi chép phân minh.

Tình trạng nuôi chó này rồi đưa đến đâu?

Không cần xem tới những lời kêu than còn ghi trong sử sách Nhật-Bản, tất ai cũng thấy ngay rằng, rồi chỉ mấy năm sau là toàn nước Nhật đầy nhóc những chó, chó nhiều hơn người, chó hoang chạy lông nhông khắp các phố phường đồng ruộng, tranh nhau ăn, đuổi cắn nhau thành loạn chó, tắc nghẽn cả những ngõ hẹp. Lại còn những chó già đui què quặt, ốm đau nằm la liệt khắp cả mà không ai dám động đến, vì chó nhà nuôi còn chẳng hết thời hơi đâu còn rước thêm những của nợ ấy cho thêm mang lụy vào mình. Trước tình trạng chó hoang đầy khắp nước mà chẳng biết qui tội vào cho ai, buộc Tướng-Quân Cương-Cát, từ năm 1695, riêng tại Giang-Hộ phải cắt tới hơn mười cơ-sở rộng lớn, gọi là khuyến-tiểu-ốc (inu go-ya) để dồn chó hoang về nuôi, mỗi tiểu-ốc có cả mấy vạn con. Ngoài thủ-dô ra, tại các đại đô-trấn như Kinh-Đô, Đại-Bản, Nại-Lương, Tiên-Đài, Danh-cô-ốc, Bắc-Đa, Trường-Môn v.v... cũng như tại các thị-trấn thủ-phủ các xứ đều phải tùy số chó hoang mà cắt khuyến-tiểu-ốc tương tự, do quý địa-phương đài thọ. Hàng năm, có đặc-phái-viên từ Giang-Hộ đến từng Xứ một để kiểm-soát khuyến-tiểu-ốc cùng kiểm đốc việc nuôi chó của dân gian. Khuyến-tiểu-ốc là phải đủ tiện nghi cho chó ăn, chó nằm, chó đẻ, cùng mọi thuốc men săn sóc cho chó ốm, chó già.

Về phần dân-gian thời là cả một cực hình vì lệnh bắt nuôi chó.

Muốn rõ phần nào những cực hình ấy, ta kiểm-diểm qua về đời sống thường nhật của công-nông-dân, nhất là nông-dân, dưới chế-độ của Mạc-Phủ Đức-Xuyên này. Đối với nông-dân, thái-tò Đức-Xuyên Gia-Khang để lại chính-sách ghi chép rõ ràng: "*Hyak-shô to iu mono wa, korosanu yô ni, katsu ikasanu yô ni, osamete iku no ga, yoi* : Đối với nông-dân, chính-sách tốt hơn cả là đừng để chết hẳn cũng không chó no đủ" — Thế nên, thuế mới thu tới mức "lục quan,

tứ dân", nghĩa là vô-luân mùa chính, mùa phụ, bất kể hoa màu như đỗ lạc khoai, hễ đã có cấy có trồng mà khi thu hoạch là nhà nước lấy sáu phần mười. Thóc gặt về là phải phơi khô, quạt sạch, trình tờ tường rồi đánh đóng ở sân, chờ vũ-sỹ địa-phương đến kiểm-nhận và bình-nghị, lấy đi bao nhiêu, còn lại ít nhiều mới là phần gia-chủ. Tuy qui-dịnh lục-quan tứ-dân, nhưng đây là nguyên-tắc, chứ thực quyền lấy bao nhiêu là do nơi vũ-sỹ địa-phương chỉ-dịnh, không có lệ trừ cho hay miễn giảm trong những năm thất-thâu hay bão lụt.

Tuy nhiên, không phải chỉ thuế lấy đến hết thóc mà thôi, nông-dân lại còn phải gánh lao-dịch về tạo-tác kiều lộ đề điều, phục-vụ cho hương chức, cho vũ-sỹ địa-phương, cho Huyện-quan, cho vũ-gia thống-quản lĩnh-dia, hễ đã có lệnh là tự xuất cơm gạo nhà đi gánh vác cho đến kỳ xong. Không bao giờ có được nửa lời ca thán, vì hương-chức có quyền đánh dân kỳ đến mềm người mới thôi, vũ-sỹ có quyền thiết-xả ngự-miến, nghĩa là chém chết nông-dân rồi bỏ xác đó thân-nhân không được khiếu nại đâu hết. Do đấy, mới có tình trạng dưới 263 năm cai-trị của dòng Đức-Xuyên thời toàn quốc xảy đến 131 vụ đói có ghi chép. Đã từ thế-hệ trước của Cương-Cát kia rồi, tí như dưới thời đệ-tứ Tướng-Quân Đức-Xuyên Gia-Cương, 1651-1680, bởi toàn khối bình-dân, nhất là nông-dân bị đói khổ cực thái quá còn kèm thêm lao-dịch với những trận đòn đập tử nhất sinh nên dân gian đua nhau phá thai, để con vừa lọt lòng là bóp mũi cho chết, con biết ăn chơi rồi thời đem bỏ thực xa, đến thanh-thiếu-niên chỉ còn mỗi con đường tự-sát là hạnh-phúc nên số tự-hoại lên tới mức không tưởng, khiến Gia-Cương phải hạ-lệnh cấm tự-sát (?) vào năm Khoan-Văn thứ Ba, 1663, đời Hậu-Tây Thiên-Hoàng (Gosei Tennô).

Giữa tình trạng đói nghèo thâm ải thì Cương-Cát lên kế-vị anh vào năm 1680, là liền năm sau xảy ra trận đói khủng khiếp gọi là Thiên-Hòa Cơ-Cận (Ten-na Kinkin, 1681). Người chết đói đầy đường xá có tới hai triệu, kỷ-luật kiểm-tòa nông-dân trong nông-thôn của Mạc-Phủ bị nông-dân đói khổ phá vỡ, họ bỏ làng tràn lên các đô-thị cướp phá bất cứ cái gì có thể ăn được. Nơi thâm nghiêm bậc nhất là nội-phủ Tướng-Quân mà dân đói cũng liều mạng vượt qua hàng rào vũ-sỹ cận-vệ, vào năm ngà ngón xin ăn.

Giữa hoàn cảnh xã-hội bị đất đến chừng này mà Đức-Xuyên Cương-Cát lại bắt toàn dân nuôi chó, lại phải nuôi nhiều. Không nuôi bị tù (tù có nghĩa đã chịu những trận đòn chết đi sống lại từ làng đến Huyện rồi mới ném vào trại giam) nuôi chó mà để chó đói bị phạt đòn, đánh đến chết chó bị tử hình đền mạng. Để việc nuôi chó, bảo vệ chó, ăng gia sinh-sản của chó tiến hành đúng như mệnh lệnh của Tướng Quân thì tổ-trưởng ngũ-gia kiểm-soát tờ-viên và sổ-sách số chó trong Tờ là phải rành mạch. Làng kiểm-soát tờ-trưởng và làng cũng phải có sổ hộ-tích cho chó của làng, chó đẻ, chó ốm, chó chết là phải phân minh.

Đến mấy năm sau, khi chó hoang đã quá đông, đầy nhóc phố phường đồng ruộng thời dân lại khổ thêm một tầng nữa vì loạn chó này. Luật đã cấm không cho đuổi chó đánh chó. Nay với số chó nuôi trong nhà đã là gánh quá nặng đối với cảnh đói rách thiếu hụt thường xuyên rồi, lại còn thêm hàng đàn chó hoang xông bừa vào nhà lục cái ăn, thôi thì cả ngày lẫn đêm cứ những gờ độ bao nhiêu trận chó nhà, chó hoang đánh cắn nhau cũng đủ mệt. Chó hoang vào nhà mà không cho ăn thì sợ tờ trưởng cáo trình lên cấp trên, cho ăn thì chúng đâm quen nằm ì ra đấy, làm tăng số miệng chó phải nuôi lên hoài hoài. Thế nên, chính-sử mới ghi chép rằng, số nông dân phải nhịn ăn để nuôi chó này, lần lần cũng bị cạn hết lưng vốn trở thành dân đói, bỏ làng đi lang thang chết đường chết chợ không phải là số ít.

Thực là trái ngược và đau lòng, tại khắp các ngã đường, tại khắp các đô-thị-trấn, tại Giang-Hộ, là cả hàng chục vạn hành-khất khăng-khiu đói rách lê la bên cạnh những đàn chó béo mồm mồm hoặc đứng vây quanh những khuyển-tiểu-ốc nhìn đàn chó ăn không hết cơm, vương vãi tung trên mặt đất. Lại còn những chó dại nhiều đến cơ vằn, chúng cắn lung tung cả người lẫn gia-súc mà không một ai dám cầm que gậy đập chết.

Tính ra, Đức Xuyên Cương Cát ở ngôi Tướng Quân ba mươi năm thời dân-gian trung-cổ-thời Nhật-Bản bị hãm vào hỏa-ngục lẫn với chó, làm chỉ để nuôi chó, nhịn ăn đến chết đói vì chó, tù tội tử hình vì chó suốt trong hai mươi năm trường. Mà nào Cương Cát có con đâu, kiếp vô hậu vẫn hoàn vô hậu.

Phần dân-gian khổ điều linh đến độ ấy vì chó, phần Tướng Quân thời ủng vãi, làm chùa nuôi sư sãi thầy cúng vu nhân cùng dài thọ

dắc khuyển-tiểu-ốc lâu lâu đến hầu phá-sản, nên rồi nghe lời Dịch-Nguyên Trọng-Tú làm cách « thố lộn » bằng thu tiền cũ về rút ra một nửa trị-lượng vàng bạc để thế đồng vào cho số tiền lưu hành tăng lên gấp đôi, gây tình trạng lạm phát, khiến một mặt thời bị giới tư-bản và đại-thương phản đối và tẩy chay tiền mới, mặt khác đầy bình-dân vào cảnh cơ cực hơn nữa vì hàng hóa tăng giá lên kinh khủng.

Năm 1709, giữa cảnh đất nước tràn ngập những chó béo mập bên cạnh hàng đoàn và hàng đoàn nông-dân đói rách lang thang đồng thời lịch đầu mùa lan tràn khắp Quan-Đông thời Tướng Quân Đức-Xuyên Cương-Cát qua đời, thọ 64 tuổi. Về cái chết của bạo chúa vì chó làm khổ dân này có hai thuyết, một cho rằng ông bị truyền-nhiễm đậu-mù, thuyết khác cho rằng ông bị bà chính thất đánh thuốc độc. Nguyên về văn-thời, ông còn tin dùng bọn trác-dụng nhân hơn nữa nên vào năm 1709 này, ông ta đem đất Tuấn-Hà là nơi đầy nghiệp của thái tổ Gia-Khang, phong cho bọn tay chân vô-lại làm lính-dịa. Ý định này bị bà chính thất cực lực phản đối cho đây là điều điểm nhục lớn cho dòng tướng quân. Cương-Cát không nghe, cứ ký và hạ ấn, buộc bà phải chính tay hạ-sát chồng rồi thiêu hủy hết giấy tờ để giữ lại khu đất thiêng tờ truyền khỏi bị ô uế.

Đức-Xuyên Cương-Cát vô-hậu, cháu gọi bằng chú ruột là Đức-Xuyên Gia-Tuyên (Tokugawa Ienobu, 1709-1712) đã 47 tuổi lên kế-nghiệp. Việc trước nhất của ông này là hủy bỏ tức khắc Sinh-Loại Lân Linh, cho dân gian được tự do săn bắn chài lưới, vật chết hết chó tại các khuyển-tiểu-ốc và thông-sức dân-gian được tùy nghi, muốn ai nuôi chó thời nuôi, bằng không thời thôi. Phóng thích 7.000 người đương bị lưu đầy vì chó.

Dân gian sung sướng thờ phào, đem tất cả những uất hận trong 22 năm qua lại đổ hết lên đầu hàng bao nhiêu triệu chó vô tội, nghĩa cả đập chết bằng hết. Cảnh đi săn đuổi chó hoang để tận diệt nạn chó dại còn lại rai đến ít lâu sau, nhưng cái tên KHUYỀN-CÔNG-PHƯƠNG để hiệu-danh cho bạo-chúa Cương-Cát thời còn lưu-truyền đến muôn đời.

Khuyển-Công-Phương có nghĩa là Chó Tướng-Quân. Không rõ người Nhật hiệu-danh này cho Đức-Xuyên Cương-Cát là để sỉ mạ hay để đánh dấu thứ chính sách cai-trị cá-biệt của một trong những bạo chúa của đất nước? Người Việt chúng ta là ngoại-cuộc nên xin để tùy suy luận của mỗi người.

Ngây về xứ Huế

(Thầy Hiếu-Đệ, đáp bài thơ của Kiên-Giang đăng trong Phở Thông số 140)

★ LÂM-VỊ-THỦY
(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Cuối tháng này thầy xa xứ Huế
Xa lìa Đồng Khánh, mái trường xưa
Và xa em nữa, cô trò nhỏ
Áo tím còn nguyên mộng với mơ.

Thầy đi tròn bốn phận người trai
Gió bụi chinh y bạc dậm dài
Sẽ không quên được màu hoa cũ
Sẽ nhớ vô cùng một bóng ai

Em hãy ngồi yên cho thầy về
Bức hình em trước buổi chia ly
Ô hay! Sao bút màu run thế
Có lẽ... mà thôi... nói nữa chi!

Giữa đêm mù tối, thầy xa Huế
Đề tránh cho nhau phút nát lòng
Đã nghĩ về em như vẫn nghĩ
Người yêu từ vạn thuở chờ mong.

Tàu chở thầy đi trong nỗi tiếc
Bàn tay ai vậy lúc tàu qua
Mưa dầm xứ Huế lòng thêm lạnh
Sương khói làm cay mắt lệ nhòa...

Em ơi có biết hôm rời Huế
Thầy chỉ mang theo một bóng hình
Với một trái tim đầy kỷ niệm
Đề làm khăn gói kiếp phiêu linh.

Ở đây có những chiều đi tập
Những buổi hành quân qua núi đồi
Chợt thấy màu hoa vương lối cỏ
Thầy bỗng đứng buồn nhớ tới ai.

Thôn Vỹ hàng cau nặng có lên ?
Trường Tiền thêm mấy nhịp cầu duyên
Từng đêm nghe súng phương trời nổ
Ngỡ pháo hồng vui đưa tiễn em...

Nơi đây không rượu để vui sầu
Đề cố quên hình bóng của nhau
Túy ngoại sa trường quân mạc tiểu
Ngày về xứ Huế chắc còn lâu

Biết ai chờ đợi đề mà mong
Áo tím rồi đây đi lấy chồng
Mai một trường xưa thầy trở lại
Lặng nhìn hoa đỏ một bên sông...

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

PHỔ - THÔNG SỐ TÂN NIÊN, 143

Sẽ phát hành vào đúng ngày

16 tháng 2 năm 1965

(tức là ngày 15 tháng giêng)

★ Cô Phạm-thị Ngọc-Loan, Hàm-Tử Sài Gòn

Đây, địa chỉ của Mai-Anh :

Studentenwohnheims 5, Leibnizstrasse 18, 3392, Clausthal
Tellerfeld.

W. Germany
(Allemagne Occidentale)

● Ông Cẩm-Sa Sơn-Châu, Quinhơn

Về việc dự Giải Tao-đàn Bạch-Nga 1965 :

- 1) Thơ dự giải phải gởi 10 bài.
- 2) Phải ký tên thật, hoặc Bút-hiệu.
- 3) Phải gởi Bảo-đảm về :

« Ông Thư-ký Thường-Trực Tao đàn Bạch-Nga Tòa soạn
Phở-Thông »

Xin coi kỹ lại Phở-Thông số 140

★ Bạn Kha-Huyền-Thanh, Pleiku.

Không thành thi bỏ. Tìm hạnh-phúc ở người khác. Nhớ
câu thơ của Vigny :

Pleurer, Crier, Gémir, est également lâche.
(khóc, kêu, rên, đều là hèn)

● Bạn Huyền, Sài Gòn.

« Một lễ Noël vui vẻ » viết tiếng Đức phải thế này mới
đúng : *Pröhliche Weihnachten* (chữ ỗ có hai chấm ở trên, nhà
in Việt-ngữ không có chữ đó).

● Ô. Trang-Thanh-Liêm, Angiang

5-12-1942 = 28-10 Nhâm-Ngo

Hai câu hỏi khác, xin ông xem lại các số P.T. cũ, đã có giảng rõ.

● **Cô Mai-Thu-Nhi, Dalat**

18-3 Giáp-Thân = 10-4-1944

★ **Cô Ngọc-Vũ, Phan-Thanh-Giản, Cần-Thơ**

Móng ngựa đã mòn, lưom treo trong nhà, là biểu hiệu sự may mắn (Porte-bonheur), theo phong tục Tây-phương. Đã có giảng rõ trong các số P.T. cũ.

● **Mrs M. O'Neil, Philadelphia (U.S.A.)**

1) Chữ Tết, là do chữ «Tiết» của Tàu có nghĩa là ngày Lễ.

Tháng Chạp, do chữ Tàu : Lạp nguyệt 腊月

Tháng Giêng, do chữ Tàu : Nguyên nguyệt 元月

2) Thưa bà, người đàn-bà Việt-nam chúng tôi không bao giờ để cho chồng làm bếp, như ở bên Mỹ. Phận-sự làm bếp là để dành riêng cho đàn-bà, và phận-sự đó rất được Quý-trọng, cho nên chúng tôi thường xưng tôn người đàn-bà trong gia-đình là «Nội Trưởng» có thể dịch ra Anh-ngữ là «Home General». Thank you much for your wishes.

★ **Cô Trần-thị Huỳnh-Hoa, Chợ-mới, Di-Linh.**

Ngày sinh của cô, 21 tháng 2 nhuận, Đinh-Hợi, tức là ngày 12-4-1947.

Ngày sinh của Má cô, 23-3 Kỷ-Dậu, là ngày 12-5-1909.

★ **Mr. Josef Portfiro, Linguano, Philippines**

«Tôi không biết...» I don't know

«Tôi chẳng biết», «Tôi chả biết» : I don't know anything

«Tôi chỉ biết» I only know

Xin cảm ơn thư ông chúc Noël.

● **Hội Sinh-viên Việt-Nam tại Nhật-Bản**

Vietnamese Students' Association in Japan.

862 Komaba-cho Meguro-ku Tokyo.

Ban chấp-hành mới nhiệm kỳ 27-12-64 — 26-6-65.

Hội-trưởng	: Lê-văn-Phong
Long Thư-ký	: Nguyễn-Ngọc-Quân
Trưởng ban Tài-chánh	: Phạm-quý-Bảo
Trưởng ban Văn-hóa	: Vĩnh-Sính
Trưởng ban Xã-hội và Thể-thao	: Lại-văn-Khiết

SÁCH BÁO MỚI

● **Tầm Tay của Tuổi**

Thi-phẩm của Song-Nguyên - Hoài-Thảo, Ngọc-Thùy-Khanh, Lê-thị Bích-Ngọc, Phạm-nguyễn-Gyễn.

Thơ của bạn trẻ, cảm hứng hăng say, dồi-dào. Các bạn cố gắng nữa, sẽ thành công nhiều. Thoại - Ca xuất - bản. Quay Ronéo.

● **Niềm vui Sáng Tạo**

Tại-phẩm của Hoàng-ngọc-Khôi, Y-sĩ Đại-Ủy. Cảm hứng chân-thật. Lời thơ đẹp. Giao-Điểm xuất bản, An-loát đẹp. Bản đặc-biệt không để giá.

● **Đêm Giã-từ**

Thi tuyển của Pháp-Minh Trang-Huyền-Trang. Linh-Quang Tịnh-xá Phú-nhuận xuất-bản. Thơ trẻ và đẹp, nhiều bài hay, không để giá.

TÌM VIỆC

Học sinh đệ I, tha-thiết tìm việc làm vừa sức : thơ-ký, kèm trẻ em, điều- khiển được máy in offset Marinoni. Rất mong sự ưu-ái của quý-vị.

Thư về Phương 277/17 Vân-Đồn, Saigon.

**Các bạn xem mỗi ngày trong
nhật báo**



- ★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRỊ. của N.V
- ★ THẠCH-BÍCH-SƠN, truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ
- ★ NHẬT KÝ của DIỆU-HUYỀN

Chủ nhiệm; Chủ bút: NGUYỄN-VỸ

BROMOCALCYL

SIROP

NGỪA NGẪY, KHỔ NGỦ
HỘI HỢP, BỆNH THẬN KÍNH
THUNG CHUNG CÓ GIÚT BẠO THỊT

CALVIT B.12

SIROP và VIÊN

CƠ THỂ SỤY YẾU, GÂY CƠM
TRẺ EM CHẬM LỚN
TRỊ THIẾU MÁU, DƯỠNG SỨC

CORTONYL

GOUTTES

YẾU TIM, HỘI HỢP, MỆT
CHÔNG MẮT, XÂY XÂM
MẮT NGỦ, DƯỠNG TIM

PNEUMOREX

SIROP và VIÊN

TRỊ CAO CHUNG HỌ: HỌ
KHAN, HỌ ĐAM, SỪNG CƯỜNG
PHỔI, SUYỄN THUỐC HỌ
NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

Laboratoires
PHAM DOAN DIEM



Sáng lập
NĂM 1927

PHONG - PHO

GASTROPAN

VIÊN và BỘT

TRỊ ĐAU BAO TỬ
Ở CHUA ĐẦY HỎI

TANIGELAMIDE

TRỊ MỖI TRƯỜNG HỢP IA TA
VÀ TRUNG ĐỘC HAY MỖI KHI
ĐAU BỤNG DO TRUNG GÂY NÊN
RẤT THÍCH HỢP CHO TRẺ EM

THIERGAN

SIROP

NGỪA NỖI MẠY ĐẦY
PHÒNG NGỪA EM NHỎ
KHÔNG ĐEM, MẮT NGỦ SUYỄN HỌ

VERMIKILL

SIROP và BỘT

TRỊ LẠI ĐUA, LẠI KIM
KHỎI KIẾNG CỬ
KHÔNG CÔNG PHÁT CÔNG HIẾU

PHONG - PHO

Laboratoires
PHAM DOAN DIEM



Sáng lập
NĂM 1927

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
TINH THẦN SUY KÉM ĐÀN ÔNG CŨNG NHƯ
ĐÀN BÀ ĐÃ CÓ SẴN THUỐC BỔ THẬN

SÂM NHUNG DƯỢC TINH

HIỆU ÔNG-GIÀ

VIÊN ĐÔNG DƯỢC HÀNG

TRỮ BÁN KHẮP NƠI

115, Đường Phùng-Hưng — CHỢ-LỚN

K.N. số 674 ngày 17-1-64

Cung Chúc Tân Xuân

Tết Nguyên-đán không chỉ bằng có sẵn **Phong-tháp**
được bảnh số 38 : hiệu Tồn-tâm-Tế, ngâm rượu để trong
nhà uống 3 ngày Tết bổ gân cốt, giúp sức khỏe một năm
đầy đủ hạnh-phúc.

Tồn-Tâm-Tế, 38 Nguyễn-văn-Thịnh SAIGON

HO, Bổ-phế linh-đơn **Thụy-Lâm loại A**

TRJ : Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho đàm, ho gió
yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-đới, hoàn **Thụy-Lâm**

TRJ : Cứng đầu cơn, ngứa cửa mình, ra huyết trắng
(các tiệm thuốc Bắc đều có bán)

Đại-minh tê thấp hoàn

TRJ : Hay mờ mắt, nhức đầu
Tê, nhức gân xương co
rút, yếu gân xương, mơ,
vài, chạy đau đầu đó, phù thũng, sần sùi ngứa lác chảy nước vàng, nhiều đàm
nổi hờn đau lưng, đau bụng chậm tiêu, sinh hơi, hay ợ ứ rài.

Nhà thuốc **THUY-LÂM** 191 Gia-Long, Saigon

KN. số 425 ngày 25-9-63

Cung Chúc Tân Xuân

Nhà thuốc THIÊN-BẢO-ĐƯỜNG

Số : 69 đại lộ Khổng-Tử — CHỢ-LỚN

Cung Chúc Tân Xuân

Xưởng cửa máy

NAM-HUNG

190 Đại Lộ Nguyễn-văn-Học
(Cầu Bông-Ky) GIA-ĐÌNH

Bồn hăng chuyên môn mua
bán các sắc gỗ xẻ đủ cỡ để

kiến-trúc

— Bán sỉ và bán lẻ

— Giá phải chăng

ANTIMALARIA
CHÍCH VÀ VIÊN

SỐT RÉT CẤP PHÁT VÀ
KINH NIÊN SUY NHƯỢC
THIỆU MÁU DO SỐT RÉT.

CEBEVIT

MỆT MỎI, ĐAU GAN, CẢM CÚM
DUỠNG BỆNH, DUỠNG THAI
CƠ THỂ SUY YẾU.

COLD
PASTILLES

CẢM CÚM, HO, ĐAU CŨ
KHAN TIẾNG, NGẬM
THÔNG ĐÀM, THƠM MIỆNG
MÁT CỔ, TIẾNG TRỌNG

SAMVIT

MỆT LÀ THỜI KỲ DUỠNG
SỨC, DUỠNG THAI, SAU
KHI TẬP THỂ DỤC,
TRONG KỲ THI CỬ.

Laboratoires
PHAM DOAN DIEM



Sáng lập
NĂM 1927

PHONG - PHU

Hãy dùng sơn

« FALÉKOTE »

của hãng sơn **LA PHALÈNE**

Chế tạo bằng nhựa hóa-học : **Épikote** và **Silicone** do một nhóm kỹ-sư chuyên-môn nhiều năm kinh-nghiệm trong ngành sơn nghiên-cứu áp-dụng đúng công-thức Âu-Mỹ.

— **ĐẶC-TÍNH** : Chịu đựng nổi chất hóa-học (như soude và acide), thời tiết, nước mặn (nước biển).
— Ky-hỏa (ignifuge).

— **CÔNG-DỤNG** : Sơn xi-măng, hồ tắm, lon hộp đựng thức ăn, nước mắt, sườn nhà bằng sắt, nóc nhà tôle hay tráng goudron, máy móc và dụng-cụ, v.v...

— **ĐẶC BIỆT DÙNG SƠN TÀU THỦY** (peinture marine) đã được nhiều cơ-quan chính-quyền nhìn nhận : bền và tốt không kém sơn ngoại quốc.

Hãng sơn « LA PHALÈNE »

Văn-phòng : 13, Ngô-Đức-Kế — SAIGON

Đ.T. 21.304

Xưởng máy : 270 Bùi-hữu-Nghĩa — GIA-ĐÌNH

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

NHỮNG CẶP KÍNH MÀU

Tiểu thuyết của **VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG**

Tranh : **DUY-THANH**

Trình bày : **LŨ-HỒ**

GIÁ 40\$

ĐÃ PHÁT HÀNH

BÓNG ĐÊM

Truyện dài **NGÔ THẾ VINH**

Tấn thảm kịch giữa hai lớp người. Khung cảnh một đất nước nội chiến. Tâm trạng trông mong của lớp người đang tới.

Mẫu bìa Nghiêu Đề — Xuất bản Khai Trí

Mùa xuân với Nhà xuất bản **SÁNG TẠO**

Đã cho phát hành tại khắp các hiệu sách

LỚP GIÓ

Tập truyện của **DUY THANH**

Sẽ cho phát hành vào đầu xuân này ba tác phẩm :

- **THƯ SINH** kịch thơ của **Minh-Đức Hoài-Trinh**
 - **U-HOÀI** tập truyện của **Doãn-Quốc-Sỹ** (in lần thứ hai)
 - **ĐÔI CÁNH GẦY CỦA THIÊN THẦN** tập truyện của **Vĩnh-Lộc**
- Bản quý của những tác phẩm trên giá thống nhất 100đ. Xin gửi bằng thiệp phiếu mẫu số CH-1418 về cho Doãn Quốc Sỹ, trường mục. 16. 22. Chánh Trung Khu Saigon



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

DÀN BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-OT, CHẠM MOC RÀNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHÔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẦU-DƯỢC

N.N số 251 BYTIQCP/18-10-62

LE SECOURS

Công-Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo-Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-Thoại : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghỉ thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô

1.000.000\$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10\$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI

CỬ MUA VÉ SỐ

THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

Hàng B.G.I. cung chúc
THỊNH VƯỢNG — THÀNH CÔNG — HẠNH PHÚC

Tưng bừng vạn vật tươi vui lại
Cây lá xanh rờn nhuộm sắc Xuân
Chim vang nhịp vũ hoa mừng bướm
Năng rực tô hồng nét thanh tân

Cung Chúc Tân Xuân



Nâng ly cung chúc bao lời đẹp !
Nước ngọt, la-ve, tiếp ân-cần
La-ve Con Cọp trao tình mến
Nước ngọt B.G.I. ngỏ ý thân
Còn trời, còn đất, Xuân còn mãi
La-ve, Nước ngọt cũng vô ngần...

CARDIOCORINE

Thuốc giọt



DÙNG CHO NGƯỜI LỚN và TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: **YẾU TIM, SUY NHUỖC**
MỆT, MỎI, NGẤT SÚ



Viện bảo-chế **NGUYỄN-CHÍ**
Số 2, Tự-Đức Saigon

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

nhớ tìm đọc

BIỂN ĐÔNG TRONG THÀNH PHỐ CHÚNG TA

THƠ KIÊM THÂN

Gần Đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt, hay là đang
hành kinh mà đau bụng, uống:

Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt
Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »**, Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
Tết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN ».**
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **« Ông Tiên »** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3— 9-5-63)

1) CÁC CHỨNG HO Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang
tức ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HUỆT PHÁT
PHÒNG LAO THẢO** do Tang Nha chế tạo, đề mạnh Phổi lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng **AN THẦN
BƯU** trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xẩm chóng mặt,
Dùng để an thần định trí, mất gan dễ ngủ.

3) ĐẠI BỔ LƯƠNG PHỤNG TINH : Thuốc bổ cho người lao
tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt
mệt, đau lưng, bạch đới hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chơn quí Bà
dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ.**

**5) Bệnh Phong Thấp đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn
hay đồ mồ hôi tứ chi bại hoại dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa**

**6) Quí Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ứa mửa, bần thần,
mỏi mệt, thai trắng đau lưng. Quí Bà dùng : **DƯỠNG THAI BẢO
SẢN HOAN** Di An Hòa.**

**7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc lở loét ngoài da tìm thuốc
PHONG NGỨA** Di An Hòa để lọc máu giải phong.

(Có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI AN HÒA**

252-A LÊ THÁNH TÔN Saigon - BYTK em Nhận ngày 18-1-1963

CÙ-LÀ



古
邦
油

VIỆN BẢO CHẾ
NGUYỄN-CHÍ

KN 697.BYT/QCDP. 21/2/64



GLUCOCÉ TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỔ

**CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRỊ-ỐC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẦU-BƯỚC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

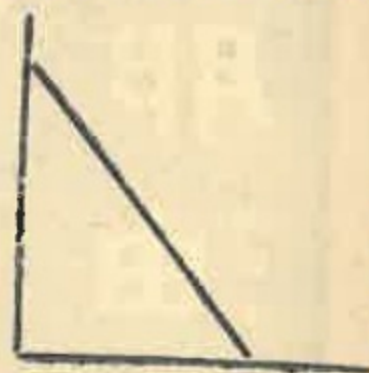


K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lăng

Chăm-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VŨ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÂN

231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

K.D. số 1524/B.T.T. 11-1-1965